

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN TƯ NGHĨA**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN TƯ NGHĨA
(1975 - 2005)**

Tháng 7 năm 2010

Chỉ đạo nội dung
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY TƯ NGHĨA

Chỉ đạo biên soạn
**NGUYỄN TIẾN PHƯỚC
NGUYỄN VĂN NHỎ
PHẠM CAO TRẬN
BÙI TÁ LUÂN
TRẦN ĐỨC THANH
HUỖNH VĂN TRẮNG**

Sưu tầm tư liệu
LÊ ĐÌNH TÔ

Biên soạn
ThS. VÕ VĂN HÀO

Lời nói đầu

Thực hiện Chỉ thị số 15 - CT/TW, ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư (khoá IX) về “Tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam” và chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, sau khi hoàn thành việc biên soạn hai cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa giai đoạn 1930-1945 và 1945- 1975, Ban Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa quyết định tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa 1975 - 2005.

Lịch sử 30 năm (1975 -2005) của Đảng bộ huyện Tư Nghĩa gắn liền với một thời kỳ lịch sử đầy những biến động to lớn diễn ra trên thế giới và trong nước. Đó là, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô rơi vào khủng hoảng và sụp đổ. Chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế lâm vào thoái trào. Nhân dân ta vừa mới thoát khỏi hai cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc nhất trong lịch sử lại phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía tây nam và biên giới phía bắc, đối phó với chiến lược “diễn biến hoà bình” và cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Đặc biệt là những khuyết điểm của mô hình kinh tế tập trung, bao cấp đã cản trở quá trình phát triển của đất nước, là nguyên nhân sâu xa làm cho nước ta, tỉnh ta, trong đó có huyện Tư Nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, quân và dân huyện Tư Nghĩa đã phát huy truyền thống đoàn kết, kiên định, vững vàng, năng động, sáng tạo vượt qua khó khăn, thử thách đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương.

Việc chủ trương biên soạn và xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa 1975 - 2005 không chỉ để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện ghi nhớ các sự kiện, diễn biến quá trình Đảng bộ lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, mà quan trọng hơn là tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ suốt hơn

một phần tư thế kỷ qua, nhằm bồi đắp ý chí phấn đấu, rèn luyện bản lĩnh cách mạng, một lòng, một dạ phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh. Cuốn sách sẽ là một tài liệu quý trong công tác giáo dục truyền thống, giúp cho các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, nhất là thế hệ trẻ tự hào về quá khứ hào hùng của quê hương, nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mỗi người đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ các thành quả cách mạng mà các thế hệ cha anh đã phải đổ biết bao công sức mới tạo dựng được.

Đến nay việc nghiên cứu, biên soạn cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa 1975 - 2005 đã hoàn thành.

Kết quả của công trình này là sự kết tinh trí tuệ của tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện qua các thời kỳ cách mạng, là sự kế thừa, nối tiếp của hai cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1930-1945 và 1945-1975 đã xuất bản trong những năm trước đây.

Nội dung cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa 1975 - 2005* gồm 2 phần, 7 chương, phần kết luận và phụ lục.

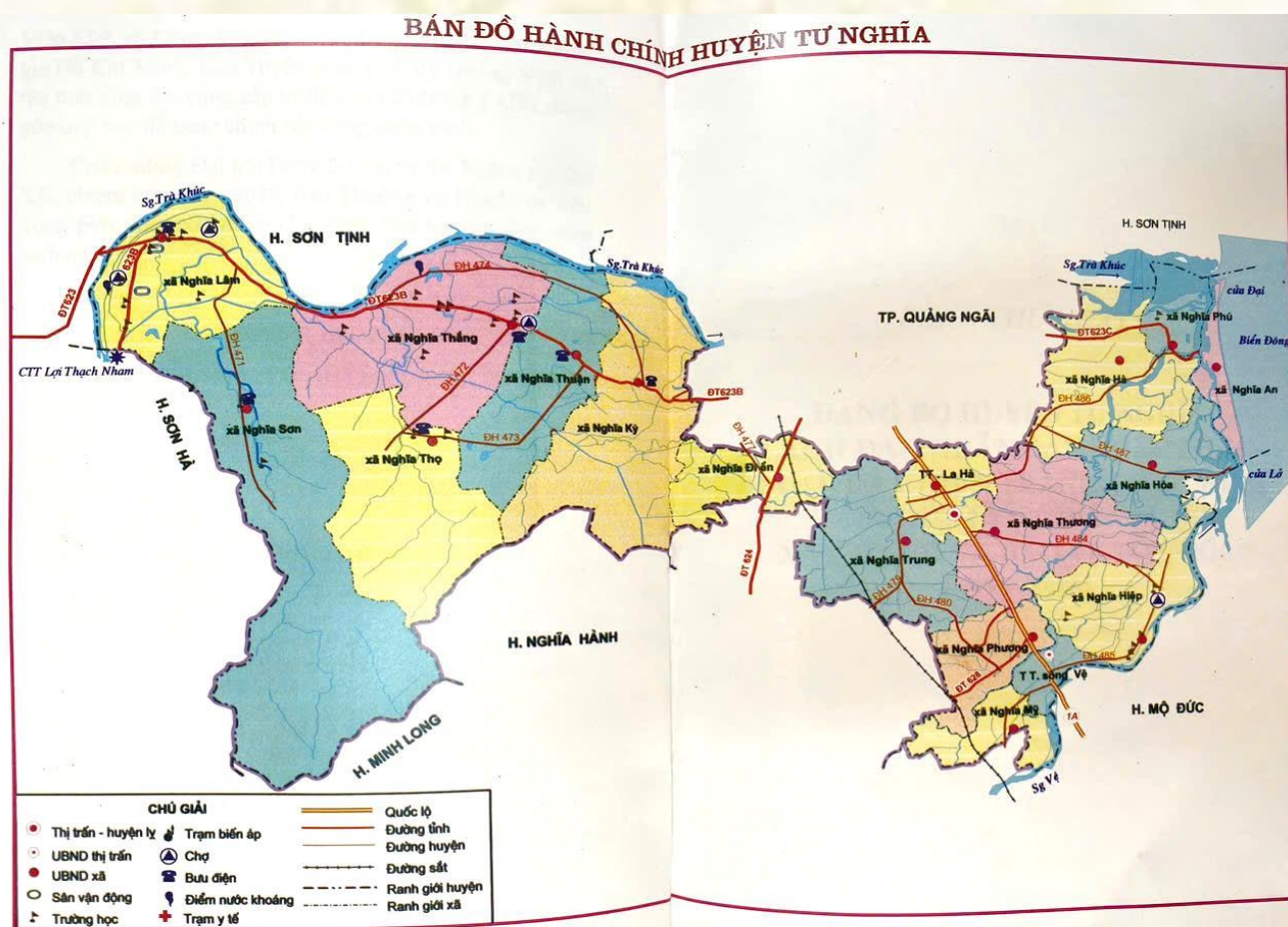
Trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo sâu sát từ việc biên soạn đề cương, sưu tầm, thu thập tài liệu, tư liệu, xác minh, đánh giá những sự kiện lịch sử quan trọng, đến việc tổ chức các cuộc tọa đàm góp ý nội dung cuốn sách. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, nhưng giai đoạn lịch sử 1975 - 2005 còn nhiều vấn đề chưa được tổng kết và đang nối tiếp trong thực tiễn. Do đó, cuốn sách sẽ không tránh khỏi hạn chế, thiếu sót về nội dung và phương pháp thể hiện. Ban Thường vụ Huyện ủy rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân để lần xuất bản sau được sửa đổi, bổ sung đầy đủ hơn.

Nhân dịp cuốn sách được hoàn thành và xuất bản, Ban Thường vụ Huyện ủy chân thành cảm ơn đồng chí Nguyễn Thanh Tâm nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nguyên Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện qua các thời kỳ cách mạng, cảm ơn PGS.TS Nguyễn Thanh Tâm - nguyên Viện phó Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tận tình giúp đỡ, cung cấp tư liệu và có những ý kiến đóng góp quý báu để hoàn chỉnh nội dung cuốn sách.

Chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010 - 2015, Ban Thường vụ Huyện ủy trân trọng giới thiệu với đồng chí, đồng bào và bạn đọc cuốn sách này.

Tháng 7 năm 2010

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY TƯ NGHĨA



PHẦN THỨ NHẤT

**ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU
QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY
DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1985)**

CHƯƠNG I

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (4-1975-12-1975)

1. Huyện Tư Nghĩa sau ngày giải phóng

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã làm nên chiến thắng vĩ đại - Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với sự kiện lịch sử trọng đại này, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân ta sau 30 năm đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong cả nước. Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa bước vào thực hiện nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức.

Ngay sau ngày giải phóng, lực lượng cách mạng đã chiếm lĩnh, tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất, phương tiện của chế độ cũ, chính quyền cách mạng được thiết lập đến tận cơ sở. Mọi tổ chức công khai của địch bị xoá bỏ. Hầu hết quân, nhân viên nguy quyền, các đảng phái phản động đều tan rã, đầu hàng, ra trình diện chính quyền cách mạng.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 tạo ra động lực tinh thần vô cùng to lớn, động viên Đảng bộ và nhân dân toàn huyện thực hiện nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn cách mạng mới là thi hành chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh.

Đảng bộ huyện Tư Nghĩa có truyền thống anh hùng, được thử thách, rèn luyện, trưởng thành trong các thời kỳ cách mạng. Sau chiến thắng năm 1975, Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiến hành các phong trào hành động cách mạng thực hiện mục tiêu: “Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa

xã hội, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân”, với một số thuận lợi cơ bản.

Tư Nghĩa là huyện có diện tích đất tự nhiên tương đối rộng so với các huyện đồng bằng trong tỉnh, có đông dân cư, liền kề với thị xã Quảng Ngãi - trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh. Địa hình đa dạng, phong phú, đất đai khá màu mỡ, có tiềm năng, thế mạnh phát triển toàn diện tất cả các ngành, nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Hệ thống các sông, suối rất thuận lợi cho phát triển thủy lợi, chủ động giải quyết được nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài hai con sông lớn là sông Trà Khúc và Sông Vệ, trên địa bàn huyện còn có các sông, suối nhỏ, như sông Cầu Phủ, sông Cùng, sông Phú Thọ, sông Bàu Giang, sông Cây Bứa, sông Cầu Cát, sông La Hà, các suối như suối Tó, suối Đá Sơn, kênh Tư Nghĩa.

Thuận lợi cơ bản nhất là nhân dân Tư Nghĩa có truyền thống anh hùng, bất khuất trong chiến đấu, cần cù thông minh, sáng tạo trong lao động, sản xuất; Đảng bộ huyện được rèn luyện và trưởng thành hơn. Những yếu tố đó lại được cổ vũ bởi niềm lạc quan, phấn khởi, tạo nên khí thế mới, quyết tâm mới trong sự nghiệp xây dựng lại quê hương.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa bước vào giai đoạn cách mạng mới phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ. Hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề. Nhiều vùng nông thôn bị bom đạn địch tàn phá, ruộng đất hoang hoá, nhà cửa, cầu cống, đường sá, các công trình thủy lợi bị hư hỏng. Cùng một lúc huyện phải đưa hàng vạn dân trong các khu dồn trở về quê cũ, riêng khu dồn Bàu Giang - Đá Chẽ có trên 60.000 người, trong khi phương tiện vận chuyển, lương thực, thực phẩm thiếu thốn. Khi trở về quê hương, nhà cửa, ruộng vườn, các phương tiện sinh sống bị bom đạn đế quốc Mỹ hủy diệt, đời sống hết sức khó khăn.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện hết sức phức tạp. Mặc dù bộ máy chế độ cũ tan rã, hầu hết nguy quân, nhân viên nguy quyền đều ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng, được giáo dục, cải tạo, nhưng còn một số phần tử ngoan cố vẫn trốn tránh không ra đăng ký trình diện, nuôi ảo tưởng khôi phục chính quyền cũ, thậm chí có tên tiến hành các vụ bạo động chống chính quyền hoặc phao tin thất thiệt gây tâm trạng trong dư luận xã hội. Một số những người tham gia chế độ cũ bị các phần tử phản động ngoan cố khống chế, lôi kéo không ra đăng ký trình diện, tập hợp lực lượng tiếp tục chống phá chính quyền cách mạng, gây mất an ninh, trật tự ở Nghĩa Hòa, Nghĩa Đông. Ở các xã giáp với thị xã Quảng Ngãi, các thị trấn, thị tứ tập trung đông dân cư như Sông Vệ, Thu Xà, các băng nhóm tội phạm vẫn lén lút trộm cắp, cướp giật ...

Đến cuối năm 1975, chính quyền cách mạng xác nhận có 9.064 người tham gia chế độ cũ ra đăng ký trình diện giao nộp vũ khí cho chính quyền cách mạng, trong đó quân 4.650 người, nguy quyền 1.148 người và hàng nghìn đảng viên các đảng phái phản động như Quốc dân đảng, đảng Dân chủ¹, đảng Đại Việt, đảng Nhân xã, đảng Cấp tiến, Thanh niên quốc gia v.v... Ngoài 159 tên thuộc loại nguy hiểm phải đưa về tỉnh để giáo dục, cải tạo, hầu hết những người tham gia chế độ cũ đã được chính quyền cách mạng giáo dục, cải tạo tại chỗ từ 10 ngày đến 3 tháng, sau đó được phục hồi đầy đủ quyền công dân và trở về địa phương.

Tuy tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân có tư tưởng và tâm trạng phấn khởi, tin tưởng vào chế độ mới, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, nhưng trong một bộ phận dân cư có người tham gia chế độ cũ còn hoang mang, lo sợ bị chính quyền cách mạng trả thù. Nhiều người xì xầm, bàn tán cho rằng: Nợ máu phải trả bằng máu, nợ tiền phải trả bằng tiền. Trong thực tế, có một số người dân đến nhà

¹ Riêng đảng Dân chủ trước giải phóng, toàn huyện có 4.000 đảng viên, có Ban Chấp hành Đảng bộ. Nhiều đảng viên đảng Dân chủ nằm trong bộ máy nguy quyền từ huyện đến các thôn, xã.

những tên ác ôn có nợ máu đòi trả thù hoặc đòi vàng, bạc bị chúng cướp bóc trước đây. Một số hộ khá giả lo sợ chính quyền cách mạng tịch thu của cải, nên tìm cách tẩu tán. Thêm vào đó, một bộ phận nguy quân, nhân viên nguy quyền, các đảng phái, bọn phản động đội lốt tôn giáo tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, chính sách của chính quyền cách mạng. Tình hình đó tác động không nhỏ đến quá trình khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân sau giải phóng.

Khó khăn lớn nhất là cách mạng đã chuyển từ chiến tranh sang hoà bình xây dựng đất nước, nhưng đội ngũ cán bộ lại không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới cả về kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Một số cán bộ, đảng viên lại chủ quan, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của địch, sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, lo vun vén cá nhân, đòi quyền lợi, bao che, dung túng các phần tử phản động không ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng v.v...

2. Từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống

Thuận lợi và khó khăn đan xen, tác động lẫn nhau đặt ra cho Đảng bộ nhiều nhiệm vụ phải khẩn trương giải quyết đồng bộ ngay sau giải phóng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện, ngày 5-4- 1975 Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Tư Nghĩa đề ra chương trình công tác gồm 11 điểm, với những nội dung cơ bản là: Tổ chức sinh hoạt sâu rộng trong cán bộ và nhân dân tuyên truyền ý nghĩa thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương mùa xuân năm 1975; học tập những điều quy ước nông thôn, giáo dục nhân dân tinh thần trách nhiệm bảo vệ chính quyền cách mạng. Trên cơ sở đó các cấp uỷ, chính quyền phát động phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đóng góp sức người, sức của, giữ vững thành quả cách mạng. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện cho các chiến trường, góp phần cùng cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Xoá bỏ toàn bộ hệ thống chính quyền của địch, phát động nhân dân tố

giác bọn ác ôn không ra đầu hàng, không nộp vũ khí, tài liệu cho chính quyền cách mạng. Trừng trị bọn lưu manh, cao bồi lợi dụng tình hình mới giải phóng cướp bóc tài sản của nhân dân, của cách mạng. Tổ chức các đội tuần tra, các trạm kiểm soát công khai để ngăn ngừa kẻ gian, truy bắt bọn phản cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Khẩn trương khôi phục và phát triển kinh tế, chủ yếu là sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, các ngành nghề thủ công để giải quyết hậu cần tại chỗ và góp phần đóng góp cho Trung ương. Khôi phục, củng cố các thị trấn, khuyến khích thương gia mở rộng chợ quán, buôn bán giữa đồng bằng và miền núi, vận động các nhà tư sản nhập hàng hoá, nhiên liệu phục vụ sản xuất, chiến đấu. Từng bước bình ổn giá cả thị trường, hạn chế dần hàng ngoại hoá, hàng xa xỉ không cần thiết. Khôi phục các tuyến giao thông đường bộ, củng cố các đội ghe thuyền, tàu bè các bến đò ngang, đò dọc. Tổ chức các phương tiện giao thông thành các tổ, đội, giao nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá. Phát động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng Quỹ nuôi quân, Quỹ nuôi cán bộ và du kích, lạc quyền ủng hộ bộ đội, thương binh. Đồng thời có kế hoạch chuẩn bị kho tàng cất giấu lương thực an toàn, chu đáo. Hoàn thành năm học 1974-1975, từng bước thay đổi sách giáo khoa và chương trình giảng dạy. Phát động phong trào vệ sinh phòng dịch, ăn đũa hai đầu, ăn chín, uống sôi. Củng cố trạm xá, lập túi thuốc xã, thôn, phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc. Tổ chức đại hội đoàn kết hòa giải, hòa hợp dân tộc, xoá bỏ hận thù, tập trung cao nhất cho đoàn tụ gia đình, xây dựng quê hương. Tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân biết ơn liệt sỹ, thương binh. Xây dựng nghĩa trang liệt sỹ, làm tốt công tác khen thưởng. Củng cố hệ thống thông tin liên lạc thông suốt, bảo quản tài liệu mật. Khẩn trương bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Ngày 15-4-1975, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 (mở rộng) đề ra một số nhiệm vụ cụ thể nhằm ổn định tình hình sau giải phóng. Hội nghị yêu cầu các

cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể tập trung phát động phong trào quần chúng tích cực khắc phục hậu quả chiến tranh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, ổn định đời sống nhân dân, vận động những người tham gia chế độ cũ ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng, giao nộp tài liệu, vũ khí, phát hiện, truy bắt những tên ác ôn có nợ máu với nhân dân còn lẩn trốn.

Quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Tư Nghĩa xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm cấp bách trước mắt là tập trung trấn áp bọn phản động, tổ chức cho những người tham gia chế độ cũ học tập, cải tạo để trở về đoàn tụ với gia đình, trở thành công dân của nước Việt Nam thống nhất. Huyện ủy cũng chỉ đạo Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện tiếp tục thực hiện 11 nhiệm vụ trong chương trình công tác được đề ra sau giải phóng. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện, các ngành quân sự và công an dựa vào quần chúng phát hiện, kêu gọi binh lính, nhân viên nguy quyền, các phần tử tham gia các đảng phái phản động ra đăng ký trình diện, nộp vũ khí, tài liệu. Trên cơ sở lời khai và hồ sơ mà ta nắm được, các cơ quan chức năng phân loại, thanh lọc đối tượng để tập trung giáo dục, cải tạo. Kết quả đến cuối năm 1975, phần lớn những người tham gia chế độ cũ được tập trung giáo dục, cải tạo, được khôi phục đầy đủ quyền công dân, trở về địa phương đoàn tụ với gia đình. Những tên thuộc loại nguy hiểm phải tiếp tục học tập, cải tạo. Nhờ kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng đi đối với thực hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước, nên tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện đi dần vào thế ổn định, quần chúng nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Những người tham gia chế độ cũ và gia đình họ giải toả được tâm lý hoang mang, lo sợ bị chính quyền cách mạng bắt bớ, trả thù.

Tuy vậy, quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác trấn áp bọn phản động, một số địa phương, cơ sở vẫn có những thiếu sót. Một số cán bộ, đảng viên do chưa nắm vững chính sách nhân đạo khoan hồng, hòa giải,

hòa hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với những người tham gia chế độ cũ, thiếu kiên quyết kịp thời, sâu sát trong công tác truy quét, quản lý các đối tượng ra hàng hoặc đăng ký ra trình diện, nên đã bỏ sót một số đối tượng nguy hiểm cầm đầu các đảng phái, bọn phản động đội lốt tôn giáo. Một số nhân viên an ninh xã có biểu hiện bao che, thiếu công tâm, khách quan trọng phân loại đối tượng để giáo dục, cải tạo, gây dư luận không tốt trong quần chúng. Việc thu hồi, bảo quản tài liệu do địch để lại có nơi sử dụng tùy tiện, làm mất mát, thậm chí có xã còn thiêu hủy nhiều tài liệu quan trọng. Một số phần tử nguy quân, nhân viên nguy quyền, các đảng phái phản động không chịu ra đăng ký trình diện, nộp vũ khí, tài liệu, tiếp tục chống đối chính quyền cách mạng, gây rối trật tự trị an. Hành vi của chúng là dùng súng, lựu đạn ban đêm lén vào nhà dân đe dọa, cướp tài sản, cắt dây điện thoại, rải truyền đơn xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước, viết thư nặc danh, bôi nhọ danh dự cán bộ, đảng viên. Một số tên còn manh động tổ chức ám sát cán bộ, ném lựu đạn gây thương vong nhiều người. Các băng nhóm tội phạm giả mạo giấy tờ để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản công dân, tài sản nhà nước. Những hoạt động đó là những hành vi gây nguy hiểm cho tính mạng của nhân dân, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Do đó, những tháng cuối năm 1975 các ngành chức năng của huyện phối hợp nhiều biện pháp ngăn chặn xử lý, bắt giữ 41 tên tội phạm nguyên là nguy quân, 16 tên nguyên là nhân viên nguy quyền, trong đó có những tên từng làm phó bí thư quận bộ Quốc dân đảng, xã trưởng, chủ tịch đảng Dân chủ có hành vi chống phá chính quyền cách mạng.

Đồng thời với trấn áp bọn phản cách mạng, vấn đề xây dựng, củng cố chính quyền các cấp được đặt ra hết sức cấp bách. Những ngày đầu sau giải phóng, một mặt Đảng bộ phân công cán bộ tiếp quản, quản lý hành chính các cấp từ huyện đến cơ sở, mặt khác khẩn trương hoàn tất công tác chuẩn bị để tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân cách mạng cấp xã, thị trấn vào cuối tháng 12-1975. Nhờ sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ các biện pháp

xây dựng. củng cố chính quyền, nên hệ thống quản lý nhà nước từ huyện đến cơ sở nhanh chóng được hình thành và đi vào hoạt động. Huyện tiến hành sát nhập một số xã được tách ra trong chiến tranh, như sát nhập thôn Đá Sơn vào xã Nghĩa Lâm; xã Nghĩa Thuận và thôn Phú Thọ vào xã Nghĩa Thắng; thôn Tân Mỹ vào xã Nghĩa An, bàn giao thôn Bàu Sơn cho huyện Sơn Hà quản lý. Như vậy, đến cuối năm 1975 huyện Tư Nghĩa có 11 xã, 61 thôn, với 21.015 hộ, 118.119 khẩu.

Sau một thời gian chuẩn bị, cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cách mạng cấp xã được tổ chức thành công. Cuộc bầu cử được tổ chức thành 3 đợt. Đợt 1, tổ chức ngày 21-12-1975 tại xã Nghĩa Phương. Sau đó Huyện ủy rút kinh nghiệm, tổ chức tiếp hai đợt bầu cử ở tất cả các xã trong huyện. Tuy còn một số thiếu sót, khuyết điểm, nhưng cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cách mạng cấp xã là một thắng lợi lớn về chính trị, biểu thị hùng hồn ý chí và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân trong huyện đối với việc xây dựng chính quyền cách mạng của dân, do dân, vì dân.

Trong thời gian đầu sau giải phóng, tuy bộ máy chính quyền được lập ra để thực hiện chức năng quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng việc duy trì trật tự trị an, trấn áp bọn phản động vẫn dựa vào các lực lượng vũ trang. Do đó, ngoài việc tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kiểm tra, giám sát việc tiếp quản, giữ gìn các tài sản, cơ sở vật chất do chế độ cũ để lại, Huyện ủy chỉ đạo các ngành quân sự và công an huyện tập trung huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, rà phá bom mìn, đạn pháo chưa nổ, củng cố, sắp xếp lại tổ chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Từ cuối tháng 3 đến tháng 12-1975, huyện tổ chức 2 đợt tập huấn ngắn hạn nâng cao trình độ lãnh đạo chỉ huy cho tất cả cán bộ cấp trung đội và xã, thôn đội; tổ chức 3 lớp nghiệp vụ rà phá bom, mìn. Đến tháng 6-1975, các lực lượng công binh, quân giới, các đơn vị bộ đội địa phương rà phá, tháo gỡ, thu gom hàng nghìn quả bom mìn, đạn pháo chưa nổ. Chỉ riêng xung quanh đồn Hào Hải, xã Nghĩa Hiệp, trên diện tích chưa đầy 1 mẫu đất, ta phải dùng 153 kg

thuốc nổ TNT, 312 kíp thường, 92 mét dây cháy chậm để phá, gỡ 250 quả mìn các loại. Năm 1975, quân và dân toàn huyện tháo gỡ bom mìn, thu dọn dây thép gai, giải phóng hơn 3.500 ha đất sản xuất. Về công tác tổ chức trong lực lượng vũ trang, Huyện ủy chỉ đạo tiến hành rà soát lại quân số, phân loại từng đồng chí. Những đồng chí sức khỏe yếu được đơn vị tạo điều kiện cho chuyển ngành hoặc phục viên trở về địa phương. Những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có triển vọng phục vụ lâu dài trong quân đội được cử đi học các trường, lớp ở tỉnh và Trung ương. Huyện quyết định giải tán đơn vị C14, sát nhập B172 vào đơn vị C65, tăng thêm quân số du kích an ninh xã, thôn.

Sau khi sắp xếp tổ chức, Huyện đội Tư Nghĩa có huyện bộ và 2 đại đội là C65 và C75, với quân số 168 đồng chí, trong đó có 33 nữ. Du kích xã có 155 đồng chí. Du kích thôn có 335 đồng chí. An ninh xã có 101 đồng chí. An ninh thôn có 255 đồng chí. Chủ trương giải thể, sát nhập một số đơn vị lực lượng vũ trang, sắp xếp, giải quyết cho một số cán bộ, chiến sỹ phục viên, chuyển ngành, tuy tình giảm được quân số, đầu mối chỉ huy, song ít nhiều có ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của một số cán bộ, chiến sỹ.

Ngày 29-9-1975, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 24 (khoá III) ra Nghị quyết: “Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết nêu rõ: “Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội”.²

Để quán triệt và tổ chức thực hiện những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 24, ngày 15-11-1975, Huyện ủy tổ chức hội nghị mở rộng xác định một số nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trước mắt. Trong đó, nhiệm vụ khôi

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, N.x.b. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 36, trang 397.

phục sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp là một trong những nội dung cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm giải quyết tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm, công cụ, phương tiện sản xuất cho hàng vạn dân từ các khu dồn trở về quê cũ. Sau hội nghị, ngày 17-11-1975 Ban Thường vụ Huyện Ủy ban hành Chỉ thị số 23/CT-HU chỉ đạo thực hiện một số công tác trước mắt là: Tập trung ổn định tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đập tan những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và các hành động chống đối của bọn phản cách mạng, truy bắt bọn lưu manh, trộm cắp. Mở đại hội bộ lão bàn việc nước. Phát động toàn dân, nòng cốt là thanh niên, học sinh ra quân khai hoang, phục hóa, tập trung vào những nơi trọng yếu như Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ. Huyện ủy chỉ đạo các địa phương tổ chức phân phối 80 tấn gạo của tỉnh cứu trợ, tiếp nhận 20 con trâu - quà tặng của tỉnh Nghệ An kết nghĩa, vận động những hộ khá giả giúp đỡ hộ khó khăn lương thực, thực phẩm, quần áo, xây dựng lại nhà cửa. Với nhiều biện pháp đồng bộ, cấp ủy, chính quyền các địa phương trong huyện đã tạo điều kiện cho nhân dân từ các khu dồn, áp chiến lược trở về quê cũ vượt qua khó khăn, thiếu thốn, dần dần ổn định cuộc sống.

Trước giải phóng, ruộng đất ở vùng giải phóng cũ phần lớn bị hoang hoá, hoặc bị bom đạn địch tàn phá, ruộng đất vùng tạm bị chiếm nhỏ lẻ, manh mún. Nhiều hộ dân không có ruộng đất phải làm thuê, làm rế. Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Nhà nước, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp thống kê lại ruộng đất, thu hồi ruộng đất vắng chủ, vận động trung nông hiến ruộng, điều tra nhân, hộ khẩu làm cơ sở để chia ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất cho nhân dân. Đối với huyện Tư Nghĩa, vấn đề ruộng đất rất phức tạp. Sau năm 1945, ruộng đất của địa chủ phong kiến đều bị chính quyền cách mạng tịch thu hoặc buộc phải giao nộp để chia cho nông dân. Nhưng từ năm 1954 đến năm 1975 những thành quả về cách mạng ruộng đất đã bị chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ xoá bỏ. Toàn bộ ruộng đất của nông dân đều bị chúng tước đoạt. Năm 1965, các xã

Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm, thôn Phú Sơn, Xuân Phổ (Nghĩa Kỳ), Tân Mỹ (Nghĩa An) được giải phóng, ruộng đất được chính quyền cách mạng chia cho nông dân. Các xã còn lại trong vùng địch tạm chiếm, ruộng đất phân tán, người nghèo không có ruộng. Đến cuối năm 1975, huyện hoàn thành việc thông kê, phân loại nguồn gốc, số lượng, hình thức sở hữu ruộng đất. Trên cơ sở đó, huyện phân chia cho các hộ nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng, trong đó có cả những hộ từng có người tham gia chế độ cũ. Việc phân chia ruộng đất cho người nghèo, người không có ruộng hoặc thiếu ruộng đất là một trong những nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Chỉ trong một thời gian ngắn sau giải phóng, Huyện ủy Tư Nghĩa chỉ đạo, lãnh đạo hoàn thành bước đầu nhiệm vụ đó, thực sự mang lại niềm phấn khởi, tin tưởng cho nhân dân. Đa số nông dân Tư Nghĩa bao đời chịu cảnh “ăn vay, cày rẫy”, nay được làm chủ trên mảnh ruộng của mình hết sức biết ơn Đảng, chính quyền cách mạng. Những người tham gia chế độ cũ chẳng những không bị cách mạng trả thù mà còn được chia ruộng như tất cả mọi nông dân khác càng tin tưởng chế độ mới do Đảng ta lãnh đạo.

Khôi phục sản xuất nông nghiệp không chỉ là việc đưa dân từ các khu dồn trở về quê cũ, chia ruộng, điều chỉnh ruộng đất mà quan trọng hơn là tập hợp, vận động nhân dân khai hoang vỡ hoá, khôi phục và xây dựng hệ thống thủy lợi, điều hoà dân cư giữa các vùng trong huyện... Đến cuối năm 1975, Đảng bộ vận động nhân dân các xã, thị trấn, lực lượng vũ trang, thanh niên, học sinh trung học... khai hoang được 500 ha, tập trung chủ yếu ở các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ, trong đó có 237 ha đất ruộng, 263 ha đất đồi, gò; khôi phục được 5 bờ xe nước, 10.353 ao, giếng, 42 hồ, đập lớn nhỏ; làm mới đập 19-5 (xã Nghĩa Lâm) có năng lực tưới 400 ha, khôi phục các kênh Tư Nghĩa (23,5 km) tưới 3.000 ha, kênh Ba La (8,8 km), kênh An Chỉ (13 km), đập sông Văn, đê ngăn lũ xã Nghĩa Kỳ³...

³ Kênh An Chỉ thuộc huyện Nghĩa Hành có bờ cừ ngăn Sông Vệ cao 2,3 m, tưới 265ha đất các xã phía Nam huyện Tư Nghĩa.

Đến cuối năm 1975, sản xuất ngư nghiệp cơ bản được khôi phục. Toàn huyện có 1.212 hộ gia đình chuyên đánh bắt, chế biến hải sản, với 385 tàu thuyền gắn máy, 882 thuyền không gắn máy, năng lực đánh bắt khoảng 10.000 tấn/năm.

Các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp các dịch vụ gia công, sửa chữa cũng trở lại hoạt động bình thường. Toàn huyện có 53 lò gạch, ngói, 23 lò rèn, 83 lò vôi, 3 xưởng sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, 5 xưởng mộc và hàng chục cơ sở sửa chữa dân dụng khác.

Là một huyện nằm ở trung tâm của tỉnh, huyện Tư Nghĩa có quốc lộ 1A, đường sắt bắc - nam đi qua, có 2 con sông lớn: Sông Trà Khúc và Sông Vệ, 2 cửa biển Cổ Luỹ, Cửa Lở, 6 tuyến đường liên huyện, liên xã... Tất cả các yếu tố đó tạo cho huyện Tư Nghĩa có điều kiện thuận lợi để xây dựng hệ thống giao thông phục vụ sản xuất và đời sống. Sau giải phóng, Đảng bộ phát động và tổ chức nhiều đợt ra quân khôi phục hệ thống giao thông. Hàng chục vạn ngày công của nhân dân và các phương tiện cơ giới được huy động để đào đắp, lu, đầm mặt đường, sửa chữa cầu cống.... Đến cuối năm 1975, tuy các tuyến đường chỉ mới được làm bằng đất, cầu cống tạm bợ, nhưng đều thông suốt, tạo thuận lợi cho nhân dân đi lại và lưu thông hàng giữa các vùng, miền.

Trong lĩnh vực tài chính, thương nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo các ngành chức năng tổ chức tiếp quản, kiểm kê, quản lý tài sản do địch để lại, đồng thời động viên nhân dân đóng góp tiền, lương thực cho Nhà nước nhằm giải quyết các nhu cầu trước mắt của nhân dân. Năm 1975, nhân dân trong huyện đóng góp được 25.826.940 đồng, 181.094 kg lúa, 64.899 kg gạo. Ngành thương nghiệp xây dựng và đưa vào sử dụng 3 cửa hàng bán gạo, 1 cửa hàng bách hoá, 1 cửa hàng vật tư, 10 đại lý xăng dầu, 5 đại lý phân hoá học, 18 chợ... từng bước chủ động phân phối các loại hàng hoá thiết yếu, hạn chế việc đầu cơ, lũng đoạn thị trường của tư thương.

Ngày 21-9-1975, Hội đồng Chính phủ Cách mạng I thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam họp phiên đặc biệt quyết định thu đổi tiền “chính quyền Sài Gòn” cũ, phát hành tiền ngân hàng quốc gia Việt Nam. Đồng thời tiến hành các biện pháp quản lý kinh tế - tài chính nhằm xây dựng một nền tiền tệ độc lập, tự chủ của chính quyền cách mạng, tích cực khắc phục hậu quả nạn lạm phát tiền tệ do địch để lại. Thực hiện chủ trương trên, trong 3 ngày từ 22-9 đến 24-9-1975 huyện Tư Nghĩa hoàn thành thắng lợi việc thu đổi tiền của chế độ cũ, phát hành tiền mới.

Đồng thời với tập trung lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ huyện hết sức quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động văn hoá, xã hội, tổ chức các đợt truy quét văn hoá phẩm đồi trụy, phản động, xoá bỏ tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, xây dựng nền văn hoá cách mạng lành mạnh, tiến bộ. Hầu hết các xã đều xây dựng được đội văn nghệ. Thanh, thiếu niên, nhi đồng ở các thôn được tập hát, múa, tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, hát các ca khúc cách mạng.

Ngành giáo dục huyện tiếp quản toàn bộ hệ thống giáo dục do chế độ cũ để lại, tiếp tục duy trì việc dạy học, hoàn thành năm học 1974-1975. Thực hiện Chỉ thị ngày 17-6-1975 của Ban Bí thư Trung ương về công tác giáo dục ở miền Nam sau giải phóng, Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn thành việc công lập hoá toàn bộ hệ thống giáo dục trên địa bàn huyện, tiến hành thẩm tra, thanh lọc những phần tử xấu, sử dụng lại phần lớn đội ngũ giáo viên của chế độ cũ, và mở các lớp bồi dưỡng chính trị cho đội ngũ giáo viên. Huyện cũng đầu tư, củng cố, xây dựng mới một số trường lớp học, nhất là vùng giải phóng cũ như Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng. Tiếp nhận các thầy, cô giáo từ miền Bắc vào tăng cường dạy học. Được sự giúp đỡ của tỉnh, huyện tổ chức đào tạo 3 khoá sư phạm ngắn ngày để bổ sung đội ngũ giáo viên cho các trường trong huyện. Nhờ sự nỗ lực của các ngành, các cấp, năm học

1975 - 1976 hệ thống giáo dục cách mạng đã hoàn toàn thay thế hệ thống giáo dục của chế độ cũ.

Hệ thống giáo dục mới có đủ 3 cấp học, trong đó cấp 1 có 60 trường, 471 giáo viên, 22.624 học sinh, cấp 2 có 4 trường, 60 giáo viên, 3858 học sinh, cấp 3 có 1 trường, 18 giáo viên, 811 học sinh. Ngoài các cấp học phổ thông, huyện phát động toàn dân tham gia các lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hoá. Năm 1975, toàn huyện mở được 75 lớp bình dân học vụ, với 1.993 người theo học. Trường Bổ túc công nông của huyện mở 4 lớp, từ lớp 1 đến lớp 4 cho 206 cán bộ theo học.

Ngành y tế tiếp quản, sử dụng các cơ sở khám, chữa bệnh và đội ngũ nhân viên y tế của chế độ cũ, xây dựng thêm các trạm y tế ở một số xã, tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cấp tốc cho hơn 100 cán bộ y tế thôn. Năm 1975, ngành y tế huyện hoàn thành tốt công tác khám, chữa bệnh và điều trị bệnh cho nhân dân, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng dịch, hướng dẫn nhân dân thực hiện ăn, ở hợp vệ sinh...

Nhận thức đúng dẫn vai trò của mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong tổ chức thực hiện các phong trào hành động cách mạng, Đảng bộ huyện hết sức quan tâm, chăm lo củng cố hệ thống tổ chức, phát triển hội viên, đoàn viên của mặt trận và các đoàn thể. Đảng bộ chỉ đạo và tổ chức tiếp đón, thăm hỏi sức khỏe, động viên các anh, chị em quê Tư Nghĩa bị địch bắt, giam cầm ở các nhà tù trong và ngoài tỉnh trở về quê hương sau giải phóng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể ở huyện đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là tập trung tuyên truyền, vận động quần chúng sôi nổi tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống.. Nổi bật nhất là các phong trào khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, khôi phục hệ thống giao thông, xoá bỏ các tàn dư văn hoá phản động, lạc hậu của chế độ cũ. Mỗi đoàn thể, tùy điều kiện lứa tuổi, giới

tính, nghề nghiệp để có phương pháp tập hợp, giáo dục, động viên hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương. Huyện Đoàn tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhân các ngày lễ lớn, các buổi liên hoan văn nghệ, luyện tập thể dục, thể thao để tuyên truyền cho đoàn viên, thanh, thiếu niên sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại. Tổ chức ra quân làm sân vận động, làm vườn cây nhớ ơn Bác Hồ, đắp đập, nạo vét kênh mương thủy lợi, khai hoang, giúp dân làm nhà ở các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ. Năm 1975, Huyện Đoàn vận động được 706 thanh niên tham gia bộ đội, 341 thanh niên đi xây dựng các nông, lâm trường, 395 thanh niên tham gia khôi phục đường sắt bắc - nam, 142 thanh niên đi xây dựng vùng kinh tế mới ở tỉnh Gia Lai - Kon Tum... Năm 1975, Huyện Đoàn kết nạp là 311 đoàn viên, nâng tổng số đoàn viên toàn huyện lên 2.951 người.

Hội Phụ nữ huyện tích cực vận động các tầng lớp nhân dân quần góp tiền, lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội trên đường tiến về giải phóng Sài Gòn; động viên mọi gia đình tham gia các phong trào hành động cách mạng địa phương; vận động chị em có chồng, con tham gia chế độ cũ thuyết phục họ ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng, tích cực học tập, cải tạo để sớm trở về đoàn tụ với gia đình. Trong điều kiện còn rất khó khăn, nhưng năm 1975 Hội Phụ nữ huyện cử được 37 chị đi đào tạo công tác phụ vận ở tỉnh, 439 chị dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác phụ vận ở huyện, phát triển 6.252 hội viên mới, nâng tổng số hội viên toàn huyện lên 7.044 chị.

Hội nông dân huyện phối hợp với chính quyền thống kê, phân loại, hoàn thành việc chia cấp, điều chỉnh ruộng đất cho những hộ không có ruộng hoặc thiếu ruộng, góp phần khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Với hàng ngàn hội viên làm nòng cốt, Hội vận động, tổ chức cho nông dân trong huyện ra quân làm giao thông, thủy lợi, khai hoang. Năm 1975, Hội phát triển

thêm được 3.748 hội viên, nâng tổng số hội viên lên 5.281 người, tổ chức 3 lớp bồi dưỡng cán bộ hội với 129 hội viên tham gia.

Sau giải phóng Công đoàn huyện được thành lập, trở thành một trong những đoàn thể quần chúng trong huyện. Do mới được thành lập, nên hoạt động của Công đoàn huyện trong năm 1975 chỉ tập trung vào xây dựng tổ chức, chuẩn bị phát triển đoàn viên. Trong năm, toàn huyện xây dựng được 4 tổ công đoàn cơ sở.

Tuy hoạt động của mặt trận và các đoàn thể đạt được một số kết quả, nhất là trong việc tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, góp phần quan trọng vào việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nhưng nhìn chung hoạt động của mặt trận và các đoàn thể mới chỉ tập trung vào việc củng cố tổ chức, phát triển hội viên, nội dung, phương thức hoạt động chưa chuyển đổi kịp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Trình độ, năng lực vận động hội viên, tổ chức các phong trào hành động cách mạng của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, tháng 1-1975 (trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước), cùng với lãnh đạo hoàn thành thắng lợi cuộc tiến công và nổi dậy giải phóng quê hương. Huyện ủy tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, nhất là tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ vào bộ máy Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp.

Ngày 30-6-1975, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chỉ thị về công tác chính trị - tư tưởng trước mắt. Chỉ thị khẳng định: Từ ngày cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, công tác chính trị - tư tưởng của Đảng bộ đã tập trung làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ thắng lợi vĩ đại đã

giành được, động viên quân và dân trong huyện thực hiện đạt được nhiều kết quả bước đầu về bảo đảm trật tự an ninh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Tuy vậy, chỉ thị cũng chỉ rõ những mặt khuyết điểm, hạn chế là: Tình hình chính trị - tư tưởng có nhiều vấn đề chưa giải quyết tốt, như cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đúng đắn nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; chấp hành chỉ thị, nghị quyết không nghiêm; ý chí và phẩm chất một số đảng viên giảm sút ... “Thực tiễn thì phức tạp mà cách nhìn của cán bộ, đảng viên ta thì đơn giản và chủ quan, chưa nhận rõ yêu cầu nội dung và biện pháp giải quyết các nhiệm vụ công tác cụ thể, trước mắt, chưa thật quán triệt tinh thần và nội dung các chủ trương, chính sách mới của Đảng, nên phạm nhiều lệch lạc, có nơi vi phạm nghiêm trọng”⁴. Để tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác chính trị - tư tưởng, Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy Đảng mở đợt sinh hoạt chính trị nội bộ, trọng tâm là làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, xây dựng ý thức chấp hành các chủ trương của Đảng, biểu dương những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác, phê phán những biểu hiện tư tưởng và hành động lệch lạc, sai trái. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy, cấp ủy các xã tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng bộ như học tập, quán triệt các chủ trương của Khu ủy và Ủy ban Mặt trận giải phóng khu Trung Trung bộ về tình hình và nhiệm vụ sau giải phóng, quán triệt nội dung bài nói chuyện ngày 20-6-1975 của đồng chí Phạm Văn Đồng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ - nhân dịp đồng chí về thăm quê hương. Tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày chiến thắng 30-4 và Quốc tế Lao động 1-5, học tập nội dung di chúc và tấm gương về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 85 năm ngày sinh của Người (19-5-1890 - 19-5- 1975), kỷ niệm 30 năm ngày Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (2-9-1945 - 2-9-1975)... Những đợt sinh

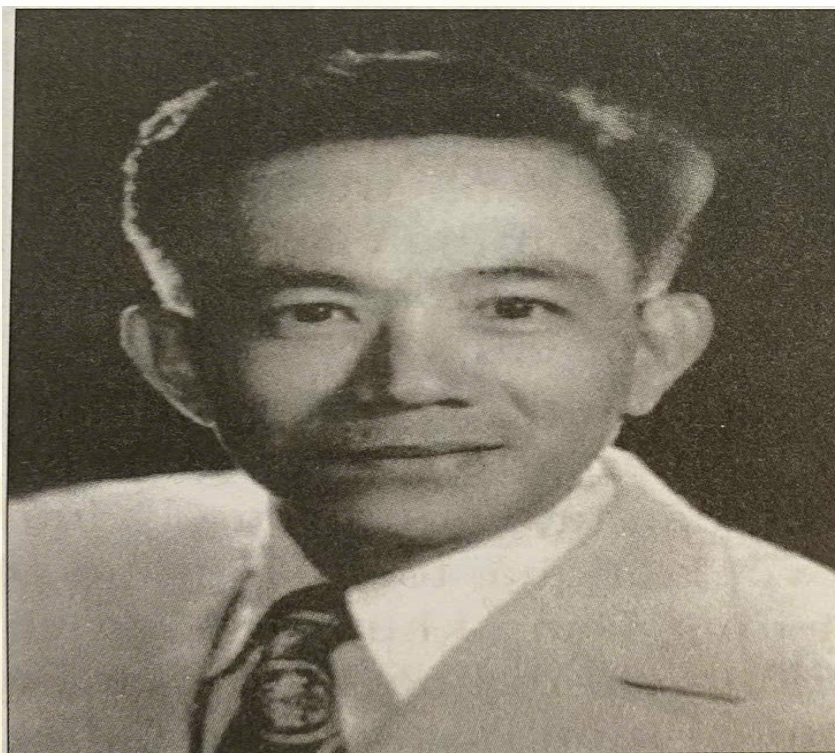
⁴ Ban Thường vụ Huyện Ủy Tư Nghĩa, Chỉ thị về công tác chính trị - tư tưởng trước mắt. (Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện Ủy Tư Nghĩa)

hoạt chính trị đó, một mặt đã biểu dương được sức mạnh, khí thế của quần chúng, tạo niềm tin tưởng, phấn khởi, mặt khác không ngừng nâng cao nhận thức, tăng cường tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, chống tư tưởng, tác phong quan liêu, say sưa với chiến thắng, lơ là mất cảnh giác khi bước vào thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Về tổ chức, Huyện ủy tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ vào các chức danh trong bộ máy Đảng, chính quyền mặt trận và hội đoàn thể các cấp. Nhìn chung, việc bố trí đội ngũ cán bộ tạo được sự đoàn kết, nhất trí cao trong Đảng bộ. Đồng thời với việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, Huyện ủy lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, qua thực tiễn chứng tỏ là người có năng lực, có uy tín trong quần chúng để cử đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả, toàn Đảng bộ có 5 đồng chí được cử đi học Trường Đảng khu, 29 đồng chí đi học Trường Đảng tỉnh, 86 đồng chí đi học Trường Đảng huyện, 25 đồng chí đi học chuyên môn ở các trường khác. Trong năm, Đảng bộ kết nạp được 29 đảng viên, tiếp nhận 120 đảng viên từ miền Bắc vào, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 582 đồng chí. Đồng thời, Đảng bộ thi hành kỷ luật 14 đồng chí, trong đó có 5 đồng chí bị khai trừ khỏi Đảng.

Tuy vậy, trong công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy chưa nhận thức đầy đủ quy mô của những đảo lộn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội sau chiến tranh, nên nội dung và phương thức lãnh đạo chưa chuyển biến kịp yêu cầu của bước chuyển giai đoạn từ chiến tranh sang hoà bình xây dựng lại quê hương. Công tác tư tưởng chính trị vẫn nặng về tuyên truyền, cổ động bằng các hình thức như mít tinh, hội họp. Công tác tổ chức và kiểm tra chưa quan tâm đến việc kiện toàn, củng cố tổ chức cơ sở Đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng, để một số phần tử xấu chui vào bộ máy chính quyền, các tổ chức quần chúng cơ sở. Các tổ chức Đảng còn bao biện làm thay các công việc của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể.

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định được hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình⁵. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình do đồng chí Lê Tấn Tỏa làm Bí thư



Đồng chí Nguyễn Hữu Tiến
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
1974 - 1976

Năm 1975 là năm có nhiều sự kiện quan trọng diễn ra trong lịch sử phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa, là năm Đảng bộ, quân và dân trong huyện cùng với toàn tỉnh, toàn miền đồng loạt nổi dậy, tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng quê hương và ngay sau đó thực hiện nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng cuộc sống mới, chế độ mới. Năm 1975 đánh dấu bước chuyển giai đoạn từ chiến tranh sang hoà bình xây dựng quê hương, đất nước, từ thực hiện nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân sang nhiệm vụ xây dựng chủ

⁵ Tỉnh Nghĩa Bình có diện tích tự nhiên 11.850 km². Dân số 1,8 triệu người. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, phía tây giáp tỉnh Gia Lai - Kon Tum, phía nam giáp tỉnh Phú Khánh, phía đông giáp biển Đông.

nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chỉ chưa đầy 10 tháng sau giải phóng, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã nhanh chóng xoá bỏ hoàn toàn chế độ áp bức, nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, trấn áp bọn phản cách mạng, phát động nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng, đạt được nhiều kết quả bước đầu trong công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Tuy vậy, do cùng một lúc phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ, lại phải tiến hành trong thời gian ngắn, nên sự lãnh đạo của Đảng bộ trên một số lĩnh vực không tránh khỏi khuyết điểm, hạn chế. Công tác truy quét tàn quân địch, trấn áp bọn phản động thiếu kiên quyết, triệt để, nên một số tên ác ôn, đầu sỏ, có nhiều nợ máu với nhân dân còn lẩn trốn, che giấu tung tích, tuyên truyền kích động tàn quân địch chống đối, gây mất trật tự an ninh ở một số nơi trong huyện. Công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân là nhiệm vụ lâu dài, có bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương, nhưng Đảng bộ chưa lường hết khó khăn, phát động quần chúng tiến hành cùng một lúc nhiều phong trào, hiệu quả chưa cao.

Dù còn có những yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong gần 10 tháng sau giải phóng, nhưng các kết quả đạt được của Đảng bộ và nhân dân trong huyện là hết sức quan trọng, tạo tiền đề và khả năng thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội trong những năm Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi cùng chung một đơn vị hành chính (1976-1981).

CHƯƠNG II

BƯỚC ĐẦU CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TÍCH CỰC GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1981)

1. Lãnh đạo ổn định tình hình sau ngày hợp nhất với thị xã Quảng Ngãi

Đầu năm 1976, huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi nhập thành một đơn vị hành chính, lấy tên là huyện Tư Nghĩa, sau đó đổi thành thị xã Quảng Nghĩa. Thị xã Quảng Nghĩa là một trong 17 huyện, thị xã của tỉnh Nghĩa Bình, bao gồm 4 khu phố Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Nguyễn Nghiêm và 13 xã, trong đó có 6 xã khu tây là Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Trung, Nghĩa Điền, Nghĩa Lộ, 7 xã khu đông là Nghĩa Hiệp, Nghĩa Phương, Nghĩa Thương, Nghĩa Dong, Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa An. Thị xã Quảng Nghĩa có diện tích hơn 264 km. Phía bắc giáp huyện Sơn Tịnh, phía nam giáp huyện Mộ Đức, phía tây giáp huyện Sơn Hà và Nghĩa Minh⁶, phía đông giáp biển Đông'. Dân số toàn thị xã là 190.804 người.

Ngày 28-1-1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình ban hành Quyết định số 22/QĐ-TU về việc hợp nhất hai Đảng bộ Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi lấy tên là Đảng bộ huyện Tư Nghĩa và chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 25 đồng chí do đồng chí Võ Trọng Nguyễn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư. Sau khi huyện Tư Nghĩa đổi tên thành thị xã Quảng Nghĩa, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa được đổi tên là Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa.

Việc hợp nhất huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, tuy không tránh khỏi một số khó khăn nhất định, nhưng về cơ bản có nhiều thuận lợi. Huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi vốn cùng là một đơn vị hành chính từ lâu đời Đảng bộ và nhân dân hai địa phương gắn bó, chia sẻ nhiều khó khăn, gian khổ trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược và bảo vệ quê hương.

⁶ Huyện Nghĩa Minh hợp nhất từ huyện Nghĩa Hành và huyện Minh Long.

Đến tháng 5-1965, do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nên Tỉnh ủy Quảng Ngãi chia thành hai Đảng bộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong chỉ đạo và tổ chức các phong trào cách mạng của địa phương. Chiến tranh kết thúc, cả nước thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, việc hợp nhất huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi là điều kiện thuận lợi để Đảng bộ phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm tận dụng và khai thác các tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương trong quá trình phát triển.

Ngay sau ngày hợp nhất huyện, Ban Chấp hành Đảng bộ (lâm thời) tập trung lãnh đạo nhanh chóng ổn định bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1976, khẩn trương chuẩn bị điều kiện để tổ chức đại hội Đảng bộ thị xã 1 lần thứ nhất.

Do yêu cầu của việc hợp nhất, một bộ phận cán bộ, đảng viên, công nhân viên các cơ quan ở tỉnh chuyển vào công tác tại tỉnh lỵ - thị xã Quy Nhơn. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa vừa tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, vừa tiếp nhận, bố trí công tác ổn định cho một bộ phận cán bộ, đảng viên các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, các đơn vị sự nghiệp của tỉnh ở lại trên địa bàn thị xã. Riêng số lượng đảng viên được giới thiệu về công tác và sinh hoạt tại Đảng bộ thị xã là 1.003 đồng chí và 634 đồng chí từ các địa phương, đơn vị khác chuyển về công tác, nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ đến giữa năm 1976 là 2.253 đồng chí, tăng hơn gấp đôi so với trước ngày giải phóng⁷.

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III): “Về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới”, Ban Thường vụ Thị ủy xác định nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ là tiếp tục thực hiện nhiệm vụ áp dụng phản cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội gắn liền với nhiệm vụ xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng ở các cấp. Khác với các địa

⁷ Trước giải phóng, đảng viên của hai Đảng bộ có 1.072 đồng chí.

phương khác trong tỉnh, thị xã Quảng Nghĩa từng là trung tâm đầu não, sào huyệt của Mỹ-ngụy và các tổ chức phản động khác trong suốt 21 năm, từ năm 1954 đến năm 1975. Thị xã cũng là nơi tập trung phần lớn ngụy quân, nhân viên ngụy quyền bị tan rã sau chiến tranh. Tuy hầu hết những người tham gia chế cũ đã ra đăng ký trình diện chính quyền cách mạng, được học tập, cải tạo trở thành công dân lương thiện, nhưng một số phần tử, nhất là bọn cầm đầu các đảng cách mạng, được học tập, cải tạo trở thành công dân lương phái phản động, bọn mật vụ, bọn phản động đội lốt tôn giáo cấu kết với nhau lén lút chống phá chính quyền cách mạng⁸. Chỉ tính từ tháng 11-1975 đến tháng 10-1976, trên địa bàn thị xã xảy ra 20 vụ phá hoại mang yếu tố chính trị, trong đó có 8 vụ rải truyền đơn, 5 vụ xé cờ Tổ quốc, ảnh lãnh tụ, tranh cổ động, 1 vụ rải cờ chế độ cũ. Được sự chỉ đạo, phối hợp của các cơ quan chức năng tỉnh Nghĩa Bình, lực lượng vũ trang thị xã phá thành công 2 vụ án chính trị phản động xảy ra tại trường Trần Quốc Tuấn và chùa Bửu Quang, tổ chức nhiều đợt truy quét ngụy quân, nhân viên chế độ cũ còn lẩn trốn, trong đó có hai đợt truy quét lớn, đợt 1 (từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 10-1975) ta bắt 142 tên, đợt 2 (từ tháng 4 đến tháng 10-1976), ta bắt 110 tên. Tính đến cuối năm 1976, trên địa bàn thị xã Quảng Nghĩa ta bắt và gọi hàng 8.145 người tham gia chế độ cũ. Phần lớn trong số đó được chính quyền địa phương quản chế, giáo dục tại chỗ, sau đó trở về đoàn tụ với gia đình.

Cùng với sự phức tạp về an ninh chính trị, địa bàn thị xã còn là nơi thường xảy ra các vụ cướp giết, lừa đảo, giết người cướp của. Các ổ, nhóm ma túy, cờ bạc, mại dâm vẫn lén lút hoạt động, gây mất trật tự an toàn xã hội. Trước tình hình đó, công an thị xã phát động quần chúng nhân dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm. Từ các nguồn tin của quần chúng, hơn một năm sau ngày giải phóng, công an thị xã phá thành công 137 vụ án. Trong đó, có cả những vụ cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa hoặc móc ngoặc với tư thương đầu cơ hàng hóa, phá rối thị trường.

⁸ Trước giải phóng ở thị xã có 17 tổ chức, đảng phái phản động.

Nhờ thực hiện các biện pháp trấn áp quyết liệt, mạnh mẽ, được phong trào quần chúng ủng hộ, nên tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị xã cơ bản được giữ vững. Nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, tích cực tham gia các phong trào cách mạng tại địa phương.

Công tác xây dựng chính quyền được Đảng bộ hết sức quan tâm. Sau đợt bầu cử Hội đồng nhân dân cách mạng cấp xã, phường cuối tháng 12-1975, một mặt Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ, mặt khác tiến hành rà soát, sưu tra, phát hiện các phần tử phản động che giấu tung tích, man khai lý lịch chui vào nội bộ phá hoại từ bên trong. Năm 1976, bằng các biện pháp nghiệp vụ các cơ quan chức năng phát hiện, đưa ra khỏi bộ máy các cấp 170 phần tử phản động, trong đó có cả những tên từng là Quận ủy viên Quốc dân đảng, ủy viên Thường vụ tỉnh Đảng bộ đảng Dân chủ.

Ban Thường vụ Thị ủy tích cực triển khai thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, ngày 3-1-1976 về việc lãnh đạo tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước. Qua học tập chỉ thị quan trọng này, toàn Đảng bộ xác định rõ ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử là một cuộc biểu dương lực lượng chính trị rộng lớn của toàn Đảng bộ, quân và dân thị xã, tích cực vận động tham gia bầu cử, góp phần xây dựng chế độ dân chủ của nhân dân, vì nhân dân. Để chuẩn bị cho ngày bầu cử diễn ra an toàn, thực sự là ngày hội của quần chúng, cấp ủy, chính quyền các xã, phường tổ chức tuyên truyền đến mọi người dân về ý nghĩa, nội dung, cách thức bầu cử. Ở các công sở, đường phố, trung tâm các xã, phường được trang hoàng rực rỡ cờ, hoa, ảnh Bác Hồ, panô, áp phích... chào mừng sự kiện chính trị trọng đại này. Ngày 25-4-1976, cùng với cử tri cả nước, 95% cử tri toàn thị xã nô nức đi bỏ phiếu, bầu cử Quốc hội chung của cả nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa nước, thể hiện ý chí của toàn dân trong việc xây dựng một xã hội, quyết tâm thực hiện di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Thành công của cuộc

tổng tuyển cử là bước mở đầu có tính quyết định trong sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước, tạo nên tảng để xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở.

Trấn áp bọn phản cách mạng gắn liền với xây dựng chính quyền cách mạng là nhiệm vụ quan trọng trước mắt. Nhưng nhiệm vụ có tính chất cấp bách và lâu dài được Đảng bộ xác định là khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Để đối phó với một đợt nắng nóng, khô hạn kéo dài diễn ra từ sau tết nguyên đán Bính Thìn đến quý II-1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU, ngày 16-7-1976. Nghị quyết đề ra chủ trương: “Phát động tư tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực chống hạn bằng mọi biện pháp, phương tiện, sức lực, quyết tâm gieo cấy hết mùa, đồng thời tích cực chăm sóc, bảo đảm năng suất, phát động một phong trào rộng rãi sản xuất rau, màu ngắn ngày đi đôi với tiết kiệm lương thực, từng xã, thôn, từng gia đình có kế hoạch chủ động phòng chống đói, quyết không để nạn đói xảy ra”⁹. Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ ngày 15-7 đến 17-7-1976, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã tổ chức Hội nghị Thị ủy (mở rộng) và ra Nghị quyết số 03/NQ: “Về nhiệm vụ trọng tâm đợt xuất, cấp bách trong toàn thị xã là: Nỗ lực chống hạn, đảm bảo diện tích và năng suất vụ mùa, đẩy mạnh sản xuất rau màu ngắn ngày, đi đôi với tiết kiệm lương thực, có kế hoạch phòng chống đói trong thời gian đến”. Đánh giá tình hình sản xuất của toàn thị xã, Nghị quyết nhận định: Nắng hạn gay gắt kéo dài, các hồ đập lớn như đập 19-5 (Nghĩa Lâm), đập An Bàng (Nghĩa Thắng) đều khô cạn, kênh Tư Nghĩa, tuy đã đóng thêm 4 bờ cù, nhưng vẫn không đủ nước cấp cho đồng ruộng. Nắng hạn làm cho nhiều diện tích lúa đã gieo cấy ở các xã như Nghĩa Lâm, Nghĩa Thương, Nghĩa Trung, Nghĩa Hòa bị thiệt hại nặng. Các loại rau màu, mì, lang tuy đã áp dụng nhiều biện pháp chống hạn, nhưng mức thiệt hại cũng rất lớn. Trước tình hình đó, Nghị quyết yêu cầu cấp ủy Đảng, chính quyền phát động mỗi người

⁹ Nghị quyết số 05/NQ-TU, ngày 16-7-1976 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghĩa Bình - Lưu tại Văn phòng Huyện ủy Tư Nghĩa.

dân, mỗi gia đình, thôn, xóm, xã, khu phố phải tập trung chống hạn, bảo đảm diện tích, năng suất, đẩy mạnh sản xuất rau màu ngắn ngày đi đôi với triệt để tiết kiệm lương thực, chủ động phòng chống đói. Trước mắt các địa phương phải tích cực đào ao, vét giếng, dùng gàu guồng, cần vọt, xe đạp nước, ưu tiên phân phối xăng dầu bơm tưới cho những nơi lúa đang trổ bông bị thiếu nước. Đối với ruộng lúa gieo, cần gieo dày như bắc khi có mưa là có mạ cấy được ngay. Liên hệ với huyện Nghĩa Minh, huyện Sơn Hà mua dây lang giống để trồng. Dọc các bờ Sông Vệ, sông Trà, các mương kênh, đập, ao hồ phải giảm lang, khi có mưa lấy giống trồng vụ lang tháng 8. Tận dụng đất gò, đồi, vườn trong dân để trồng lang, tía bắp. Các xã Nghĩa Hoà, Nghĩa Hiệp, Nghĩa An, Xuân Phổ (Nghĩa Kỳ), Nam Phước, An Huy (Nghĩa Thắng) tranh thủ trồng rau màu cứu đói. Toàn dân thực hiện phương châm: thực hiện khẩu hiệu "gieo cấy quanh năm, bốn mùa thu hoạch".

Đi đôi với phát động phong trào chống hạn, cấy hết diện tích, nghị quyết yêu cầu cần giáo dục cho mỗi người triệt để tiết kiệm, mỗi tuần có một bữa ăn không có gạo, không được dùng gạo để nấu rượu.

Trong điều kiện đất chật người đông như thị xã, một trong những giải pháp cơ bản, lâu dài để tự trang trải lương thực, thực phẩm là thực hiện tốt việc vận động nhân dân đã xây dựng vùng kinh tế mới. Chỉ tiêu nghị quyết nêu ra là cần phấn đấu đưa 10.000 người đi xây dựng vùng kinh tế mới ở tỉnh Gia Lai Kon Tum, huyện Nghĩa Minh và huyện Sơn Hà. Để thực hiện chủ trương trên, mỗi xã phải thành lập ban vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế mới, tổ chức các đội thanh niên xung phong đi trước xây dựng cơ sở vật chất, đưa nhân dân đến tham quan, sau đó đưa dân đến định cư lâu dài.

Sau ba tháng thực hiện Nghị quyết 03 của Thị ủy, kết thúc vụ hè - thu, bà con nông dân toàn thị xã cấy được 5.210 ha, gieo 210 ha lúa, đạt 87% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 4 tấn/ha. Diện tích bắp trồng được 324 ha, dây lang giống trồng được 133 ha, hoa màu trồng được 81 ha. Để cung cấp đủ nước tưới cho toàn bộ diện tích trên, Ban Thường vụ Thị ủy cử cán bộ

đến các thôn, xã chỉ đạo công tác thủy lợi. Chỉ trong ba tháng, nhân dân đào được 535 giếng nước, đóng 4 bờ cừ ngăn sông Trà Khúc đưa nước vào kênh Tư Nghĩa với phí tổn hơn 1000 cây tre, 500 gánh rạ, đào vét mương đưa nước từ sông Văn vào đồng La Châu, Điền Trang (xã Nghĩa Trung), nạo vét đoạn kênh Đông Mỹ đưa nước vào xã Nghĩa Hiệp, đắp đập Cây Bứa đưa nước vào xã Nghĩa Trung, Nghĩa Thương. Đối với các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Ủy ban nhân dân thị xã đưa lên ba máy bơm công suất lớn bơm nước tưới cho đồng Tân Khai, đồng Ông Mai, đồng Chim Chim, đắp đập bởi lấy nước tưới đồng Quang...

Đối với công tác đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, năm 1976 tỉnh giao chỉ tiêu cho thị xã là 5 vạn người. So với Nghị quyết số 03 của Thị ủy, số lượng người đi xây dựng vùng kinh tế mới tăng gấp 5 lần. Để thực hiện được chỉ tiêu này, ngày 5 và 6-8-1976 Ban Thường vụ Thị ủy tổ chức hội nghị cán bộ toàn thị xã bàn kế hoạch tổ chức thực hiện. Hội nghị thống nhất kế hoạch vận động, tổ chức cho nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới thành hai đợt. Đợt 1, tháng 8 và tháng 9-1976 đưa đi 2 vạn người; đợt 2, từ tháng 10 đến tháng 12-1976 đưa đi 3 vạn người. Trong đó, chỉ tiêu đi đợt 1, các xã như Nghĩa Phương, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Trung, Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa An là 10.700 người. Sau Hội nghị, do tầm quan trọng của công tác vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, Ban Thường vụ Thị ủy thành lập ban kinh tế mới gồm 15 thành viên. Ban kinh tế mới do một đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy làm trưởng ban. Ban được chia thành hai bộ phận. Bộ phận tiền phương có nhiệm vụ liên hệ với địa phương nơi dân đến tìm vị trí, quy hoạch, tổ chức và xây dựng vùng kinh tế mới. Bộ phận hậu phương có nhiệm vụ phối hợp với các xã, khu phố vận động nhân dân, chuẩn bị phương tiện, lương thực, thực phẩm để vận chuyển người và tài sản của hộ gia đình đến nơi định cư mới. Ở các xã, khu phố đều thành lập ban vận động nhân dân do đồng chí chủ tịch hoặc phó chủ tịch xã, khu phố làm trưởng ban. Đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới là một chủ trương

đúng đắn của Đảng và Nhà nước nhằm giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ở một số vùng nông thôn và đô thị gắn với công tác củng cố quốc phòng, an ninh sau giải phóng. Tính đến ngày 30-10-1976, toàn thị xã có hơn 2.000 hộ, với công tác củng cố quốc phòng, an ninh sau giải phóng, với 10.000 nhân khẩu, 4.600 lao động đi xây dựng kinh tế mới ngoài tỉnh, chủ yếu ở Gia Lai - Kon Tum và Lâm Đồng, 25 hộ, với 100 nhân khẩu đi kinh tế mới ở huyện Sơn Hà. Tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra, nhưng trong một thời gian ngắn, giữa bộn bề khó khăn, việc đưa hơn một vạn nhân khẩu đi xây dựng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh là một sự nỗ lực lớn của Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Nghĩa.

Sau một năm thành lập thị xã Quảng Nghĩa, Đảng bộ tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đảng bộ hoàn thành cơ bản việc cấp và điều chỉnh ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ hoàn toàn chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất. Toàn thị xã tiếp tục thực hiện công tác điều tra, thống kê, phân loại nguồn gốc, số lượng, hình thức sở hữu ruộng đất để chia cho các hộ nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Tuy bình quân ruộng đất mới nhân khẩu được chia khoảng 1 thước, nhưng làm cho đại đa số nông dân phấn khởi, tin tưởng, coi đó là thành quả to lớn mà chỉ có chính quyền cách mạng mới đem lại cho họ.

Đồng thời với chia, điều chỉnh ruộng đất, khai hoang mở rộng sản xuất, việc quản lý, sử dụng ruộng đất được Đảng bộ hết sức quan tâm. Ngày 6-4-1976, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành quy định cấm chôn cất người chết, xây mồ mả, làm nhà ở trên đất trồng lúa. Các cơ sở sản xuất gạch, ngói chỉ được xây dựng trên đất gò đồi, lấy đất làm gạch, ngói không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Những hộ dân trong chiến tranh làm nhà ở trên đất ruộng được vận động di dời lên nơi ở mới, lấy đất sản xuất. Quy định của Ủy ban nhân dân thị xã được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng, thực hiện. Dưới sự chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, chính quyền địa phương, nông dân

toàn thị xã hăng hái tham gia xây dựng các tổ vòng, đổi công - một hình thức hợp tác giúp nhau trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế¹⁰.

Vận dụng những kinh nghiệm đạt được trong xây dựng tổ vòng, đổi công, Ban Thường vụ Thị ủy chủ trương phát động nhân dân trong toàn thị xã tích cực tham gia xây dựng tổ đổi công, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội nông dân tổ chức cho hội viên học tập, quán triệt mục đích, nội dung xây dựng tổ đổi công, nhất là học tập nắm vững ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ; ba quản: quản lý sản xuất, quản lý lao động và quản lý công, quản lý tài chính tổ. Đến tháng 8-1976, toàn thị xã xây dựng được 765 tổ đội công, trong đó có 17 tổ đổi công thường xuyên, 748 tổ đổi công theo từng việc, với sự tham gia của 10.036 hộ, chiếm 40,9% tổng số hộ lao động nông nghiệp. Tổng số ruộng đất của nông dân tham gia vào tổ đổi công là 7.869 mẫu, chiếm 43,3% diện tích đất canh tác toàn thị xã. Tuy chỉ là hình thức hợp tác giản đơn, nhưng tác dụng của tổ đổi công thể hiện rất rõ tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động, sản xuất, xây dựng cuộc sống mới; là một bước quá độ tập hợp nông dân chuẩn bị cho phong trào hợp tác hóa những năm sau đó. Cũng từ phong trào vòng, đổi công, Đảng bộ phát động nhiều phong trào khác phát triển rất mạnh mẽ trong thời kỳ đầu hợp nhất huyện. Đó là các phong trào: khai hoang, phục hóa, làm thủy lợi, đi xây dựng vùng kinh mới .v.v... Trong năm 1976, toàn thị xã huy động hơn hai vạn lao động từ các phường nội thị và các xã khu đông lên khai hoang, phục hóa ruộng đất ở các xã khu tây, đưa diện tích đất canh tác từ 10.983 ha lên 11.347 ha. Cũng thời gian này, nhân dân thị xã đóng góp 30.000 ngày công, 100.000 đồng để khôi phục hai kênh lớn là kênh Tư Nghĩa và kênh An Chỉ, 29 hồ, đập thủy lợi, 7 bờ xe nước, 27 máy bơm nước cỡ lớn và vừa, nạo vét 70.000 mét kênh, mương các loại... Nhờ đó, năng lực tưới của các công trình

¹⁰ Hình thức vòng, đổi công theo việc như làm đất, cấy, thu hoạch... hình thành ở các xã khu tây như Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ từ năm 1965, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Riêng xã Nghĩa Thắng, trong thời kỳ chiến tranh đã xây dựng được 97 tổ đổi công, với 154 hộ gia đình, 404 nhân khẩu tham gia. Đến tháng 7-1976, tất cả nông dân xã Nghĩa Thắng đều tham gia các tổ đổi công tại 125 tổ, với 2.001 hộ và 9.127 khẩu.

thủy lợi được tăng thêm 2.200 ha lúa, đưa nhiều diện tích cấy lúa từ một vụ lên hai hoặc ba vụ, năng suất 4 tấn/ha, sản lượng lương thực quy thóc đạt 35.129 tấn bình quân đầu người đạt 163,7 kg/năm. Đến cuối năm 1976, đàn gia súc tăng gấp rưỡi, lên 15 937 con, so với 10.675 con sau giải phóng. Sản xuất nông nghiệp cơ bản được khôi phục, đời sống nhân dân bắt đầu ổn định, có mặt được cải thiện. Công tác thu, mua lương thực đạt được kết quả bước đầu. Từ tháng 6 1975 đến tháng 9-1976, toàn thị xã thu, mua được 3.122 tấn lương thực, trong đó xã Nghĩa Hiệp là một trong những xã có số thu vượt chỉ tiêu trên giao.

Cùng với nông nghiệp, ngay sau ngày hợp nhất, Đảng bộ tập trung chỉ đạo khôi phục các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đến cuối năm 1976, hầu hết các cơ sở sản xuất gạch ngói, sành sứ, đường phèn, đường phôi, đường bông, giấy viết, xà phòng, dệt chiếu, manh trúc... được phục hồi, tận dụng được nguyên liệu, nhân công tại chỗ, góp phần giải quyết tình trạng thiếu việc làm cho nhân dân toàn thị xã. Nhiều sản phẩm tiểu, thủ công nghiệp của địa phương được tỉnh chọn tham gia triển lãm tại Hội chợ ở Hà Nội nhân ngày bầu cử Quốc hội chung cả nước (25-4-1976). Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục hồi nhanh, sản phẩm làm ra được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường trong và ngoài tỉnh, nên đời sống người lao động từng bước được ổn định. Thành quả đó là sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã sau gần một năm hợp nhất huyện. Đến cuối năm 1976, toàn thị xã có 82 cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho 1.874 lao động, với tổng số vốn 1.547.000 đồng, trong đó có 1.500.000 đồng là vốn của 704 hộ gia đình và cá nhân tự đóng góp. Ngoài nội thị, các địa phương như Thu Xà, Sông Vệ là những nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của thị xã.

Đồng thời với khôi phục sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ rất coi trọng việc vận động nhân dân đóng góp sức

người, sức của khôi phục hệ thống giao thông, nhất là giao thông các xã khu tây. Sau hơn một năm nỗ lực phấn đấu, các tuyến đường liên thôn, liên xã cơ bản được gia cố, sửa chữa thông suốt, trong đó có hai tuyến giao thông huyết mạch là tuyến sân bay Quảng Ngãi đi Nghĩa Lâm, Cửa Đông đi các xã khu đông. Cầu Nghĩa Lâm dài 20 mét, rộng 3 mét, được tỉnh đầu tư xây dựng bằng bê tông, cốt thép, hoàn thành trong quý III/1976.

Đầu năm 1976 tất cả các tỉnh, thành phố lớn ở miền Nam đồng loạt tiến hành mạnh mẽ công cuộc cải tạo thương nghiệp tư bản tư nhân theo chủ trương đề ra trong Nghị quyết số 24 của Ban Chấp hành Trung ương và tuyên bố ngày 19-9-1975 của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về khôi phục, phát triển công - thương nghiệp, bài trừ hoạt động lũng đoạn, đầu cơ, phá rối thị trường. Do được chuẩn bị chu đáo từ trước, hơn nữa ở thị xã, các nhà kinh doanh thương nghiệp lớn đã bỏ chạy vào Sài Gòn và các thành phố lớn, nên công tác cải tạo diễn ra thuận lợi. Đa số các hộ kinh doanh thương nghiệp tư nhân nghiêm túc chấp hành chủ trương của Nhà nước, tự bỏ vốn hình thành các tổ ủy thác mua bán hàng hóa phục vụ nhân dân. Tuy vậy, do hàng hóa, vật tư của Nhà nước cung cấp không đầy đủ, khâu quản lý của thương nghiệp quốc doanh sơ hở, yếu kém, nên trên thị trường xuất hiện tình trạng tư thương đầu cơ, móc ngoặc với cán bộ, nhân viên trong các tổ chức thương nghiệp Nhà nước tích trữ hàng hóa, tùy tiện nâng giá, lũng đoạn thị trường. Tình hình đó làm cho giá cả các mặt hàng thiết yếu trên thị trường tỉnh ta, trong đó có thị xã, tăng rất nhanh. Gạo tăng 50%, màu tăng 2 lần, thịt các loại tăng từ 20 - 40%, vải mặc tăng 70%, riêng vải đen tăng hơn 2 lần, xà phòng bột tăng 2 lần, xi măng tăng 4 lần, gỗ xẻ tăng hơn 2 lần, xăng dầu tăng 3 lần¹¹.

Tiếp tục thực hiện các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội đạt được nhiều tiến bộ mới. Mỗi xã vùng giải phóng cũ được đầu tư xây dựng một trường cấp 1, quy mô 6 phòng học.

¹¹ Báo cáo Tổng kết năm 1976 của Tỉnh ủy Nghĩa Bình.

Riêng xã Nghĩa Thắng được xây thêm một trường cấp 2. Toàn thị xã lúc này có 2.049 học sinh cấp 3, 8.112 học sinh cấp 2 và 36.316 học sinh cấp 1. Ở nội thị còn có trường bổ túc văn hóa công nông. Năm học 1975-1976, trường có 220 học viên học từ lớp 2 đến lớp 5. Phong trào bình dân học vụ được mở rộng tới thôn, xã. Xã Nghĩa Thắng là xã tiêu biểu cho phong trào bình dân học vụ toàn thị xã. Đến tháng 12- 1976, sau hơn một năm nỗ lực phấn đấu, toàn thị xã có 8.787 người được xóa mù chữ, đạt 87%. Nạn mù chữ cơ bản được xóa bỏ.

Ngành y tế, vừa tập trung xây dựng bệnh xá 45 giường tại trung tâm thị xã, vừa đẩy mạnh củng cố lưới y tế xã. Cuối năm 1976, tất cả các xã đều có cán bộ y tế, tủ thuốc chữa các bệnh thông thường, một số xã có trạm y tế, nhà hộ sinh. Công tác vệ sinh, phòng dịch, nhất là phòng, chống các bệnh truyền nhiễm được đẩy mạnh. Nhân dân tích cực thực hiện phong trào ba sạch (ăn sạch, ở sạch, uống sạch). Nhờ đó, trên địa bàn thị xã không xảy ra các bệnh dịch lớn. Bệnh sốt rét từng bước được hạn chế, nhất là ở các thôn có đông đồng bào dân tộc như Phú Thọ, Đá Sơn.¹²

Ngành văn hóa - thông tin phối hợp với công an, chính quyền các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức các đợt truy quét, xóa bỏ, cấm lưu hành các loại băng đĩa, tranh ảnh, sách báo phản động, đồi trụy do chế độ cũ để lại. Sau khi tỉnh lỵ chuyển vào thị xã Quy Nhơn, thị xã tiếp quản đài phát thanh, các rạp chiếu phim, thư viện, bố trí đội ngũ cán bộ duy trì hoạt động tại các thiết chế văn hóa quan trọng này.

Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng tập trung chủ yếu vào việc ổn định bộ máy tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ, phát triển hội viên, đoàn viên, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ đoàn thể ở cơ sở. Đến cuối năm 1976, thị xã có 1.248 đoàn viên Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, 11.589 hội viên Hội nông dân, 19.839 hội viên Hội phụ nữ.

¹² Phú Thọ, nay thuộc xã Nghĩa Thọ, Đá Sơn, nay thuộc xã Nghĩa Sơn.

Đảng bộ thị xã xác định nội dung trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt sâu sắc tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Hầu hết cán bộ, đảng viên, đội ngũ giáo viên đều được tham gia học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết 24 - NQ/TW của Bộ Chính trị. Qua học tập các nghị quyết của Đảng, đội Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 234-NQ/BCT của Bộ Chính trị. Qua học tập các Nghị quyết của Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thấy rõ những thuận lợi và khó khăn trong bước chuyển giai đoạn từ chiến tranh chuyên sang hòa bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất, từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội¹³. Cuối năm 1976, Đảng bộ mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống tư tưởng và hành động sai trái trong bộ máy Đảng và Nhà nước, kết hợp với đợt thảo luận nội dung dự thảo Báo cáo Chính trị và Điều lệ Đảng (sửa đổi) trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV. Kết quả của cuộc vận động bước đầu làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, thảo luận, liên hệ, kiểm điểm, đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu của địa phương, đơn vị và cá nhân, đấu tranh phê phán các tư tưởng tiêu cực nổi lên khá phổ biến, như tư tưởng công thần, tư lợi, tham ô, tác phong quan liêu, hách dịch, cậy chức, cậy quyền của một số cán bộ, đảng viên. Công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác, làm thủy lợi, chống hạn, vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế nước thanh niên hăng hái lên đường làm nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

¹³ Xem Nghị quyết số 24 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, khóa III.

Kết hợp chặt chẽ với công tác chính trị, tư tưởng Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố, kiến toàn các tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Sau ngày hợp nhất huyện, toàn Đảng bộ có 1.232 đảng viên. Đến tháng 4-1976, có thêm 1.003 đảng viên của tỉnh và khu hoạt động trên địa bàn thị xã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chuyển về sinh hoạt tại Đảng bộ thị xã nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 2.235 đồng chí. Là Đảng bộ có số lượng đảng viên đông, 63% đảng viên tuổi đời từ 18 đến 40, hầu hết được rèn luyện, trưởng thành trong chiến tranh. Đó là thế mạnh của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới. Tuy vậy, do hoàn cảnh chiến tranh, nên trình độ học vấn của phần lớn đảng viên trong Đảng bộ còn thấp. Hơn một nửa (1.154 đảng viên) đảng viên có trình độ học vấn cấp 1 và 19 đảng viên mù chữ. Bước vào giai đoạn cách mạng mới - từ chiến tranh chuyển sang hòa bình xây dựng đất nước - hầu hết đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Vì vậy, Đảng bộ xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là công tác hết sức cấp bách. Năm 1976, ngoài việc thực hiện thường xuyên các đợt bồi dưỡng, nâng cao nhận thức đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ cử 72 cán bộ đi học bổ túc văn hóa, 19 cán bộ học lý luận chính trị tại các trường Đảng Trung ương, 78 cán bộ học tại trường Đảng tỉnh, 112 cán bộ học tại trường Đảng thị xã.

2. Tập trung lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh

Chỉ hơn một năm sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài và gian khổ, hơn 10 tháng sau ngày hợp nhất, Đảng bộ và nhân dân thị xã đã đạt được những thành tựu vượt bậc, vừa truy quét, trấn áp bọn phản động, xây dựng chính quyền cách mạng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, vừa chăm lo khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xóa bỏ chế độ bóc lột của chế độ phong kiến và những tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới, cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân

dân. Tuy còn nhiều khó khăn cản trở quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, nhưng những thắng lợi đó góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào cách mạng ở địa phương.

Từ ngày 29-10 đến ngày 3-11-1976, Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa tiến hành Đại hội lần thứ XI (vòng 1)¹⁴. Dự Đại hội có 179 đại biểu thay mặt cho 2.235 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV; tổng kết sự lãnh đạo của Đảng bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là sự lãnh đạo của Đảng bộ hơn một năm sau giải phóng; đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1977; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã nhiệm kỳ 1976-1979; bầu đoàn đại biểu dự đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất. Đồng chí Nguyễn Nghĩa - Phó Bí thư Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đánh giá tổng quát tình hình hơn một năm sau giải phóng. Đại hội nhất trí khẳng định: Trong bối cảnh tình hình rất phức tạp, nhưng Đảng bộ và nhân dân thị xã đã đoàn kết, nhất trí, đồng tâm hiệp lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng trong thời gian đầu sau giải phóng. Phần lớn dân cư ở các khu dồn được trở về quê cũ làm ăn, sinh sống. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bọn phản động và các loại tội phạm xã hội tiếp tục bị truy quét và trừng trị thích đáng. Các hoạt động kinh tế - xã hội dần dần được khôi phục, nhất là sản xuất nông nghiệp có sự phát triển khá. Các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phục hồi nhanh và phát triển thêm một số cơ sở mới, sản phẩm làm ra đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Mạng lưới thương nghiệp nhân dân, tổ hợp tác mua bán được thiết lập rộng khắp ở tất cả các địa bàn dân cư, từng bước quản lý được các nguồn hàng cơ bản, thiết yếu, phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

¹⁴ Về thứ tự các Đại hội Đảng bộ huyện Tư Nghĩa: Đại hội này là Đại hội lần thứ nhất, nhưng tính chung từ ngày Đảng bộ huyện thành lập, Ban Thường vụ Huyện Ủy Tư Nghĩa xác định đây là Đại hội lần thứ XI.

Tuy vậy, Đại hội cũng thẳng thắn thừa nhận trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Đảng bộ còn những thiếu sót, nhược điểm là: Đảng bộ chưa nhận thức đầy đủ những khó khăn, phức tạp của bước chuyển giai đoạn từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc sang hòa bình xây dựng đất nước. Do đó, trong lãnh đạo, chỉ đạo còn một số mặt chưa kiên quyết, triệt để, thiếu trọng tâm, trọng điểm, nhất là trong việc truy quét tàn quân địch, kiểm tra, kiểm soát, quản lý những người tham gia chế độ cũ, bon phản động đội lốt tôn giáo, bọn lưu manh, côn đồ do chế độ cũ để lại và một số lĩnh vực khác như khôi phục và phát triển sản xuất, khai hoang, phục hoá đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Bên cạnh đa số cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, nỗ lực phấn đấu làm tròn nhiệm vụ được giao, một số không ít cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, mang nặng tư tưởng hoà bình, nghỉ ngơi, thu vén cá nhân, cầu an, ngại khó, công thần, địa vị, tự do, vô kỷ luật, tự tư, tự lợi, thậm chí tham ô, hủ hóa, của nhân dân. Tác phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn mang tính mệnh lệnh, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, xa rời quần chúng¹⁵. Những tiêu cực trên tương đối phổ biến ở nhiều nơi, tuy mức độ khác nhau, nhưng đã làm giảm sút vai trò của Đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới ở địa phương.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những ưu, khuyết điểm và các bài học kinh nghiệm, Đại hội đề ra phương hướng chung của Đảng bộ trong những năm tới là: Phát huy truyền thống cách mạng và những thành tích đạt được hơn một năm sau giải phóng, Đảng bộ và nhân dân thị xã quyết tâm khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

¹⁵ Xem Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa lần thứ XI (11-1976), trang 27.

Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng¹⁶, từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa, cùng với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh xây dựng tỉnh Nghĩa Bình thành một tỉnh vững mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, tiến bộ về văn hóa - xã hội, vững chắc về quốc phòng, an ninh. Trước mắt là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 1977.

Cụ thể hóa phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ và biện pháp tổ chức thực hiện trong năm 1977. Về nông nghiệp, phấn đấu đưa diện tích trồng lúa lên 13.500 ha, năng suất bình quân 6 tấn/ha, mở rộng diện tích và nâng cao năng suất, đưa sản lượng lương thực tính theo đầu người lên 240 kg/năm, giải quyết đủ lương thực cho nhân dân trong thị xã và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần xuất khẩu¹⁷. Tiến hành xây dựng thí điểm một hợp tác xã, rút kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã trên diện rộng từ năm 1978. Để đạt được chỉ tiêu trên, phải tập trung giải quyết nước tưới cho tất cả diện tích trồng lúa vụ đông - xuân, 80% diện tích lúa vụ hè thu, vụ ba; tập trung đầu tư vùng chuyên canh lúa ở các xã Nghĩa Phương, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ; thực hiện đồng bộ các biện pháp thâm canh, tăng vụ đi đôi với đưa giống mới vào sản xuất; khai hoang, phục hóa, làm tốt khâu bảo vệ thực vật. Để chuẩn bị đưa nông dân vào hợp tác xã, Đảng bộ chỉ đạo tiến hành điều tra cơ bản, lập bản đồ nông hóa thổ nhưỡng, quy hoạch vùng dân cư, giao thông, thủy lợi, phân vùng sản xuất...

Về ngư nghiệp, Đại hội nêu chỉ tiêu: phấn đấu đánh bắt 12.000 tấn cá biển. Để đạt được mục tiêu này, các ngành phải cố gắng cung cấp đủ nhiên liệu phụ tùng, lương thực cho ngư dân, đồng thời tổ chức tốt khâu thu, mua sản phẩm, sắp xếp lại sản xuất, từng bước đưa ngư dân vào làm ăn tập thể, xây dựng Nghĩa An thành “làng cá xã hội chủ nghĩa”.

¹⁶ Ba cuộc cách mạng: Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa.

¹⁷ Sau này trong Nghị quyết số 06/NQ - TU, ngày 12-10-1977, Thị ủy đề ra chỉ tiêu là 300 kg.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đại hội đề ra mục tiêu: tiếp tục ổn định các cơ sở ngành nghề sản xuất xuất công nghiệp hiện có, xây mới và đưa vào hoạt động một số cơ sở sản và tiểu thủ công nghiệp nhằm giải quyết việc làm cho nhân dân, như xí nghiệp phân bón hữu cơ, công suất 2.000 tấn/ năm, tổ hợp sản xuất thức ăn gia súc, xe đạp nước, máy tuốt lúa, xe cải tiến... Xây dựng xí nghiệp sành sứ, các tổ hợp sản xuất gạch, ngói... Từng bước đưa các tổ hợp sản xuất lên hợp tác xã, xí nghiệp quốc doanh hoặc công tư hợp doanh.

Về xây dựng hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, Đại hội đề ra mục tiêu: phấn đấu đến cuối năm 1977, toàn thị xã xây dựng xong hợp tác xã mua bán ở tất cả các xã và khu phố, cùng với hệ thống thương nghiệp quốc doanh đủ sức mua hết nông sản hàng hóa và các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cung cấp đủ hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân... “từng bước và tiến đến cắt đứt quan hệ của nông dân, ngư dân, thợ thủ công với bọn gian thương”¹⁸. Về phân phối và điều hòa lao động trên địa bàn thị xã, Đại hội nêu chỉ tiêu: phấn đấu đến cuối năm 1977, đưa 3 vạn dân, khoảng 1,5 vạn lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng các nông, lâm trường trong và ngoài tỉnh, đưa khoảng 8.000 dân các xã khu trung, khu đông và nội thị lên khu tây của huyện, hình thành các khu dân cư mới.

Về xây dựng cơ bản, định hướng của Đại hội là tập trung xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông và các công trình công ích như bệnh viện, trường học...

Cùng với định hướng phát triển kinh tế, Đại hội nêu một số nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, phấn đấu làm cho nền văn hóa cách mạng thấm sâu vào đời sống tinh thần của xã hội, đẩy lùi những tư tưởng lạc hậu, phản động. Xây dựng và củng cố chính quyền vững mạnh, thực hiện tốt chức năng

¹⁸ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị xã Quảng Nghĩa lần XI (10- 1976), trang 10.

vừa trấn áp bọn phản cách mạng, vừa tổ chức xây dựng xã hội mới. Quan tâm hơn nữa công tác mặt trận và các đoàn thể, đặc biệt là công tác thanh niên, làm cho thanh niên trở thành lực lượng nòng cốt thực hiện 3 cuộc cách mạng, cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa ở địa phương. Công tác xây dựng Đảng tập trung vào nhiệm vụ cấp bách hàng đầu là xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

Đồng chí Nguyễn Nghĩa - Phó Bí thư Tỉnh ủy, thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy biểu dương thành tích của Đảng bộ trong hơn một năm sau giải phóng và bày tỏ sự tin tưởng Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Nghĩa sẽ đạt được thành tích to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương¹⁹. Với sự thống nhất cao, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XI, nhiệm kỳ 1976-1979 gồm 27 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Võ Trọng Nguyễn được bầu làm Bí thư. Đại hội bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất.

Từ ngày 18 đến 20-11-1976, đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất (vòng 1) được tiến hành tại thị xã Quy Nhơn. Dự Đại hội có 452 đại biểu, đại diện cho 28.254 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ tập trung thảo luận, tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên vào dự thảo Báo cáo Chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1976-1980 và Điều lệ Đảng (sửa đổi), do Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IV của Đảng; bầu đoàn đại biểu dự đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tiến hành tại Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết những kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài hơn 20 năm trên đất nước ta và đề ra đường lối chung và

¹⁹ Nhân dịp về thăm quê hương, đồng chí Trần Kiên đến phát biểu với đại biểu dự Đại hội, tối ngày 3-11-1976.

đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, quyết định phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976-1980, thông qua Điều lệ Đảng, bầu Ban Chấp hành Trung ương, đổi tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là đại hội của sự nghiệp đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của đại hội đã cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Sau Đại hội Đảng lần thứ IV, từ ngày 28-2 đến 2-3- 1977, Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XI (vòng 2). Dự Đại hội có 168 đại biểu. Đại hội có nhiệm vụ góp ý vào dự thảo Báo cáo Chính trị, Báo cáo xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh, vận dụng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ IV để làm sâu sắc hơn phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ thị xã trong 5 năm 1976-1980, trước mắt là năm 1977-1978.

Từ ngày 23-3 đến 27-3-1977, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ nhất (vòng 2) được tiến hành tại thị xã Quy Nhơn. Dự Đại hội có 450 đại biểu. Trong không khí lạc quan, phấn khởi trước những thành tựu đạt được trong gần hai năm sau giải phóng và thắng lợi của Đại hội IV, Đại hội thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 1976-1980, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I (nhiệm kỳ 1977 - 1979) gồm 37 đồng chí.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, đồng chí Võ Trọng Nguyễn nhận công tác mới ở tỉnh. Do đó, ngày 2-4-1977, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã tiến hành bầu bí thư, bầu bổ sung phó bí thư, ủy viên ban thường vụ và ủy viên ban chấp hành Đảng bộ thị xã, nhiệm kỳ 1976-1979. Đồng chí Tạ Công Hiền (tức Mai Lương) được bầu làm Bí thư, đồng chí Mai Tuyền được bầu làm Phó Bí thư, bầu bổ sung ủy viên Ban Thường vụ và chuyển các đồng chí Thị ủy viên (dự khuyết) lên ủy viên chính thức

Ngay sau Đại hội Đảng các cấp. Ban Thường vụ Thị ủy tập trung chỉ đạo các cấp tổ chức quán triệt nội dung nghị quyết của đại hội, phát động phong trào hành động cách mạng thực hiện nghị quyết. Những năm 1977-1980, nhất là từ năm 1977 đến năm 1979, đất nước ta phải đương đầu với nhiều khó khăn hết sức gay gắt. Trung Quốc gây nên sự kiện “người Hoa”, cắt viện trợ, rút toàn bộ chuyên gia về nước, xúi giục bọn phản động Pôn pốt - lêng xa ri phát động cuộc chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 17-2-1979, 60 vạn quân Trung Quốc và hàng trăm xe tăng, xe bọc thép vô cớ tấn công trên toàn tuyến biên giới phía bắc nước ta, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản của nhân dân ta.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 7 đến ngày 10-7-1979, Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XII. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm hai năm (1977 - 1979) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XI, đề ra phương hướng, nhiệm vụ hai năm (1979 - 1980), bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khoá XII, nhiệm kỳ 1979 - 1980 và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Trên cơ sở đánh giá những thành tựu đạt được, thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ XI đề ra. Đồng thời, Đại hội thảo luận, nhất trí đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong hai năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 là: “ *Phát huy cao độ truyền thống đoàn kết, chiến đấu, lao động, tinh thần tự lực, tự cường, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động toàn diện và rộng khắp, tăng cường hệ thống chuyên chính vô sản, động viên sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng bộ và quân dân trong thị xã đẩy lên cao trào cách mạng số nổi liên tục với khí thế cách mạng mới, quyết tâm vươn lên thực hiện thắng lợi hai nhiệm*

vụ to lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa"²⁰. Đại hội đề ra 4 mục tiêu cơ bản cần phấn đấu trong 2 năm 1979 - 1980 là:

- Hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và giao thông vận tải. Đến năm 1980 đạt 65.265 tấn lương thực, bình quân đầu người đạt 326 kg; 18.000 con trâu, bò, 60.000 con heo; trồng mới 800 ha rừng, 700.000 cây phân tán, cải tạo 50 ha rừng; đánh bắt 10.000 tấn hải sản. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 20 triệu đồng.

- Cứ 3 người dân có 1 người đi học, mỗi xã, phường có 1 trạm xá, tỷ lệ phát triển dân số còn 2,5%.

- Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc. Mỗi xã, phường, hợp tác xã, cơ quan, xí nghiệp là một pháo đài diệt địch, toàn thị xã là một chiến trường. Ra sức xây dựng chế độ làm chủ tập thể toàn diện và rộng khắp. Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực, nhất là ở cơ sở. Tích cực xây chính, củng cố, kiện toàn các tổ chức chuyên chính vô sản. Thực hiện mối quan hệ Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa khoá XII, nhiệm kỳ 1979-1980 gồm 33 đồng chí, trong đó có 31 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Võ Trọng Nguyễn được bầu làm Bí thư, đồng chí Lê Đoán được bầu làm Phó Bí thư. Đại hội bầu đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Đầu năm 1980, đồng chí Võ Trọng Nguyễn được điều động nhận nhiệm vụ mới ở tỉnh, đồng chí Lê Đoán được bầu làm Bí thư.

Cuối năm 1980, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Trương Thanh Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư Thị ủy, các đồng chí Lê

²⁰ Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa lần thứ XII. Trang 7.

Đoán, Nguyễn Hồng Dường và Lê Văn làm Phó Bí thư, chỉ định đồng chí Trần Thanh Mộc vào Ban Thường vụ Thị ủy.

Như vậy từ năm 1976 đến năm 1979, Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa hai lần tổ chức đại hội. Cả hai lần đại hội đều có nhiệm vụ triển khai thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1976 - 1980 do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đề ra.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Nghĩa đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mặc dù là thị xã, nhưng cơ cấu kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp lại phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, thủy lợi còn kém phát triển, phương tiện, vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu... thiếu thốn. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung trong lần thứ 2 (khoá IV) về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, ngay từ đầu nhiệm kỳ Đại hội khoá XI (10-1976), Thị ủy ban hành Nghị quyết số 01/CT-TU, ngày 5-8-1977 nhằm tập trung chỉ đạo giải quyết vấn đề lương thực của thị xã. Nghị quyết yêu cầu: Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, thị xã phải tự giải quyết, trang trải được lương thực trên địa bàn và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Để đạt được yêu cầu đó, nghị quyết đề ra các giải pháp: Phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, làm phân xanh, phân chuồng, chuẩn bị giống, vật tư, kỹ thuật... gieo trồng đúng thời vụ; tận dụng hết các diện tích đất đai để gieo cấy lúa, trồng hoa màu, kiên quyết không để ruộng đất hoang hóa. Tuyên truyền trong nhân dân tự giác thực hành tiết kiệm lương thực bằng cách tăng màu vào bữa ăn chính, hạn chế đến mức tối đa việc làm bánh tráng bằng bột gạo, cấm tuyệt đối việc nấu rượu bằng gạo; bằng các phương pháp chế biến màu (mì, dong riềng) làm thức ăn cho người và gia súc; phát động phong trào hũ gạo tiết kiệm trong cán bộ và nhân dân. Đi liền với tiết kiệm lương thực, phải bằng mọi biện pháp kiểm soát cửa biển Nghĩa An, bến xe, bến tàu, không cho lương thực từ thị xã lưu thông ra tỉnh

ngoài. Đồng thời tích cực thực hiện đồng bộ các biện pháp để thu mua lương thực trong nhân dân đạt hiệu quả cao nhất. Thị ủy quyết định thành lập ban chỉ đạo thu mua lương thực do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã làm trưởng ban và một số thành viên. Xã Nghĩa Hà được Thị ủy chọn làm xã điểm phát động thu mua lương thực.

Với nhiều biện pháp đồng bộ, chỉ đạo thực hiện sâu sát, sản xuất nông nghiệp thị xã đạt được kết quả khá. Diện tích, năng suất, sản lượng lương thực đều tăng. So với năm 1970, diện tích gieo trồng tăng 25,3%, sản lượng lương thực đạt 41.553 tấn, tăng 12,83%, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 222 kg, tăng 12,8%. Thu thuế nông nghiệp, thu mua lương thực đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Đời sống nhân dân ổn định và có bộ phận được cải thiện. Tuy đạt được một số kết quả nhất định, nhưng so với chỉ tiêu về bình quân lương thực tính theo đầu người vẫn không đạt kế hoạch đề ra²¹.

Tháng 7-1977, do những khó khăn chung trong sản xuất nông nghiệp của cả nước, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 2 (khóa IV) ra nghị quyết về phát triển nông nghiệp. Nghị quyết đề ra 3 mục tiêu của sản xuất nông nghiệp là : Bảo đảm lương thực cho toàn xã hội, bao gồm cả thức ăn cho chăn nuôi và có lương thực dự trữ; cung ứng nguyên liệu cho phát triển công nghiệp; tăng nhanh nguồn xuất khẩu. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và chủ trương của Tỉnh ủy, ngày 12-10-1977, Hội nghị Thị ủy lần thứ 5 ban hành Nghị quyết: “Tập trung cao độ thực hiện thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân 1977-1978”²². Nghị quyết nêu rõ: “Trước tình hình trong tỉnh cũng như cả nước đang gặp khó khăn lớn về sản xuất nông nghiệp, đòi hỏi toàn Đảng bộ thị xã phải có quyết tâm cao và tạo nên những chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc trong cán bộ, đảng viên, dù tình huống nào cũng quyết vươn lên giành thắng lợi toàn diện trong vụ sản xuất đông - xuân 1977-1978.

²¹ Chỉ tiêu 300 kg/người.

²² Nghị quyết Hội nghị Thị ủy lần thứ 5 (khóa XI). Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện Ủy Tư Nghĩa.

Nghị quyết cũng nêu các chỉ tiêu cụ thể để phấn đấu về diện tích, sản lượng lương thực, rau màu, cây công nghiệp. Nghị quyết đề ra các giải pháp thực hiện, trong đó giải pháp quan trọng hàng đầu là khâu chỉ đạo tổ chức thực hiện. Nghị quyết yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở phát động cán bộ, đảng viên và nhân dân thị xã ra quân thực hiện chiến dịch sản xuất đông - xuân kéo dài trong 3 tháng (từ tháng 11-1977 đến tháng 1-1978). Ban chỉ huy chiến dịch do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã làm trưởng ban, các đồng chí Phó Chủ tịch, Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp làm phó ban. Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tăng diện tích, năng suất, sản lượng lúa vụ 3, nên so với năm 1977, tổng diện tích gieo trồng tăng 251 ha (tăng 1%), sản lượng lương thực đạt 47.290 tấn (tăng 9,4%), bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 235,8 kg/người. Tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra, nhưng bình quân lương thực tăng 10 kg/người.

Để mở đường cho sản xuất nông nghiệp phát triển, đồng thời định hướng cho nền kinh tế nước ta quá độ đi lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tháng 8-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 15/BBT về xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam. Cụ thể hóa chủ trương của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định bắt đầu từ vụ hè - thu hoặc vụ mùa năm 1977, mỗi huyện, thị xã trong tỉnh xây dựng một hợp tác xã. Yêu cầu của việc chọn làm thí điểm hợp tác xã là những nơi thuận lợi cho sản xuất, chủ động được nguồn nước tưới, có cán bộ tổ chức thực hiện và bảo đảm chắc chắn thành công. Ngoài các yêu cầu trên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn yêu cầu phải coi thí điểm xây dựng hợp tác xã là nội dung công tác trực tiếp của địa phương, của các cấp các ngành; phải từ việc thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp mà rút ra nội dung xây dựng cấp huyện, làm trên địa bàn huyện; phải xây dựng kiện toàn huyện một bước để đủ sức chỉ đạo cơ sở. Tỉnh ủy cử một số cán bộ về các địa phương hỗ trợ công tác xây dựng hợp tác xã. Đối với thị xã Quảng Nghĩa, ngoài đội ngũ cán bộ tỉnh, tỉnh Nghệ An kết nghĩa còn cử 10 cán bộ vào giúp đỡ.

Sau nhiều lần thảo luận, cân nhắc, Đảng bộ quyết định chọn xã Nghĩa Lâm làm điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh. Xã Nghĩa Lâm nằm ở phía tây thị xã, có diện tích tự nhiên 937,6 ha, trong đó có 505 ha đất canh tác. Nằm ven bờ nam sông Trà Khúc, đất đai xã Nghĩa Lâm khá màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng lúa, mía và hoa màu. Toàn xã có 852 hộ, 3.930 nhân khẩu, được chia làm 7 thôn, riêng thôn 7 sau này được tách ra, thành lập xã Nghĩa Sơn. Xã Nghĩa Lâm từng là căn cứ địa cách mạng trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Đảng bộ Nghĩa Lâm có 90 đảng viên, đều trưởng thành trong chiến tranh. Trước khi được chọn làm thí điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, toàn xã xây dựng được 50 tổ đổi công. Có những tổ đổi công được xây dựng trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt. Đó là những tiền đề rất thuận lợi để Đảng bộ vận động nông dân toàn xã vào con đường hợp tác hóa. Tuy vậy, khi được chọn làm xã điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, không ít cán bộ, đảng viên và nhân dân băn khoăn, lo lắng. Đa số nông dân trong xã là dân trụ bám, nên đã tự khai phá được nhiều ruộng đất, có đầy đủ nông cụ, trâu bò cây kéo, đời sống tương đối ổn định. Trong khi đó, một bộ phận không nhỏ nhân dân ở các khu dòn, sau giải phóng trở về không có tài sản, đất đai, vốn liếng gì đáng kể. Từ đó nảy sinh tư tưởng so bì, không muốn đưa ruộng đất, nông cụ, trâu bò vào hợp tác xã, lén lút bán cả trâu bò, mua lúa gạo tích trữ, đề phòng nạn đói xảy ra.

Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Thị ủy chủ trương cần phải có thời gian để tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt chủ trương hợp tác hóa của Đảng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng bộ về xây dựng thí điểm hợp tác xã. Vì vậy, Ban Thường vụ quyết định lùi thời điểm xây dựng hợp tác xã điểm Nghĩa Lâm đến vụ đông - xuân 1977-1978, chậm 6 tháng so với chủ trương của tỉnh.

Để thực hiện được chủ trương trên, Ban Thường vụ Thị ủy thành lập ban chỉ đạo xây dựng hợp tác xã điểm do đồng chí Phó Bí thư Thị ủy làm

trưởng ban và một số thành viên. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ lập các phương án sản xuất, quy hoạch lại dân cư, quyết định đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ban đầu như kho tàng, trường học, nhà trẻ, trạm xá... làm cho diện mạo đời sống xã hội trong xã thay đổi một cách cơ bản để nhân dân tin tưởng, tự nguyện xây dựng hợp tác xã. Mặt khác, ban chỉ đạo phối hợp với Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể xã tổ chức cho cán bộ, đảng viên viên học tập, quán triệt chủ trương hợp tác hóa của Đảng, nhất là thực hiện đúng ba nguyên tắc tổ chức hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Trên cơ sở quán triệt, tạo sự thống nhất trong Đảng bộ xã về chủ trương xây dựng hợp tác xã, ban chỉ đạo và Đảng bộ xã tổ chức “Đại hội Truyền thống²³” trong 4 ngày. Đại biểu của Đại hội Truyền thống gồm đại diện của 520 gia đình có công với cách mạng trong toàn xã. Trong những ngày đại hội, các đại biểu phát huy tinh thần dân chủ, thảo luận các nhiệm vụ, biện pháp xây dựng hợp tác xã và cuối cùng nhất trí với chủ trương của Thị ủy, bày tỏ quyết tâm xây dựng thành công hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm. Sau đại hội, Đảng bộ xã phân công đảng viên và lực lượng nòng cốt trong mặt trận và các đoàn thể đến từng gia đình để tuyên truyền, vận động. Kết quả, toàn xã có 812/845 hộ tự nguyện viết đơn xin vào hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm được thành lập quy mô toàn xã, với 574 xã viên, tư liệu sản xuất được tập thể hóa gồm 512,2 ha đất, 350 con trâu bò cày kéo và toàn bộ nông cụ sản xuất như cày, bừa, máy bơm nước... Hợp tác xã được chia thành 14 đội sản xuất. Đội có nhiều lao động nhất là 119 người, thấp nhất là 65 người. Trong các đội sản xuất, xã viên được chia thành các đội chuyên như đội chuyên làm đất, chuyên làm giống, chuyên thủy nông, chuyên chăn nuôi, chuyên bảo vệ thực vật... Ngày 10-10-1977, hợp tác xã Nghĩa Lâm tổ chức đại hội đại biểu xã viên lần thứ nhất.

²³ Đại hội Truyền thống là tên gọi do Đảng bộ xã Nghĩa Lâm đặt để tập hợp, vận động nhân dân thực hiện chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp.



Hợp tác xã nông nghiệp xã Nghĩa Lâm.

Sau một năm xây dựng, đến cuối năm 1978, tình hình sản xuất và đời sống của xã viên hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm đi vào ổn định, bước đầu đạt được kết quả tích cực. So với khi chưa tổ chức hợp tác xã, sản lượng lương thực đạt 852 tấn, tăng 9,6%, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 276,5 kg/năm, bình quân ngày công xã viên đạt 2,3 kg; khoảng 32% hộ thu nhập cao hơn, 56% thu nhập tương đương, 12% hộ thu nhập thấp hơn. Hợp tác xã đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước đạt 149,9 tấn lương thực (tăng 18%). Bằng nguồn vốn tự có và vốn của Nhà nước hỗ trợ, cơ sở vật chất của hợp tác xã được xây dựng mới một nhà kho kiên cố, rộng 108m², sân phơi bằng gạch rộng 820 m², 14 nhà hợp của đội sản xuất với tổng diện tích 505m², 2 lò gạch ngói công suất 1,5 triệu viên/năm... Hợp tác xã đầu tư xây dựng bờ vùng, bờ thửa, hệ thống hồ đập, kênh mương thủy lợi, đồng thời chuyển toàn bộ 97 hộ dân thôn 5 và 13 hộ dân thôn 6 đến nơi ở mới, cải tạo 20ha đất thổ cư của hai thôn này thành đất sản xuất. Hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm trở thành một trong 4 hợp tác xã tiêu biểu nhất trong phong trào hợp tác hóa của tỉnh, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc và đồng chí Đỗ Mười - Phó Thủ tướng Chính phủ về thăm.

Phát huy những kết quả đạt được, trên cơ sở những kinh nghiệm tích lũy được trong xây dựng hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm, Đảng bộ tiếp tục mở rộng diện xây dựng hợp tác xã nông nghiệp tại các xã khác. Kết thúc năm 1978, toàn thị xã xây dựng được 9 hợp tác xã, trong đó có 1 hợp tác xã toàn xã là Nghĩa Lâm, 8 hợp tác xã còn lại quy mô thôn hoặc liên thôn ở xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Hiệp, Vạn An (xã Nghĩa Thương), thôn 3 (xã Nghĩa Điền), chiếm 21% (2.434 ha) tổng diện tích đất canh tác, 24% (6.686 hộ) tổng số hộ²⁴. Đến tháng 10- 1980, tất cả các xã đều xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp, Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp cơ bản hoàn thành. Toàn thị xã có hơn 85% diện tích đất canh tác và phần lớn tư liệu sản xuất được tập thể hóa, 90% hộ nông dân đã tham gia với 19.895 xã viên và 6.614 ha ruộng đất. Qua phân loại 25 hợp tác xã. Riêng trên địa bàn Tư Nghĩa có 25 hợp tác xã, hợp tác xã, có 8 hợp tác xã đạt loại khá, 11 hợp tác xã loại bình và 6 hợp tác xã loại yếu.

Đầu năm 1980, thực hiện chủ trương của Trung ương đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới và tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong những năm trước đó, Ban Thường vụ Thị ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TV xác định rõ mục đích yêu cầu, kế hoạch và giao chỉ tiêu số lượng vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh cho từng xã, phường. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong năm, Ban Thường vụ Thị ủy tổ chức hai đoàn khảo sát địa điểm xây dựng vùng kinh tế mới. Vùng kinh tế mới ngoài tỉnh là khu vực Ko Leng, thuộc huyện Sa Thầy, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là tỉnh Kon Tum). Vùng kinh tế mới trong tỉnh được xác định là thôn Trường Khánh, xã Hành Tín, huyện Nghĩa Minh (nay là huyện Nghĩa Hành). Ban Thường vụ Thị ủy cũng quyết định thành lập ban chỉ đạo đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới do đồng chí Phó Bí thư Thị ủy làm trưởng ban. Các xã, phường cũng thành lập ban vận động kinh tế mới. Ban chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với các xã, phường lập danh sách lựa chọn

²⁴ Chín hợp tác xã được chia thành 119 đội sản xuất, 43 đội chuyên khâu.

các hộ thuộc diện đi xây dựng vùng kinh tế mới, lập kế hoạch thời gian, địa điểm đưa dân đi, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, phương tiện vận chuyển... Đợt đầu năm 1980 toàn thị xã đưa được 100 hộ đi Ko Leng, 153 hộ tự túc đi các tỉnh Lâm Đồng, Daklak, 174 hộ đi Trường Khánh huyện Nghĩa Minh (nay thuộc huyện Nghĩa Hành).

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực sản xuất công thương nghiệp được chú trọng. Thị xã Quảng Nghĩa là địa phương tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, cơ sở kinh doanh thương nghiệp. Đến năm 1978, sau ba năm thực hiện cải tạo, Đảng bộ lãnh đạo các ngành chức năng tiến hành kiểm kê hàng hóa các hộ kinh doanh nhỏ, chuyển 915 hộ tiểu thương sang sản xuất, xây dựng được 17 hợp tác xã mua bán, 3 hợp tác xã và 50 tổ hợp tác sản xuất tiểu - thủ công nghiệp. Riêng trên địa bàn Tư Nghĩa có 8 hợp tác xã, 13 tổ hợp tác sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút 1.488 lao động. Nghề cá tổ chức được 3 hợp tác xã, 4 tổ hợp tác, thu hút 359 lao động, 47 tàu thuyền với tổng công suất 2.768 CV.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế ở thị xã Quảng Nghĩa, tuy phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, vừa phải kiên trì vận dụng các hình thức tuyên truyền, vận động, kết hợp với các biện pháp hành chính, kinh tế, vừa làm vừa rút kinh nghiệm và cuối cùng đã đạt mục đích đề ra. Về nông nghiệp, các hình thức sở hữu phong kiến về ruộng đất và cùng với nó là các kiểu bóc lột phong kiến đã hoàn toàn bị xóa bỏ, thay vào đó là các hợp tác xã với các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất tập thể, cách thức tổ chức sản xuất, quản lý, phân phối sản phẩm theo chế độ xã hội chủ nghĩa. Sản xuất nông nghiệp và đời sống xã hội nông là người làm thuê, mất hết ruộng đất trở thành người làm nông dân từ địa vị là người làm thuê, mất hết ruộng đất trở thành người làm chủ toàn bộ tư liệu sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp tư nhân, cá thể bị xóa bỏ. Hầu hết tiểu thương được chuyển sang sản xuất hoặc được vận động đi xây dựng vùng kinh tế mới. Các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất trong

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng trong thương nghiệp đã thay thế toàn bộ hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh thương nghiệp của chế độ cũ. Trong thực tế ở thị xã Quảng Nghĩa cũng như cả nước, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp là nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Trong cải tạo nông nghiệp do chạy đua với thời gian, nên sự chỉ đạo thực hiện của Đảng bộ phải đẩy nhanh tốc độ hợp tác hóa, nhiều nơi xảy ra hiện tượng gò ép nông dân, vi phạm 3 nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Hơn nữa vào kỳ thời này, mô hình tổ chức hợp tác xã ở các tỉnh miền Bắc đã bộc lộ nhiều khuyết điểm, cản trở sự phát triển của sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, việc rập khuôn, máy móc cách thức tổ chức hợp tác xã theo chủ trương của Trung ương, lại được tiến hành trong một thời gian ngắn đã làm triệt tiêu động lực của người lao động. Cùng với thời điểm cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp hoàn thành cũng đồng thời là lúc sản xuất nông nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn, sụt giảm cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Năm 1980 diện tích gieo cấy toàn thị xã chỉ đạt 12.021 ha, bằng 88% kế hoạch và chỉ bằng 87% năm 1979. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 30.414 tấn, bằng 63% kế hoạch và chỉ bằng 71% năm 1979. Sản lượng lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 140 kg, giảm 71 kg so với năm 1979. Diện tích trồng cây công nghiệp như mía, lạc, cói, thuốc lá, dâu tằm chỉ đạt 960 ha, bằng 58,2% kế hoạch và bằng 66% năm 1979. Nguyên nhân làm cho sản xuất nông nghiệp thị xã giảm sút, một mặt là do tác động, ảnh hưởng của tiến hán kéo dài, sâu bệnh phá hại, mặt khác sâu xa hơn là sự yếu kém trong sản xuất, quản lý tư liệu sản xuất, điều hoà lao động và phân phối sản phẩm của các hợp tác xã. Tính chủ quan, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa còn biểu hiện trên các lĩnh vực khác như phát động, tổ chức cho nhân dân chống hạn, trồng rừng, khai hoang phục hoá mở rộng diện tích canh tác hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới theo kiểu chiến dịch. Trong thực tế cách làm này không phù hợp, hiệu

quả kinh tế thấp. Trong cải tạo công - thương nghiệp, Đảng bộ thị xã chưa lường hết các khó khăn trong tổ chức sản xuất kinh doanh sau cải tạo. Đến năm 1980, toàn thị xã xây dựng được 19 hợp tác xã tiểu - thủ công nghiệp, nhưng tồn tại trên thực tế chỉ được 5 hợp tác xã. Hoạt động của các hợp tác xã lâm vào tình trạng khó khăn, sản xuất cầm chừng. Có một số hợp tác xã làm ăn không hiệu quả và phải giải thể, như hợp tác xã chế biến đồ mộc Nghĩa Hiệp, hợp tác xã chế biến bột mỳ Việt Hùng, hợp tác xã nhựa Tiền Phong ... Sáu tháng đầu năm 1980, chỉ tiêu tỉnh giao cho thị xã Quảng Nghĩa đưa 1250 hộ dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ngoài tỉnh, nhưng thị xã chỉ đưa được 253 hộ, đạt 20,5% chỉ tiêu. Hơn nữa, trong 100 hộ, đi vùng kinh tế mới Kơ Leng (Sa Thầy) chỉ có 47 hộ ở lại còn 53 hộ bỏ về địa phương.

Những năm cuối của thập kỷ 70, tình hình kinh tế- xã hội cả nước nói chung, tỉnh Nghĩa Bình nói riêng gặp nhiều khó khăn gay gắt. Sản xuất trì trệ, năng suất, hiệu quả giảm sút, nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, lạm phát tăng nhanh. Năm 1980, sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh chỉ đạt 75% kế hoạch, bằng 87% năm 1979. Bình quân lương thực tính theo đầu người chỉ đạt 200 kg. Từ ngày 18 đến ngày 27-8-1979, Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) đề ra một số chủ trương có tính chất đổi mới nhằm đưa nền kinh tế - xã hội nước ta thoát khỏi khó khăn, khủng hoảng. Thể chế hoá các chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ 6, Chính phủ ban hành một số quyết định quan trọng nhằm làm cho sản xuất “bung ra” như khuyến khích tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá (ngày 10-9-1979), khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò (ngày 3-10-1979), bãi bỏ các trạm kiểm soát, để hàng hoá tự do lưu thông trên thị trường. Nhiều tỉnh trong cả nước bắt đầu thực hiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khoá IV), ngày 25-10-1980 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU chủ trương thí điểm khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Nghị quyết

nêu rõ: Công tác khoán phải bảo đảm các nguyên tắc hợp tác xã dụng quản lý, tư liệu sản xuất đã tập thể hoá, nắm vững định mức kinh tế kỹ thuật, tận dụng tối đa đất đai, tài nguyên, phương tiện, lao động, gắn chặt lợi ích nhà nước, tập thể và người sản xuất. Chú ý khuyến khích vật chất, thực hiện tốt chế độ thưởng phạt. Nghị quyết số 24 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra đời làm sống lại không khí lao động trong các hợp tác xã, tạo động lực mới làm chuyển biến mạnh mẽ đời sống xã hội nông thôn trong tỉnh. Tuy chỉ ở mức độ thí điểm, nhưng vụ đông xuân 1980-1981, thị xã tổ chức khoán ở 3 đội sản xuất thuộc hai hợp tác xã là hợp tác xã Nghĩa Lâm và Nghĩa Kỳ Bắc. Ngay sau đó, vụ hè - thu, khoán sản phẩm được triển khai ở 90/322 đội sản xuất và 14/24 hợp tác xã trong toàn thị xã, với diện tích đất giao khoán là 714 ha lúa, 210 ha mía và 300 ha màu. Tuy chưa triển khai rộng rãi, nhưng khoán sản phẩm được tuyệt đại đa số xã viên các hợp tác xã hưởng ứng. Khoán sản phẩm đã khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, định mức trong các hợp tác xã, tận dụng được khả năng về vốn, sức lao động của xã viên. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp có bước khởi đầu tốt đẹp, khai thông được bế tắc trong sản xuất nông nghiệp.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100 - CT/TW về: “Cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”. Chỉ thị nêu rõ mục đích khoán sản phẩm cũng như các mặt trong công tác quản lý nông nghiệp là: “Bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã²⁵. Với mục đích đó, khoán sản phẩm trong nông nghiệp là sự mở đầu của quá trình nhận thức và đổi mới về con đường phát triển nông nghiệp nước ta. Từ đây cùng

²⁵ Một số văn kiện của Đảng về phát triển nông nghiệp, N.x.b Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, trang 10.

với các huyện, thị xã trong tỉnh, nông nghiệp thị xã Quảng Nghĩa bước vào thời kỳ phát triển ổn định, đời sống nông dân, nông nghiệp, nông thôn bắt đầu có sự khởi sắc.

Những năm 1976-1980, những khó khăn về kinh tế - xã hội của đất nước ảnh hưởng sâu sắc đến sự nghiệp phát triển văn hoá, xã hội của thị xã. Sự nghiệp giáo dục từng bước ổn định, có mặt phát triển ở các cấp học, bậc học, đội ngũ giáo viên, cơ sở trường lớp học, nhưng vì phải tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nên sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền chưa đúng mức. Trình độ giảng dạy, quản lý của đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường học, nhất là cấp 1 - 2 còn yếu. Phong trào học tập, nhất là học bổ túc văn hoá chưa cao. Cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ việc dạy và học, trường lớp còn thiếu thốn, tạm bợ. Nhiều nơi học sinh phải học 3 ca. Có nơi học sinh không có ghế ngồi học. Trong hoàn cảnh đó, ngành giáo dục thị xã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đạt được một số kết quả tích cực. Năm học 1978-1979, thị xã hoàn thành công tác xoá nạn mù chữ. Năm 1980, thị xã hoàn thành phổ cập cấp I. Nhiều địa phương phát động và triển sự nghiệp giáo dục. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các hội đoàn thể tích cực học bổ túc văn hoá. Hệ thống trường lớp được củng cố, chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao ... Những thành tích trên tạo điều kiện để Đảng bộ và nhân dân thị xã thực hiện chủ trương cải cách giáo dục bắt đầu từ năm học 1980 - 1981 đạt kết quả. Tuy vậy, do đời sống kinh tế khó khăn và tác động của các phần tử xấu, nên thời kỳ này nhiều giáo viên chưa yên tâm công tác. Một bộ phận giáo viên bỏ dạy, học sinh bỏ học, gây tác động xấu cho sự nghiệp phát triển giáo dục của thị xã.

Ngoài các cấp học, bậc học phổ thông, trên địa bàn thị xã một số trường chuyên nghiệp, dạy nghề được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Ngày 28-6-1976, Bộ Tài chính quyết định thành lập Trường Trung học Tài chính - Kế toán 3. Trường có nhiệm vụ đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ có trình độ trung học tài chính - kế toán cho khu vực duyên hải miền Trung - Tây Nguyên²⁶. Tiếp đó, ngày 12-7-1976, Bộ Thủy lợi ban hành quyết định thành lập Trường Công nhân Cơ giới 2. Trường có nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật thi công cơ giới, bao gồm các ngành nghề: lái xe thi công, vận hành thi công máy xúc, máy ủi, vận hành máy đứng thi công, vận hành máy phát điện diezen và sửa chữa ô tô. Tháng 10-1977, trường khai giảng khóa học đầu tiên với số lượng 150 học sinh. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình và trường Sơ cấp Nông nghiệp huyện.

Hoạt động văn hoá, thông tin những năm 1976-1980 tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Thị xã thành lập được đội thông tin lưu động. Đội thường xuyên tổ chức các đợt tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đem đến cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là nhân dân vùng nông thôn, miền núi ánh sáng văn hoá của Đảng, của cách mạng. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, con người mới tiếp tục được triển khai mạnh mẽ đến các xã, phường, khu dân cư. Tàn dư văn hoá của chủ nghĩa thực dân mới do Mỹ - ngụy để lại từng bước bị xoá bỏ. Các đội chiếu phim lưu động tích cực phục vụ nhân dân các xã vùng ven thị xã và vùng nông thôn. Do ít được đầu tư về kinh phí và phương tiện hoạt động, đội ngũ cán bộ văn hoá chưa được đào tạo cơ bản, nên hiệu quả hoạt động văn hoá, thông tin còn thấp. Tổ chức các hoạt động văn hoá mang tính pha đột, kiểu chiến dịch. Nhận thức một số cấp ủy về nội dung cuộc cách mạng tư tưởng - văn hoá trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội còn hạn chế, nên có lúc, có nơi diễn ra những hành động cực đoan trong công tác bài trừ các sản phẩm văn hoá do chế độ cũ để lại.

²⁶ Đến ngày 29-12-1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1143/1997/QĐ-TTg nâng cấp trường thành Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được củng cố và phát triển. Mạng lưới y tế mở rộng đến tận các xã, thị trấn. Bình quân mỗi xã có một tủ thuốc chữa bệnh trị giá từ 2.000 đến 3.000 đồng. Một số xã hình thành được vườn thuốc Nam, tổ chức trồng, chăm sóc, chế biến thuốc Nam chữa được một số bệnh thông thường cho nhân dân. Phong trào ăn, ở hợp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh được toàn dân hưởng ứng, thực hiện. Trong khi nhiều địa phương trong tỉnh bùng phát các loại dịch bệnh lớn gây chết người như dịch tả “4 không”, lỵ, sốt xuất huyết, sốt rét, trên địa bàn thị xã tuy xảy ra dịch tả ở xã Nghĩa An, nhưng được dập tắt kịp thời, không để xảy ra dịch lớn. Cuộc vận động xây dựng 3 công trình vệ sinh tiếp tục được các hộ gia đình xây dựng rộng khắp trong toàn thị xã. Tuy vậy, thời kỳ này thuốc chữa bệnh rất khan hiếm, giá cả đắt đỏ, do lượng thuốc của hệ thống y Nhà nước không đủ cung cấp, trong khi tư nhân kinh doanh thuốc chữa bệnh bị cấm. Ý thức của một bộ phận cán bộ y tế xuống cấp. Nạn chữa bệnh chui, bán thuốc giả diễn ra một số nơi, nhưng các cơ quan quản lý chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Đồng thời với lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, Đảng bộ quan tâm củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn, phối hợp với các địa phương khác chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, nhất là sau khi bọn phản động Pôn pốt - Iêng xa ry và Trung Quốc vô cớ phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta ở biên giới tây nam và biên giới phía bắc, Ban Thường vụ Thị ủy xác định nhiệm vụ phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, phòng chống chiến tranh tâm lý, chống địch xâm nhập nội bộ là nhiệm vụ chính trị cấp bách, trọng tâm của Đảng bộ. Ngày 12-7-1977, Ban Thường vụ Thị ủy ra Chỉ thị số 22 CT/TV về: Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị. Ngày 24/10/1977, Ban Thường vụ Thị ủy ra Chỉ thị số 31 - CT/T về: Một số vấn đề đối với vụ án nhen nhóm tổ chức

“phục quốc” của bọn phản cách mạng ở thị xã Quảng Nghĩa. Ngày 21-3-1979, Hội nghị Thị ủy lần thứ 10 (khoá XI) ra Nghị quyết số 03 - NQTV về: Xác định nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ trong cuộc kháng chiến chống Trung Quốc xâm lược. Ngày 15-8-1979, Ban Thường vụ Thị ủy ra Chỉ thị số 17- CT/TV về: Tăng cường đấu tranh chống dịch xâm nhập nội bộ và chiến tranh tâm lý của địch, tích bảo vệ tuyệt đối an toàn cơ quan, xí nghiệp... Các văn bản chỉ đạo công tác quốc phòng, an ninh nói trên được Ban Thường vụ Thị ủy tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc và đạt được những kết quả tích cực. Về tư tưởng, chính trị hầu hết cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thị xã nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn của địch, những khó khăn, thuận lợi khi Đảng và nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người dân trước vận mệnh của đất nước. Về xây dựng lực lượng, năm 1978 thị xã thành lập đại đội 75 (C75) với quân số 80 cán bộ, chiến sỹ²⁷. Khi chiến tranh biên giới phía bắc xảy ra, thị xã thành lập tiểu đoàn quân dự nhiệm với quân số 210 cán bộ, chiến sỹ ra mắt đúng vào dịp kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22-12-1979). Quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng về vũ trang toàn dân chống chiến tranh xâm lược, tất cả các công dân thị xã, nam từ 18 đến 45 tuổi, nữ từ 18 tuổi đến 35 đều đăng ký tham gia lực lượng du kích, tự vệ. Mỗi xã có từ 10 đến 20 du kích cơ động. Mỗi thôn xây dựng từ 1 đến 2 trung đội du kích. Mỗi xí nghiệp, công, nông trường, trường học đều vào tổ chức tự vệ. Lực lượng du kích, tự vệ được học tập huy động từ 70 đến 80% tổng số cán bộ, công nhân viên chính trị, huấn luyện kỹ, chiến thuật, được trang bị vũ khí để có thể chiến đấu khi chiến sự xảy ra. Các tập đoàn đánh cá, hợp tác xã đánh bắt cá đều được tổ chức thành các tiểu đội, trung đội du kích có khả năng tác chiến trên biển. Các

²⁷ Sau giải phóng, đại đội 75 (trong kháng chiến chống Mỹ) được giao về tỉnh quản lý. Năm 1978, thị xã thành lập đơn vị lực lượng vũ trang mới cũng mang tên Đại đội 75.

thôn, xóm, cơ quan, xí nghiệp, những nơi tập trung đông dân cư đều xây dựng công sự, hầm, hào chiến đấu. Chỉ tính riêng năm 1979, nhân dân thị xã đóng góp 18.415 ngày công lao động, 1.000 cây tre, 1.200 bao cát, 150 mét nilon để làm 19 hầm kéo dọc bờ biển, đắp 5 kilômét lũy chiến đấu, đào 3.263 hầm trú ẩn cá nhân, 2.600 mét hào giao thông, làm 2 trận địa pháo 37 ly, 9 hầm phòng không ... Mặt khác, thị xã cũng đề ra phương án chuẩn bị các điều kiện vật chất, nơi ăn, ở, sinh hoạt để sơ tán dân, nếu chiến tranh xảy ra. Chuyển toàn bộ các hoạt động kinh tế - xã hội vào thời chiến. Một số ban như ban hậu cứu, ban tiếp nhận, ban sơ tán cũng được thành lập để chỉ đạo giải quyết các tình huống nếu chiến tranh lan rộng. Tất cả đều sẵn sàng chủ động đối phó khi chiến tranh xảy ra.

Thời kỳ 1976-1980, công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuy phải đối phó với nhiều diễn biến phức tạp, nhưng đạt được kết quả tích cực. Lực lượng công an nhân dân được củng cố, kiện toàn, giữ vai trò nòng cốt trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công an thị xã phát hiện và phá thành công nhiều tổ chức hoạt động chống phá cách mạng. Đặc biệt năm 1977 công an thị xã phối hợp với công an các huyện trong tỉnh phá vỡ tổ chức phản động “Phục quốc” thu nhiều tài liệu, vũ khí. Trong vụ án này, ta bắt 127 tên nguy hiểm có chức vụ từ tỉnh trưởng đến quận trưởng, xã trưởng; 182 tên còn lại đưa ra dân kiểm điểm, tập trung cải tạo tại địa phương. Trong những năm 1977- 1981, lợi dụng tình hình khó khăn về kinh tế - xã hội của cách mạng bị các thế lực thù địch tuyên truyền kích động, nhiều người, chủ yếu là nguy quân, nguy quyền, đảng viên các đảng phái phản động không chịu cải tạo và thân nhân gia đình họ ... tổ chức các vụ vượt biển trốn ra nước ngoài, gây mất trật tự an ninh, tạo cơ cho các thế lực thù địch can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Cao điểm có những lúc, như 6 tháng đầu năm 1980, cơ quan chức năng thị xã phát hiện 31 vụ, gồm 248 người dùng tiền, vàng mua thuyền, hoặc cướp

thuyền của ngư dân tổ chức vượt biển. Trong đó, ta phát hiện và truy bắt 16 vụ, gồm 155 người, xử lý đúng pháp luật việc các phần tử xấu cấu kết với một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất ở thôn Tân Mỹ, xã Nghĩa An tiếp tay cho bọn vượt biển trốn ra nước ngoài.

Thị xã cũng là nơi bọn phản động tập trung tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động chống đối chính quyền. Đây là giai đoạn hầu như năm nào trên địa bàn thị xã cũng có tờ rơi, khẩu hiệu, rải cờ của chính quyền cũ với nội dung kêu gọi nhân dân chống chủ trương hợp tác hóa, làm thủy lợi, khai hoang, thực hiện nghĩa vụ lao động, nghĩa vụ quân sự, đi xây dựng vùng kinh tế mới ... Nhờ làm tốt công tác phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, được quần chúng phát hiện, tố giác tội phạm, nên hầu hết các vụ việc phức tạp đều bị phát giác, vô hiệu hoá.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quốc phòng, an ninh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Các nguồn lực tập trung cho công tác quốc phòng, an ninh chưa tương xứng với tình hình thực tế tại địa phương. Công tác gọi công dân nhập ngũ có những năm không đạt yêu cầu đề ra. Hoạt động của các loại tội phạm chưa được trấn áp kiên quyết và có hiệu quả.

Quán triệt sâu sắc quan điểm chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, trong 5 năm đầu sau giải phóng, Đảng bộ luôn luôn quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo công tác xây dựng và củng cố chính quyền. Từ năm 1977 đến năm 1981, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, thị xã tổ chức ba lần bầu cử Hội đồng nhân dân thị xã và các xã, phường, thị trấn. Lần thứ nhất vào tháng 4-1977, lần thứ hai vào tháng 5-1979, lần thứ ba vào tháng 4-1981. Kết quả lần bầu cử năm 1977, cử tri thị xã bầu được 563 đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp, trong đó Hội đồng nhân dân thị xã có 52 đại biểu. Đồng chí Nguyễn Ngọc Anh (tức Huy Hoàng) được Hội đồng nhân dân

thị xã bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã từ năm 1977 đến năm 1981. Sau mỗi lần bầu cử là mỗi lần tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Do tính chất đặc thù của thị xã, sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân thị xã tháng 4-1977, Ban Thường vụ Thị ủy chỉ đạo thành lập thêm một số phòng, ban mới như: Ban Kinh tế mới và giáp ranh, Ban Cải tạo công thương nghiệp, Phòng Hải sản, nâng tổng số phòng, ban lên 23, với tổng số 229 cán bộ, nhân viên²⁸. Đến năm 1979, thực hiện Chỉ thị số 33 CT/CP của Chính phủ các phòng, ban của thị xã giảm xuống còn 15. Cùng với củng cố tổ chức bộ máy, Đảng bộ thực hiện tốt việc điều động cán bộ tăng cường cho các xã, phường.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Thị ủy, khoá XI chỉ đạo mặt trận và các đoàn thể quần chúng tổ chức đại hội. Sau đại hội, mặt trận và đoàn thể tập trung củng cố tổ chức, phát triển hội viên gắn với nâng cao chất lượng hoạt động. Nhiều phong trào hành động cách mạng của quần chúng do mặt trận và các đoàn thể tổ chức đem lại hiệu quả thiết thực như phong trào hợp tác hoá, khai hoang, thủy lợi, phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ... Thông qua các phong trào, việc phát triển hội viên, đoàn viên đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến năm 1979, toàn thị xã có 3.672 đoàn viên đoàn thanh niên, 26.778 hội viên hội nông dân, 32.000 hội viên hội phụ nữ. Hạn chế trong hoạt động của mặt trận và các đoàn thể thời kỳ này là chỉ chú ý tập hợp hội viên, đoàn viên, phát động phong trào, nhưng chưa quan tâm đến chất lượng, hiệu quả, chăm lo bảo vệ lợi ích hội viên, đoàn viên. Công tác lựa chọn đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở chưa được sàng lọc

²⁸ Các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân, các phòng Tổ chức, Thi đua, Thanh Tra, Lao động, Kế hoạch, Tài chính, Thương nghiệp, Hợp tác xã mua bán, Thủ công nghiệp, xây dựng, Nhà đất, Thương binh - xã hội, Thể dục thể thao, Giao thông, Y tế, Văn hoá - thông tin, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Hải sản, Giáo dục, Ủy ban nông nghiệp, Ban bảo vệ bà mẹ trẻ em.

kỹ, nên dễ xảy ra tình trạng cán bộ mặt trận. đoàn thể thiếu khả năng tập hợp hội viên, đoàn viên.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ thị xã đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Là Đảng bộ được hình thành trên cơ sở hợp nhất hai Đảng bộ huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, đồng thời còn tiếp nhận một số cán bộ, đảng viên các cơ quan sau khi hợp nhất tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định. Do đó, Thị ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ là tập trung củng cố tổ chức cơ sở Đảng, phát triển đảng viên. Năm 1977, Ban Thường vụ Thị ủy ban hành đề án xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh, bảo đảm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đề án được thực hiện trong 2 năm 1977-1978 nhằm mục đích nâng cao một bước năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ xã, hợp tác xã, nhất là đội ngũ cán bộ cốt cán có phẩm chất, năng lực đảm đương nhiệm vụ, làm trong sạch đội ngũ cán bộ cơ sở; xây dựng và cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thị ủy đủ sức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài. Đến cuối năm 1978, sau 2 năm thực hiện đề án, tất cả 91 chi, Đảng bộ được kiện toàn, củng cố. Qua xếp loại có 83 chi, Đảng bộ xếp loại khá, 8 chi, Đảng bộ xếp loại yếu. Toàn Đảng bộ có 3.056 đảng viên. Đa số đảng viên có lập trường chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, được quần chúng tín nhiệm. Trong 2 năm, Đảng bộ kết nạp được 103 đảng viên, đồng thời thi hành kỷ luật 78 đảng viên thoái hoá biến chất, vi phạm Điều lệ Đảng, trong đó khiển trách 15 đồng chí, cảnh cáo 37 đồng chí, cách chức 4 đồng chí, lưu đảng 13 đồng chí, khai trừ 9 đồng chí.

Đầu năm 1980, Đảng ta chủ trương mở cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh làm động lực thúc đẩy các cuộc vận động khác nhằm hoàn thành những mục tiêu mà các nghị quyết của Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đề ra. Thực hiện chủ trương trên, Đảng bộ thị xã chọn

Đảng bộ xã Nghĩa Hiệp làm điểm chỉ đạo, tổ chức cuộc vận động. Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá, phân loại đảng viên, Đảng bộ tổ chức phát thẻ đảng viên đợt 1 - đợt kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng 3-2 1980. Ban Thường vụ Thị ủy yêu cầu đợt kiểm điểm, phát thẻ đảng viên phải đạt được mục tiêu cùng cố một bước về tư tưởng, tổ chức của cấp ủy và các chi, Đảng bộ cơ sở; nội bộ nhất trí với đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện việc thực hiện chính sách thu, mua lương thực, thuế, nghĩa vụ quân sự, đi xây dựng vùng kinh tế mới, làm thủy lợi; đảng viên được quần chúng tín nhiệm. Trên cơ sở các nội dung hướng dẫn của Trung ương, tổ công tác của Thị ủy và Đảng ủy xã Nghĩa Hiệp tổ chức cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ kiểm điểm tự phê bình, phê bình. Từng đồng chí được đảng viên và quần chúng góp ý phê bình. Kết quả phân loại 55 đảng viên của Đảng bộ có 40 đảng viên đủ tư cách, 1 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng phải đưa ra khỏi Đảng, 8 đảng viên phải tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, các đảng viên còn lại là đảng viên dự bị, hoặc đi học, thuộc diện chưa phân loại. Phát huy kết quả đạt được, Ban Thường vụ tiếp tục chỉ đạo tất cả các chi, Đảng bộ tổ chức cho cán bộ, đảng viên quán triệt mục đích yêu cầu và phương pháp tiến hành kiểm điểm, xem xét tư cách đảng viên làm cơ sở cho việc phát thẻ đảng viên. Kết quả 6 tháng đầu năm 1980, Đảng bộ thị xã có 1.077 đảng viên được kiểm điểm tự phê bình, phê bình, trong đó có 990 đảng viên đủ tư cách, 60 đảng viên phải xem xét, giúp đỡ 12 đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng. Thông qua cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát thẻ đảng viên, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Tư tưởng cán bộ, đảng viên chuyển biến theo chiều hướng tốt. Đa số đảng viên vững vàng trước khó khăn, thử thách của đất nước, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các biểu hiện tiêu cực như công thần, tư lợi, mất đoàn kết nội bộ, tác phong quan liêu đều bị phê phán. Do làm tốt công tác tư tưởng, nhiều chi, Đảng bộ trước đây thuộc loại yếu, kém đã

vươn lên trở thành chi, Đảng bộ khá. Công tác phát triển đảng viên được quan tâm hơn. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ bước đầu được chú ý thực hiện đồng bộ.

Trước những tác động bất lợi của tình hình trong nước và quốc tế, nhưng công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ có những chuyển biến cơ bản trên nhiều lĩnh vực, nhất là củng cố tổ chức cơ sở đảng, uốn nắn những tư tưởng lệch lạc của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy vậy, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ chưa gắn chặt công tác tư tưởng với công tác tổ chức và các công tác khác. Một số cán bộ, đảng viên sa sút về nhận thức tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, nhưng chưa được phê phán, xử lý kịp thời. Phần lớn cán bộ, đảng viên của Đảng bộ, nhất là các xã, phường có tuổi đời cao, trí tuệ, sức lực giảm sút, nên không đảm đương được nhiệm vụ. Công tác phát triển Đảng chậm, có chi, Đảng bộ nhiều năm liền không phát triển được đảng viên.

Từ cuối năm 1975 đến năm 1981, đất nước ta ở trong một thời điểm đặc biệt, vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc nhất trong lịch sử, lại phải đường đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới và tiếp đó là đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt và chính sách bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch. Cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp cấp chỉ thích hợp trong chiến tranh, chuyển sang hoà bình đã trở thành lực cản đối với sự phát triển của đất nước. Tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định lại hợp nhất thành một tỉnh. Bên cạnh một số thuận lợi, có không ít khó khăn đối với sự phát triển của một địa phương nửa đô thị, nửa nông thôn như thị xã Quảng Nghĩa. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân thị xã đã có những nỗ lực vượt bậc, nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu quan trọng. Đảng bộ đã chỉ đạo giữ vững và phát triển sản xuất, từng bước cải tạo các thành phần kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định và từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Các hoạt động văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ. An ninh chính trị,

trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Các tuyến phòng thủ bước đầu được xây dựng, lực lượng vũ trang được củng cố thêm một bước. Hệ thống các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được thiết lập đồng bộ đến tận cơ sở. Quá trình chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ còn có những khuyết điểm, hạn chế. Trong chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ chưa lường hết những khó khăn, thử thách của một đô thị sau giải phóng, đề ra các mục tiêu quá cao, vượt quá khả năng đầu tư phát triển, nên hầu hết các lĩnh vực sản xuất đều không đạt chỉ tiêu đề ra, có lĩnh vực rơi vào tình trạng trị trệ, mất cân đối. Trong cải tạo và xây dựng việc tổ chức sản xuất, quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ chỉ mới chủ trọng khâu cải tạo, chưa chú tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Sau cải tạo, sản xuất nông nghiệp mất cân đối, kém hiệu quả, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gặp khó khăn về nguyên liệu, phụ tùng thay thế, quản lý lao động, tài sản lỏng lẻo, dễ hư hao, mất mát. Xoá bỏ tư thương, nhưng xây dựng thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán thiếu đồng bộ làm cho lưu thông, phân phối ách tắc, khó khăn. Chỉ đạo phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Trấn áp bọn phản cách mạng và các loại tội phạm hình sự thiếu kiên quyết, chưa triệt để. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể còn thấp. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu. Một số không ít cán bộ, đảng viên mất cảnh giác, bị kẻ xấu lợi dụng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, tham ô, móc ngoặc làm giảm sút uy tín của Đảng bộ, bị quần chúng lên án, xem thường.

Mặc dù còn có những khuyết điểm, hạn chế, nhưng kết quả mà Đảng bộ và nhân dân thị xã Quảng Nghĩa đạt được trong những năm hợp nhất là rất quan trọng, tạo cơ sở cho những bước phát triển mới trong những năm 1982-1985.



Đồng chí VÕ TRỌNG NGUYỄN
Bí thư Thị ủy Quảng Nghĩa
(1976 và 1979 - 1980)



Đồng chí TẠ CÔNG HIỂN
Bí thư Thị ủy Quảng Nghĩa
(1977 - 1979)



Đồng chí LÊ ĐOÁN
Bí thư Thị ủy Quảng Nghĩa (1980)



Đồng chí TRƯƠNG THANH HẢI
Bí thư Thị ủy Quảng Nghĩa (1980 - 1981)

CHƯƠNG III

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH (1982-1985)

I. Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lãnh đạo phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội

Theo đề nghị của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghĩa Bình, ngày 24-8-1981 Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 41/HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số huyện, thị xã trong tỉnh, trong đó thị xã Quảng Nghĩa được chia thành hai đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh là huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi²⁹. Sau 6 năm hợp nhất, huyện Tư Nghĩa được tái lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1-1-1982.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ làm thời gồm 13 đồng chí. Thời gian đầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Hồng Dưỡng làm Bí thư, sau đó là đồng chí Nguyễn Tấn Khế, đồng chí Nguyễn Hữu Tiến làm Phó Bí thư. Tại thời điểm tách huyện, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa có 1.192 đảng viên, sinh hoạt tại 38 chi, Đảng bộ cơ sở.

Sau ngày tái lập, huyện Tư Nghĩa có 11 xã là Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà, Nghĩa An, với 53 thôn, 25 hợp tác xã nông nghiệp, 11 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 10 hợp tác xã mua bán. Ngày 29-10-1983, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 123-HĐBT chia xã Nghĩa An thành hai xã Nghĩa An và Nghĩa Phú. Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 22.654,27 ha, trong đó diện tích đất canh tác là 8.906 ha, chiếm

²⁹ Cùng với tách thị xã Quảng Nghĩa, tỉnh Nghĩa Bình còn có các huyện Nghĩa Minh tách thành hai huyện Minh Long và Nghĩa Hành, huyện Phước Vân tách thành hai huyện Tuy Phước và Vân Canh, huyện Tây Sơn tách thành hai huyện Tây Sơn và Vĩnh Thạnh, huyện Hoài An tách thành hai huyện là An Lão và Hoài Ân.

36% diện tích đất tự nhiên, bao gồm đất trồng lúa 4.500 ha, đất trồng mía 1.000 ha, đất trồng rau màu hơn 3.000 ha, còn lại là đất gò đồi, bãi cát ven biển. Dân số toàn huyện là 139.914 người, trong đó có khoảng 65.000 lao động nông nghiệp và các ngành nghề khác. Mật độ dân số 603 người/km².

Sau ngày được tái lập, huyện Tư Nghĩa có những thuận lợi cơ bản. Trước hết, việc tái lập huyện đáp ứng được nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân trong huyện, tạo được không khí hồ hởi, phấn khởi để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Quy mô dân số, phong tục tập quán, diện tích đất đai và tiềm năng lao động được phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo, điều hành của huyện sâu sát, hiệu quả hơn. Tuy bình quân diện tích đất canh tác chỉ 600m²/ người nhưng huyện Tư Nghĩa nằm giữa hai con sông là sông Trà Khúc và Sông Vệ nên phù sa hai con sông này làm cho đất đai màu mỡ, có khả năng thâm canh, tăng vụ để tự trang trải được nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong huyện và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước.

Vùng đất phía tây của huyện khoảng 800 ha, có tiềm năng phát triển vùng mía chuyên canh năng suất cao. Huyện còn có 5.000 ha đất trống, đồi trọc chưa được khai thác. Bờ biển huyện Tư Nghĩa tuy chỉ dài 6 km, nhưng có hai cửa biển quan trọng là Cửa Lở và Cửa Đại rất thuận lợi cho việc neo đậu tàu thuyền và giao thông đường thủy. Đặc biệt, tiềm năng phát triển ngư nghiệp của huyện khá dồi dào với 3.700 lao động, trong đó phần lớn đều có kinh nghiệm khai thác hải sản, 3.500 tàu thuyền với tổng công suất 8.000 mã lực, mỗi năm khai thác trên 6.000 tấn hải sản, trong đó có những loài hải sản có giá trị xuất khẩu như tôm, mực, vi cước cá

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như sản xuất gạch ngói, đồ sành sứ, mía đường, cơ khí, giấy, chế biến nông sản, thực phẩm, chiếu cói..., với đội ngũ lao động có tay nghề giỏi là tiềm năng, thế mạnh của huyện góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, tạo nguồn hàng xuất khẩu phong phú.

Tư Nghĩa là huyện liền kề với thị xã Quảng Ngãi rất thuận lợi trong việc liên doanh, liên kết, hợp tác cùng phát huy lợi thế của từng địa phương để phát triển.

Nhân dân Tư Nghĩa có truyền thống đoàn kết, cần cù sáng tạo trong lao động sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ Tư Nghĩa có đội ngũ cán bộ, đảng viên trung thành với sự nghiệp cách mạng, nhiệt tình trong công tác, mong muốn đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương Tư Nghĩa ngày càng giàu mạnh, văn minh.

Với những lợi thế về điều kiện địa lý và con người, quan trọng cũng như tiềm năng phát triển kinh tế là tiền đề để Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, thử thách phấn đấu xây dựng huyện nhà vững mạnh toàn diện về mọi mặt.

Bên cạnh những thuận lợi, sau ngày tái lập, huyện Tư Nghĩa cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ. Tuy đã hơn 6 năm sau giải phóng khỏi ách xâm lược của đế quốc Mỹ, nhưng tình hình kinh tế - xã hội của huyện vẫn ở trong tình trạng hết sức khó khăn. Thế mạnh của huyện là sản xuất nông nghiệp, nhưng do bình quân diện tích đất canh tác rất thấp, lại liên tục bị thiên tai tàn phá nặng nề, nên sản xuất lương thực, thực phẩm không đủ trang trải đời sống nhân dân. Ở một số vùng, nhân dân lâm vào tình trạng thiếu đói gay gắt. Các ngành nghề tiểu - thủ công nghiệp quá nhỏ bé, liên tục thiếu nguyên, nhiên liệu, làm cho đời sống, việc làm của người lao động bấp bênh, thu nhập thấp. Ngư nghiệp, tuy có tiềm năng lớn, nhưng tàu thuyền, ngư lưới cụ, phương tiện đánh bắt thô sơ, lạc hậu, nghề nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản chưa phát triển, đời sống ngư dân gặp không ít khó khăn. Tái lập huyện là một nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn, nhưng trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa được chuẩn bị đầy đủ, chưa thể đáp ứng được tình hình và nhiệm vụ của một huyện mới được tách ra. Hơn nữa, cũng như thực trạng chung của đội ngũ cán bộ lúc bấy giờ, đa số cán bộ của huyện đều trưởng thành trong chiến tranh, trình độ, năng lực về

quản lý kinh tế, quản lý xã hội, khả năng nắm bắt, vận dụng các chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương còn nhiều hạn chế. Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nghèo nàn, lạc hậu, nhu cầu xây dựng lớn, nhưng khả năng ngân sách còn hạn hẹp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tổ chức bộ máy lãnh đạo, quản lý của huyện mới hình thành, hoạt động chưa đồng bộ.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy lâm thời tập trung nghiên cứu, phân tích đánh giá những thuận lợi, khó khăn của huyện mới được tái lập, trên cơ sở đó thống nhất chỉ đạo các hoạt động quản lý, điều hành của các cấp, các ngành, nhất là củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động các ban tham mưu của Huyện ủy, các phòng, ban chức năng của Ủy ban nhân dân huyện. Cùng với chỉ đạo thực hiện việc ổn định bộ máy tổ chức, sắp xếp đội ngũ cán bộ, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Huyện ủy trong thời gian này là tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ năm 1982, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1983-1986.



Cánh đồng mía xã Nghĩa Lâm.

Lúa và mía là hai loại cây trồng chủ lực của huyện, nhưng do cách tổ chức sản xuất, quản lý và phân phối sản phẩm chưa hợp lý làm mất dần động lực của người lao động. Do đó, tuy mỗi năm diện tích gieo trồng hai loại cây chủ yếu này đều tăng, nhưng năng suất, sản lượng đạt thấp. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TV, ngày 28- 5- 1980 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, rút kinh nghiệm thực hiện chính sách khoán thí điểm tại hợp tác xã nông nghiệp Nghĩa Lâm vụ hè - thu 1981, Đảng bộ huyện tích cực chỉ đạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác khoán, đo đạc lại diện tích, phân khoảnh, định hạng đất, xác định tốt về mọi mặt tiến hành triển khai mức khoán, chuẩn khoảnh sản phẩm đồng loạt tại các hợp tác xã. Đến vụ đóng xuân năm 1981-1982, toàn huyện có 24/25 hợp tác xã, với 266 đội sản xuất, gồm 10.069 hộ được chia thành 18.115 nhóm lao động nhận khoán 5.035/6.544 ha diện tích đất canh tác, chủ yếu là đất trồng mía, lúa và màu. Đồng thời một số hợp tác xã cũng thực hiện chính sách khoán sản phẩm trong một số lĩnh vực khác như chăn nuôi gia súc, gia cầm ở hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc, Đông Hiệp, Nam Phương, La Hà, Điện An, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải ở hợp tác xã Đông Hiệp, sản xuất gạch ngói ở hợp tác xã Quyết Thắng, Đông Thắng, Đông Hiệp, Nghĩa Kỳ Bắc... Đến vụ hè thu năm 1982, tất cả 25 hợp tác xã nông nghiệp trên địa huyện đều thực hiện chính sách khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động.

Cuối năm 1982, Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức hội nghị sơ kết công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư. Hội nghị đánh giá tác dụng và kết quả bước đầu của công tác khoán, chỉ rõ khuyết điểm và nguyên nhân, phương hướng và biện pháp giải quyết các vấn đề tồn tại.

Về tác dụng và kết quả của khoán sản phẩm, Hội nghị nhận định: Tuy kết quả khoán sản phẩm ở một số hợp tác xã có khác nhau nhưng tựu chung những nơi nào vận dụng tốt 3 yêu cầu và 5 nguyên tắc³⁰ trong khoán sản

³⁰ Ba yêu cầu: Bảo đảm sản xuất phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế; Củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn; Không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên.

phẩm thì ở nơi đó phát huy được hiệu quả. Đó là chính sách khoán phát huy được nguyên tắc dân chủ về kinh tế, gần quyền, lợi và nghĩa vụ của người lao động, kích thích mỗi người. nêu cao tinh tự phác, tận dụng hết công thừa, công rồi, đầu tư công sức, tiền vốn vào sản xuất, tăng cường độ lao động trong những lúc mùa vụ cao điểm. Lúc còn là hợp tác xã, do chạy theo công điểm, người lao động chỉ cấy tối đa 50 khóm mạ/m², bìa ruộng cấy vừa, giữa ruộng cấy thưa, nhưng khi nhận khoán người lao động cấy đúng mật độ 65-70 khóm/m², làm cỏ sục bùn 3-4 lần/vụ. Đa số hộ nhận khoán không chỉ sử dụng phân bón do hợp tác xã cấp theo định lượng mà còn đầu tư thêm các loại phân bón để tăng sản phẩm vượt khoán. Xã viên hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc đầu tư thêm mỗi ha 1 tấn phân chuồng, 60 kg phân urê, 1.100 đồng thuốc trừ sâu, xã viên hợp tác xã Đông Hiệp đầu tư thêm mỗi ha khoảng 2 tấn phân chuồng, 100 kg phân urê, 1.600 đồng thuốc trừ sâu. Ở nhiều hợp tác xã, xã viên tự bỏ công đào giếng, dùng cần vọt tưới nước chống hạn như Đông Hiệp, Tây Hiệp, Đông Hòa, Tây Hòa, An Phú... Nhờ được đầu tư đồng bộ, nên năng suất, chất lượng, hiệu quả do khoán mang lại cao hơn so với cách thức tổ chức sản xuất như trong các hợp tác xã trước đó. Hầu như ở tất cả các hợp tác xã trong huyện, xã viên đều vượt mức khoán. Vụ đông- xuân 1981-1982, xã viên hợp tác xã Đông Hiệp vượt mức khoán 3 tạ/ha, Nghĩa Kỳ Bắc vượt 2 tạ/ha. Có đội sản xuất như đội 4, hợp tác xã Đông Hiệp xã viên vượt 11 tạ/ha. Có xã viên ở hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc, Đông Hiệp thực thu 63 tạ/ha trong khi mức khoán là 25 và 27 tạ/ha. Đối với cây mía, trước khi khoán năng suất bình quân của hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc chỉ 34,6 tấn/ha. Nhưng khi thực hiện chủ trương khoán, năng suất tăng lên 52 tấn/ha.

Tác dụng của khoán còn thể hiện ở nhiều khía cạnh khác, như hạn chế được nạn trộm cắp, tham ô khi thu hoạch sản phẩm, chấm dứt tình trạng trâu, bò thả rong phá hoại cây trồng và nhất là chi phí gián tiếp cho bộ máy

- Năm nguyên tắc: Hợp tác xã nông nghiệp quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất; tổ chức tốt việc quản lý và điều hành lao động; có quy hoạch và kế hoạch phù hợp; nắm được sản phẩm; phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên.

quản lý giảm được rất đáng kể, trình độ tổ chức và quản lý sản xuất của đội ngũ cán bộ hợp tác xã được nâng lên.

Tác dụng của khoán là rất lớn, làm thay đổi cách thức tổ chức, quản lý và phân phối sản phẩm trong sản xuất, tạo tiền đề để tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tiến cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hội nghị nhận thấy một số khuyết điểm nổi lên trong quá trình tổ chức thực hiện khoán sản phẩm. Đó là, các nguyên tắc trong khoán sản phẩm không được xã viên thực hiện nghiêm chỉnh, nên làm nảy sinh một số tiêu cực mới ảnh hưởng đến việc củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn. Biểu hiện cụ thể là: ở một số hợp tác xã có bình quân diện tích cao như Nghĩa Lâm, Quyết Thắng, Mỹ Phú (Nghĩa Thắng), Nghĩa Kỳ Đông (Nghĩa Kỳ), Tây Hà (Nghĩa Hà)... diễn ra tình trạng hợp tác xã không quản lý và sử dụng hiệu tư liệu sản xuất, trước hết là ruộng đất, sức kéo, phân bón, các công cụ và cơ sở vật chất kỹ thuật của tập thể. Hợp tác xã Quyết Thắng có 22 hộ lán chiếm 5 mẫu ruộng của hợp tác xã hoặc xã viên nhận khoán 100 ha đất trồng màu nhưng lại trồng mía. Hoặc sản lượng mía của hợp tác xã Nghĩa Lâm chỉ 3.000 tấn, nhưng chỉ riêng sản lượng phần lán chiếm của xã viên trong hợp tác xã lên đến 5.000. tấn. Hợp tác xã Nghĩa Lâm khi thực hiện khoán vẫn còn 30-50 ha đất xã viên không nhận khoán vì lý do mức khoán cao, đất xấu, thủy lợi khó khăn. Phần diện tích này hợp tác xã phải huy động xã viên làm tập thể, nhưng năng suất rất thấp. Nhiều hợp tác xã không quản lý được các khâu làm đất, ủ giống, phân bón, thuốc trừ sâu mà “khoán trắng” cho hộ xã viên. Các đội chuyên từ ngày thành lập hợp tác xã cũng mất dần tác dụng, hoạt động kém hiệu quả. Một số nơi xuất hiện tình trạng xã viên giấu bớt diện tích, sản lượng, thậm chí không nộp sản phẩm cho hợp tác xã. Mối quan hệ giữa ba lợi ích Nhà nước, tập thể và người lao động giải quyết chưa hài hòa, thường chỉ có lợi cho người lao động.

Để khắc phục những khuyết điểm, yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư, Hội nghị nhất trí đề ra một số biện

pháp, trong đó biện pháp chủ yếu là hợp tác xã phải vươn lên điều hành thống nhất 5 khâu, giao cho hộ, nhóm 3 khâu, kiên quyết chấm dứt tình trạng “khoán trắng” cho xã viên.

Mặc dù còn có một số khuyết điểm trong tổ chức thực hiện chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp, nhưng kết quả và tác dụng của khoán đem lại là rất to lớn, làm thay đổi cơ bản diện mạo sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn trong huyện. Năm 1982, diện tích lúa toàn huyện gieo cấy đạt 10.816 ha, năng suất đạt 27 tạ/ha/vụ, sản lượng đạt 29.265 tấn; diện tích mía đạt 1.004 ha, năng suất 526 tạ/ha, sản lượng đạt 52.810 tấn, đều vượt kế hoạch cả về năng suất và sản lượng. Các loại cây trồng khác như ngô, khoai, sắn không đạt kế hoạch, vì nông dân chuyển sang trồng mía và lúa.

Cùng với trồng trọt, ngành chăn nuôi được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo phát triển đàn gia súc, gia cầm trong các hợp tác xã và hộ nhân dân. Đến cuối năm 1982, toàn huyện có 2.370 con trâu, trong đó có 1.677 trâu cày kéo, đàn bò có 13.142 con, trong đó có 4.719 bò cày kéo. Ngoài các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhiều hợp tác xã nông nghiệp trong huyện tổ chức chăn nuôi heo tập thể như hợp tác xã Đông Hiệp, Tây Hiệp, Nghĩa Kỳ Bắc, La Hà, Nam Phương... với tổng đàn 1.530 con, trong đó có 140 con heo nái, 6 con heo đực giống. Trong năm, các trại chăn nuôi heo tập thể xuất 120 con heo giống cho các địa phương trong tỉnh, tổ chức tiêm phòng bệnh tụ huyết trùng, bệnh tả cho đàn heo trong huyện, tiến hành thụ tinh nhân tạo lai giống cho đàn bò, heo năng suất cao.

Các hợp tác xã nghề cá trong năm đánh bắt được 5.000 tấn cá biển, trong đó bán đối lưu cho nhà nước được 1.000 tấn, xuất khẩu được 210 tấn tôm, 163 tấn mực, 30 tấn cá. Phát huy tiềm năng sẵn có về các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, sau ngày tái lập trên địa bàn huyện có 2 xí nghiệp quốc doanh là xí nghiệp sành sứ và xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, 11 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 15 tổ hợp tác. Các xí nghiệp, hợp

tác xã, tổ hợp tác sản xuất đã tập trung củng cố, sắp xếp lại tổ chức, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và huyện về vật tư xăng dầu, nguyên liệu để đầu tư mở rộng sản xuất. Kết quả năm 1982, doanh thu của các ngành nghề sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều tăng so với trước ngày tái lập huyện. Nhiều sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tiêu thụ mạnh trên thị trường như nông cụ cầm tay, ghe thuyền, máy tuốt lúa, gạch ngói, đồ sành sứ, chiếu cói, vải tơ tằm, đường thủ công....

Về thủy lợi, huyện huy động 20.536 ngày công nạo vét kênh Tư Nghĩa với khối lượng đào đắp 176.870 m³³¹. Nhân dân tu sửa toàn bộ hệ thống kênh mương thủy lợi trong toàn huyện gồm 5 bờ cù, 6 bờ xe nước, 5 trạm bơm điện, 3 trạm bơm dầu, 1 trạm bơm than, 63 đập bồi (trong đó có 28 đập ngăn mặn)... Với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện, năm 1982, trong tổng số 4.500 ha diện tích đất trồng lúa toàn huyện, các công trình thủy lợi có khả năng tưới tiêu nước chủ động cho 3.500 ha. Phần diện tích còn lại còn phụ thuộc vào thiên nhiên.

Về giao thông, ngay sau tái lập huyện, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã và các phòng chức năng tiến hành khảo sát thiết kế, lập kế hoạch thi công hoàn thành đường từ trung tâm huyện đi Phú Thọ dài 16,7 km, đường từ trung tâm huyện đi đồi La Hà, trung tâm huyện đi Cầu Mới. Được sự nhất trí của Ty Giao thông Vận tải, ngày 1- 1982 huyện thành lập hợp tác xã vận tải cơ giới nhẹ, tách từ hợp tác xã vận tải 25-3 trong thời kỳ còn chung đơn vị hành chính với thị xã Quảng Ngãi. Hợp tác xã có 160 đầu xe, được chia làm 4 đội. Trong năm, hợp tác xã vận chuyển hàng nghìn tấn hàng hóa và hàng chục nghìn hành khách góp phần quan trọng vào việc trao đổi hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Sản xuất phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu mua nông sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. So với chỉ tiêu của tỉnh giao, năm 1982

³¹ Kênh Tư Nghĩa là công trình thủy lợi tiêu biểu của huyện được khởi công tháng 2-1951, hoàn thành ngày 2-9-1952. Kênh chính dài 15 km, tưới cho khoảng 5.500 ha đất canh tác, kênh nội đồng dài 40 km, bờ cù chặn sông Trà Khúc dài hơn 1km.

huyện thu mua được 4.292 tấn lương thực, đạt 99,4% kế hoạch, trong đó thuế nông nghiệp 1.823 tấn (đạt 147% kế hoạch), thu mua đối lưu hai chiều 2.124 tấn (đạt 75,6% kế hoạch), số còn lại là thu nợ đọng những năm trước (đạt 175% kế hoạch). Thu mua các loại nông sản khác như đậu, lạc, dừa quả, heo hơi, thuốc lá... đều đạt mức cao. Riêng đường thủ công thu mua được 10.913 tấn, đạt 109% kế hoạch. Thuế công thương nghiệp thu được 4.609.615 đồng, đạt 121% kế hoạch.

Cùng với tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, Huyện ủy lãnh đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội. Ngoài việc tập trung tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành văn hóa - thông tin xây dựng được 32 đội văn nghệ, lắp đặt 18 loa công cộng, 7 km đường dây truyền thanh. Ngành y tế tập trung củng cố, mua thêm phương tiện, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh cung cấp cho bệnh xá huyện công suất 50 giường bệnh và các trạm xá xã, phát hiện và dập tắt các ổ dịch ly trực trùng và dịch hạch xảy ra ở các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Trung Nghĩa Hiệp, Nghĩa An, phun thuốc diệt muỗi phòng trừ bệnh sốt rét, sốt xuất huyết... tiêm vắc xin cho nhân dân ở những địa phương có nguy cơ bùng phát thành dịch lớn.

Ngành giáo dục tổ chức tiếp quản đội ngũ giáo viên, học sinh các trường trên địa bàn huyện, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 1981-1982. Tại thời điểm huyện tái lập, toàn ngành giáo dục có 496 giáo viên cấp 1, 257 giáo viên cấp 2, 19 trường phổ thông cơ sở, trong đó có 15 trường hoàn chỉnh từ lớp 1 đến lớp 9, 4 trường từ lớp 1 đến lớp 5. Số học sinh trong năm học 1981-1982 là 31.214 em, trong đó cấp 1 có 479 lớp, 21.519 học sinh, cấp 2 có 199 lớp có 9.695 học sinh. Trong kỳ thi hết lớp 9 năm học 1981-1982, có 195 em dự thi tốt nghiệp, trong đó tỷ lệ đỗ đạt 93,3%, xếp thứ 3 toàn tỉnh. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn của một huyện mới tách, nhưng ngành giáo dục vẫn cố gắng duy trì hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo. Năm học 1981-1982 huyện đầu tư xây dựng Nhà trẻ Liên cơ, thu nhận lớp đầu tiên được 27 cháu.

Đội ngũ giáo viên mẫu giáo toàn huyện đến thời điểm này có 48 cô, nuôi dạy 387 cháu trong các trường mẫu giáo xã, hợp tác xã.

Cùng với lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, ổn định đời sống nhân dân, năm đầu tiên sau ngày tái lập cũng là năm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có những diễn biến phức tạp. Bọn phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau tuyên truyền các hoạt động phá hoại nhiều mặt đối với nước ta. Trên địa bàn huyện xuất hiện các ổ nhóm trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản công dân, gây hoang mang trong quần chúng. Vùng biển Nghĩa An trở thành “điểm nóng”, nơi tập hợp nhiều đối tượng tổ chức vượt biển ra nước ngoài. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo các ngành quân sự, công an tăng cường đề cao cảnh giác, làm thất bại âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các nhóm vượt biển trốn ra nước ngoài. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1982, lực lượng công an khám phá 8 nhóm, gồm 33 đối tượng nhen nhóm chuẩn bị vượt biển, gọi giáo dục răn đe 302 đối tượng có tiền án, tiền sự.

Nhờ đoàn kết phấn đấu, với quyết tâm cao, sau một năm tách huyện Đảng bộ lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội sớm ổn định tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhân dân tiếp tục khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Đây là điều kiện hết sức quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Từ Nghĩa bước vào thời kỳ mới - thời kỳ Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

2. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, tuy các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng chưa toàn diện. Tình hình kinh tế - xã hội ngày càng gặp nhiều khó khăn. Nhà nước chưa đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu về lương thực, thực

phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu cho nhân dân. Ở nhiều địa phương trong cả nước diễn ra nạn đói. Đời sống văn hoá - xã hội có những biểu hiện tiêu cực kéo dài và phát sinh những tệ nạn xã hội mới.

Trong bối cảnh đó, thực hiện chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tổ chức Đại hội lần thứ XIII (vòng I), từ ngày 28-12-1981 đến ngày 2-1-1982. Tham dự đại hội có 163 đại biểu thay mặt 49 chi, Đảng bộ trong toàn huyện. Đồng chí Võ Hải Ninh, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghĩa Bình dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội có nhiệm vụ góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và bầu đoàn đại biểu dự đại hội Đảng bộ tỉnh, gồm 16 đồng chí. Sau đại hội đồng chí Nguyễn Tấn Khế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Hồng Dưỡng làm Phó Bí thư.

Tiếp đó, từ ngày 9 đến ngày 17-1-1982, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 1) được tổ chức tại thị xã Quy Nhơn. Từ ngày 27 đến 31-3-1982, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V tại Hà Nội. Đại hội nhận thức sâu sắc những khó khăn gay gắt của nền kinh tế- xã hội nước ta, phê phán tư tưởng nóng vội, bảo thủ và điều chỉnh một bước đáng kể về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó xác định chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta từ năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990. Đại hội chủ trương: Tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đặc biệt, đại hội nhấn mạnh việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là vấn đề có ý nghĩa quyết định nhằm hoàn thành nhiệm vụ quan trọng, cấp

bách của sự nghiệp cách mạng nước ta trong giai đoạn 1981-1985 và đến năm 1990.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội V của Đảng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng và hành động, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ. Đồng thời, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các chi, Đảng bộ cơ sở nghiên cứu vận dụng đường lối Nghị quyết Đại hội V để tham gia vào báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2).

Từ ngày 3 đến ngày 8-12-1982, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tổ chức Đại hội lần thứ XIII (vòng 2). Tham dự Đại hội có 163 đại biểu thay mặt cho 1.271 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá những ưu khuyết điểm trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và các nghị quyết của Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1979-1982; phân tích rõ nguyên nhân thắng lợi và khó khăn, vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối công nghiệp hóa được đề ra tại đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V để đề ra phương hướng, nhiệm vụ, quyết định những chủ trương, biện pháp nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đưa nền kinh tế huyện nhà vượt qua khó khăn, tiếp tục giành được những thành tựu to lớn trong những năm 1983 - 1985 và những năm tiếp theo.

Đánh giá tình hình 7 năm sau giải phóng và nhất là sau một năm tái lập huyện. Đại hội khẳng định: Thành quả có ý nghĩa quyết định đầu tiên là nhanh chóng thiết lập được chính quyền cách mạng từ huyện đến cơ sở. Các cơ sở Đảng được thành lập đều khắp các xã. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được trưởng thành, thể hiện được vai trò tiên phong, gương mẫu trong giai đoạn cách mạng mới. Đảng tổ chức chỉ đạo nhanh chóng khắc phục được hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống của bộ nhân dân, giải quyết cơ bản vấn đề ruộng đất, xóa bỏ hoàn toàn chế độ sở hữu phong kiến về ruộng đất, hình thành quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nền văn hóa nô dịch, lạc hậu của chủ nghĩa thực dân kiểu mới do Mỹ để lại hoàn toàn bị xóa bỏ, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa dần dần hình thành và phát triển, từng bước giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Các âm mưu và hành động chống phá chế độ của các thế lực phản động đều bị đập tan. Những thành quả đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo được thế và lực mới trong quá trình phát triển của huyện nhà. Tuy đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng, nhưng Đại hội cũng nghiêm khắc chỉ rõ những khó khăn, tồn tại lớn phải ra sức khắc phục như sản xuất phát triển chậm, tiềm năng, khả năng đa dạng về đất đai, rừng, biển, lao động và các ngành nghề chưa được phát huy có hiệu quả. Do đó, sản xuất chưa đủ cân đối cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và làm nghĩa vụ đối với nhà nước, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, lao động còn dư thừa và chưa phân bố hợp lý. Dân số tăng nhanh. Cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp... chưa gắn chặt với xây dựng quan hệ sản xuất mới. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Nói chung là Đảng bộ chưa thể hiện được vai trò lãnh đạo sâu sát, chặt chẽ, toàn diện công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vai trò làm chủ của nhân dân chưa được phát huy đúng mức. Chính quyền huyện và cơ sở chưa thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đội ngũ cán bộ chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng, còn yếu về kiến thức và năng lực quản lý, cơ cấu không đồng bộ và chậm trẻ hóa. Một bộ phận cán bộ, đảng viên hư hỏng, thoái hóa, không giữ được phẩm chất đạo đức cách mạng, gây nhiều ảnh hưởng xấu trong nội bộ và quần chúng. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Ngoài các nguyên nhân khách quan dẫn đến các yếu kém, khuyết điểm như hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề, nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, lại liên tiếp bị thiên tai tàn phá, Đại hội khẳng định các yếu kém, khuyết điểm trong

quá trình Đảng bộ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội là do các nguyên nhân chủ quan. Đó là Đảng bộ chưa quán triệt đường lối, chủ trương được Đảng ta xác định tại Đại hội lần thứ IV của Đảng; chưa vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, tổ chức và chỉ đạo thực hiện còn non kém. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm, tự phê bình, phê bình, đề ra các biện pháp sửa chữa có hiệu quả nhằm lãnh đạo, chỉ đạo phong trào ngày một phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới

Vận dụng sáng tạo nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V, trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn của huyện vừa mới được tách ra từ thị xã Quảng Nghĩa, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ huyện trong 5 năm 1981- 1985, chủ yếu của 3 năm 1983- 1985 là: *Phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí, tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, trong đó lấy phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp làm trọng tâm, hàng đầu nhằm giải quyết nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho địa phương và làm nghĩa vụ cho nhà nước. Gắn với sản xuất, tiếp tục đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trong sản xuất ngư nghiệp, công - thương nghiệp, cải tiến phân phối lưu thông. Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho 4 vạn dân trong huyện. Không ngừng đề cao cảnh giác, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.* Đại hội nêu rõ những chỉ tiêu chủ yếu đến năm 1985:

- Sản lượng lương thực quy thóc từ 45.000 tấn đến 50.000 tấn. Trong đó thóc từ 36.700 tấn đến 40.500 tấn; màu từ 8.300 tấn đến 9.500 tấn. Tỷ lệ màu trong lương thực từ 13% năm 1981 lên 19,4% năm 1985. Bình quân lương thực tính theo đầu người từ 233 kg/ người năm 1981 lên 300 kg/người năm 1985.

- Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (theo giá cố định năm 1981) đạt 12.860.000 đồng, bình quân tăng 31% /năm. Tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tổng giá trị nông - công nghiệp là 24,4%.
- Bình quân giá trị xuất khẩu tính theo đầu người 200 đồng/năm.
- Đàn heo 46.000 con, tăng bình quân hàng năm 9,4%. Đàn trâu bò 17.000 con, tăng bình quân hàng năm 2,5%.
- Sản lượng đánh bắt hải sản 7.000 tấn, trong đó xuất khẩu 400 tấn (gồm: tôm 200 tấn, mực 170 tấn, cá 30 tấn); diện tích nuôi trồng thủy sản 25 ha.
- Trồng rừng tập trung đạt diện tích 300 ha, riêng năm 1985 đạt 100 ha. Bình quân đầu người mỗi năm trồng 14 cây sống.
- Các công trình thủy lợi tưới 4.000 ha lúa; đào đắp 35 km đường đất.
- Bình quân cứ 3 người dân có 1 người đi học, 10 giường bệnh cho 1 vạn dân.
- Tự giải quyết vải mặc 3 mét/người/năm.
- Đưa 7.000 người, trong đó có 3.000 lao động đi xây dựng các vùng kinh tế mới trong và ngoài tỉnh.
- Dân số giữ ở mức 149.000 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,8%.
- Xây dựng lực lượng vũ trang cơ sở đạt tỷ lệ 7% dân số (đối với nông thôn), 30% biên chế (đối với cơ quan Nhà nước)

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng là: Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có sức chiến đấu cao, giữ vững truyền thống đoàn kết, chiến đấu, gắn bó mật thiết với nhân dân. Chú trọng thực hiện tốt công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên, củng cố, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, phấn đấu không còn cơ sở Đảng yếu kém.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XIII, nhiệm kỳ 1983-1986 gồm 31 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Tấn Khế được bầu làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Hồng Dường được bầu làm Phó Bí thư.

Đến tháng 6-1983, đồng chí Nguyễn Tấn Khế được tỉnh điều động công tác tại Đoàn chuyên gia Việt Nam giúp Campuchia, đồng chí Nguyễn Hồng Dường được chỉ định làm Quyền Bí thư, đến ngày 29-10-1983, được bầu làm Bí thư. Ngày 27-10-1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định chuẩn y, bổ sung 3 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Từ ngày 31-1 đến 5-2-1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2) được tổ chức tại thị xã Quy Nhơn. Đại hội đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm 1979-1982, đề ra nhiệm vụ chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ 1983-1985, với nội dung trọng tâm là: “Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được 3 nhiệm vụ: lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ, xây dựng có trọng điểm một số cơ sở công nghiệp then chốt, trước hết tập trung phục vụ sản xuất và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Kết hợp chặt chẽ nông nghiệp (kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp) trong một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý ở tỉnh và công - nông nghiệp trên địa bàn huyện. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trước hết là thủy lợi, điện lực, giao thông vận tải phục vụ cho yêu cầu sản xuất trước mắt và cho bước phát triển tiếp sau. Đẩy mạnh xuất khẩu để nhập khẩu. Thiết lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối lưu thông. Triệt để thực hành tiết kiệm. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới. Tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nâng cao chất lượng sự nghiệp phát triển văn hoá, giáo dục, y tế. Cải tiến cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, chú trọng xây dựng cơ chế

quản lý mới. Hết sức chăm lo ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, vận dụng đúng đắn và sáng tạo đường lối của Đảng đối với từng địa phương, việc xác định đúng mục tiêu, phương hướng để phát triển kinh tế - xã hội là vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Từ tiềm năng về đất đai và lao động, vị trí địa lý và các ngành nghề, lại được tiếp sức bởi đường lối của Đại hội lần thứ V của Đảng, Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - công nghiệp của huyện. Trên cơ sở đó, huyện tập trung chỉ đạo đẩy mạnh việc quy hoạch phát triển sản xuất gắn chủ trương xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện theo Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị. Cụ thể là về phân vùng kinh tế, toàn huyện được phân thành 3 vùng.

Vùng 1, gồm các xã Nghĩa Trung, Nghĩa Phương, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp và hợp tác xã Tây Hòa là vùng sản xuất lúa, nuôi lợn, chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, vật liệu xây dựng. Vùng này có diện tích lúa 2.400 ha, trong đó vùng lúa trọng điểm 2.200 ha (trong 2.200 ha có 1.500 ha lúa cao sản). Đến năm 1990, năng suất lúa bình quân toàn vùng là 13,5 tấn/ha/năm, lúa trọng điểm là 14 tấn/ha/năm, lúa cao sản là 16 tấn/ha/năm. Ở những chân ruộng cao, thực hiện luân canh lúa - lạc - lúa. Toàn vùng có đàn lợn chiếm $\frac{1}{2}$ đàn lợn của huyện. Giống lợn phải lai 100%, trọng lượng xuất chuồng bình quân 68-70 kg/con; ở các xã Nghĩa Trung, Nghĩa Phương xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, cơ sở chế biến gỗ gia dụng, sành sứ, măng trúc, mặt mây, sản xuất gạch ngói và cơ khí sửa chữa; Sông Vệ, Nghĩa Hiệp xây dựng các cơ sở dệt. Trung tâm kinh tế - xã hội là huyện lỵ, kết hợp dọc đường quốc lộ số 1 đến Sông Vệ.



Cánh đồng Dàng xã Nghĩa Hiệp.

Vùng 2, gồm các xã Nghĩa Điền, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm là vùng chuyên canh mía, màu, nuôi bò, lợn, trồng cây lâm nghiệp (trong đó có vùng trồng đào lợn hột), khai thác lâm sản. Vùng này có 1.000 ha mía, trong đó có 800 ha tương đối tập trung chuyên canh có năng suất cao. Sản phẩm chủ yếu cung cấp cho nhà máy đường Quảng Ngãi từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn (năm 1990); có 2.000 ha màu, chủ yếu là trồng mì, lang (có thâm canh như cây lúa); có 2/3 đàn bò và 1/3 đàn lợn trong toàn huyện; có 600 đến 800 ha đào lợn hột, vài trăm hecta cây ăn quả, 2.500 ha cây sặt. Về lâu dài phải khoanh nuôi cây sặt, đốt trồng mây để lấy nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu. Trong vùng có các cơ sở chế biến đường, cồn rượu, tổ hợp đúc đồ nhôm và tổ hợp măng trúc Nghĩa Kỳ. Đây là vùng còn nhiều tiềm năng đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp sau khi có công trình thủy lợi Thạch Nham. Cụm kinh tế - xã hội trung tâm của vùng là xã Nghĩa Thắng.

Vùng 3, gồm các xã Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Phú, Nghĩa An là vùng trồng rau, quả xuất khẩu, trồng cói, chăn nuôi vịt đàn thời vụ, đánh bắt cá, chế biến hải sản, dệt chiếu, sửa chữa và đóng mới tàu thuyền. Có một số diện tích trồng lúa, màu, nuôi lợn, bò, nhưng không nhiều so với vùng 1 và vùng 2. Đến năm 1990, toàn vùng có khoảng 400 ha đất chuyên canh rau, đậu, ớt, với năng suất: bắp cải 120 tạ/ha, ớt khô 20 tạ/ha; 100 ha cói, trong

đó có 60 ha kết hợp nuôi tôm, cá nước lợ; đánh bắt hải sản khoảng 10.000 tấn/năm. Đi đôi với đánh bắt giải quyết tốt khâu chế biến hải sản và hậu cần dịch vụ nghề cá, trồng cói đi đôi với dệt chiếu. Cụm kinh tế - xã hội trung tâm của vùng là Phú Thọ, (xã Nghĩa Phú).

Gắn với phân vùng kinh tế, huyện đã tập trung chỉ đạo quy hoạch ngành và cơ sở, thiết kế, cải tạo đồng ruộng.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đạt được những thành tựu quan trọng. Ngoài việc tập trung củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong sản xuất nông nghiệp tại 25 hợp tác xã xây dựng trước đây, Huyện ủy chỉ đạo xây dựng mới 2 hợp tác xã cấp thấp ở hai thôn Tân Mỹ (xã Nghĩa An) và Đá Sơn (xã Nghĩa Lâm), chuẩn bị các điều kiện xây dựng hợp tác xã Phú Thọ (xã Nghĩa Thắng). Như vậy, đến năm 1985 toàn huyện có 27 hợp tác xã, với 98% số hộ, 97% ruộng đất được tập thể hóa. Đồng thời với cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, huyện tiến hành củng cố, tổ chức lại sản xuất nghề cá. Đến năm 1985, toàn huyện xây dựng được 7 hợp tác xã và 38 tổ hợp tác nghề cá.

Vừa xây dựng hợp tác xã, vừa tích cực thực hiện cơ chế khoán mới, nên sản xuất nông nghiệp của huyện trong những năm 1983-1985 có thêm động lực mới, phát triển toàn diện cả về diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng lương thực. Năm 1983, diện tích đất sản xuất nông nghiệp mới đạt 14.276 ha, nhưng đến năm 1985 nâng lên 16.056 ha, tăng 11%. Năng suất lúa từ 85 tạ/ha/năm (năm 1983) lên 94 tạ/ha/năm (năm 1985), sản lượng lương thực quy thóc từ 34.598 tấn (năm 1983), lên 41.200 tấn (năm 1985), bình quân lương thực tính theo đầu người từ 260 kg (năm 1983) lên 300 kg (năm 1985). Năm 1985 cũng là năm huyện huy động nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước đạt mức cao nhất: 7.246 tấn.

Cây mía, tuy có khó khăn về khâu thu mua, chế biến và giá cả chưa phù hợp, nhưng diện tích vùng chuyên canh mía tăng từ 981 ha (năm 1983) lên 1.167 ha (năm 1985). Sản lượng mía cây niên vụ 1984-1985 đạt 55.800 tấn, trong đó nông dân bán cho Nhà máy Đường Quảng Ngãi 37.000 tấn, vượt kế hoạch 12.000 tấn. Hằng năm lượng mía của huyện chiếm 1/4 tổng khối lượng mía được chế biến tại Nhà máy Đường Quảng Ngãi.

Các loại cây rau, đậu phát triển khá, nhất là bắp cải và ớt xuất khẩu.

Về chăn nuôi, tổng đàn gia súc của huyện năm 1983 là 49.703 con, đến năm 1985 tăng lên 63.461 con. Ngư nghiệp được xác định là thế mạnh của huyện, nhưng thời kỳ này do thiếu hụt về nguyên, nhiên liệu, tàu thuyền, ngư lưới cụ cũ nát, nên sản lượng đánh bắt hải sản giảm sút. Năm 1983, ngư dân trong huyện đánh bắt được 4.800 tấn, năm 1984 chỉ còn 4.400 tấn, năm 1985 dừng ở mức 4.750 tấn. Tuy vậy, do khâu tổ chức thu mua tốt, nên trong 3 năm toàn huyện thu mua được 1.981 tấn, trong đó giao cho công ty Chế biến Thủy sản Nghĩa Bình 425,9 tấn, xí nghiệp Đông lạnh Quảng Ngãi 707,8 tấn.

Từ khi được tái lập, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện tiến hành lập quy hoạch, giao đất, giao rừng, đầu tư sức người, sức của trồng cây phủ xanh đất trống đồi trọc, bãi cát ven biển. Trong 3 năm, nhân dân toàn huyện trồng được 740 ha rừng tập trung và 9,7 triệu cây phân tán, trong đó trồng theo quy hoạch 40 ha đào lộn hột. Nhân dân xã Nghĩa An trồng được 100.000 cây phi lao, dứa dọc theo bãi cát ven biển.

Đất canh tác của huyện Tư Nghĩa so với một số huyện trong tỉnh tuy có phì nhiêu, màu mỡ hơn, nhưng có chung đặc điểm là thiếu nước tưới nghiêm trọng, gây khó khăn trong thâm canh tăng năng suất cây trồng. Vì vậy, huyện xác định muốn giải quyết được vấn đề lương thực, thực phẩm, thủy lợi giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Trong 3 năm 1983-1985 ngoài việc tiếp tục cải tạo, củng cố, nâng cấp hệ thống hồ, đập, kênh mương thủy lợi được xây dựng trước đây, huyện huy động hàng chục vạn ngày công, đầu tư vốn thi

công hoàn chỉnh đập Bà Hua (xã Nghĩa Sơn), cống chân cầu 31 (Nghĩa Điền), xây dựng thêm 5 trạm bơm điện, đưa tổng số trạm bơm điện toàn huyện lên 12 trạm. Nhờ đó, năng lực tưới tiêu của các công trình thủy lợi tăng từ 3.000 ha (năm 1983) lên 5.000 ha (năm 1985). Công trình thủy lợi Thạch Nham có toàn bộ đầu mối và một phần lớn kênh chính nam nằm trên địa bàn huyện. Đây là công trình trọng điểm quốc gia, được Đảng bộ xác định có vai trò quan trọng trong việc chủ động giải quyết nước tưới cho toàn bộ diện tích đất canh tác trên địa bàn huyện. Để công trình hoàn thành và phát huy tác dụng, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các địa phương có hệ thống kênh mương Thạch Nham đi qua vận động nhân dân di dời nhà cửa, công trình kiến trúc, bàn giao mặt bằng cho Ban Quản lý công trình. Chỉ trong một thời gian ngắn việc giải tỏa mặt bằng hoàn thành. Công trình đặc biệt quan trọng này được khởi công ngày 1-6- 1985. Ngay sau ngày khởi công đến cuối năm 1985, hàng vạn lượt cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện được huy động, đóng góp 144.000 ngày công, đào đắp 119.000m³ đất đá xây dựng công trình. Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá huyện Tư Nghĩa là huyện có nhiều đóng góp to lớn cho công trình thủy lợi trọng điểm của tỉnh.

Giải quyết được cơ bản khâu thủy lợi, lại có cơ chế khoán 100 phù hợp, nền kinh tế nông nghiệp huyện Tư Nghĩa có nhiều chuyển biến mới. Từ chỗ thiếu đói, nông dân trong huyện đủ ăn, có dự trữ và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Đó là kết quả của việc chỉ đạo thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, đi đôi với thực hiện đồng bộ các biện pháp thủy lợi, sử dụng giống mới phù hợp³², tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phòng trừ dịch bệnh... Trong rất nhiều tập thể, cá nhân tiêu biểu được biểu dương tại Hội nghị thi đua yêu nước 5 năm 1981-1985 của huyện, các hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc, Nghĩa Thương 3, Đông Hiệp, Đông Hà, An Phú... trở thành hợp tác xã tiêu biểu trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ áp dụng đồng bộ

³² Từ năm 1984, huyện đã áp dụng kỹ thuật gieo lúa sạ, thời kỳ này có giống lúa năng suất cao như 3A, 6A, CN47

các biện pháp thâm canh tăng vụ, hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc đưa năng suất lúa bình quân toàn hợp tác xã lên 65 tấn/ha/vụ, lúa 12 tấn/ha/năm, riêng đội 3 đạt năng suất lúa 21 tấn/ha/năm. Hợp tác xã Nghĩa Thương 3 được tỉnh công nhận là đơn vị xuất sắc trong sản xuất nông - lâm kết hợp. Toàn hợp tác xã trồng được 2 triệu cây phân tán dọc đường quốc lộ 1A, đường liên thôn, liên xóm, đồi gò, đất trống... đem lại hiệu quả kinh tế cao. Hợp tác xã An Phú tích cực phát động nhân dân, cải tạo đồng ruộng đưa năng suất từ 8 tấn/ha năm 1983 lên 11,5 tấn/ha năm 1985. Trong 3 năm 1983-1985, toàn hợp tác xã xuất khẩu 732 tấn bắp cải, 37 tấn ớt khô, 60 tấn dưa hấu. Nhân dân xã Nghĩa Hòa huy động sức người, sức của cải tạo 20 ha ruộng hoang hóa đưa vào trồng có hiệu quả.

Những kết quả trong sản xuất nông nghiệp của nhân dân huyện Tư Nghĩa được Ủy ban nhân dân tỉnh khen ngợi, được Bộ Nông nghiệp tặng cờ thi đua xuất sắc.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, Đảng bộ huyện chú trọng chỉ đạo sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, một thế mạnh cơ bản của huyện. Tại thời điểm tách huyện, tuy có nhiều cố gắng, nhưng tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn trong tình hình khó khăn, sa sút nghiêm trọng vì thiếu vật tư, nguyên, nhiên liệu. Để tháo gỡ khó khăn, một mặt Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo vận dụng sáng tạo nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) tháng 8-1979, kết hợp đúng đắn 3 lợi ích nhà nước, tập thể và người lao động, mặt khác chỉ đạo các đơn vị chủ động sắp xếp lại tổ chức sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, liên doanh, liên kết tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm và đối lưu hàng hóa. Với tinh thần đó, huyện đưa xí nghiệp công tư hợp doanh Sành sứ lên xí nghiệp quốc doanh, cải tạo hợp tác xã chế biến gỗ Đồng Lực thành xí nghiệp quốc doanh mộc dân dụng, rà soát sắp xếp tổ chức sản xuất, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, trong đó có 14 hợp tác xã và 20 tổ hợp tác sản xuất, các đơn vị sản

xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thu hút 4.535 lao động, tăng gấp 5 lần so với năm 1983.

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện năm 1985 đạt 15 triệu đồng, vượt 18% kế hoạch, tăng hơn 35 % so với năm 1983. Một số sản phẩm chủ yếu có số lượng cao như gạch, ngói 15,7 triệu viên, sứ dân dụng 800 sản phẩm, gỗ xẻ 1.150m³, giấy 57 tấn, mảnh trúc 38.000m². Nhiều tập thể đạt thành tích xuất sắc trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được Đại hội thi đua yêu nước lần thứ nhất của huyện diễn ra trong 2 ngày 26 và 27-5-1986 biểu dương, như hợp tác xã giấy Minh Phương, hợp tác xã gạch ngói Sông Vệ, hợp tác xã cơ khí tàu thuyền Cổ Lũy, hợp tác xã mảnh trúc Tự Lực và các xí nghiệp quốc doanh Sành sứ, xí nghiệp Vật liệu xây dựng, xí nghiệp Mộc dân dụng.

Hoạt động xuất khẩu của huyện chỉ mới bắt đầu từ giữa năm 1983, nhưng tăng rất nhanh, đóng góp một phần quan trọng trong việc tích lũy vốn cho sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống người lao động. Năm 1983, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của huyện như bắp cải, ớt khô, dưa hấu mới chỉ đưa về cho ngân sách 900.000 đồng, nhưng đến năm 1985 kim ngạch xuất khẩu tăng đến 54,9 triệu đồng. Từ nguồn tiền do xuất khẩu mang lại, huyện trao đổi được nhiều mặt hàng, nguyên, nhiên liệu như xăng dầu, phân đạm, thuốc trừ sâu, xi măng, sắt thép và hàng tiêu dùng thiết yếu.

Tuy còn nhiều khó khăn, ngân sách và các nguồn lực trong dân có hạn, nhưng từ khi tách huyện, Đảng bộ tích cực chỉ đạo đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn huyện. Trong 4 năm (1982-1985), huyện đầu tư hơn 10 triệu đồng để nâng cấp 46 km đường giao thông từ trung tâm huyện đi Cổ Lũy và trung tâm huyện đi Bến Hố (xã Nghĩa Trung), tu sửa 80 km, xây mới, nâng cấp 76 cầu cống, trong đó có những cầu có thiết kế kỹ thuật phức tạp như cầu Xuân An (xã Nghĩa Hà) cầu Bến Lở (xã Nghĩa Thương), cầu Bến Hồ (xã Nghĩa Trung).

Cùng với giao thông, hệ thống điện, thông tin liên lạc là một lĩnh vực được huyện quan tâm đầu tư phát triển mạnh. Đến năm 1985, huyện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh 50 km đường dây điện thoại, thành lập bưu cục Cổ Lũy, Sông Vệ, trang bị tổng đài 100 số, nâng tổng số xã có điện thoại lên 70%. Bằng nguồn vốn của Nhà nước đầu tư, huyện đưa lưới điện cao thế về đến trung tâm huyện và xí nghiệp Sành sứ.

Những năm 1983-1985, lĩnh vực phân phối, lưu thông tiếp tục được xem là mặt trận nóng bỏng của cả nước. Tình hình khó khăn, thiếu thốn nguyên, nhiên vật liệu, hàng hóa, giá cả tăng cao làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, nhân viên như tham ô, móc ngoặc tuồn hàng Nhà nước ra ngoài để ăn chênh lệch giá. Để tháo gỡ khó khăn, Chính phủ đề ra một số chính sách cụ thể như bãi bỏ các trạm kiểm soát, mở rộng giao lưu hàng hóa giữa các địa phương, nông sản, lương thực được lưu thông trên thị trường... Chủ trương của Chính phủ được ngành thương nghiệp huyện kịp thời vận dụng, chủ động khai thác nguồn hàng, đổi mới phương thức mua, bán, trao đổi hàng hóa. Nhờ đó, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống cán bộ và nhân dân thu mua được ngày càng tăng, góp phần giảm bớt sự căng thẳng về cung cầu hàng hóa. Năm 1983, khối lượng lương thực toàn huyện mới chỉ thu mua được 5.510 tấn, nhưng đến năm 1985 tăng lên 7.723 tấn, vượt 194 % kế hoạch năm. Các loại hàng hóa khác như mía cây, năm 1983 thu mua được 22.000 tấn, năm 1985 là 37.000 tấn. Tổng hợp trong 3 năm 1983-1985 ngành thương nghiệp huyện thu mua 5.474 tấn đường thủ công, 800 tấn heo hơi, 380 tấn hải sản, 149.000 lít nước mắm, 75 tấn thuốc lá, 71.000 chiếc chiếu cói... Nhiều địa phương, đơn vị thực hiện tốt công tác phân phối, lưu thông, chủ động nắm nguồn hàng như hợp tác xã mua bán Nghĩa Phương, công ty Thương nghiệp huyện, đặc biệt là tập thể cán bộ, nhân viên cửa hàng lương thực Gò Su được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng các kết quả đạt được trong hoạt động phân phối, lưu thông tạo điều kiện thuận

lợi cho sản xuất, khai thác nắm nguồn hàng và tổ chức phân phối hàng hóa góp phần giảm bớt sự khan hiếm hàng hóa diễn ra khá phổ biến lúc bấy giờ.

Phân công lại lao động là một mặt công tác được tiến hành đồng bộ với sắp xếp lại sản xuất, mở rộng các ngành nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Trong 3 năm 1983-1985, toàn huyện vận động đi xây dựng kinh tế mới 456 hộ, gồm 1.871 khẩu ở các vùng trong huyện như Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, ngoài huyện như Minh Long, ngoài tỉnh như ở Sa Thầy (tỉnh Gia Lai-Kon Tum), Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng), Thuận Mẫn (tỉnh Đắk Lắk).

Tuy đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế, nhưng do điểm xuất phát thấp, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, lại là huyện vừa mới được tái lập, bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ chưa ổn định, trình độ, năng lực lãnh đạo quản lý còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của huyện nhà. Trong những năm đầu của thập kỷ 80, sản xuất lương thực được Đại hội Đảng bộ huyện xác định là mặt trận hàng đầu, nhưng trong chỉ đạo thực hiện còn thiếu toàn diện. Diện tích, năng suất, sản lượng chưa tương xứng với tiềm năng về đất đai và lao động của huyện. Đến năm 1985, tỷ lệ màu mới chiếm 11% trong cơ cấu cây lương thực. Các loại cây như đậu, tương, lạc, cói, dâu tằm không phát triển được, có năm bị giảm sút. Ngư nghiệp là thế mạnh, có nhiều tiềm năng phát triển, nhưng tổ chức sản xuất không hợp lý, vật tư xăng dầu khan hiếm nên sản lượng đánh bắt tăng chậm, không đạt kế hoạch đề ra.

Chỉ đạo phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn nặng về cải tạo, chưa chú ý xây dựng các phương án sản xuất gắn với kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, khai thác nguồn hàng, liên doanh, liên kết giữa các đơn vị sản xuất trong huyện và các địa phương khác trong tỉnh. Do đó, các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, giá thành sản phẩm, tích lũy từ nội bộ xí nghiệp và các hợp tác xã chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác phân phối, lưu thông vẫn là khâu yếu. Trong 3 năm 1983-1985, nhiều đơn vị hoạt động thương nghiệp

trên địa bàn huyện được thành lập như công ty hải sản, công ty ngoại thương, công ty thương nghiệp, công ty lương thực, công ty vật tư tổng hợp, công ty dịch vụ cây trồng và hệ thống hợp tác xã mua bán ở đều khắp các xã, nhưng ngành thương nghiệp vẫn không nắm được nguồn hàng, thị trường vẫn bị tư thương thao túng, hàng hóa khan hiếm, giá cả tiếp tục tăng cao.

Trong khi đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm chăm lo sự nghiệp phát triển văn hóa, tính thần của nhân dân. Đến năm 1985, toàn huyện thành lập được 32 đội văn nghệ không chuyên, 1 đội thông tin lưu động với hàng ngàn đội viên ở các xã, hợp tác xã trong huyện. Trong hội thi thông tin lưu động năm 1985, đội thông tin lưu động của huyện đạt giải nhất toàn tỉnh và được tỉnh chọn tham gia liên hoan các đội thông tin lưu động toàn quốc. Hệ thống đài truyền thanh với hàng trăm kilômét đường dây, hàng nghìn chiếc loa công cộng rải đều ở tất cả các xã hợp tác xã. Huyện Tư Nghĩa là huyện có nhiều đài truyền thanh cơ sở hoạt động tốt, được Ủy ban nhân dân tỉnh biểu dương.

Ngành văn hóa, thông tin huyện phát động và tổ chức thực hiện phong trào xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới. Qua phong trào này, nhiều hủ tục lạc hậu từng bước bị xóa bỏ, hình thành các hoạt động văn hóa lành mạnh. Thôn Phú Thọ (xã Nghĩa Thắng) được tỉnh công nhận là đơn vị xuất sắc trong phong trào xây dựng nếp sống mới. Hoạt động văn hóa đã góp phần tích cực khơi dậy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước. Tuy nhiên, thời kỳ 1983-1985 hoạt động văn hóa, thông tin mới chú trọng về phong trào, nặng về hình thức. Nếp sống văn minh, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật chưa trở thành phong trào tự giác của quần chúng.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả tích cực. Năm 1984, trường Trung học phổ thông số 2 của huyện được đầu tư xây dựng ở xã Nghĩa Thắng hoàn thành và đưa vào sử dụng. Năm học đầu

tiên trường chỉ mới có 3 lớp 10, 2 lớp 11 với tổng số 250 học sinh, nhưng đây là sự khởi đầu hết sức tốt đẹp, thể hiện sự qua tâm của Đảng đối với sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo ở các xã phía tây của huyện. Trong 3 năm 1983- 1985, ngành giáo dục huyện có 44 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và cấp huyện, 400 sáng kiến giảng dạy có hiệu quả. Trường Trung học cơ sở Nghĩa Thương 1 đạt danh hiệu tổ Lao động xã hội chủ nghĩa. Ngoài việc duy trì công tác giảng dạy và học tập ở các trường, ngành giáo dục huyện tổ chức các phong trào hoạt động nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, tổ chức thi giáo viên dạy giỏi, các hội diễn văn nghệ, thể dục, thể thao hoặc tham gia làm thủy lợi, đào ao cá Bác Hồ, trồng cây... Trường sơ cấp Nông nghiệp huyện được thành lập sau ngày huyện tái lập tích cực hoạt động, thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt... Riêng năm 1984, trường mở được 6 lớp, 250 người dự.

Tuy có nhiều tiến bộ, nhưng giai đoạn này đời sống cán bộ, giáo viên gặp nhiều khó khăn, nên tình hình giáo dục huyện nhà có xu hướng giảm sút về chất lượng dạy và học. Đội ngũ giáo viên thiếu nhiệt tình, tâm huyết, có người vì đời sống khó khăn đã bỏ nghề dạy học. Chất lượng học tập của học sinh chưa đạt yêu cầu đề ra. Ngành học bổ túc văn hóa, tuy nhu cầu rất lớn, nhưng tỷ lệ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên học bổ túc văn hóa chỉ đạt 20% kế hoạch đề ra. Năm học 1984-1985, toàn huyện chỉ có 200 học viên học chương trình cấp 3, 100 học viên thuộc 4/12 xã học chương trình cấp 2.

Từ năm 1983 đến năm 1985, ngành y tế tiếp tục được đầu tư về cơ sở vật chất, phương tiện và đội ngũ y, bác sỹ, nên thực hiện tốt hơn việc khám chữa bệnh cho nhân dân. Bệnh viện huyện được đầu tư xây dựng, 11/12 xã có trạm y tế với 57 cán bộ nhân viên y tế, trong đó có 12 y sỹ³³. Trong hoàn

³³ Đến thời điểm này xã Nghĩa An chưa có trạm y tế.

cảnh còn nhiều khó khăn về đời sống, thu nhập, nhưng hầu hết đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở vẫn tận tình với người bệnh, kịp thời dập tắt, như sốt xuất huyết, sốt rét, tả, lỵ, không để lây lan các loại dịch bệnh nguy hiểm... Nhờ thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ phát triển dân số toàn huyện giảm từ 2,44% (năm 1983) xuống còn 1,8%, (năm 1985). Huyện Tư Nghĩa trở thành một trong những huyện có tỷ lệ phát triển dân số thấp nhất tỉnh. Xã Nghĩa Điền, Nghĩa Trung là những xã có phong trào dân số - kế hoạch hóa gia đình, được Đại hội thi đua yêu nước toàn huyện lần thứ nhất (tháng 5-1986) biểu dương. Đến năm 1985, toàn huyện có 9/12 xã hoàn thành công trình vệ sinh, được Bộ Y tế công nhận là huyện đạt chỉ tiêu vệ sinh nông thôn. Tuy vậy, trước yêu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân, trình độ khám, chữa bệnh của đội ngũ y, bác sỹ, cơ sở vật chất, phương tiện, vật tư y tế chưa đáp ứng được. Hoạt động khám, chữa bệnh của tuyến y tế cơ sở xã, hợp tác xã còn yếu. Một số cán bộ, nhân viên y tế thiếu ý thức, gây phiền hà cho người bệnh, nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời. Hiệu quả sử dụng 3 công trình vệ sinh còn thấp.

Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo củng cố phát triển phong trào thể dục, thể thao. Hàng năm, huyện tổ chức các ngày hội thể thao lớn như hội khỏe Phù đồng, hội thao Quốc phòng, tổ chức thi đấu các môn bóng chuyền, võ thuật. Qua phong trào thể dục, thể thao xuất hiện nhiều địa phương đơn vị có phong trào tốt như trường Trung học cơ sở Nghĩa Hòa, xã Nghĩa Hà, trường Công nhân cơ giới II. Tuy vậy, phong trào thể dục thể thao vẫn nặng về hình thức, chưa phát triển thành phong trào rèn luyện thân thể sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Công tác củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện được cấp ủy, chính quyền các cấp hết sức quan tâm. Thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị. Huyện ủy chỉ đạo các địa phương, đơn vị tập trung tuyên truyền cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc âm mưu thâm độc của bọn phản động quốc tế thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt chống

phá cách mạng nước ta. Trên cơ sở thống nhất về nhận thức, huyện tăng cường đề cao cảnh giác, chủ động xây dựng phòng tuyến an ninh nhân dân, nhất là tuyến biển, kịp thời phát hiện và phá vỡ các âm mưu hoạt động phá hoại, hoạt động chiến tranh tâm lý của địch. Hầu hết các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp trong huyện đều thành lập lực lượng dân quân tự vệ, hàng năm đều tổ chức huấn luyện nâng cao trình độ chính trị, kỹ - chiến thuật chiến đấu... Thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra, riêng năm 1985 vượt chỉ tiêu trên giao 3%. Các xã Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp là những xã đi đầu trong phong trào gọi thanh niên nhập ngũ.

Phong trào thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh được phát động và hưởng ứng sâu rộng trong cán bộ, chiến sỹ Công an từ huyện đến cơ sở. Các tổ an ninh nhân dân phát triển cả về số lượng và chất lượng. Năm 1983, được sự giúp đỡ của quần chúng, lực lượng công an phá thành công vụ án rải truyền đơn ở xã Nghĩa Phương và vụ mất cắp tài sản ở công ty Thương mại Tổng hợp huyện. Trong 2 năm 1984-1985, công an huyện phát hiện và xử lý 300 vụ, trong đó có 57 vụ có liên quan đến an ninh chính trị.

Ngày 24-1-1978, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 33- CT/TU: “ Về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện”. Tiếp đó, ngày 4-2-1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 33-CP bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền cấp huyện trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Nội dung cơ bản của chủ trương xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là phân cấp toàn diện để huyện chủ động xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất, quản lý lưu thông phân phối, quản lý đời sống vật chất - văn hóa - xã hội nhằm tận dụng được đất đai, lao động mở rộng ngành nghề, gắn nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Đồng thời, để chủ động phòng chống âm mưu gây xâm lược nước ta của các thế lực thù địch, Trung ương chủ trương xây dựng huyện thành pháo đài thép chống

quân xâm lược. Thực chất của chủ trương xây dựng cấp huyện là đưa huyện từ một cấp quản lý hành chính sang quản lý hành chính kinh tế, một cấp kế hoạch và ngân sách. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập ban xây dựng huyện để trực tiếp chỉ đạo, cử cán bộ giúp huyện một số khâu công việc nhằm đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ, lập quy hoạch vùng kinh tế phù hợp với yêu cầu mới. Vì là huyện mới tái lập, nên đến tháng 9-1982, Ban Thường vụ Huyện ủy mới tổ chức hội nghị quán triệt nội dung và tổ chức thực hiện Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị. Đến năm 1985, sau 2 năm thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, huyện hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Theo quy hoạch, cơ cấu kinh tế của huyện được xác định là nông- lâm- ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong đó mặt trận hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Từ sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng và củng cố chính quyền các cấp. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Đảng bộ, quân và dân huyện Tư Nghĩa không thể tách rời sự trưởng thành nhanh chóng trong lãnh đạo, quản lý xã hội của chính quyền các cấp. Cuối năm 1984, huyện thành lập đủ 25 phòng, ban cấp huyện. Ngày 29-4-1984, đông đảo cử tri tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã. Do làm tốt công tác chuẩn bị, nhất là khâu tuyên truyền, vận động, nên cuộc bầu cử đã diễn ra an toàn, đúng luật. Kết quả 55 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân huyện, trong đó có 37 đảng viên; 12 xã có 484 đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân xã, thị trấn, trong đó có 233 đại biểu là đảng viên. Sau ngày tái lập huyện, đồng chí Nguyễn Hồng Dưỡng được chỉ định làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện từ năm 1982 đến đầu năm 1984. Sau đó, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Mai Đưng làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đến hết năm 1986.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong việc tổ chức, vận động hội viên, đoàn viên hàng hái thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư. Công đoàn huyện nhiều năm liền duy trì tốt phong trào thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong công nhân, viên chức và người lao động. Trước những hành vi tiêu cực xuất hiện trong một số cán bộ, nhân viên các cửa hàng bán lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm, công đoàn lập các đoàn kiểm tra, phát hiện, uốn nắn kịp thời những thiếu sót, kiến nghị xử lý những tổ chức, cá nhân tiêu cực, gây phiền hà cho khách hàng. Đến năm 1983, tổ chức công đoàn huyện có 1.569 đoàn viên công đoàn.

Đầu năm 1983, Hội Nông dân tập thể từ huyện đến cơ sở tổ chức đại hội. Đây là đại hội đầu tiên của giai cấp nông dân trong toàn huyện kể từ khi huyện Tư Nghĩa được tái lập. Đại hội là dịp kiện toàn tổ chức, xây dựng nội dung và phương thức hoạt động nhằm đoàn kết nông dân mở rộng sản xuất, thâm canh tăng năng suất tạo ra nhiều của cải vật chất cho gia đình và xã hội... Sau đại hội, Ban Chấp hành Hội Nông dân tập thể huyện tổ chức tập huấn công tác xây dựng hội, tuyên truyền vận động phát triển hội viên, giáo dục hội viên nhận thức sâu sắc đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhất là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Tính đến cuối năm 1983, Hội Nông dân có 31.109 hội viên trong tổng số 51.356 nông dân toàn huyện. Số cán bộ hội ở 320 tổ, phân hội lên đến 1.036 người.

Hoạt động của Đoàn thanh niên tập trung vào các phong trào Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận sản xuất lương thực. Tuổi trẻ xung kích trong bảo vệ an ninh Tổ quốc, Theo bước chân những người anh hùng, phong trào Ba xung kích làm chủ tập thể... Các phong trào này có tác dụng thiết thực trong việc tập hợp, vận động thanh niên tích cực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong kết quả chung của Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa thời kỳ 1981- 1985, đoàn viên thanh niên có những đóng góp một phần to lớn, nhất

là tham gia xây dựng công trình thủy lợi Thạch Nham, trồng rừng, làm giao thông nông thôn, đẩy mạnh công tác ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất... Năm 1983, Huyện Đoàn tổ chức phát thẻ cho 933 đoàn viên xuất sắc trong hơn 3.000 đoàn viên. Đồng thời, các cấp bộ đoàn giới thiệu và được cấp ủy quyết định kết nạp 38 đồng chí đoàn viên vào Đảng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tiếp tục tuyên truyền, vận động chị em tích cực xây dựng tổ chức hội vững mạnh, tham gia lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh phong trào: Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cuối tháng 3-1983, Hội Phụ nữ huyện tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện phong trào: “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Kết quả, trong 15.641 chị ở 10 xã tham gia bình chọn có 3.939 chị đạt 4 nội dung, 3.839 chị đạt 3 nội dung, 3.659 chị đạt 2 nội dung và 1.928 chị đạt 1 nội dung. Phong trào hội có những hoạt động thiết thực, nên số hội viên tham gia tổ chức hội ngày càng tăng. Đến năm 1983, hội viên Hội Phụ nữ có 22.000 chị, tham gia hoạt động tại 376 tổ. Số lượng cán bộ hội có 552 chị.

Tuy đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng hoạt động của các đoàn thể trong những năm 1981-1985 còn có nhiều thiếu sót, hạn chế. Phong trào hành động cách mạng các đoàn thể diễn ra khá rầm rộ, nhưng nặng về hình thức, tính giáo dục, thuyết phục hội viên chưa cao. Nhiều nơi các cấp Hội chưa tổ chức cho hội viên, đoàn viên sinh hoạt. Cán bộ đoàn thể ở cơ sở thiếu nhiệt tình, chưa có kinh nghiệm tổ chức vận động, tập hợp quần chúng. Sự chỉ đạo của cấp ủy, sự phối hợp của chính quyền đối với hoạt động của các đoàn thể thiếu kịp thời, hiệu quả thấp.

Đi đôi với xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể nhân dân, Huyện ủy luôn bám sát tình hình thực tiễn để chỉ đạo công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ trong tình hình mới.

Công tác tư tưởng được tập trung chỉ đạo với nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nhất là các đợt tuyên truyền, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc

lần thứ V, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, các Nghị quyết hội nghị Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII. Các cấp ủy Đảng thông qua các phong trào thi đua lao động sản xuất, cải tiến cơ chế quản lý, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng để giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo, tổ chức vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sau các đợt học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tư tưởng cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến tốt, đa số nhất trí cao với đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng, vững vàng trước khó khăn, thử thách, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Những biểu hiện tiêu cực về mặt tư tưởng, chính trị trong Đảng bộ từng bước được khắc phục. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn nhưng nhiều chi, Đảng bộ vẫn duy trì thường xuyên các buổi nói chuyện thời sự. Trường Đảng huyện mở các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Năm 1984 là năm cao điểm mở các lớp bồi dưỡng lý luận theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Toàn huyện mở được 14 lớp học tập 6 chuyên đề đại hội cho 998 đồng chí, 3 lớp bồi dưỡng phát triển đảng viên cho 194 quần chúng ưu tú.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh theo chủ trương của Đảng, Đảng bộ huyện tiến hành đánh giá, phân loại đảng viên và tổ chức phát thẻ Đảng cho những đảng viên đủ tư cách. Liên tục trong 3 năm từ 1983-1985, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên mỗi năm hai lần kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, lấy ý kiến quần chúng tham gia góp ý đảng viên. Đợt 1 năm 1983, qua kiểm điểm toàn Đảng bộ đưa ra khỏi Đảng 12 đảng viên thoái hóa, biến chất, xử lý kỷ luật 82 đảng viên có hiện tượng tiêu cực, nhưng chưa đến mức đưa ra khỏi Đảng. Đợt 2 năm 1983, qua kiểm điểm phân loại, Đảng bộ tiếp tục đưa ra khỏi Đảng 8 đảng viên, xem xét giáo dục 27 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, nhưng chưa đến mức đưa ra khỏi Đảng. Năm 1983, qua hai đợt tiến hành tự

phê bình và phê bình, toàn Đảng bộ có 1.195/1.338 đảng viên được phân loại, trong đó có 1.159 đảng viên đủ tư cách, chiếm 97% đảng viên tham gia phân loại. Trong 1159 đảng viên đủ tư cách, có 558 đảng viên tiên phong gương mẫu. Năm 1984, toàn Đảng bộ có 1315/1.339 đảng viên được phân loại, trong đó đảng viên đủ tư cách 1.261 đồng chí, đảng viên vi phạm kỷ luật, nhưng chưa đến mức đưa ra khỏi Đảng 49 đồng chí, đảng viên vi phạm kỷ luật phải đưa ra khỏi Đảng 5 đồng chí. Năm 1985, toàn Đảng bộ có 1173/1484 đảng viên được phân loại, trong đó có 1132 đảng viên đủ tư cách, chiếm 96% tổng số đảng viên được tham gia phân loại. Cùng với phân loại đảng viên, công tác phân loại các tổ chức cơ sở đảng cũng được Huyện ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nhằm phát huy kịp thời những tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, củng cố những cơ sở đảng yếu kém. Năm 1983, đảng bộ huyện có 51 chi Đảng bộ cơ sở, trong đó chi, Đảng bộ trong sạch vững mạnh chiếm 25%, khá chiếm 72,34%, yếu kém 3%. Năm 1984, qua phân loại có những Đảng bộ yếu trong những năm trước có nhiều cố gắng vươn lên trở thành đảng bộ khá, như Đảng bộ xã Nghĩa An, xã Nghĩa Lâm. Đảng bộ nhiều năm liền đạt trong sạch, vững mạnh là Đảng bộ xã Nghĩa Hiệp, Đảng bộ Trường Công nhân Cơ giới II. Đến năm 1985, Đảng bộ huyện có 54 tổ chức cơ sở đảng, qua phân loại chỉ có 1 tổ chức cơ sở đảng xếp loại yếu, không có tổ chức cơ sở đảng xếp loại kém.

Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, xác định tư cách đảng viên, xếp loại tổ chức cơ sở đảng thực sự trở thành một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Qua thực hiện cuộc vận động này, nhiều quần chúng, đoàn viên thanh niên xuất sắc được phát hiện và bồi dưỡng trở thành đảng viên. Năm 1983, Ban Thường vụ Huyện ủy xét 90 hồ sơ, quyết định kết nạp 71 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó Đảng bộ xã Nghĩa Trung có 11 đồng chí, trở thành Đảng bộ có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác phát triển đảng viên. Năm 1984, số lượng đảng viên được kết nạp là 39 đồng chí, năm 1985 là 67 đồng

chí. Đa số đảng viên mới được kết nạp đều là thanh niên trong các cơ quan, đơn vị, hợp tác xã.

Huyện ủy chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Tất cả các chức danh chủ chốt ở các xã đều được quy hoạch. Trên cơ sở quy hoạch, Huyện các trường trong và ngoài huyện. Riêng năm 1983, huyện ủy cử đi đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ ở cử 17 cán bộ đi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị ở tỉnh và các cơ sở đào tạo ở Trung ương, 105 đồng chí học bồi dưỡng 12 chuyên đề ở tỉnh. Năm 1984, toàn huyện có 501 cán bộ được bồi dưỡng nghiệp vụ. So với trước ngày Đảng bộ huyện được tái lập, công tác xây dựng Đảng tạo được những chuyển biến cơ bản. Tuy vậy, trước yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, công tác xây dựng Đảng còn nhiều khuyết điểm, hạn chế. Công tác tư tưởng thiếu nhạy bén, chưa bám sát đời sống thực tiễn để kịp thời định hướng dư luận. Những tháng cuối năm 1985, việc cả nước thực hiện chủ trương giá - lương - tiền có nhiều thiếu sót, khuyết điểm gây biến động lớn trong đời sống kinh tế - xã hội, tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân diễn biến phức tạp, lòng tin của đảng viên về Nghị quyết Trung ương 8 giảm sút, nhưng công tác tư tưởng lúng túng, bị động, giải thích thiếu tính thuyết phục. Trước tình hình đất nước ta đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, xa rời mục tiêu lý tưởng của Đảng “an phận thủ thường”, tinh thần đoàn kết, tự phê bình, phê bình yếu, nhiều nơi nảy sinh hiện tượng bằng mặt, nhưng không bằng lòng.

Công tác tổ chức tuy có nhiều cố gắng, nhưng chưa theo kịp cơ chế quản lý kinh tế mới. Bộ máy cồng kềnh, kém hiệu lực, hiệu quả. Công tác quy hoạch cán bộ chỉ mới dừng lại ở mức rà soát, dự kiến, chưa được thực hiện trong thực tế, gây lúng túng, bị động trong xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ gây xáo trộn về tư tưởng còn diễn ra khá phổ biến, nhất là ở cơ sở. Đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ quá ít. Công tác phát

triển đảng viên chậm, có chi, Đảng bộ cơ sở nhiều năm liền không phát triển được đảng viên nào, tư tưởng định kiến hẹp hòi còn nặng nề. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ chưa thực hiện tốt. Chất lượng sinh hoạt Đảng thấp, tinh thần đấu tranh tự phê bình, phê bình yếu, quản lý đảng viên còn lỏng lẻo, thiếu phân công, kiểm tra, giám sát.

Công tác kiểm tra chỉ mới dừng lại ở việc xử lý những vụ việc vi phạm, chưa lấy công tác đấu tranh ngăn ngừa đảng viên vi phạm làm chính. Việc kiểm tra đảng viên, tổ chức cơ sở đảng chấp hành chỉ thị, nghị quyết, điều lệ Đảng chưa thực hiện được. Nhận thức và chỉ đạo công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp còn yếu, chưa thấy được kiểm tra là một trong những chức năng chủ yếu trong công tác lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy và đảng viên.

Những năm 1982-1985 là những năm đầy sôi động, có nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt diễn ra trong đời sống chính trị- xã hội của Đảng bộ nhân dân trong huyện. Sau 6 năm hợp nhất với thị xã Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa được tái lập trong bối cảnh đất nước ta đang gặp khó khăn về kinh tế - xã hội, lại phải đối phó với chính sách bao vây cấm vận, phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Với quyết tâm cao, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của mình về vị trí nên những chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực của địa lý, đất đai, lao động, các ngành nghề truyền thống tạo đời sống xã hội huyện nhà. Nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trong huyện, góp phần đóng góp một phần lương thực cho Nhà nước. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, xuất khẩu tăng nhanh, tạo nên sự đa dạng, phong phú về ngành nghề, sản phẩm hàng hóa góp phần tích lũy vốn để thúc đẩy sản xuất, xây dựng cơ bản và phục vụ đời sống. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được củng cố vững chắc, các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển tương đối toàn diện cả về quy mô và chất lượng hoạt động, Tuy Đảng bộ mới tách ra, nhưng đã chỉ đạo, lãnh đạo khá nhạy bén với thực

tiến cuộc sống, năng động, sáng tạo trong quá trình vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, của Tỉnh ủy, quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu đã đề ra. Tuy còn có những yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, song chỉ sau 3 năm tái lập huyện, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã tạo được những tiền đề khá vững chắc để bước vào thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, mở đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

PHẦN THỨ HAI

**ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG
CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
(1986-2005)**



Đồng chí NGUYỄN TẤN KHẾ
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa (1982 - 1983)



Đồng chí NGUYỄN HỒNG DƯỠNG
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa (1983 - 1986)



Đồng chí HOÀNG NGỌC TRẦN
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa (1986 - 1990)



Đồng chí NGUYỄN THANH TÂN
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa (1989 - 1996)

CHƯƠNG IV

TẬP TRUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-1990)

1. Tình hình huyện Tư Nghĩa trước Đổi mới

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ III và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, Đảng bộ và nhân dân trong huyện nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, khắc phục được tình trạng giảm sút kéo dài và tạo được yếu tố phát triển của nền kinh tế. Điểm nổi bật nhất là huyện hoàn thành việc quy hoạch tổng thể, xác định các vùng kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa lý, thổ nhưỡng, dân cư. Cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - tiểu thủ công nghiệp hình thành về cơ bản. Việc thu mua hàng hóa và đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước, nhất là lương thực, thực phẩm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục đạt được những kết quả mới. Quốc phòng, an ninh trên địa bàn được giữ vững. Tuy nhiên, đến năm 1985 mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vẫn chưa đạt được. Trên thực tế nền kinh tế của huyện còn mất cân đối nghiêm trọng. Sản xuất phát triển chậm, nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất ngày càng giảm sút, chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển yếu. Tư Nghĩa là huyện có thế mạnh phát triển nông, ngư nghiệp, nhưng toàn huyện chưa xây dựng được cơ sở công nghiệp chế biến nào đáng kể. Lĩnh vực phân phối lưu thông vẫn là khâu yếu, sản xuất không đủ tiêu dùng, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa đủ sức chiếm lĩnh thị trường. Quản lý thị trường bị buông lỏng. Nhà nước chưa nắm được tiền, hàng. Những yếu tố đó tác động làm giá cả trên thị trường tăng cao. Công tác cải tạo công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn chậm, thiếu

triệt để. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục tuy phát triển khá, nhưng chất lượng chưa cao, nhất là ngành giáo dục. Việc thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ vẫn còn nặng tính hình thức. Cùng với tình hình trên, những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và những khó khăn của tình hình trong nước có ảnh hưởng xấu đến quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương của Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

Trước tình hình trên, thực hiện chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, cùng với các đơn vị, địa phương khác trong tỉnh, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng một mặt tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống nhân dân, mặt khác khẩn trương thực hiện Chỉ thị số 79-CT/BBT, ngày 11-3-1986 của Ban Bí thư về việc tự phê bình và phê bình chuẩn bị cho đại hội Đảng các cấp và đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Thực hiện Chỉ thị số 79 của Ban Bí thư được Tỉnh ủy xác định là một cuộc vận động chính trị thiết thực, sâu sắc và rộng lớn trong Đảng và trong xã hội nhằm cảnh tỉnh và ngăn chặn sự thoái hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đợt sinh hoạt chính trị tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đổi mới phong cách lãnh đạo và chính sách cán bộ của các cấp ủy đảng. Sau khi tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu quán triệt mục đích yêu cầu và nội dung chỉ thị, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy tổ chức kiểm điểm tự phê bình, phê bình đánh giá, phân loại đảng viên. Riêng Ban Chấp hành Đảng bộ huyện dành 7 ngày để từng đồng chí trong Ban Chấp hành tự phê bình, phê bình. Thông qua cuộc vận động theo tinh thần Chỉ thị 79 của Ban Bí thư, nhiều tổ chức cơ sở đảng có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, tập thể và cá nhân mắc sai phạm về quản lý kinh tế, tham ô tài sản nhà nước và tập thể... đều được đưa ra kiểm điểm. Cuối năm 1986 qua phân loại 54 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ có 6 chi, Đảng bộ vững mạnh, đạt 11,1%. Đảng bộ xã Nghĩa Hiệp đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh 5 năm liền được Tỉnh ủy tặng cờ luân lưu. Cũng trong năm 1986, qua kiểm điểm, tự phê

bình, phê bình, Đảng bộ phát hiện 44 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, kết luận, xử lý kỷ luật bằng các hình thức 26 đảng viên.

Việc thực hiện Chỉ thị số 79 của Ban Bí thư đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Tinh thần trách nhiệm và khả năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tập thể và cá nhân trong Đảng bộ được nâng lên. Mặc dù, cơn bão, lũ ngày 3-12-1986 tàn phá nặng nề, nhưng so với năm 1985 diện tích gieo trồng cây lương thực trong toàn huyện tăng 2,8%, năng suất lúa tăng 1,12 tạ/ha, sản lượng lương thực qui thóc đạt 43.000 tấn. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đạt kế hoạch (140.000.000 đồng). Công tác huy động lương thực nhập kho nhà nước đạt chỉ tiêu pháp lệnh tỉnh giao. Công tác thu mua các loại nông sản, thực phẩm thiết yếu như mía cây, đường thủ công, thịt heo hơi, hải sản... đều vượt mức chỉ tiêu và tăng gấp 3,8 lần năm 1985. Những tiến bộ trong sản xuất và phân phối, lưu thông bước đầu tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kết quả thực hiện Chỉ thị 79 của Ban Bí thư có tác dụng tốt cho đại hội các chi, Đảng bộ cơ sở và đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV lựa chọn được những cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực tham gia cấp ủy.

Từ tháng 7-1986 theo chủ trương của Trung ương, tất cả cán bộ, đảng viên trong các tổ chức Đảng đều được tham gia góp ý vào dự thảo các văn kiện chuẩn bị trình đại hội VI của Đảng. Tiếp đó, ngày 1-8-1986, báo Nhân Dân - cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam mở mục "Góp ý kiến với đại hội Đảng". Các chủ trương trên thực sự là một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, dân chủ lần đầu tiên được tổ chức trong Đảng và trong xã hội nhằm góp ý với đại hội Đảng tìm ra những giải pháp cụ thể, thiết thực đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, giành thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Huyện ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện nghiên cứu, thảo luận dự thảo các văn kiện trình Đại hội VI của Đảng, văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, tiếp tục chỉ đạo đại hội các chi,

Đảng bộ cơ sở. Đến hết tháng 8-1986, 54 chi, Đảng bộ trong toàn huyện hoàn thành đại hội. Đại hội bầu được 342 đồng chí cấp ủy viên, trong đó có 33 nữ. Nhiệm kỳ này có 40 cán bộ nghỉ hưu được đại hội các chi, Đảng bộ các xã, thị trấn bầu vào cấp ủy địa phương. Các đồng chí cấp ủy cũ được tái cử là 93 đồng chí, bình quân tuổi đời các đồng chí trong cấp ủy 41,5 tuổi. So với khóa trước trẻ hơn 1,1 tuổi.

Từ ngày 18 đến 22-9-1986, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1986 -1989. Tham dự đại hội có 225 đại biểu, thay mặt cho hơn 1.400 đảng viên của 54 chi, Đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Đỗ Minh Toại, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo Đại hội. Dự đại hội còn có đại biểu các ban Đảng của Tỉnh ủy và đại biểu lãnh đạo huyện qua các thời kỳ cách mạng. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đại hội thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của đảng viên và nhân dân vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1983-1986, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ khóa XIV, nhiệm kỳ 1986-1989 và đến năm 1990; bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ huyện, Đại hội khẳng định: Toàn Đảng bộ, quân và dân trong huyện đã thống nhất về chính trị và tinh thần, tư tưởng và hành động ra sức khắc phục khó khăn, tự vươn lên đạt được một số tiến bộ và thành tựu đáng kể trên các mặt, cơ bản đã đạt và vượt chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội. Nông nghiệp phát triển đúng hướng và ngày càng toàn diện. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển với tốc độ nhanh. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, tuy chưa toàn diện song cũng đạt được một số thành tích đáng kể. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có những tiến bộ nhất định. Tuy vậy, Đại hội cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm là chưa đạt được mục tiêu ổn định và cải thiện từng

bước đời sống của nhân dân. Nền kinh tế của huyện còn mất cân đối nghiêm trọng. Sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội còn nhiều mặt hạn chế, nhất là chất lượng giáo dục chưa toàn diện. Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn của huyện trong giai đoạn cách mạng mới, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong 5 năm 1986 - 1990 là: *Tập trung sức phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, tiếp tục đưa nông nghiệp từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm trong phạm vi huyện và làm nghĩa vụ cho Nhà nước, có một phần dự trữ. Ra sức phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp, kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp với lâm nghiệp trên địa bàn huyện và từng cơ sở. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trước hết là các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hệ thống giao thông, bưu điện, các công trình phúc lợi công cộng, các cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân hội trên địa bàn tỉnh dân. Tổ chức và thực hiện xuất khẩu để nhập khẩu. Thiết lập trật tự mới trên lĩnh vực phân phối, lưu thông; quản lý, làm chủ chặt chẽ giá cả, thị trường xã hội; từng bước cân đối thu - chi, đưa hoạt động ngân hàng vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Triệt để tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Cải tiến công tác quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh vào hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động văn hóa - văn nghệ, truyền thanh, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, làm cho tất cả những hoạt động đó mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên chăm lo ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tăng cường hơn nữa pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, đề cao cảnh giác, quyết tâm đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Nâng cao sức chiến đấu và năng*

lực lãnh đạo của Đảng bộ, làm cho Đảng bộ thật sự trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, thống nhất, ngày càng trưởng thành trong lãnh đạo kinh tế, văn hóa, xã hội. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, thực hiện và phát huy tác dụng của cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ.

Đại hội nêu những chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 1990:

- Sản lượng lương thực quy thóc 58.000 – 60. 000 tấn Bình quân lương thực tính theo đầu người 390 - 400 kg, huy động lương thực 11.000 tấn.
- Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp 300 triệu đồng.
- Giá trị xuất khẩu 2 triệu rúp - đôla, bình quân đầu người đạt giá trị 13,7 rúp - đôla. Tổng đàn gia súc 77.000 con, trong đó heo 58.000 con, bò 16.000 con, trâu 3.000 con.
- Sản lượng đánh bắt hải sản 9.500 tấn, thu mua 5.500 tấn, trong đó có 750 tấn hải sản xuất khẩu. Diện tích nuôi trồng thủy sản 60 ha.
- Trồng mới 600 ha rừng tập trung, trong đó có 150 - 200 ha đào lộn hột; 10 triệu cây phân tán, trong đó có 40.000 cây dừa.
- Phổ cập cấp 1 cho những người trong độ tuổi quy định. Bình quân cứ 3 người dân có 1 người đi học.
- Số giường bệnh cho 1 vạn dân là 12 giường.
- Dân số giữ ở mức 150.000 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,5%.
- Xây dựng lực lượng vũ trang đạt tỷ lệ 7% dân số.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 1986 - 1989 gồm 38 đồng chí, trong đó có 5 đồng chí ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Ngọc Trân được bầu làm Bí thư. Các đồng chí Vũ Thiên Long,

Nguyễn Thanh Tân được bầu làm Phó Bí thư. Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện dự đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV là mốc đánh dấu sự chuyển biến quan trọng về đổi mới tư duy, đổi mới phong cách lãnh đạo của Đảng bộ trong việc triển khai thực hiện đường lối đổi mới được Đảng ta đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.

Từ ngày 10 đến ngày 14-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, nhiệm kỳ 1986-1990 được tiến hành tại thành phố Quy Nhơn³⁴. Dự đại hội có 515 đại biểu đại diện cho hơn 40.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá những thành tựu và những khuyết điểm, yếu kém của Đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1980-1985, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu chủ yếu 5 năm 1986 - 1990 của tỉnh. Trong đó, mục tiêu cơ bản là tập trung phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng cho xuất khẩu.

Từ ngày 5 đến ngày 18-12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Hà Nội. Đây là đại hội đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu sự đổi mới về tư duy, về phong cách và tổ chức cán bộ, về nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đề ra những chủ trương phát triển kinh hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: Chương trình lương thực, thực phẩm, chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và chương trình sản xuất hàng xuất khẩu; tiếp tục đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế hàng

³⁴ Theo Quyết định số 81-HĐBT, ngày 3-7-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thị xã Quy Nhơn trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Nghĩa Bình

hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; chăm lo phát huy nhân tố con người.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1986 - 1989, từ ngày 26 đến 28-1-1989, đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lần thứ XV. Tham dự đại hội có 187 đại biểu, thay mặt cho 1.646 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Phó Bí thư Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá việc nhận thức và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn của huyện; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện trong nhiệm kỳ 1986-1989. Trên cơ sở đánh giá các ưu, khuyết điểm, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1989-1990 là: *Phấn đấu ổn định một bước tình hình kinh tế - xã hội của huyện, trước hết là ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết vấn đề nông nghiệp đủ trang trải lương thực và có dự trữ. Phát triển mạnh công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để tăng nhanh nguồn hàng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, làm tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo. Để thực hiện được mục tiêu trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ và giải pháp lớn: Tiến hành đồng bộ các biện pháp nhằm đẩy mạnh quá trình thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế: Sản xuất lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Tăng cường quản lý thị trường, đảm bảo lưu thông thông suốt. Tiếp tục đầu tư xây dựng một số công trình kinh tế - xã hội quan trọng, phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, hiệu lực quản lý của chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân.*

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV, nhiệm kỳ 1989-1990, gồm 35 đồng chí, trong đó có 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Ngọc Trân được bầu lại làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Thanh Tân được bầu làm Phó Bí thư. Đến ngày 16-8-1989, đồng chí Hoàng Ngọc Trân được điều

động về nhận công tác ở tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Nguyễn Thanh Tân làm Bí thư, đồng chí Vũ Thiên Long và Vũ Hành làm Phó Bí thư.

Trong 5 năm 1986-1990, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tiến hành hai kỳ đại hội. Cả hai đại hội đều có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm 1986-1990 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đề ra.

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội XIV, XV của Đảng bộ huyện diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức gay gắt. Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa dưới sự chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nghị quyết đại hội, đạt được nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Khắc phục khó khăn, tập trung thực hiện các chương trình kinh tế lớn

Cuối năm 1986, một trận lũ lịch sử làm ngập lụt nặng 12 xã và thị trấn trong huyện, làm chết 3 người, 894 ngôi nhà bị sụp đổ hoặc bị lũ cuốn trôi, hàng ngàn gia súc, gia cầm bị chết, hàng trăm héc-ta ruộng bị sa bồi, thủy phá... Tổng thiệt hại do lũ lụt gây ra khoảng nửa tỷ đồng. Trước tình hình đó, một mặt Huyện ủy chỉ đạo các ngành, các cấp khẩn trương khắc phục hậu quả lũ lụt, mặt khác tổ chức triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Với quan điểm coi sản xuất nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, sản xuất lương thực, thực phẩm là mục tiêu số một, ngay từ sau đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, Huyện ủy tập trung chỉ đạo các ngành và địa phương tích cực thực hiện các biện pháp thâm canh, tăng vụ, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa giống mới vào sản xuất, sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc bảo vệ cây trồng. Lần đầu tiên vụ đông - xuân

1986-1987, nông dân các hợp tác xã đã áp dụng đại trà kỹ thuật sạ thẳng thay cho kỹ thuật gieo cấy truyền thống. Đây là bước đột phá lớn trong kỹ thuật canh tác lúa, mở ra triển vọng mới trong sản xuất lương thực của huyện. Nhờ đó, năm 1987, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng trong bối cảnh hết sức khó khăn về vốn, vật tư phục vụ nông nghiệp, hậu quả lũ lụt cuối năm 1986 chưa khắc phục được, nhưng các hợp tác xã vẫn duy trì được diện tích trồng lúa xấp xỉ năm 1986, sản lượng lương thực đạt 43.000 tấn, tăng 7% so với năm trước đó. Công tác đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản có nhiều chuyển biến tiến cực. Công suất tàu thuyền tăng 1.000 CV so với năm 1986. Huyện đưa vào sử dụng 20 ha mặt nước nuôi tôm ở Nghĩa Hòa, xây dựng xí nghiệp sản xuất nước đá, giúp ngư dân có điều kiện đánh bắt hải sản dài ngày trên biển. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển, nhất là khu vực gia đình. Một số mô hình mới xuất hiện như: mô hình VAC Nghĩa Kỳ Bắc, mô hình thâm canh vườn đồi, vườn rừng ở Nghĩa Kỳ Tây, Nghĩa Thắng, nuôi tôm ở Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà, mô hình tăng năng suất mía lên 150 tấn/ha ở Nghĩa Thắng...

Sau hơn 7 năm thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, sản xuất nông nghiệp huyện Tư Nghĩa dần dần bộc lộ những điểm yếu, làm mất dần động lực trong sản xuất. Các hợp tác xã vẫn phải gánh nhiều khoản bao cấp không liên quan trực tiếp đến sản xuất như trả lương cho cán bộ xã, trả chi phí cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, quân sự, an ninh, thực hiện chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và các hoạt động khác. Đặc biệt, cơ chế thu mua nông sản, đối lưu hàng hóa có nhiều bất hợp lý, mua rẻ bán đắt, không sát với giá cả thị trường. Trên thực tế, cơ chế khoán 100 không còn phù hợp với chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế hạch toán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế tập thể.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW: “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”, chủ trương thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, gọi tắt là khoán 10 nhằm khắc phục những khiếm khuyết của cơ chế khoán 100. Nghị quyết của Bộ Chính trị xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã.

Cuối tháng 3-1989, Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) ra nghị quyết kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và phương hướng, nhiệm vụ 3 năm (1989- 1991), trong đó có quan điểm mới, rất quan trọng coi gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, khuyến khích hộ xã viên làm giàu. Quan điểm đó đã mở đường cho phong trào nông dân tận dụng đất đai, mặt nước, ao hồ phát triển vườn nhà, vườn đồi, vườn rừng, trồng cây, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm v.v.. nhằm tăng thu nhập cho gia đình và tăng sản phẩm cho xã hội.

Thực hiện khoán 10 và Nghị quyết Trung ương 6, Huyện ủy tập trung lãnh đạo phát triển nông nghiệp. Nông dân trong huyện được giao ruộng đất ổn định, lâu dài, mạnh dạn khai thác các tiềm năng về lao động, đất đai, vốn sản xuất. Năm 1990 diện tích đất trồng lúa toàn huyện đạt 11.033 ha, trồng mía đạt 1.500 ha, diện tích vườn đồi, vườn rừng đạt trên 450 ha. Huyện cơ bản tự cân đối được lương thực trên địa bàn và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Một bộ phận nông dân có lương thực dự trữ, đời sống được cải thiện hơn trước. Chính sách giao đất ổn định lâu dài đã tạo niềm tin cho nông dân phấn khởi sản xuất không chỉ ở đồng bằng mà cả ở vùng bán sơn địa, miền núi. Nông dân các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, hợp tác xã Nghĩa Kỳ Tây hăng hái nhận khoán đất rừng. Năm 1990 các xã khu tây của huyện trồng được 100 ha rừng tập trung và hàng triệu cây phân tán. Khoán 10 cũng làm tinh giản bộ máy quản lý hợp tác xã. Đến năm 1990, bộ máy mỗi hợp tác xã

giảm được 50-60 biên chế. Hợp tác xã chuyển sang chức năng làm dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp như thủy nông, phân bón, phòng trừ sâu bệnh. Tuy vậy, do nhiều năm liền thời tiết không thuận lợi, hạn hán, lũ lụt liên tiếp xảy ra, sâu bệnh phá hại, nhất là sự lúng túng, sơ hở trong giai đoạn đầu của bước chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nên sản lượng lương thực bị giảm dần qua các năm. Năm 1987, đạt 43.300 tấn, năm 1989 còn 39.358 tấn, năm 1990 chỉ còn 35.824 tấn. Đặc biệt kể từ khi thực hiện chủ trương hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, ruộng đất, tư liệu sản xuất giao cho hộ xã viên tự chủ, tự quản, nhiều nơi trong huyện, nhất là ở các hợp tác xã Nghĩa Kỳ Bắc, Đông Hòa, Đông Hiệp, Tây Hiệp, Nghĩa Thương 1, Đông Phương... diễn ra tình trạng tranh chấp ruộng đất, gây “điểm nóng” có nguy cơ gây mất ổn định tại địa phương. Các hợp tác xã trong huyện lúng túng trong việc đề ra các phương án hoạt động.

Nhờ có chính sách đổi mới, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, ngư dân trong huyện đầu tư đóng mới, nâng công suất tàu thuyền lên 12.000 CV, trong đó có nhiều tàu, thuyền công suất từ 100 CV đến 150 CV, được trang bị hiện đại, có thể đánh bắt hải sản ở các ngư trường xa, dài ngày. Phong trào nuôi tôm nước lợ bắt đầu phát triển khá. Toàn huyện có khoảng 30 ha mặt nước nuôi tôm.

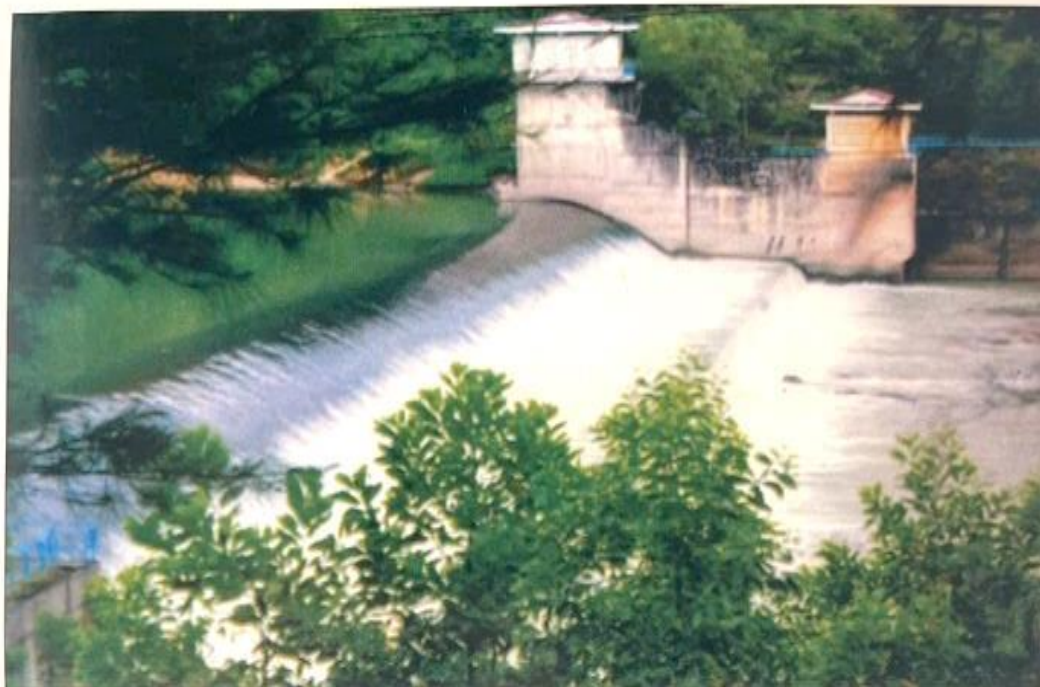
Huyện ủy tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Thực hiện các chủ trương chính sách mới của Trung ương và của tỉnh, nhiều xí nghiệp, hợp tác xã tiến hành sắp xếp lại sản xuất, tinh giảm biên chế gián tiếp, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong khó khăn, một số đơn vị sản xuất kinh doanh vươn lên làm chủ được thị trường, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được thị trường chấp nhận, như Xí nghiệp Sành sứ, Trại Giống lợn Nghĩa Trung, Xí nghiệp Xây dựng số 4, Công ty Ngoại thương, Công ty Vật tư - Kỹ

thuật Nông nghiệp. Đến năm 1990, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp toàn huyện đạt 120 - 130 triệu đồng (theo giá cố định 1982). Tuy vậy, từ năm 1988, do không đáp ứng được yêu cầu của sự chuyển đổi cơ chế kinh tế, nên phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện lâm vào cảnh khó khăn. Sản phẩm làm ra giá thành cao, chất lượng kém, không đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Một số đơn vị sản xuất kinh doanh phải tự giải thể, công nhân không có việc làm, đời sống gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động thương mại có mặt tích cực, từng bước thích nghi với cơ chế mới. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong huyện tập trung khai thác nguồn hàng, đảm bảo cung cấp đủ định lượng về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên và người hưởng lương. Các công ty kinh doanh xuất khẩu của huyện tích cực cải tiến phương thức thu mua sản phẩm, đổi lưu hàng hoá, duy trì kim ngạch xuất khẩu mỗi năm từ 800.000 đến 1 triệu đôla Mỹ. Tuy nhiên, trong 2 năm 1989 - 1990, hoạt động thương mại, nhất là hệ thống hợp tác xã mua bán lâm vào tình trạng bế tắc, giảm sút. Tình trạng thiếu vốn, hàng hóa tồn đọng khá phổ biến. Chuyển sang cơ chế mới, thương nghiệp quốc doanh không làm chủ được thị trường, hợp tác xã mua bán hầu như tê liệt hoạt động. Đầu năm 1989, Công ty Thương mại Tổng hợp huyện có 206 người, vốn công ty xấp xỉ 60 triệu đồng, nhưng nợ ngân hàng 49,1 triệu đồng. Sáu tháng đầu năm 1989, công ty có kế hoạch mua 2,8 tỷ đồng hàng hóa thiết yếu như thịt heo, đường kết tinh, xà phòng, dầu hỏa, nhưng chỉ thực hiện được 341,9 triệu đồng, chỉ đạt 12, 2%. Hàng hóa bán ra theo kế hoạch 3,2 tỷ đồng, nhưng chỉ thực hiện được 577 triệu đồng, chỉ đạt 18%. Kinh doanh thua lỗ, công ty phải cho nghỉ việc 91 người, số nhân viên còn lại trong 6 tháng chỉ có lương 3 tháng.

Kinh tế phát triển chậm, nhất là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, nên thu - chi ngân sách mất cân đối. Năm 1990, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 1,4 tỷ đồng, nhưng tổng chi là 1,5 tỷ đồng. Hầu hết các sắc thuế chủ yếu đều không đạt kế hoạch, có hợp tác xã nợ thuế nông nghiệp (thóc) lớn như hợp tác xã Đông Hà nợ 43,7 tấn, Nam Hà nợ 16 tấn, Nghĩa Phú nợ 22 tấn... Tuy vậy, để kích thích sự tăng trưởng kinh tế, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện vẫn chỉ đạo các cấp, các ngành tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh và Trung ương, vốn huy động trong nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Năm 1987, huyện hoàn thành và đưa vào sử dụng đường dây điện cao thế Nghĩa Dong - Nghĩa Phú. Đến năm 1990, 2/3 số xã trong huyện có hệ thống điện quốc gia. Huyện khởi công xây dựng đập ngăn mặn Hiền Lương, Trung tâm y tế khu vực Nghĩa Phương, Nghĩa Thắng, kè chống lở bờ bắc Sông Vệ, kè Nghĩa Hòa... Một số cầu trên các trục giao thông quan trọng được sửa chữa, xây mới như cầu Xuân An (Nghĩa Hà), cầu Phủ (Nghĩa Trung), cầu Suối Tó (Nghĩa Thắng), cầu Vũng Lội (Nghĩa Thương)...

Trên công trường thủy lợi Thạch Nham, Đảng bộ tập trung chỉ đạo, vận động nhân dân tích cực đóng góp ngày công lao động, cho Nhà nước vay vốn xây dựng để công trình sớm hoàn thành đưa vào sử dụng. Sau 5 năm nỗ lực phấn đấu, đến vụ đông - xuân năm 1990-1991, công trình thủy lợi Thạch Nham đưa nước về đến các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ, một phần xã Nghĩa Trung và các xã khu đông của huyện. Đây là một sự kiện quan trọng, mở ra nhiều triển vọng to lớn làm thay đổi phương thức canh tác, cơ cấu mùa vụ, các loại cây trồng và toàn bộ diện mạo đời sống nông dân, nông thôn, nông nghiệp huyện nhà. Cũng từ đây các bờ cừ, bờ xe nước trên Sông Vệ, sông Trà Khúc dần dần được dỡ bỏ, tiết kiệm chi phí khoảng 300 triệu đồng làm bờ cừ, bờ xe nước mỗi năm.



Đầu mối công trình đại thủy nông Thạch Nham.



Nước về trên kênh Thạch Nham.

Những năm 1986 - 1990, do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, các hoạt động văn hoá - xã hội trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn. Ban Thường vụ Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục có những biện pháp duy trì và giữ vững sự ổn định sự nghiệp phát triển văn hoá - xã hội. Trong 3 năm 1987-1990, ngành giáo dục đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục về: Đổi mới cách nghĩ, cách làm đưa việc giáo dục và quản lý giáo dục vào nề nếp, kỷ cương, gắn công tác đào tạo với các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. Năm học 1989-1990, toàn Ngành giáo dục huyện tổ chức thực hiện năm học mang tên: “Năm học làm theo lời Bác: Dạy thật tốt, học thật tốt”. Thông qua các hoạt động này, toàn ngành duy trì được các cấp học, ngành học. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, nhưng hằng năm ngành giáo dục huyện được đầu tư kinh phí để sửa chữa trường, lớp học. Riêng năm học 1990-1991, ngành giáo dục huyện được đầu tư xây mới 20 phòng học, đóng mới 450 bộ bàn ghế, đáp ứng một phần cơ bản việc dạy và học. Tuy vậy, những năm 1986-1990, sự nghiệp giáo dục của huyện tiếp tục bị xuống cấp, có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Chất lượng dạy và học giảm sút, đời sống giáo viên còn gặp khó khăn. Năm học 1989-1990 là năm thực hiện chủ trương “dạy tốt, học tốt”, nhưng chỉ có 59% học sinh tốt nghiệp cấp 1, 79% học sinh tốt nghiệp cấp II. Số lượng học sinh bỏ học chiếm tỷ lệ cao, 2,7% đối với học sinh cấp 1, 7,8% đối với học sinh cấp II. Công tác xoá mù chữ, bổ túc văn hoá lâm vào tình trạng bế tắc. Một bộ phận giáo viên yếu kém về đạo đức, phẩm chất và năng lực giảng dạy. Năm 1990, toàn huyện có 50 giáo viên phải nghỉ việc, 12 giáo viên bị buộc thôi việc.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có một số chuyển biến mới. Huyện ủy tập trung chỉ đạo ngành y tế phối hợp với chính quyền các địa phương thực hiện việc miễn, giảm viện phí cho các đối tượng nghèo, gia đình chính sách xã hội. Các hoạt động tiêm chủng mở rộng, vệ sinh phòng dịch được duy trì thường xuyên hơn. Tuy vậy, do nhận thức của người dân

chưa cao, nên công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều mặt hạn chế, như nhân dân chưa thực hiện tốt việc ăn chín, uống sôi; hiệu quả sử dụng 3 công trình vệ sinh còn thấp; tỷ lệ tăng dân số vẫn còn cao.

Công tác văn hoá - thông tin, truyền thanh đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhất là tổ chức có hiệu quả thiết thực các hoạt động văn hoá, văn nghệ. Đến năm 1990, toàn huyện có 30 đội văn nghệ ở các xã, thị trấn. Trong đó, đoàn cải lương Đông Phương biểu diễn thường xuyên không chỉ ở địa bàn Tư Nghĩa mà còn ở các huyện và các tỉnh bạn. Việc tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn được tổ chức chu đáo, có tác dụng tốt. Cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hoá, truyền thanh tiếp tục được tăng cường. Hầu hết các xã, thị trấn đều xây dựng được khu sinh hoạt văn hoá. Công tác bảo tồn các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể được huyện quan tâm. Các danh thắng Cổ Lũy Cô Thôn (Nghĩa Phú), La Hà Thạch Trận (Nghĩa Thương), di tích Cẩm Ông Nghè (Nghĩa Phương), Núi Đá Voi (thị trấn La Hà), Chùa Ông (Nghĩa Hoà)... được đưa vào kế hoạch đầu tư tôn tạo. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo ngành văn hoá, thông tin thường xuyên tổ chức các đợt truy quét, thu giữ hàng trăm băng nhạc, sách báo, tranh ảnh đồi trụy, phản động.

Các xã miền núi, đặc biệt hai xã đồng bào dân tộc Hre mới được thành lập là Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ xoá được điểm trắng về văn hoá.

Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, lợi dụng tình hình chính trị trong nước và quốc tế có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường các hoạt động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đối với huyện Tư Nghĩa bắt đầu từ cuối năm 1988, một số nguy quân, nhân viên nguy quyền, bọn phản động đội lốt các tôn giáo tăng cường các hoạt động tuyên truyền gieo rắc tư tưởng hoài nghi vào chế độ xã hội chủ nghĩa, gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng, kích động quần chúng nhân dân tranh giành ruộng đất. Một số “điểm nóng” xuất hiện do nạn đánh số đề tràn lan, tranh chấp ruộng đất dẫn đến khiếu kiện đông người xảy ra ở nhiều địa phương trong huyện. Chỉ tính riêng đầu năm 1989, công an huyện gọi hỏi,

giáo dục, răn đe 200 người bán số đề, phạt tiền 30 chủ bầu số đề với số tiền 7 triệu đồng. Trong 2 năm 1987-1988, các xã Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thương, Nghĩa Hà xảy ra 8 vụ, trên 500 người tổ chức khiếu kiện tập thể đòi lại ruộng đất. Trên tuyến biển, trong hai năm 1987-1988 và 6 tháng đầu năm 1989, xảy ra 9 vụ vượt biển trốn ra nước ngoài. Có ngư dân tổ hợp đánh cá Nghĩa Tân 1 (xã Nghĩa An) bán cả tàu đánh cá tiếp tay cho bọn vượt biển. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện kịp thời chỉ đạo công an huyện phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổ chức các đợt trấn áp tội phạm, tuần tra phát hiện, ngăn chặn các vụ vượt biển. Thời gian này, quần chúng nhân dân phát hiện, tổ chức vây bắt được 7 vụ trộm cắp tài sản công dân, giáo dục cảm hóa 40 người lười lao động, trộm cắp vật, đề nghị tập trung cải tạo 15 tên, cưỡng bức lao động nhiều tên khác. Qua phong trào, nhiều tổ chức và cá nhân xuất sắc được biểu dương, khen thưởng như Đội 5, hợp tác xã Tân An (xã Nghĩa Trung), Tổ dân phòng Sông Vệ, Đội 7, hợp tác xã Bắc Phương (xã Nghĩa Phương), Tổ 24 thôn Phổ An (xã Nghĩa An) v.v...

Thực hiện Chỉ thị 135 - CT/HĐBT, ngày 14-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng: “Về tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới”, Công an huyện phát động phong trào thi đua thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh chống các loại tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế, chấn chỉnh trật tự, an toàn giao thông. Được sự giúp đỡ của quần chúng, công an huyện đẩy mạnh cuộc đấu tranh truy quét và trấn áp các loại tội phạm, bắt giữ, quản thúc, cải tạo hàng trăm tên tội phạm hình sự. Trước sự đấu tranh quyết liệt của lực lượng công an, các loại tội phạm trên địa bàn huyện có chiều hướng giảm xuống. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố, các “điểm nóng” ở nông thôn cơ bản được giải quyết hợp lý, hợp tình.

Nghị quyết của Bộ Chính trị (tháng 11-1987) xác định: Quốc phòng là phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho Tổ quốc ta vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đánh thắng các loại chiến tranh xâm lược. Thực hiện chủ trương trên, Huyện ủy chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện thực hiện đề án xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc; tham gia tích cực cuộc diễn tập phòng thủ PT 90 do tỉnh và Quân khu V tổ chức. Đồng thời, Đảng bộ huyện cũng thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt công tác thu gom quân đào ngũ, công tác huấn luyện, xây dựng, củng cố lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân, tự vệ đạt 1,7 đến 2% tổng số dân trên địa bàn huyện. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt kế hoạch. Tuy vậy, lĩnh vực an ninh - quốc phòng những năm cuối thập kỷ 90 có nhiều diễn biến phức tạp. Lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, một số phần tử đội lốt tôn giáo cấu kết với bọn phản động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật. Các tệ nạn xã hội có chiều hướng phát triển. Tội phạm hình sự ở mức cao. Kỷ cương, pháp luật có lúc bị buông lỏng.

Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm chỉ đạo củng cố bộ máy và nhân sự, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn. Trong 5 năm 1986-1990, huyện Tư Nghĩa tổ chức hai lần bầu cử Hội đồng nhân dân huyện. Lần bầu cử thứ nhất tổ chức ngày 19-4-1987, nhiệm kỳ 1987-1989, bầu 55 đại biểu. Lần bầu cử thứ hai tổ chức ngày 19-11-1989, nhiệm kỳ 1989-1994, bầu 44 đại biểu. Đồng chí Nguyễn Thanh Tân được Hội đồng nhân dân huyện bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện từ năm 1987 đến năm 1992. Cuối năm 1992, đồng chí Nguyễn Thanh Tân chuyển sang làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Đôn được chỉ định làm Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, sau đó là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1989-1994. Theo yêu cầu mới, bộ máy tổ chức của huyện được sắp xếp lại phù hợp hơn với yêu cầu quản lý

các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện nhiệm kỳ 1989 - 1994, Huyện ủy chỉ đạo thành lập cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân huyện. Đây là điểm mới trong tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan hoạt động thường xuyên của Hội đồng nhân dân huyện, có chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, phối hợp với Ủy ban nhân dân và các ngành tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân, phối hợp với mặt trận và các đoàn thể tổ chức cho đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri. Từ ngày 1-5- 1988, cơ quan tham mưu của Ủy ban nhân dân huyện có 15 phòng ban. Trường Đảng huyện sát nhập với Ban Tuyên giáo Huyện ủy. Đi liền với sắp xếp tổ chức, bộ máy, Huyện ủy tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức, bố trí cán bộ; quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ. Chỉ riêng nhiệm kỳ khoá XIV (1986-1989), toàn Đảng bộ cử 50 đồng chí đi học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Trường Đảng huyện mở các lớp sơ cấp lý luận chính trị, đảng viên mới cho 304 đồng chí.

Ngày 28-12-1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số: 196/HĐBT thành lập thị trấn La Hà, trên cơ sở các khu dân cư An Hà 2, La Tá, Thanh Hà thuộc xã Nghĩa Thương và xã Nghĩa Trung. Tiếp đó ngày 26-12- 1990, Ban Tổ chức Cán bộ của Chính phủ ban hành Quyết định số: 578/TCCP về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã của huyện Tư Nghĩa. Theo quyết định này xã Nghĩa Phương được chia thành 3 đơn vị hành chính mới lấy tên là xã Nghĩa Phương, xã Nghĩa Mỹ và thị trấn Sông Vệ. Xã Nghĩa Thắng được chia thành 3 đơn vị hành chính mới lấy tên là xã Nghĩa Thắng, xã Nghĩa Thuận và xã Nghĩa Thọ. Xã Nghĩa Lâm được chia thành 2 đơn vị hành chính mới lấy tên là xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Sơn. Như vậy, đến thời điểm này huyện Tư Nghĩa có 18 xã, thị trấn. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các xã mới thành lập đi vào hoạt động, Ban Thường vụ

Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện và các phòng, ban chức năng quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường đội ngũ cán bộ và các phương tiện hoạt động. Đặc biệt, đối với 2 xã miền núi (Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ), huyện đầu tư xây dựng khá đồng bộ về trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc, xây dựng trường học, đài truyền thanh, trạm y tế...

Từ ngày 12 đến ngày 27-3-1990, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) họp và ra Nghị quyết 8B về: “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”. Nghị quyết xác định phương hướng và nhiệm vụ cụ thể về tăng cường công tác quần chúng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, coi đó là vấn đề vô cùng hệ trọng có quan hệ đến vận mệnh chính trị của Đảng và sự sống còn của sự nghiệp cách mạng nước ta. Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B, các cấp trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở dành nhiều thời gian để bàn về công tác dân vận, gắn việc chỉ đạo, thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội với công tác vận động quần chúng. Trong 5 năm 1986-1990, Mặt trận huyện tổ chức hai lần đại hội. Đại hội IV, tháng 9-1987, Đại hội V, tháng 2-1990. Mỗi lần đại hội là mỗi lần mặt trận đúc rút được các kinh nghiệm để tổ chức các hoạt động phù hợp hơn với nhiệm vụ của mặt trận trong giai đoạn cách mạng mới, củng cố vững chắc hơn về tổ chức, tăng cường sự thống nhất về chính trị trong các tổ chức thành viên. Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến nhanh và phức tạp, mặt trận và các tổ chức thành viên tích cực tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, các chức sắc, tín đồ các tôn giáo phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định cuộc sống. Nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi ở các địa phương, cơ sở được mặt trận và các tổ chức thành viên tổ chức xây dựng và nhân ra diện rộng như: Mô hình trồng tiêu ở Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thắng và các xã khu tây, trồng dương liễu ở Nghĩa Thương, khai thác, đánh bắt hải sản ở Nghĩa An, nuôi tôm ở Nghĩa Phú, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà... Mặt

trận cũng tổ chức thành công các đợt vận động nhân dân quyên góp tiền và hàng hóa giúp đỡ đồng bào bị thiên tai ở Nghĩa An, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, nhân dân Ác-mê-ni-a (Liên xô) bị động đất... Đặc biệt năm 1990, được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, Mặt trận phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện tổ chức vận động các tổ chức và cá nhân trong và ngoài huyện quyên góp được 30,7 triệu đồng vào quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, giúp đỡ gia đình chính sách gặp khó khăn về nhà ở. Bằng số tiền này và sự đóng góp ngày công lao động của cộng đồng, mặt trận xây dựng được 8 ngôi nhà tình nghĩa tặng các gia đình chính sách.

Huyện Đoàn tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên, nhất là trong thời điểm các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, các lực lượng cơ hội chính trị trong và ngoài nước tuyên truyền đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trong lao động sản xuất, Huyện Đoàn và các tổ chức đoàn cơ sở phát động và tổ chức nhiều chương trình hành động cách mạng phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tiễn của các tổ chức đoàn. Nhiều công trình thanh niên cộng sản do đoàn viên làm nòng cốt xuất hiện trên các công trình xây dựng giao thông, thủy lợi, như công trình thủy lợi Thạch Nham, xây dựng đập ngăn mặn Nghĩa Hoà, Nghĩa Hà, cầu Bến Lở, phong trào làm hồ nuôi tôm ở các xã khu đông, trồng cây, gây rừng ở các xã khu tây. Trong lĩnh vực củng cố quốc phòng - an ninh, hàng chục đội thanh niên xung kích, đội và đã được thành lập, góp phần tích cực vào việc giữ gìn an ninh trật tự ở các địa phương, đơn vị, trường học. Trong phong trào văn hoá, văn nghệ, Huyện Đoàn phối hợp với phòng văn hoá - thông tin và các địa phương, đơn vị thành lập các đội ca khúc chính trị, các nhóm ca khúc cách mạng, các đội văn nghệ cơ sở. Các đội, nhóm văn nghệ thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Cùng với tổ chức các phong trào hành động cách mạng, công tác xây dựng, củng cố tổ chức đoàn, hội, đội có nhiều chuyển biến tích cực, gắn bó với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Phong trào phụ nữ huyện có nhiều hoạt động hiệu quả, thiết thực. Các cấp hội phụ nữ trong huyện tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, giáo dục chị em nhận thức và tham gia các phong trào hành động cách mạng, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng, Ban Chấp hành Hội Phụ nữ huyện tổ chức thực hiện hai cuộc vận động lớn do Trung ương Hội phát động là: “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, bỏ học”. Chỉ sau 3 năm thực hiện phong trào, toàn huyện có 6.732 chị có điều kiện kinh tế khá đóng góp 2.837 kg lúa, 217 con heo và 3 triệu đồng giúp cho 2.801 chị có hoàn cảnh khó khăn phát triển sản xuất, ổn định đời sống. Các cấp hội phối hợp với các ngành y tế, giáo dục tổ chức hàng trăm đợt tuyên truyền, giáo dục cho hàng ngàn lượt hội viên học tập kiến thức nuôi dạy con tốt, khám, phân loại sức khỏe trẻ em từ 0 đến 6 tuổi để có biện pháp nuôi dưỡng, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng. Hội cũng tìm hiểu, vận động, giúp đỡ được nhiều trẻ em bỏ học trở lại lớp. Cùng với việc tổ chức hai cuộc vận động trên, các cấp hội thường xuyên đẩy mạnh công tác hậu phương quân đội, vận động chị em trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, xây dựng và củng cố tổ chức hội. Đến năm 1991, toàn huyện có 28.000 hội viên, 439 tổ phụ nữ.

Hoạt động của Hội Nông dân trong những năm 1986- 1990 tập trung vào việc tổ chức, vận động hội viên thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong sản xuất nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 NQ/BCT của Bộ Chính trị. Hầu hết các cơ sở hội đều phát động và được đông đảo hội viên tích cực tham gia phong trào nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi. Nhiều hội viên mạnh dạn đầu tư vốn, sức lao động mở rộng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu vật nuôi, cây trồng, đưa các giống lúa mới có năng suất cao, bắp, đậu cao sản, các giống bò, heo hướng nạc vào sản xuất. Một số ngành nghề, dịch vụ trong nông thôn có chiều hướng phát triển, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho hội viên. Cùng với phát động

và tổ chức phong trào nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi, các cơ sở hội còn tích cực vận động hội viên tham gia phong trào đoàn kết tương trợ, giúp nhau vốn, sức lao động, kinh nghiệm sản xuất, phổ biến các mô hình tốt để phát triển kinh tế gia đình, xây dựng quỹ hội. Nhiều cơ sở hội và hội viên giữ vai trò nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Năm 1987, hơn 5 năm kể từ ngày huyện Tư Nghĩa được tái lập, Công đoàn huyện tổ chức đại hội lần thứ nhất. Lúc này, Công đoàn huyện có 2.641 đoàn viên, sinh hoạt tại 36 công đoàn cơ sở, 14 công đoàn bộ phận. Sau đại hội, Công đoàn huyện vừa tập trung củng cố tổ chức, vừa tiếp tục phát động phong trào lao động sáng tạo trong công nhân, viên chức và người lao động. Trong khu vực sản xuất, kinh doanh, người lao động đã chủ động cải tiến lề lối làm việc, huy động nhiều nguồn vốn, khai thác các nguồn hàng, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do đó, trong lúc nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh lâm vào tình trạng bế tắc, vẫn có không ít các đơn vị làm ăn có lãi, đời sống người lao động ổn định. Công ty Ngoại thương, Công ty Thương nghiệp, Công ty Hải sản của huyện 3 năm liền (1988 - 1990) làm ăn có lãi. Năm 1988, Công ty Ngoại thương ngoài việc đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động, còn nộp ngân sách 62 triệu đồng. Cán bộ, công chức khu vực hành chính sự nghiệp ngoài việc khắc phục khó khăn do giá cả tăng cao, còn dành dụm tiền, hàng hóa ủng hộ đồng bào bị thiên tai, tích cực mua công trái xây dựng Tổ quốc, góp vốn xây dựng công trình thủy lợi Thạch Nham.

Những năm 1986 - 1990, mặt trận và các đoàn thể quần chúng trên địa bàn huyện tuy có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng huyện nhà, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho hội viên, đoàn viên và củng cố tổ chức hội. Một số cấp hội đoàn thể hoạt động cầm chừng, cán bộ hội thiếu năng động, nhiệt tình với nhiệm vụ được giao, kiến thức, năng lực vận động quần chúng còn nhiều hạn chế. Năm 1989, tổ chức Đoàn thanh niên có

đến 2/3 cơ sở không hoạt động được, có xã như Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Nghĩa Lâm, bí thư đoàn xã tự ý bỏ việc. Chất lượng hoạt động của Đoàn trong toàn huyện nhìn chung còn rất thấp. Bắt đầu từ năm 1988, nền kinh tế nước ta chuyển mạnh từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp hoàn toàn chủ động hạch toán “đầu vào”, “đầu ra” của sản phẩm, chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm và chỉ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước. Việc củng cố tổ chức hoạt động của công đoàn các cấp trong huyện hết sức khó khăn. Từ Đại hội Công đoàn huyện lần thứ nhất (năm 1987) đến năm 1990, nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh làm ăn thua lỗ, phải giải thể, nên công đoàn cơ sở trong toàn huyện từ 39 tổ chức chỉ còn 27 tổ chức, đoàn viên công đoàn từ 2.641 người chỉ còn 2.270 người. “Các hoạt động công đoàn hầu như mất tác dụng, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phong trào đăng ký tổ chức đội, cá nhân lao động xã hội chủ nghĩa bế tắc³⁵”.

Tình hình đất nước trong những năm 1986-1990, chứa đựng những yếu tố không ổn định về chính trị, khủng hoảng kinh tế tiếp tục diễn ra trầm trọng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động, giảm sút ý chí chiến đấu, thiếu tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị tư tưởng và tổ chức được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Ngày 12-9-1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 04 - NQ/TW: “Về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”. Trước đó, trên báo Nhân Dân - cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 25-5-1987 tác giả N.V.L (tức đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh) đăng bài “Những việc cần làm ngay”, mở đầu cho cuộc đấu tranh phê phán những hành vi tiêu cực của các cấp, các ngành, nhất là các hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, dịch vụ.

³⁵ Báo cáo tình hình hoạt động công đoàn tại Đại hội Công đoàn huyện Tư Nghĩa lần thứ hai, năm 1990.
Trang 9

Triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị và loạt bài “Những việc cần làm ngay” của tác giả N.V.L, Huyện ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt nội dung nghị quyết, kiểm điểm tự phê bình, phê bình, phân tích chất lượng đảng viên, xử lý những đảng viên vi phạm. Ban Thường vụ Huyện ủy lập đoàn công tác chỉ đạo điểm tại Đảng bộ xã Nghĩa Thương và chi bộ Công ty Thương nghiệp huyện. Sau đó, Huyện ủy tổ chức rút kinh nghiệm và triển khai ra diện rộng tại tất cả 58 tổ chức cơ sở đảng, với tổng số 1.594 đảng viên được khảo sát, phân loại. Qua phân loại theo yêu cầu được đề ra trong Nghị quyết 04 - NQ/TW của Bộ Chính trị, toàn Đảng bộ có 915 đảng viên được xếp loại phát huy tốt cả về phẩm chất và năng lực (chiếm 58,5%), 565 đảng viên phát huy tốt, những tác dụng còn hạn chế (chiếm 36,4%), 66 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm kỷ luật, vi phạm tư cách đảng viên, nhưng chưa đến mức phải đưa ra khỏi Đảng (chiếm 4,2%), 17 đảng viên không còn tư cách đảng viên, phải đưa ra khỏi Đảng (chiếm 1,1%). Phân loại tổ chức cơ sở đảng có 8 chi, Đảng bộ trong sạch vững mạnh, chiếm 13,8%, gồm các Đảng bộ: Nghĩa Hiệp, Nghĩa Kỳ, Trường Công nhân Cơ giới 2, Trường Trung học Tài chính - Kế toán 3; các chi bộ Trại Lợn giống Trung ương, Huyện đội, Phòng Thương binh - Xã hội, Trường Phổ thông Trung học số 1 Tư Nghĩa, 46 chi, Đảng bộ khá, chiếm 79,3%, 4 chi bộ yếu, chiếm 6,9%. Phát huy kết quả đạt được, các năm sau đó việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình, phân loại đảng viên và tổ chức cơ sở đảng đi vào nề nếp, trở thành một nhiệm vụ thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng. Nhờ thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, phong trào hành động cách mạng ở các địa phương, đơn vị có nhiều chuyển biến tốt hơn như: Đảng bộ xã Nghĩa Hòa tích cực chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp hoàn thành việc thu 30 tấn thóc nợ khoản sản phẩm, 17 triệu đồng thuế công - thương nghiệp, 2 triệu đồng tiền công lao động nghĩa vụ còn tồn đọng nhiều năm trong xã viên hợp tác xã; vận động nhân dân đóng góp tiền của, ngày công lao động xây dựng khu sinh hoạt văn hóa xã, vận động nhân dân cho mượn 800.000 đồng xây dựng công trình thủy lợi Thạch Nham. Đến năm 1990, tất cả cán bộ,

đảng viên trong xã không còn nợ hợp tác xã. Năm 1990 có 70 hộ xã viên hợp tác xã Đồng Hòa đòi trả ruộng khoán cho hợp tác xã, Đảng bộ phân công đảng viên vận động thành công các hộ này nhận lại ruộng khoán. Đảng bộ xã Nghĩa Trung nhiều năm liền là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nhưng xã viên lại nợ sản phẩm quá lớn. Đảng bộ phân công đảng viên vận động nhân dân giao nộp sản phẩm. Kết quả năm 1990, xã Nghĩa Trung thu được 85 tấn thóc khô đọng nhiều năm trong xã viên.

Đầu năm 1990, tình hình chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô có nhiều diễn biến phức tạp. Các đảng cộng sản và công nhân đã từ bỏ quyền lãnh đạo đất nước dẫn đến sự sụp đổ dây chuyền của chủ nghĩa xã hội ở Ba Lan, Hung ga ri, Tiệp khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, Ru ma ni, An ba ni... Tình hình đó tác động tiêu cực đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước nói chung, huyện Tư Nghĩa nói riêng. Để giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989 Ban Chấp hành Trung ương tổ chức hội nghị lần thứ 7 và ra Nghị quyết: “Về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay”. Tiếp đó, từ ngày 12 đến ngày 27-3-1990, hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa VI) ra Nghị quyết 8A : “Về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta. Các nghị quyết Trung ương 7, Trung ương 8 là những định hướng lớn cho Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở quán triệt những quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy tập trung bàn các biện pháp chỉ đạo cấp ủy các địa phương, đơn vị tăng cường nâng cao chất lượng các đợt học tập nghị quyết, thông tin kịp thời các sự kiện nổi bật trong nước và thế giới cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đối thoại, giải đáp những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về quan điểm, đường lối của Đảng trước những diễn biến nhanh, phức tạp của tình hình Đông Âu, Liên xô... Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, Trường Đảng huyện tích cực mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán

bộ, đảng viên. Chỉ tính riêng trong năm 1987, trường mở 8 lớp bồi dưỡng phát triển Đảng cho 330 học viên, 1 lớp sơ cấp lý luận chính trị cho 40 học viên. Năm 1989-1990 là những năm khó khăn nhất, trường mở tiếp được 9 lớp bồi dưỡng phát triển Đảng với 168 học viên.

Theo yêu cầu của việc chuyển đổi cơ chế quản lý từ tập trung, quan liêu, bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ tập trung sắp xếp, kiện toàn lại bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền từ huyện đến các xã, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, giảm đầu mối, tinh giảm biên chế, tăng cường đội ngũ cán bộ cho cơ sở. Chỉ tính riêng năm 1989, toàn huyện đưa ra khỏi biên chế Nhà nước hơn một trăm cán bộ bằng các hình thức khác nhau, như giải quyết chế độ nghỉ hưu 21 người, nghỉ mất sức 16 người, nghỉ theo chế độ trợ cấp một lần 115 người theo Quyết định 176/HĐBT, ngày 30-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Đến năm 1990, toàn huyện tinh giảm được 50% định biên các ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp trong huyện.

Trong 4 năm (1987-1990), Đảng bộ kết nạp được 195 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến ngày 30-11-1990 là 1.658 đồng chí, sinh hoạt tại 59 chi, Đảng bộ cơ sở. Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng giai đoạn này không tránh khỏi những khuyết điểm, hạn chế. Công tác tư tưởng, chính trị còn bị động lúng túng, chưa giải đáp kịp thời có tính thuyết phục những diễn biến phức tạp dẫn đến sự sụp đổ dây chuyền của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu, những sai lầm trong đường lối cải tổ của Liên xô. Sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng chính trị trong Đảng bộ chưa cao, một bộ phận cán bộ, đảng viên mất phương hướng, hoang mang dao động, bỏ bê sinh hoạt Đảng. Một bộ phận quần chúng ưu tú, mặc dù đã tham gia các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng, nhưng không muốn vào Đảng. Công tác phát triển Đảng năm sau giảm hơn so với năm trước. Năm 1987 kết nạp 71 đồng chí, năm 1988 kết nạp 64 đồng chí, năm 1989 kết nạp 37 đồng chí, năm 1990 kết nạp 23 đồng chí. Công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ thiếu đồng bộ. Tuổi đời bình quân trong Huyện ủy cũng như trong toàn

Đảng bộ còn cao. Năm 1987, toàn Đảng bộ có 1.042 đảng viên sinh hoạt tại 14 chi, Đảng bộ xã, nhưng trong đó có 537 đảng viên đã nghỉ hưu, chiếm 51,3%. Có những Đảng bộ xã, đảng viên về hưu chiếm tỷ lệ cao như Nghĩa Trung 76,4%, Nghĩa Phương 67%. Các chi, Đảng bộ ở một số nơi chưa thể hiện được vai trò là hạt nhân chính trị, lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa cao. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện tiêu cực, thiếu tinh thần trách nhiệm, nhưng chưa được phát hiện, giáo dục kịp thời.

Sau gần 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, giành được những thắng lợi bước đầu rất quan trọng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí cao với đường lối đổi mới của Đảng và nhanh chóng thích nghi với cơ chế mới. Nhiều nơi cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo, khai thác các tiềm năng sẵn có của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống nhân dân trong huyện có mặt được cải thiện. Tuy vậy, do chưa thích nghi với quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế từ tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nên những năm 1986-1990, nhiều sản phẩm làm ra của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong huyện không cạnh tranh được trên thị trường, đơn vị phải giải thể vì làm ăn thua lỗ, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền còn nhiều hạn chế. Năng lực chỉ đạo, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành địa phương đơn vị chưa theo kịp yêu cầu biến đổi của thực tiễn.

Những kết quả chủ yếu của huyện Tư Nghĩa đạt được trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới là vô cùng quan trọng, tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân trong huyện phấn đấu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục giành được nhiều thành tựu trong các chặng đường tiếp theo.



Cơ quan Huyện ủy Tư Nghĩa.

CHƯƠNG V

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG, TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1991-1995)

1. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI với quyết tâm vượt qua khó khăn, khủng hoảng kinh tế - xã hội

Những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, lần lượt chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu sụp đổ, Liên xô bắt đầu tan rã. Mỹ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách thù địch, bao vây, cấm vận đối với nước ta. Công cuộc đổi mới, tuy đạt được một số thành tựu bước đầu quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam, hỗ trợ, khuyến khích những phần tử cơ hội trong và ngoài nước đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Sau 14 năm nhập tỉnh, tháng 7-1989 tỉnh Quảng Ngãi được tái lập, bên cạnh thuận lợi, có không ít khó khăn, thử thách bộn bề.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XV, nhiệm kỳ 1989 - 1990 của Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, tuy tình hình kinh tế - xã hội trong huyện đã giảm bớt khó khăn gay gắt, nhưng nhìn chung tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội chưa thật sự ổn định. Huyện đẩy mạnh thực hiện chủ trương Khoán 10 được hơn một năm, đời sống kinh tế - xã hội của nông dân, nông thôn phát triển khá hơn, nhưng lại nảy sinh những vấn đề phức tạp mới như phân bổ ruộng đất thiếu công bằng, tranh chấp hoặc đòi lại ruộng đất cũ, cho thuê, sang nhượng, mua bán ruộng đất trái phép diễn ra khá phổ biến. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương mại, dịch vụ đang ở trong tình trạng bế tắc khi áp dụng cơ chế mới. Hàng loạt cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ đình đốn, một số hợp tác xã tụt dốc vỡ nợ. Cán bộ, công nhân viên, người lao động không có việc làm. Vấn đề việc làm và giải quyết lao động dôi dư diễn ra rất phức tạp. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

bị xuống cấp, có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tình trạng giáo viên bỏ dạy, học sinh bỏ học khá đông. Hoạt động của dịch vụ y tế tư nhân diễn ra phức tạp, y đức xuống cấp. Nhiều ấn phẩm văn hóa, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc có nội dung thiếu lành mạnh xuất hiện ngày càng nhiều, gắn với sự ra đời của một loại hình dịch vụ văn hóa mới - dịch vụ video.

Tình hình đó tác động nhiều chiều, phức tạp vào Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong huyện. Tâm trạng những người trung kiên, có bản lĩnh chính trị vững vàng hết sức băn khoăn, lo lắng trước vận mệnh của Đảng, của dân tộc. Một bộ phận những người thiếu bản lĩnh thì hoang mang, dao động. Có đảng viên bỏ sinh hoạt, trả thẻ Đảng. Không ít thanh niên phai nhạt lý tưởng, bỏ bê sinh hoạt Đoàn, không muốn phấn đấu vào Đảng. Trước những thử thách mới của lịch sử, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, một mặt tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, mặt khác tiến hành củng cố tổ chức sinh hoạt Đảng, nhằm làm cho Đảng bộ đoàn kết, thống nhất cao về mục tiêu, lý tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới. Đầu năm 1991, thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và tiến hành đại hội các chi, Đảng bộ cơ sở, tiến tới đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI.

Với tinh thần dân chủ, thẳng thắn, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đóng góp nhiều ý kiến cụ thể vào dự thảo các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII như Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Một số cán bộ, đảng viên và nhân dân còn trực tiếp viết thư gửi các cơ quan có trách nhiệm bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến vận mệnh của đất nước, sự

nghiệp cách mạng của Đảng. Đợt sinh hoạt chính trị góp ý vào dự thảo các văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII có tác dụng thực sự, tác động, nâng cao thêm nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với những vấn đề có liên quan đến mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và vận mệnh của đất nước, tạo niềm lạc quan, tin tưởng, giải tỏa tâm lý bế tắc, lo lắng về tiền đồ của dân tộc trong cơn thử thách hiểm nghèo của lịch sử.

Từ ngày 2-4 đến ngày 3-4-1991, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVI (vòng 1). Tham dự Đại hội có 194 đại biểu, đại diện cho 1.657 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Các đại biểu dự Đại hội tham gia góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

Từ ngày 24-4 đến 28-4-1991, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIV (vòng 1). Đây là đại hội đầu tiên sau ngày tái lập tỉnh. Tuy nhiệm vụ của đại hội chỉ thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội VII của Đảng, nhưng đây là dịp để Đảng bộ thấm nhuần sâu sắc hơn các quan điểm đổi mới của Đảng, tăng cường đoàn kết thống nhất về tư tưởng, chính trị, tiếp tục vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng vào tình hình thực tiễn của tỉnh nhà, góp phần cùng cả nước vượt qua khó khăn, khủng hoảng.

Từ sau đại hội Đảng bộ các cấp (vòng 1), Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các chi, Đảng bộ cơ sở duy trì phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội VII của Đảng. Từ ngày 24 đến 27-6-1991, tại Hà Nội, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận các báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội lần thứ VI (12-1986), báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, nhiệm kỳ 1991 - 10/7/2024.

Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử, Đại hội thảo luận, thông qua hai văn kiện quan trọng là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đây cũng là lần đầu tiên Đảng ta xác định cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô đang lâm vào tình trạng khủng hoảng và sụp đổ, nhưng với niềm tin khoa học vào lý tưởng và sự tất yếu thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, Đảng ta tiếp tục khẳng định quyết tâm đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội, xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm 6 đặc trưng. Đại hội cũng chỉ rõ 7 phương hướng chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta. Tất cả những quyết sách của đại hội thực sự làm cho Đại hội VII là đại hội của trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết.

Từ ngày 17 đến 20-10-1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV (vòng 2) được tiến hành tại nhà Văn hóa Lao động tỉnh. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, Đại hội thảo luận, phân tích sâu sắc tình hình quốc tế, trong nước, đánh giá những thành tựu đạt được, chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm trong chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển các lĩnh vực của đời sống xã hội sau hai năm tái lập tỉnh. Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1991 - 1996 của tỉnh, trong đó trọng tâm là tập trung chỉ đạo và thực hiện thắng lợi 9 chương trình kinh tế - xã hội. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 1991-1996. Đồng chí Đỗ Minh Toại được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sự thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV là niềm cổ vũ, động viên, tăng thêm niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Tư Nghĩa. Tinh thần của đại hội được thể hiện sinh động tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI (vòng 2) được tiến hành từ ngày 25-11

đến ngày 27-11-1991. Đồng chí Hoàng Trương, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến dự và chỉ đạo đại hội. Trong 3 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội nhất trí khẳng định: Hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ huyện, trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội đất nước còn gặp nhiều khó khăn, nhưng toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã phát huy cao độ truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách và đạt được kết quả quan trọng. Đời sống nhân dân ổn định, một bộ phận được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Đại đa số cán bộ, đảng viên kiên định con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng. Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại, khuyết điểm, đó là sản xuất nông nghiệp chưa thật sự ổn định, lương thực bình quân đầu người còn thấp. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn nhiều khó khăn, ách tắc. Ngân sách còn mất cân đối, thất thu lớn, quản lý tín dụng còn nhiều sơ hở. Chưa ngăn chặn được tình trạng xuống cấp của sự nghiệp giáo dục, y tế. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể còn nhiều yếu kém. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, những mặt còn khuyết điểm, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và đặc điểm tình hình của huyện, Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp lớn nhằm ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm 1991 - 1995 là: *Tiếp tục sự nghiệp đổi mới. Tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.*

Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu tổng quát trên, Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể: Phấn đấu đến năm 1995 đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc

trên 46.000 tấn, bình quân đầu người đạt 280 kg/năm. Giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 14 - 16 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1989). Kim ngạch xuất khẩu đạt 2 triệu USD, bảo đảm các nguồn thu cho ngân sách, đáp ứng các nhu cầu chi thiết yếu, có kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế các xã trung du, miền núi, ven biển.

Mở rộng các hoạt động văn hóa - xã hội, ngăn chặn tình trạng xuống cấp về y tế, giáo dục, hoàn thành giáo dục phổ cập tiểu học, phòng chống dịch bệnh lây lan, hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng, thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số còn 1,9%. Thực hiện đúng và kịp thời các chế độ, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giảm bớt hộ nghèo.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, sắp xếp các cơ quan Đảng, chính quyền tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động có hiệu quả. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Đại hội cũng đề ra các nhiệm vụ chủ yếu: Về phát triển kinh tế, toàn huyện phấn đấu hoàn thành hệ thống thủy lợi Thạch Nham, bố trí lại cơ cấu cây trồng trên 3 vùng kinh tế đã được xác định, cải tạo, kiến thiết đồng ruộng, đưa nhanh các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, chú trọng cây màu, rau đậu các loại, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Thực hiện phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bãi cát ven biển. Tiến hành giao khoán đất rừng cho hộ nông dân theo quy định của pháp luật. Tổ chức giao các diện tích ao, đầm, sông và khuyến khích các hộ nông dân nuôi tôm. Từng bước sắp xếp ổn định sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Tích cực tạo nguồn thu

mua nông, hải sản xuất khẩu. Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

Về phát triển văn hóa - xã hội, Đại hội chủ trương tiếp tục tăng cường đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục, y tế... Từng bước tăng dần mức sống của nhân dân, kịp thời giải quyết tình trạng thiếu đói khi thiên tai xảy ra, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người có công.

Đại hội xác định trong 5 năm 1991 - 1995 tập trung thực hiện 6 chương trình kinh tế xã hội trọng điểm: Chương trình thủy lợi, tập trung là công trình Thạch Nham, chương trình trồng dâu, nuôi tằm và nuôi tôm, nuôi gia súc xuất khẩu, chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc, chương trình phát triển mạng lưới điện, chương trình nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình và xóa bệnh sốt rét, bấuu cổ.

Về quốc phòng - an ninh, Đại hội chủ trương tập trung xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, bảo đảm về số lượng và chất lượng. Xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh, bảo đảm an ninh trật tự trong mọi tình huống.

Về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Đại hội đề ra nhiệm vụ có kế hoạch thực hiện chương trình phát triển kinh tế trung du, miền núi theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng bộ tỉnh.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của Mặt trận và các đoàn thể. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ là các nhiệm vụ được Đại hội yêu cầu phải tiến hành đồng bộ với quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVI, nhiệm kỳ 1991-1995, gồm 33 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thanh Tân được bầu làm Bí thư. Đồng chí Vũ Thiên Long được bầu làm Phó Bí thư.

Đến đầu năm 1994, theo quy định của Điều lệ Đảng, Đảng ta tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ để kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, rút ra các bài học kinh nghiệm để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đi đến thắng lợi. Sau Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (tháng 3-1994), từ ngày 26-4 đến ngày 27-4-1994, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khoá XVI). Hội nghị khẳng định sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, Đảng bộ tập trung thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội XVI đề ra đều đạt khá, riêng các chỉ tiêu về diện tích mía, diện tích hồ nuôi tôm, sản lượng đánh bắt hải sản, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều đạt chỉ tiêu do Đại hội đề ra đến năm 1995. Chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện được giữ vững. Tuy nhiên, Hội nghị cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm: Tình hình kinh tế - xã hội của huyện chưa có chuyển biến đáng kể, cơ sở vật chất, kỹ thuật còn nghèo nàn. Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tệ nạn xã hội còn phổ biến, sự yếu kém trì trệ trong nội bộ một số cơ sở chưa được khắc phục triệt để. Hội nghị thảo luận, nhất trí thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trong nửa nhiệm kỳ còn lại nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội XVI của Đảng bộ huyện đề ra.

2. Nỗ lực vượt qua khó khăn, khủng hoảng, tạo tiền đề bước vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Tháng 6-1992, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ra nghị quyết về một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng, công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương lần thứ 3, Tỉnh ủy và các cấp ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết nhằm tăng cường đổi mới công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ,

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chọn 3 đơn vị làm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 về đổi mới và chỉnh

đồn Đảng là Đảng bộ Công an huyện, Đảng bộ xã Nghĩa Hòa và Đảng Bộ xã Nghĩa Hiệp. Tại các đơn vị làm điểm, 100% đảng viên trong Đảng bộ được học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 và bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười. Trên cơ sở đó, cấp ủy tổ chức cho cán bộ, đảng viên kiểm điểm, tự phê bình, phê bình, phân loại đảng viên, lên danh mục các vụ, việc đảng viên, tổ chức đảng vi phạm Điều lệ Đảng, phân công trách nhiệm xử lý từng vụ, việc cho cấp ủy theo hướng những việc thuộc thẩm quyền của cấp nào, cấp đó xử lý, những việc vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cấp trên phối hợp cùng giải quyết. Rút kinh nghiệm từ 3 đơn vị làm điểm, Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai việc học tập, thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 trong toàn Đảng bộ. Sau hơn một năm tổ chức thực hiện nghị quyết, nội dung và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng có chuyển biến tích cực. Bốn nhiệm vụ cụ thể được đề cập trong Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 được Đảng bộ triển khai và đạt được nhiều kết quả³⁶. Vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên được tăng cường và phát huy tốt hơn. Các tồn tại, khuyết điểm trong nội bộ đảng được giải quyết kịp thời, đúng người, đúng việc, tạo được sự nhất trí cao trong Đảng bộ. Chuyển biến rõ nhất sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 là về công tác tổ chức, cán bộ. Các cơ quan tham mưu của Huyện ủy như ban tổ chức, ban tuyên giáo, ban dân vận, ủy ban kiểm tra được củng cố về tổ chức, tăng thêm đội ngũ cán bộ. Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập lại đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, cấp kinh phí, phương tiện hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, đơn vị. Theo chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân huyện, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân huyện, thành lập 7 chi bộ dân quân tự vệ ở các xã, thị trấn, lập phòng quản lý đất đai huyện, chỉ đạo thay thế một số cán bộ chủ chốt ở các phòng, ban cấp

³⁶ Bốn nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khóa VII) là: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức; tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

huyện, bí thư, chủ tịch cấp xã, thị trấn không đủ năng lực công tác. Đảng bộ cử 60 đồng chí cán bộ, đảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước tại trường Đảng tỉnh, trường Hành chính tỉnh. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực được học tập nâng cao nhận thức về Đảng tại các lớp do Ban Tuyên giáo Huyện ủy tổ chức. Năm 1993, toàn Đảng bộ huyện kết nạp được 52 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó có 5 đồng chí là người dân tộc thiểu số. Công tác kiểm tra, xem xét đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước đạt được nhiều kết quả tích cực. Năm 1992, toàn Đảng bộ khai trừ khỏi Đảng 7 đảng viên, cảnh cáo 4 đảng viên, cách chức 1 đảng viên. Năm 1993, khai trừ 2 đảng viên, cảnh cáo 6 đảng viên, khiển trách 3 đảng viên, xóa tên 15 đảng viên bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 của Đảng bộ huyện đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng, tạo điều kiện để Đảng bộ vươn lên giữ vững vai trò lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tuy vậy, trước những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, những khó khăn của đất nước, trong Đảng bộ vẫn có một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật kém, tham ô, lãng phí của công, tư tưởng cục bộ, gây mất đoàn kết nội bộ. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, Điều lệ Đảng, bỏ sinh hoạt từ 2 đến 7 tháng, không nạp đảng phí từ 1 đến 3 tháng, có chi bộ tự ý quy định 2 tháng mới sinh hoạt chi bộ một lần.

Huyện Tư Nghĩa là cửa ngõ phía nam của tỉnh, có lợi thế phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ trong thời kỳ đất nước chuyển mạnh từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện tập trung thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội lớn, trong đó lĩnh vực phát triển kinh tế có 4 chương trình: Chương trình thủy lợi, tập trung là hoàn thành hệ thống kênh

mương thủy lợi Thạch Nham nhằm phục vụ sản xuất lương thực, thực phẩm; chương trình trồng dâu nuôi tằm; chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc; chương trình phát triển mạng lưới điện. Với các biện pháp chỉ đạo sâu sát của Đảng bộ và sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân trong huyện, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển mới. Năm 1991, tổng diện tích gieo trồng toàn huyện đạt 16.239 ha, tăng hơn 4,4% so với năm 1990. Sản lượng lương thực đạt 42.261 tấn. Năm 1991 cũng là năm các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đẩy mạnh các phương án chuyển hướng quản lý hợp tác xã nông nghiệp phù hợp với nội dung Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Hầu hết các hợp tác xã trong huyện tổ chức đại hội xã viên, tiến hành đo đạc và làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, cấp lâm bạ cho tập thể và hộ nhân dân trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, tháng 6-1993 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ra Nghị quyết: "Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn". Cụ thể hóa việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 ở tỉnh ta, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 9 (khóa XIV) ra Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 6-12-1993. Nghị quyết đề ra mục tiêu phát triển nhanh và vững chắc nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn nhằm thu hút lao động, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh, có cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu cơ bản của nông dân; có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ và công bằng xã hội; củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 và Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy, tình hình phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn của huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Tất cả các hợp tác xã đều lập phương án chuyển đổi hoạt động từ chỉ đạo sản xuất theo mệnh lệnh hành chính sang kinh doanh dịch vụ thủy lợi, vật tư, bảo vệ thực

vật, thú y, tiến hành giao đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài, tạo điều kiện để kinh tế hộ phát triển. Bộ máy quản lý hợp tác xã từ 30 đến 40 người trong cơ chế cũ giảm xuống còn 8 đến 10 người. Đa số các hợp tác xã hình thành được chi hội khuyến nông để hướng dẫn các hộ xã viên áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đưa các giống cây, con mới vào nuôi trồng, từng bước phá vỡ thế độc canh cây lúa³⁷. Nhờ thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương lần thứ 5, cơ cấu kinh tế của huyện từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong tổng giá trị sản xuất hàng năm của huyện. Năm 1991, tỷ trọng cơ cấu các ngành kinh tế của huyện là: nông nghiệp 67%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 20%, dịch vụ 13%. Đến năm 1995, tỷ trọng các ngành tương ứng là 60%, 25%, 15%. Diện tích trồng lúa từ 11.140 ha, năm 1991 tăng lên 11.850, năm 1994. Từ cuối năm 1994, các hợp tác xã thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trong đó chuyển được 350 ha lúa vụ ba không ăn chắc sang trồng mía và một số loại cây trồng khác. Diện tích trồng mía toàn huyện, năm 1995 đạt 1.600 ha, tăng 300 ha so với năm 1993, trong đó có 60 ha mía rải vụ. Sản lượng mía cây đạt 90.750 tấn, trong đó bán cho Nhà máy Đường Quảng Ngãi 66.250 tấn. Tuy sản lượng lương thực không ổn định qua các năm, nhưng vẫn ở mức cao, bình quân khoảng 40.000 tấn/năm³⁸. Điểm nổi bật trong sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1991-1995 là từ khi hộ xã viên được giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài, được tự chủ sản xuất, nhiều loại cây trồng có năng suất, hiệu quả kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định được nông dân đầu tư vốn và sức lao động phát triển mạnh.

Chuyển sang cơ chế khoán 10, chăn nuôi tập thể trong các hợp tác xã mất dần chỗ đứng, bị giải thể. Chăn nuôi trong các hộ gia đình phát triển

³⁷ Các giống lúa có năng suất cao được phổ biến trong thời kỳ này là IR66, 108, MTL 61,101-79,C70. Năm 1994, huyện đưa vào trồng 64 ha bắp lai, năng suất đạt 40 tạ/ha, cao gấp 2,5 lần so với giống bắp nội. Năm 1995, huyện nhập về 14 con bò lai sind và 40 con heo hướng nạc.

³⁸ Năm 1991: 42.261 tấn, năm 1992: 34.843 tấn, năm 1993: 34.286 tấn, năm 1994: 46.623 tấn, năm 1995: 42.342 tấn

mạnh, trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều hộ gia đình nông dân. Đến cuối năm 1995, tổng đàn gia súc toàn huyện có 67.600 con, trong đó đàn trâu 3.400 con, đàn bò có 18.200 con, đàn lợn có 46.000 con. Nghề khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản trong cơ chế mới đạt được nhiều kết quả. Năm 1991, tuy ngư dân xã Nghĩa An bị lốc xoáy làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhưng được sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện, bà con nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định sản xuất và đời sống. Năm 1995, làng cá Cổ Lũy được xây dựng. Các dịch vụ phục vụ nghề cá bắt đầu phát triển. Tàu thuyền công suất lớn được đóng mới hàng năm tăng lên nhanh chóng. Tàu thuyền được trang bị các phương tiện đánh bắt hiện đại, giúp ngư dân vươn tới tất cả các ngư trường lớn trong cả nước. Sản lượng cá đánh bắt hàng năm tăng nhanh, từ 4.800 tấn (năm 1991) lên 9.500 tấn (năm 1995). Đặc biệt từ năm 1990, nhân dân các xã Nghĩa Phú, Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa mạnh dạn đầu tư vốn, học hỏi kỹ thuật phát triển nghề sản xuất mới - nghề nuôi tôm nước lợ. Do có hiệu quả kinh tế cao, đến năm 1992 có 200 hộ nuôi tôm, với diện tích 50 ha mặt nước ao, hồ. Đến năm 1995, diện tích nuôi tôm tăng lên 114 ha, sản lượng đạt 57 tấn, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hàng ngàn lao động. Nhiều hộ gia đình giàu lên nhờ nuôi tôm nước lợ.

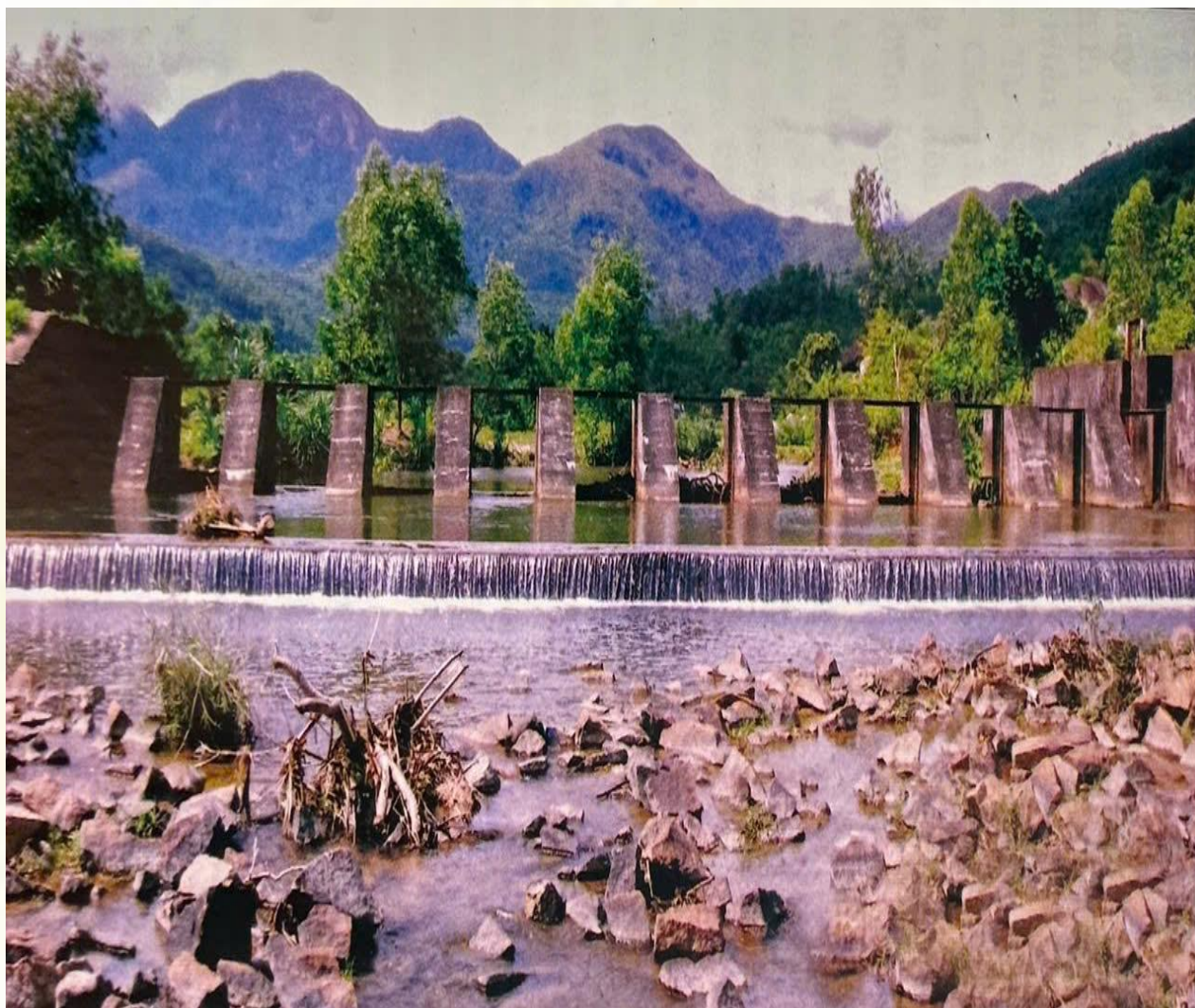
Trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng được Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI xác định là một trong các chương trình kinh tế trọng điểm. Trong 5 năm 1991-1995, bằng nhiều nguồn vốn của nhà nước và các tổ chức quốc tế, nhân dân trong huyện đầu tư trồng mới 530 ha rừng tập trung và 7,6 triệu cây phân tán. Hàng trăm hộ dân được Nhà nước giao đất, giao rừng ổn định lâu dài, tập trung đầu tư vốn, vật tư, cây giống, sức lao động phát triển kinh tế vườn đồi, vườn rừng có hiệu quả kinh tế cao.

Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm chỉ đạo phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi và điện nông thôn. Là huyện liền kề với thị xã tỉnh lỵ, nhưng hệ thống giao thông của

huyện rất yếu kém. Đầu năm 1990, trong 188 km đường giao thông của huyện, chỉ có 16 km được rải nhựa, còn hầu hết là đường đất hoặc cấp phối sạn sông, đất đồi. Trên các tuyến giao thông, ngoài một số cầu, cống được xây dựng bằng bê tông, cốt thép tương đối kiên cố như cầu Bến Lở dài 78 mét trên tuyến Nghĩa Thương-Nghĩa Hiệp, cầu Bàu Ráng dài 36 mét trên tuyến La Hà Phú Thọ, cầu Phủ dài 27 mét trên tuyến La Hà - Nghĩa Hành, cầu Đá trên tuyến Quán Láng - Thu Xà dài 58 mét. Các cầu cống còn lại đều tạm bợ, tải trọng nhỏ. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện thống nhất chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn thực hiện phương châm công tác phát triển giao thông là “ Nhà nước và nhân dân cùng làm” đối với các tuyến do huyện quản lý, “nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” đối với các tuyến đường liên xã, “nhân dân làm là chính” đối với các tuyến đường nội bộ thôn, xóm. Sau 5 năm kiên trì vận động nhân dân thực hiện phương châm đó, hệ thống giao thông trong huyện có nhiều tiến bộ đáng kể. Mặt đường tất cả các tuyến đều được mở rộng thông thoáng. Tất cả các xã đều có đường ô tô đến được trung tâm³⁹. Nhiều tuyến giao thông được thâm nhập nhựa, như tuyến Quán Láng - Thu Xà, Hồ Tiểu - Cổ Lũy, Sông Vệ - Nghĩa Hiệp. Các tuyến được cấp phối như tuyến La Hà - Phú Thọ, Sông Vệ - Hòa Vinh Tây, Nghĩa Trung - Hành Thuận, Nghĩa Kỳ - Xuân Phổ, Gò Hủynh - Xuân Phổ, Nghĩa Thắng - Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn, Nghĩa Thương - Nghĩa Hiệp. So với lúc mới tái lập huyện năm 1982, toàn huyện mới chỉ có 25 km đường do huyện quản lý, 42 km đường do xã quản lý, đến năm 1995 con số đó là 62 và 128. Những kết quả đạt được thể hiện sinh động tinh thần “ý Đảng, lòng dân” trong phát triển giao thông nông thôn, nhất là trong những năm điều kiện kinh tế - xã hội còn rất khó khăn (1991- 1995). Điều đó chứng tỏ một khi Đảng bộ có chủ trương đúng đắn, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, thì nhân dân hết lòng ủng hộ. Trong tổng số vốn 12,5 tỷ đồng huy động làm giao thông nông thôn thời kỳ 1991-1995 thì số tiền huy động được từ sự đóng góp của

³⁹ Trước năm 1995, toàn huyện có 6 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm là: Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Hà, Nghĩa An.

nhân dân và hợp tác xã là 11,1 tỷ đồng. Với những thành tích đạt được trong phát triển giao thông nông thôn, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa được Bộ Giao thông - Vận tải tặng bằng khen. Các xã Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Kỳ là những xã tiêu biểu cho phong trào phát triển giao thông nông thôn của huyện thời kỳ 1991-1995.



Đập 3-2 xã Nghĩa Thọ

Về thủy lợi, đến năm 1995 toàn huyện có 39 công trình thủy lợi lớn và nhỏ, trong đó, có hai hồ chứa, 16 đập dâng, 21 trạm bơm. Trong các công trình thủy lợi có những công trình khá kiên cố, có năng lực tưới tương đối lớn được xây dựng từ những năm đầu sau giải phóng, như đập 19-5 (Nghĩa Sơn) có năng lực tưới 150 ha, đập 3-2 (Nghĩa Thọ) có năng lực tưới 120 ha, đập Hòa Võ (Nghĩa Hòa) có tác dụng ngăn mặn, giữ ngọt cho 600 ha ruộng

đất hai xã Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa. Tuy vậy, chỉ đến năm 1995, khi hầu hết diện tích canh tác của huyện được tưới bằng công trình thủy lợi Thạch Nham, thì công tác thủy lợi hóa mới được hoàn thành về cơ bản.

Hầu hết các xã, thị trấn sử dụng vốn tự có của hợp tác xã hoặc vừa sử dụng vốn hợp tác xã vừa huy động vốn trong nhân dân, vốn vay ngân hàng để xây dựng các công trình điện. Đến năm 1995, tổng các nguồn vốn đầu tư xây dựng mạng lưới điện đạt 7 tỷ đồng. Nhờ đó, mạng lưới điện phát triển rất nhanh. Toàn huyện có 16/18 xã, thị trấn và 85% hộ gia đình sử dụng điện. Huyện cũng đầu tư 10 tỷ đồng phát triển hệ thống thông tin liên lạc. Đến năm 1995, toàn huyện có 15/18 xã, với gần 600 máy điện thoại cố định được lắp đặt. Sau 3 năm (1991-1994) thực hiện Quyết định 589 - QĐ/UB, ngày 25-5-1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh về "Chuyển hướng quản lý, điều hành hợp tác xã nông nghiệp", trong 25 hợp tác xã nông nghiệp của huyện có 10 hợp tác xã được xếp loại A (chuyển đổi tích cực), 9 hợp tác xã xếp loại B (có chuyển đổi, nhưng hoạt động cầm chừng), 6 hợp tác xã xếp loại C (chưa chuyển đổi, hoặc có chuyển đổi, nhưng hiệu quả thấp).⁴⁰

Trong khi nông nghiệp có những bước phát triển đột phá, đổi mới mạnh mẽ cả về cơ cấu, chất lượng và hiệu quả, thì từ năm 1991 sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nhất là khu vực quốc doanh, tập thể lại lâm vào tình trạng khó khăn. Nhiều sản phẩm của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện làm ra giá thành cao, chất lượng kém, không đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Doanh nghiệp không đủ điều kiện để đăng ký kinh doanh theo Nghị định 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Vì vậy, hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp quốc doanh phải giải thể. Tuy các công ty, xí nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quốc doanh, hợp tác xã bị thua lỗ, nhưng nhờ

⁴⁰ Các hợp tác xã loại A là: Tân An, Châu Phú Điền, thị trấn La Hà, Bắc Phương, Đông Phương, Nghĩa Thương 1, Nghĩa Thương 2, Nghĩa Thương 3, Tây Hòa, Tây Hà. Các hợp tác xã loại B là: Nghĩa Lâm, Đông Thắng, Mỹ Phước, Mỹ Phú, Kỳ Tây, Kỳ Bắc, Nghĩa Điền, Đông Hiệp, Đông Hòa. Các hợp tác xã xếp loại C là: Quyết Thắng, Kỳ Đông, Nam Phương, Tây Hiệp, Nam Hà, Đông Hà.

các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác phát triển nhanh, nên giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện vẫn tăng từ 11,2 tỷ đồng (năm 1991), lên 18 tỷ đồng (năm 1995), bình quân tăng 12%/năm. Các ngành, nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống được khôi phục và phát triển nhanh, tạo được việc làm cho nhiều người lao động, như sản xuất gạch ngói, chế biến nông sản thực phẩm, chế biến đường, kẹo, mạch nha, gỗ dân dụng... Nét mới trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là hình thành được một số làng nghề truyền thống, như sản xuất gạch ngói Sông Vệ, dệt chiếu Nghĩa Hoà.....

Hoạt động thương mại, dịch vụ có nhiều khởi sắc, nhất là thương mại, dịch vụ tư nhân. Trong 5 năm, giá trị thương mại, dịch vụ tăng từ 6,2 tỷ đồng (năm 1991), lên 11 tỷ đồng (năm 1995), cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân.

Tiếp tục phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân thường xuyên quan tâm chăm lo giúp đỡ người có công với cách mạng, các gia đình liệt sỹ, thương binh, người nghèo, người gặp hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện chủ trương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện lập hồ sơ đề nghị và được Nhà nước phong tặng 161 Bà mẹ Việt Nam anh hùng quê Tư Nghĩa. Các ngành và địa phương vận động nhân dân đóng góp 250 triệu đồng vào quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, làm mới và sửa chữa 109 nhà tình nghĩa, tặng 110 sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, người neo đơn, khó khăn. Các nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm liệt sỹ ở các xã, thị trấn được đầu tư, xây dựng mới hoặc thường xuyên được tu bổ khang trang hơn. Đời sống nhân dân được cải thiện. Năm 1995, bình quân thu nhập tính theo đầu người đạt 3,6 triệu đồng. Nhiều hộ gia đình có thu nhập hàng năm từ 10 - 15 triệu đồng. Đến năm 1994, cơ bản huyện không còn hộ đói, hộ nghèo còn khoảng 20%, hộ giàu 8% so với tổng số hộ trong toàn huyện. Sản xuất, kinh

doanh phát triển, tạo điều kiện cho nhiều hộ nhân dân xây dựng được nhà ở kiên cố. Đến năm 1995, có khoảng 42% nhà ở của nhân dân trong huyện được xây dựng kiên cố. Tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh ở một số trung tâm dân cư, như La Hà, Thu Xà, Sông Vệ, Nghĩa Kỳ.

Bước vào những năm đầu của thập kỷ 90, công cuộc đổi mới về kinh tế ngày càng đạt được những kết quả tích cực, nhưng bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động sâu sắc đến đời sống tư tưởng, tinh thần của xã hội, xu hướng thương mại hóa xuất hiện trong các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... Trước tình đó, từ ngày 4 đến 14-1-1993, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) họp và ra Nghị quyết về công tác giáo dục và đào tạo; về nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ; về chăm sóc sức khỏe nhân dân và về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Về giáo dục, đào tạo, nghị quyết xác định giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, là một động lực, một điều kiện để thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo phải được tiếp tục đổi mới nhằm "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài". Năm học 1991-1992 huyện hoàn thành việc tách các trường phổ thông cơ sở thành các trường tiểu học và trung học cơ sở, bàn giao việc quản lý hai trường phổ thông trung học về Sở Giáo dục - Đào tạo quản lý. Thực hiện chủ trương đa dạng hóa các loại hình giáo dục, đào tạo, ngày 13-9-1993, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UB thành lập Trường Trung học bán công Chu Văn An. Năm học đầu tiên (1994-1995), trường có 3 lớp, với 190 học sinh. Cùng thời gian này, Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề huyện cũng được thành lập. Hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo trước đây do Nhà nước, hợp tác xã nông nghiệp cấp kinh phí, từ năm 1991 được chuyển sang hệ dân lập, phần lớn chi phí nuôi dạy trẻ do phụ huynh đóng góp. Chủ trương xã hội hóa giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 4 tác động tích cực đến phong trào xây dựng trường, lớp phục vụ việc học tập của con em trong

huyện, từng bước khắc phục được tình trạng học ba ca. Trong 5 năm 1991-1995, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, huyện đầu tư khoảng 2 tỷ đồng xây dựng được nhiều trường, lớp học kiên cố, bán kiên cố, góp phần giảm các lớp học ca ba từ 74 lớp (năm 1991) xuống còn 28 lớp (năm 1995). Các trường xây dựng quỹ tình thương, quỹ hỗ trợ tài năng trẻ nhằm khuyến khích, giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó vươn lên trong học tập. Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục đạt được thành tích khá. Năm 1994, huyện được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Chất lượng dạy và học phổ thông nâng cao dần từng bước. Trường Trung học phổ thông số 1 Tư Nghĩa là một trong những trường của tỉnh có tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cao. Các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn huyện ngày càng có nhiều đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 4 (khoá VII) xác định: Sức khỏe là vốn quý của mọi người, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng, của mỗi người dân, mỗi cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò quan trọng. Quán triệt quan điểm đó, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện rà soát, chấn chỉnh hoạt động của mạng lưới y tế huyện. Theo chủ trương của tỉnh, ngành y tế thành lập Trung tâm y tế huyện và ba phòng khám khu vực tại xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Hà và thị trấn Sông Vệ, tuyển chọn, sàng lọc đội ngũ y, bác sỹ, nhân viên y tế, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang bị phương tiện, thuốc men phục vụ kịp thời công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Ngành y tế huyện kịp thời dập tắt, không để lây lan ra diện rộng nhiều đợt sốt xuất huyết xảy ra ở các xã khu đông, sốt rét ở Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, khu kinh tế mới Nghĩa Thắng.

Trước những biểu hiện đáng lo ngại về sự xuống cấp của đạo đức, lối sống thực dụng, sa đọa, bạo lực và sự lan tràn các sản phẩm văn hoá độc

hại, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo ngành văn hoá - thông tin tổ chức các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm khẳng định, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bài trừ cái ác, lên án cái sai, cái xấu, chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại. Nhiều năm liền ngành văn hoá - thông tin huyện tổ chức được các hoạt động văn hoá sôi nổi, lành mạnh như liên hoan văn nghệ, liên hoan ca khúc cách mạng, thi giọng hát hay, thi hát ru ... Năm 1993, ngành văn hoá - thông tin phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh lập hồ sơ và được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng và cấp bằng di tích quốc gia cho các danh thắng trên địa bàn huyện, như thắng cảnh núi Phú Thọ, Cổ Lũy cô thôn (xã Nghĩa Phú) và di tích kiến trúc Chùa Ông (xã Nghĩa Hoà).

Bên cạnh những kết quả đạt được, những năm 1991- 1995 tình hình kinh tế và các lĩnh vực xã hội của huyện vẫn chưa khắc phục được những tồn tại, yếu kém. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, tăng trưởng kinh tế thấp. Một số chỉ tiêu, nhất là sản lượng lương thực không đạt kế hoạch đề ra. Đến năm 1995, sản lượng lương thực quy thóc toàn huyện đạt 42.000 tấn, chỉ bằng 84% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra. Việc đầu tư phát triển cây dâu tằm, cây cao su chưa phù hợp với thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng, thiếu thị trường tiêu thụ làm lãng phí các nguồn lực và làm mất lòng tin trong nhân dân. Việc chuyển hướng hoạt động của các hợp tác xã sang kinh doanh dịch vụ tổng hợp còn nhiều lúng túng. Quản lý tài sản trong các hợp tác xã còn lỏng lẻo dễ hư hao, mất mát vật tư, sản phẩm, cân, đo, đóng, đếm không chính xác, đối chiếu sổ sách không kịp thời, nợ sản phẩm của hợp tác xã còn lớn dẫn đến tình trạng thiếu hụt, tạo kẽ hở phát sinh nạn tham ô, nâng chi phí hoạt động của hợp tác xã quá lớn, làm mất lòng tin của xã viên. Năm 1992, các ngành chức năng kiểm kê kho lúa của hợp tác xã Tân An (Nghĩa Trung), phát hiện thiếu 16.900 kg, hợp tác xã Quyết Thắng (Nghĩa Thắng) thiếu 4.000 kg. Kiểm tra tài chính hợp tác xã Nghĩa Kỳ Đông (Nghĩa Kỳ), phát hiện thủ quỹ chiếm dụng quỹ 19 triệu đồng,

hợp tác xã Tây Hiệp (Nghĩa Hiệp) chi phí vượt mức quy định 37 triệu đồng. Một số đội sản xuất chiếm dụng lúa của hợp tác xã, như hợp tác xã Nam Hà (Nghĩa Hà) chiếm dụng 2.600 kg, Bắc Phương (Nghĩa Phương) chiếm dụng 12.000 kg. Đến năm 1993, nợ của xã viên đối các hợp tác xã trong huyện, quy thành tiền hơn 6 tỷ đồng, các hợp tác xã nợ các đơn vị khác gần 1,5 tỷ đồng. Mặc dù huyện hoàn thành việc xây dựng quy hoạch vùng kinh tế, nhưng trong chỉ đạo thực hiện lại chưa gắn với đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ như chế biến, thương mại, nên hiệu quả thấp. Các hoạt động văn hoá - xã hội chưa được quan tâm chỉ đạo sâu sát, đầu tư nguồn lực chưa tương xứng với vai trò của nó trong quá trình phát triển. Trường, lớp học nhiều nơi còn tạm bợ, dột nát. Trạm y tế xuống cấp, nhưng không có kinh phí để sửa chữa. Đội ngũ giáo viên, nhân viên y tế còn thiếu, phân bổ không đều, đạo đức xuống cấp. Hoạt động của các dịch vụ văn hoá có biểu hiện thiếu lành mạnh, nhất là nạn “video đen” còn khá phổ biến.

Sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô, các thế lực thù địch tăng cường chống phá cách mạng nước ta về nhiều mặt, nhất là đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình” kết hợp với gây bạo loạn lật đổ nhằm thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Tư Nghĩa là địa bàn vừa có đồng bằng, miền núi và ven biển, địa hình phức tạp, nơi tập trung một bộ phận không nhỏ nguy quân, nhân viên nguy quyền, bọn phản động đội lốt các tôn giáo thường xuyên tuyên truyền chống phá sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khá phức tạp. Nhiều địa phương, bọn tề ngụy, các phần tử bất mãn tụ tập bàn tán, tuyên truyền nói xấu chế độ, bịa đặt, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, đe dọa cán bộ địa phương. Nhiều tên làm tờ khai “công trạng” với chế độ cũ, nuôi ảo vọng khi Mỹ trở lại Việt Nam sẽ cấp tiền lương, tiền trợ cấp cho chúng. Từ đó, một số thương, phế binh nguy liên lạc thư từ với các tổ chức phản động nước ngoài xin tài trợ, giúp đỡ sang định

cư tại Mỹ. Nhờ chính sách mở cửa, đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, Việt kiều về thăm quê mỗi năm một tăng. Cao điểm như năm 1995 có 97 người, trong đó hầu hết là những người vượt biển trốn ra nước ngoài sau năm 1975. Không ít người khi trở về vẫn mang nặng tư tưởng mặc cảm, hận thù, nên họ ra sức ca ngợi chủ nghĩa tư bản, ca ngợi lối sống Mỹ, gieo rắc các luận điệu tuyên truyền chống chế độ. Có những người bị chính quyền nhắc nhở, cảnh cáo đã tỏ thái độ thách thức chính quyền. Một số chức sắc, tín đồ các tôn giáo làm đơn, thư gây áp lực với chính quyền đòi lại đất và các cơ sở thờ tự đã hiến cho Nhà nước sau năm 1975, đòi khôi phục một số tổ chức tôn giáo chưa đủ tư cách pháp nhân, chưa được Nhà nước công nhận, coi nói, sửa chữa cơ sở thờ tự trái phép, liên lạc với các tổ chức nước ngoài xin tài trợ kinh phí hoạt động. Trên tuyến biển một số tàu, thuyền nước ngoài nhiều lần xâm phạm chủ quyền lãnh hải nước ta, bắt ngư dân khai thác thông tin. Hai xã miền núi Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ xuất hiện tình trạng các chức sắc, tín đồ tổ chức tuyên truyền đạo trái pháp luật. Quán triệt các tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khoá VII), tháng 6- 1992 về công tác củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy xác định nhiệm vụ chống “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống khác là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Với tinh thần đó, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các lực lượng công an và quân sự huyện tập trung thực hiện các biện pháp củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên địa bàn huyện.

Về công tác an ninh, sau khi chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên xô sụp đổ, nhất là từ khi Mỹ bỏ cấm vận, bình thường hóa quan hệ với nước ta, công an huyện tiến hành thanh lọc, chuyển đổi, xây dựng và bố trí lại mạng lưới an ninh nhân dân trên địa bàn; điều tra cơ bản, gọi hỏi, răn đe các đối tượng có hành vi gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được củng cố. Nhiều

vụ việc gây mất trật tự ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ trong nhân dân được công an phát hiện, xử lý. Trong 5 năm (1991-1995), công an huyện tổ chức phá hàng trăm vụ xâm phạm tài sản Nhà nước và công dân. Riêng năm 1995, công an huyện khám phá 127 vụ án hình sự, bắt giữ 169 tên tội phạm. Kiểm tra 60 điểm chiếu video, công an phát hiện 40 điểm chiếu vi phạm các quy định của cơ quan chức năng, thu giữ 770 băng hình có nội dung không lành mạnh, phạt hành chính 22 triệu đồng.

Công tác quốc phòng tập trung vào nhiệm vụ củng cố lực lượng, thường xuyên huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Trong 5 năm, lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên đạt 2,5% dân số được ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức huấn luyện nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu. Huyện tổ chức đợt diễn tập: KH-35. KT-93 và diễn tập chống bạo loạn lật đổ cụm liên huyện Tư Nghĩa - Nghĩa Hành - Minh Long đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Công tác tuần tra phòng thủ nội địa, ven biển, vùng núi được duy trì thường xuyên. Công tác tuyển quân có nhiều cố gắng, đạt chỉ tiêu số lượng và chất lượng quân số. Các đối tượng vi phạm luật nghĩa vụ quân sự, quân nhân đào ngũ đều bị xử lý nghiêm.

Do những tác động, ảnh hưởng của tình hình quốc tế trong sự chuyển biến mau lẹ trong quan hệ giữa nước ta với các nước, các tổ chức quốc tế, nên trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, công tác củng cố quốc phòng - an ninh vẫn còn một số mặt hạn chế, thiếu sót. Công tác nắm địa bàn, dự báo tình hình chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới. Mạng lưới an ninh nhân dân được chuyển đổi, nhưng tác dụng hạn chế. Công tác quản lý người nước ngoài, Việt kiều, bảo vệ nội bộ, an ninh kinh tế, tư tưởng văn hóa chưa chặt chẽ. Công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu ở một số xã và thị trấn chưa đạt yêu cầu đề ra. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên địa bàn huyện chưa vững chắc.

Quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan tâm lãnh đạo tổ chức xây dựng,

củng cố chính quyền nhân dân các cấp. Năm 1991, huyện tiến hành xây dựng bộ máy thôn, khối phố. Tuy thôn không phải là một cấp chính quyền, nhưng lại có vị trí rất quan trọng trong công tác quản lý nhân hộ khẩu, đảm bảo quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội và các lĩnh vực khác. Đến năm 1993, toàn huyện bố trí đủ cán bộ tại 89 thôn, khối phố, bước đầu hoạt động có hiệu quả. Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo chặt chẽ việc lựa chọn đại biểu giới thiệu ứng cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Ngày 20-11-1994, cùng với cử tri trong tỉnh, 98% cử tri huyện Tư Nghĩa tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp dân chủ, an toàn, đúng luật, đạt kết quả cao. Cử tri bầu được 35 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 388 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn nhiệm kỳ 1994 - 1999. Đồng chí Nguyễn Văn Đôn được Hội đồng nhân dân bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1994 - 1999. Đến tháng 7-1996, đồng chí Nguyễn Văn Đôn nhận công tác ở tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Đinh Mậu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Tháng 8-1995 Ban Thường vụ Huyện ủy mở hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 88 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về: “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”. Như nghị quyết của Trung ương nhận định: Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân là vấn đề vô cùng hệ trọng, có quan hệ đến vận mệnh chính trị của Đảng và sự sống còn của cách mạng nước ta. Nhận thức sâu sắc quan điểm đó, Đảng bộ huyện tập trung đổi mới công tác vận động quần chúng, thành lập Ban Dân vận Huyện ủy (năm 1995), củng cố tổ chức bộ máy, mối quan hệ công tác và bố trí đội ngũ cán bộ có năng lực, nhiệt tình vào các cơ quan làm công tác dân vận từ huyện đến cơ sở. Nhờ có các biện pháp chỉ đạo sâu sát, kịp thời đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, nên các phong trào quần chúng ở các địa phương trong huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Đảng bộ chỉ đạo củng cố tổ chức, phát huy vai trò của mặt trận các cấp theo nội dung Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 17-11-1993 của Bộ

Chính trị về: Đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất. Cuối tháng 7- 1994, Mặt trận huyện tổ chức đại hội lần thứ VI nhằm đánh giá tình hình hoạt động của Mặt trận nhiệm kỳ 1990-1994, đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1994- 1999. Đại hội đánh giá: Trong 5 năm 1990-1994, mặt trận đã phát huy dân chủ, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, giữ vững và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, vượt qua khó khăn, thử thách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức thành viên của mặt trận tiếp tục phát triển, từ năm 1990 có thêm Hội Cựu Chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Y học dân tộc, Ban liên lạc tù chính trị Côn Đảo... Nhờ tập hợp được hầu hết các tổ chức quần chúng trong xã hội, nên mặt trận càng mở rộng phạm vi hoạt động, có ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân và trở thành lực lượng nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng. Cuộc vận động “đền ơn đáp nghĩa” đối với người có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sỹ là một cuộc vận động lớn, được toàn xã hội quan tâm. Trong 5 năm 1990-1994, mặt trận vận động nhân dân đóng góp tiền, ngày công lao động xây dựng, sửa chữa 50 nhà tình nghĩa, tặng 104 sổ tiết kiệm tình nghĩa, vận động các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể nhận phụng dưỡng tất cả các bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống trên địa bàn huyện.

Đoàn viên, thanh niên trong huyện là lực lượng dự bị đáng tin cậy của Đảng bộ, chiếm tỷ lệ 10,2% dân số. Từ năm 1991 đến năm 1995, Huyện Đoàn kết nạp thêm 800 đoàn viên, các tổ chức đoàn từng bước khắc phục được những hạn chế, yếu kém trong những năm trước đây, trở thành lực lượng chủ yếu trong các tổ chức dân quân tự vệ, thanh niên xung kích, câu lạc bộ khuyến nông, khuyến ngư...

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04/NQ -TW, ngày 12-9-1993 của Bộ Chính trị về: Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy dành sự quan tâm sâu sắc đến công tác vận động phụ nữ và tổ chức các phong trào hành động cách

mạng của phụ nữ trong huyện. Do đó, tổ chức hội và phong trào phụ nữ giai đoạn này có nhiều khởi sắc. Đến năm 1995, toàn huyện có 18.860 hội viên sinh hoạt tại 309 tổ. Hội tổ chức thực hiện có hiệu quả 2 cuộc vận động, 5 chương trình công tác trọng tâm do Trung ương Hội phát động là: Chương trình giáo dục nâng cao nhận thức cho phụ nữ, phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, chương trình chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em, chương trình củng cố tổ chức và xây dựng quỹ hội và chương trình phụ nữ tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em. Thông qua việc thực hiện 5 chương trình công tác trọng tâm, vai trò của người phụ nữ ngày càng được khẳng định vững chắc trong đời sống xã hội. Bản thân chị em phụ nữ cũng không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập, lao động sản xuất, giải việc nước, đảm việc nhà, tương trợ giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con tốt. Từ năm 1993 - 1995, các cấp hội trong huyện vận động được 5.736 chị có điều kiện kinh tế khá giúp cho 2.179 chị có hoàn cảnh kinh tế khó khăn mượn 5.662 kg lúa giống, 331 con heo, 109 chỉ vàng và 24 triệu đồng để phát triển kinh tế gia đình. Một số dự án chăn nuôi bò của hội phụ nữ xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hiệp, thị trấn La Hà bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp hàng trăm hộ gia đình thoát khỏi nghèo đói. Qua các phong trào của phụ nữ huyện nhà, nhiều cá nhân, tổ chức hội và chị em phụ nữ được khen ngợi, trong đó Hội Phụ nữ thị trấn La Hà 4 năm liền được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng bằng khen.

Trong công cuộc đổi mới, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khoá VI) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (khoá VII), phong trào nông dân huyện có nhiều bước phát triển mới. Tổ chức hội nông dân được thành lập ở tất cả các xã, thị trấn. Trong 5 năm (1991-1995), Hội nông dân huyện tổ chức cho hội viên học tập, quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của giai cấp nông dân, tập trung đẩy mạnh các phong trào như phong trào

nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi, phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào đoàn kết tương trợ phát triển kinh tế và các chương trình phối hợp, như chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình, chương trình xóa mù chữ, phổ cập tiểu học... Từ năm 1991 đến năm 1995, Hội Nông dân huyện 2 lần tổ chức hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi, bình chọn được hơn một nghìn hội viên tiêu biểu trong sản xuất - kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp. Hội viên của hội nông dân đóng góp hàng ngàn ngày công, hàng chục triệu đồng giúp nhau phát triển kinh tế, làm nhà tình nghĩa, xây dựng nông thôn mới. Bằng nguồn vốn vay từ quỹ quốc gia xóa đói giảm nghèo, các tổ chức hội xây dựng được 11 dự án với 900 triệu đồng tiền vốn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho hàng trăm hộ gia đình hội viên.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 26-3-1990 Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh huyện Tư Nghĩa. Ngay sau khi có quyết định thành lập, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thành lập ban chấp hành lâm thời, kết nạp hội viên và tổ chức đại hội hội cựu chiến binh các xã, thị trấn và cấp huyện. Với số lượng hội viên lúc mới thành lập chỉ 355 đồng chí, đến năm 1995, hội viên lên đến 882 đồng chí, chiếm 44,3% tổng số cựu chiến binh trong toàn huyện. Hoạt động của hội cựu chiến binh những năm đầu mới thành lập khá đa dạng, phong phú. Các cấp hội tích cực mở các đợt sinh hoạt chính trị nhằm giáo dục hội viên giữ vững phẩm chất “bộ đội cụ Hồ”, gương mẫu thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia giáo dục truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ. Đồng thời, các cấp hội tích cực vận động hội viên giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, làm giàu chính đáng. Mặc dù là một đoàn thể chính trị - xã hội ra đời muộn, nhưng hoạt động của Hội Cựu Chiến binh huyện Tư Nghĩa ngày càng khẳng định được vai trò quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội của huyện.

Tuy đạt được nhiều kết quả trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, nhưng so với yêu cầu và nhiệm vụ mới, hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể còn có những yếu kém, khuyết điểm. Bộ máy tuy được tinh giản, nhưng vẫn cồng kềnh, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước, kiến thức và khả năng vận động quần chúng phù hợp với nền kinh tế đang chuyển đổi từ tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường. Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở hoạt động thất thường, nặng về phát động phong trào, xem nhẹ chất lượng, hiệu quả, chưa quan tâm chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Chuyển sang cơ chế quản lý kinh tế mới, theo chủ trương của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức công đoàn cấp huyện phải giải thể⁴¹. Công đoàn cơ sở trên địa bàn huyện được chuyển giao cho Liên đoàn Lao động tỉnh trực tiếp quản lý.

Thấm nhuần quan điểm chỉ đạo của Đảng: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trong 5 năm (1991-1995), Đảng bộ huyện tập trung nhiều sức lực, trí tuệ cho công tác xây dựng Đảng theo nội dung Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3, khoá VII (6-1992) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Công tác chính trị - tư tưởng được Đảng bộ xác định là công tác quan trọng hàng đầu. Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo công tác chính trị - tư tưởng của Đảng bộ là nhiệm vụ trọng yếu nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn, phù hợp hơn với xu thế phát triển của đất nước trong công cuộc đổi mới, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó, các khâu của công tác chính trị tư tưởng từ tổ chức học tập, quán triệt nội dung nghị quyết của Đảng đến việc đề ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết, tuyên truyền thời sự trong nước, quốc tế, cũng như sự phối hợp giữa các ban xây dựng Đảng, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể để tiến hành công tác tư tưởng - chính trị đều có sự đổi mới mạnh mẽ, thiết thực, hiệu quả hơn. Những sự kiện chính trị lớn trong nước và quốc tế diễn ra

⁴¹ Quyết định số 612/QĐ-TLĐ, ngày 10-9-1992 của Ban Thư ký Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

trong thời kỳ này, như chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sụp đổ, Liên Xô tan rã, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)... đều được thông tin kịp thời, tạo được sự nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, cùng với việc thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, hình thành các chi bộ thôn, chi bộ và tổ đảng trong lực lượng dân quân cơ động. Sát nhập, giải thể một số chi bộ sản xuất, kinh doanh theo Nghị định 388 của Chính phủ, Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm chỉ đạo các tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, sự phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), toàn Đảng bộ huyện có Đảng bộ xã Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Trường Trung học Tài chính - Kế toán 3, Trường Công nhân Cơ giới 2 đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh 3 năm liền. Đảng bộ xã Nghĩa Trung được Ban Thường vụ Tỉnh ủy biểu dương, khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đảng từ năm 1992 đến năm 1995. Công tác bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ được chú trọng. Từ năm 1991 đến năm 1995, Đảng bộ cử 67 đồng chí đi đào tạo cao cấp, trung cấp lý luận chính trị, 145 đồng chí được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, 150 đồng chí học chuyên môn nghiệp vụ. Ban Tuyên giáo Huyện ủy mở 3 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho 213 cấp ủy viên và bí thư chi bộ, 22 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho 628 quần chúng ưu tú, trong đó kết nạp được 227 đồng chí vào Đảng. Trên cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với khảo sát, đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy xét, đề bạt, bổ nhiệm 56 đồng chí vào các chức danh trưởng, phó phòng và tương đương.

Công tác kiểm tra đảng viên và các tổ chức đảng chấp hành đường lối chủ trương, Điều lệ Đảng được Đảng bộ tiến hành thường xuyên, có tác dụng tích cực trong công tác xây dựng Đảng, giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Từ năm 1991 đến năm 1995, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tiến hành kiểm tra 37 tổ chức cơ sở đảng và 1.114 đảng viên. Qua kiểm tra có 80% tổ chức cơ sở đảng và 87% đảng viên chấp hành tốt. Việc xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước được tiến hành kiên quyết hơn, có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, răn đe hiệu quả hơn. Trong nhiệm kỳ có 53 đảng viên bị xử lý kỷ luật, trong đó có 19 đồng chí bị khai trừ khỏi Đảng, 5 đồng chí bị cách chức, 19 đồng chí bị cảnh cáo và 10 đồng chí bị khiển trách.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng trong 5 năm 1991- 1995 của Đảng bộ huyện còn có những yếu kém, khuyết điểm. Về công tác chính trị - tư tưởng, Đảng bộ chưa chủ động nắm chắc diễn biến tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nên trận địa tư tưởng có lúc, có nơi bị bỏ trống. Nội dung, phương thức công tác chính trị - tư tưởng, tuy có đổi mới, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác tổ chức cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên chuyển biến chậm. Công tác quy hoạch và bố trí đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém. Một số tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, cố ý làm trái nguyên tắc quản lý kinh tế, tham nhũng, lãng phí chưa được xử lý triệt để, làm ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, điều hành của Đảng bộ.

Trong 5 năm (1991-1995) đời sống chính trị trong nước và quốc tế phải trải qua một thời kỳ lịch sử đầy những biến cố phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa kiên trì phấn đấu, lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các ngành nghề sản xuất, kinh doanh chuyển mạnh sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn. Trong sản xuất nông nghiệp, và gia đình là một đơn vị kinh

tế tự chủ, được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định, lâu dài. Tổ chức hợp tác xã theo mô hình cũ không còn phù hợp và từng bước chuyển sang hoạt động dịch vụ thủy lợi, vật tư, bảo vệ thực vật hỗ trợ đề kinh tế hộ gia đình phát triển. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ từ sở hữu Nhà nước và tập thể là chủ yếu đã chuyển sang đã sở hữu, hoạt động theo cơ chế thị trường. Hạ tầng kinh tế - xã hội, chủ yếu là “điện - đường - trường - trạm” được đầu tư nâng cấp mở rộng. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều khởi sắc nhờ chính sách xã hội hoá của Đảng và Nhà nước. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Với những thành tựu đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của huyện đã vượt qua thời kỳ khó khăn, khủng hoảng, tạo nền tảng bước vào thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Tuy vậy, chuyển sang hoạt động theo cơ chế kinh tế thị trường, nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh trong huyện thiếu vốn sản xuất công nghệ lạc hậu, sản phẩm làm ra giá thành cao, chất lượng kém, không đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường. Việc làm và đời sống của người lao động gặp nhiều khó khăn. Ở nông thôn, tranh chấp đất đai tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến đoàn kết và an ninh nông thôn. Việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng sự quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân vẫn còn nhiều lúng túng, chưa được tháo gỡ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức, lối sống vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa xử lý dứt điểm, để dây dưa kéo dài. Những yếu kém, khuyết điểm đó đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải nỗ lực khắc phục nhanh chóng để cùng với cả nước bước vào thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh



Cơ quan HĐND – UBND Huyện Tư Nghĩa

CHƯƠNG VI

LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

1. Tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đoàn kết, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI đề ra. Về cơ bản các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đã vượt qua được thời kỳ khủng hoảng bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng sâu xa tình hình kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn nhiều thách thức đối với sự phát triển trong những năm cuối cùng của thế kỷ XX. Trong bối cảnh đó, từ ngày 25 đến 28-3-1996, 200 đại biểu thay mặt hơn 1.600 đảng viên trong toàn Đảng bộ được triệu tập để tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lần thứ XVII, nhiệm kỳ 1996-2000. Đồng chí Phạm Nam Tào, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá 5 năm Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI. Trên cơ sở dự báo tình hình trong những năm tới, phân tích những thuận lợi và khó khăn khi Đảng bộ và nhân dân trong huyện bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu trong 5 năm cuối cùng của thế kỷ XX. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995, Đại hội nhận định: Nền kinh tế - xã hội từng bước ổn định và có tăng trưởng, đạt được nhiều chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra. Nhưng mặt hạn chế là tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm thấp, chưa vững chắc. Các tiềm năng vốn có của địa phương chưa được khai thác có hiệu quả. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động các hợp tác xã còn nhiều lúng túng. Đội ngũ cán bộ

còn nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Từ thực tiễn quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội rút ra các bài học kinh nghiệm. Một là, phải quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, vận dụng sáng tạo, sát đúng tình hình cụ thể của địa phương, đề ra được nhiệm vụ trung tâm, những địa bàn trọng điểm để tập trung chỉ đạo. Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo phải xây dựng chương trình kế hoạch, xác định những bước đi, thời gian, biện pháp cụ thể, những mặt trọng tâm, những khâu đột phá có tính chất đòn bẩy. Chỉ đạo có điểm, có diện, có sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để chỉ đạo phong trào đều khắp. Ba là, sức mạnh lãnh đạo của Đảng là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của quân - dân - chính - đảng. Bốn là, tổ chức cơ sở Đảng, vai trò của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở là hạt nhân và là yếu tố quyết định sự thắng lợi việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm, trên cơ sở dự báo những thuận lợi, khó khăn trong những năm đến, Đại hội đề ra mục tiêu cần phấn đấu trong 5 năm 1996-2000 là: *"Tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống cách mạng của Đảng bộ tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, khắc phục những mặt yếu kém, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Từng bước phát triển nông nghiệp toàn diện, xây dựng nông thôn mới, phát triển tiểu, thủ công nghiệp và mở rộng thương mại, dịch vụ. Đẩy mạnh việc giáo dục đào tạo, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ tăng dân số, giải quyết việc làm. Thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, tiến hành cải cách một bước nền hành chính các cấp, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, vai trò của mặt trận và các đoàn thể. Nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, thực hiện mục tiêu " Dân giàu, nước*

*mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa*⁴²”. Đại hội đề ra một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2000:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 10,6%, trong đó: nông nghiệp 6,1%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 14,2%; dịch vụ 22%.

- + Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 1,3 lần so với năm 1995.

- + Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 1,7 lần so với năm 1995.

- + Giá trị thương mại tăng 2,1 lần so với năm 1995.

- Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 51%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 28%; cải cách công vụ 21%.

- Giá trị sản xuất bình quân tính theo đầu người đạt 5,2 triệu đồng, tương đương 472 USD.

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân 1,7%, đến năm 2000 dân số khoảng 184.000 người.

- Trung bình hàng năm giải quyết khoảng 2.000 - 3.000 lao động có việc làm.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập trung học cơ sở đạt 30-40%.

- Không để xảy ra hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 8%, hộ giàu, khá tăng lên 20%, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 25-30%.

- Thu ngân sách trên địa bàn đảm bảo chi thường xuyên. Tiến hành cải cách hành chính theo Nghị quyết số 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VIII. Nâng cao vai trò quản lý, điều hành của chính quyền, đảm bảo Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng,

⁴² Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa khóa XVI và phương hướng nhiệm vụ năm 1996 – 2000, tr 16.

nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Phấn đấu đến năm 2000 có 1/2 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, trong sạch, 97% đảng viên đủ tư cách, phát triển đảng viên mới từ 300 người trở lên.

Để thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2000, Đại hội đề ra 6 nhiệm vụ và 6 giải pháp chủ yếu.

Về các chương trình kinh tế - xã hội, Đại hội đề ra 6 chương trình với các mục tiêu, giải pháp cụ thể: Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, phấn đấu đến năm 2000, đưa năng suất lúa lên 45 tạ/ha/vụ. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 52.000 tấn. Tăng diện tích mía lên 1.700 ha, năng suất đạt 80 tấn/ha, sản lượng từ 120.000 đến 130.000 tấn. Đàn gia súc gia cầm tăng 1,3-1,5 lần so với năm 1995. Nâng tỷ trọng chăn nuôi lên 30% trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Chương trình thủy sản phấn đấu đến năm 2000, năng lực tàu thuyền đạt 25.000 CV, sản lượng khai thác 15.000 tấn. Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, phấn đấu đến năm 2000, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 1,7 lần, dịch vụ tăng 2,1 lần so với năm 1995. Chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện mô hình điện, đường, trường, trạm ở các xã, thị trấn. Mỗi xã, thị trấn đều có trung tâm văn hoá, thể thao. Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực và giải quyết một số vấn đề xã hội cấp bách, Đại hội đề ra mục tiêu đến năm 2000, phổ cập trung học cơ sở 30-40%, giải quyết việc làm khoảng 2.000 - 3.000 người/năm, giảm hộ nghèo còn 8%, tỷ lệ tăng dân số còn 1,7%, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 25-30%. Thực hiện tốt chính sách thương binh, liệt sỹ, người có công, người nghèo. Đẩy lùi tệ tham nhũng, tệ nạn xã hội, xây dựng gia đình văn hoá mới. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội 3 xã miền núi, phấn đấu đến năm 2000, hoàn thành mạng lưới điện xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ. Sửa chữa, mở rộng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Ổn định đời sống, cải thiện môi trường, môi sinh, giảm 50% hộ nghèo so với năm 1995.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành khóa XVII, nhiệm kỳ 1996-2000 gồm 35 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thanh Tân được bầu làm Bí Thư. Đồng chí Trần Đình Vạn được bầu làm Phó Bí thư. Đến tháng 6-1996, đồng chí Nguyễn Thanh Tân được điều động về tỉnh nhận công tác mới, đồng chí Trần Đình Vạn được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Đức Thuận và Đinh Mẫu được bầu làm Phó Bí thư.

Từ ngày 6 đến ngày 10-5-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV được tổ chức tại Nhà Văn hoá Lao động tỉnh. Đại hội có nhiệm vụ thông qua báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng, đánh giá những khuyết điểm, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong 5 năm 1991-1995. Đồng thời, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu trên một số lĩnh vực đến năm 2000 là: Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn quá trình công nghiệp hoá của tỉnh với quá trình hình thành và phát triển khu công nghiệp Dung Quất; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Sau Đại hội Đảng bộ các cấp, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tiến hành tại Hà Nội. Đại hội đánh giá những thắng lợi đạt được, những tồn tại, hạn chế trong 10 năm (1986- 1996) thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000). Bầu Ban Chấp hành Trung ương nhiệm kỳ 1996-2000.

2. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị

Những năm cuối cùng của thế kỷ XX, tình hình thế giới và khu vực có những biến động mới, không lường trước được. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ bùng nổ, đầu tiên là ở các nước Đông Nam Á sau đó lan rộng ra nhiều nước trên thế giới. Cuộc khủng hoảng đã tác động xấu đến nền kinh tế - xã hội nước ta, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại và tài chính. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 7%/năm, trong khi mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra là 9-10%/năm. Các vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt như việc làm, đời sống, công bằng xã hội... chậm được giải quyết. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, suy thoái đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng. Đối với tỉnh ta, tuy cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ không tác động trực tiếp, nhưng thời tiết diễn biến thất thường, bão lụt, hạn hán diễn ra thường xuyên hơn. Đặc biệt, cuối năm 1999, tỉnh ta bị một trận lũ lịch sử làm thiệt hại về người và tài sản⁴³.

Trong chỉ đạo thực hiện một số chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp đạt hiệu quả thấp. Một số cây công nghiệp như mía, cà phê, cao su, dâu tằm... không đạt yêu cầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Trong bối cảnh đó, những năm 1996-2000 Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Quán triệt các định hướng cơ bản được Đảng ta đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, ngay từ đầu nhiệm kỳ. Đảng bộ huyện chỉ đạo

⁴³ Riêng huyện Tư Nghĩa, trận lũ lịch sử này làm chết 18 người, bị thương 31 người, thiệt hại về tài sản khoảng 45,2 tỷ đồng. Nhiều vùng bị ngập sâu trong nước nhiều ngày. Hơn 70 nghìn dân bị lũ lụt cuốn trôi nhà cửa, lương thực, đồ dùng gia đình, lâm vào cảnh đói, rét.

xây dựng và được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2204/QĐ - UB, ngày 31-7-1997 phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tư Nghĩa thời kỳ 1996- 2000. Trên cơ sở quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, huyện tiến hành lập các dự án đầu tư phát triển các ngành nghề, các lĩnh vực trên từng địa bàn cụ thể. Sau 5 năm thực hiện quy hoạch, tổng thể kinh tế - xã hội của huyện có những chuyển biến theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hơn. Trong nông nghiệp, cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi có sự chuyển đổi đáng kể, tạo điều kiện để nông nghiệp phát triển toàn diện. Toàn huyện chuyển gần 600 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả hơn. Nhiều nơi bà con nông dân chuyển từ sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ ăn chắc. Nhiều giống lúa mới năng suất cao, chống chịu sâu bệnh được đưa vào sản xuất đại trà. Vì vậy, tuy diện tích lúa giảm, nhưng năng suất, sản lượng lương thực vẫn tăng qua các năm và đạt 52.000 tấn vào năm 2000. Bình quân lương thực tính theo đầu người từ 270 kg (năm 1995) tăng lên 325 kg (tầm 2000). Các loại cây công nghiệp, rau đậu phát triển khá. Nhiều vùng chuyên canh rau đậu, hoa, cây cảnh được hình thành ở các xã Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp mở ra hướng làm ăn mới, vừa giải quyết được việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, vừa phá được thế độc canh cây lúa từ hàng nghìn đời nay trên địa bàn huyện.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển. Nhờ mở rộng được thị trường tiêu thụ, các xã khu đông, phát triển mạnh chăn nuôi vịt đàn, ấp trứng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đến năm 2000, tổng đàn gia súc toàn huyện có 51.796 con heo, tăng 6.608 con và 23.496 con trâu bò, tăng 1.754 con so với năm 1995.

Thủy sản là một ngành kinh tế có nhiều lợi thế phát triển của huyện. Đến năm 2000, công suất tàu thuyền đạt 25.000 CV, sản lượng khai thác hải sản

đạt 14.000 tấn, tăng 6.000 tấn so với năm 1995. Phong trào nuôi tôm ở các xã khu đông phát triển mạnh, với diện tích 130 ha, sản lượng đạt 180 tấn.

Trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đảng bộ huyện chú trọng chỉ đạo khôi phục, phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến mía đường, hải sản, bánh kẹo. Các ngành, nghề truyền thống như gạch, ngói, mộc dân dụng, chiếu cói... tiếp tục được duy trì, trang bị thêm các phương tiện, máy móc tương đối hiện đại, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Đến năm 2000, tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 55 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 1995.

Hoạt động thương mại, dịch vụ được chuyển hẳn sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế hoạt động trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ tăng nhanh, nhất là các doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình. Năm 1998, toàn huyện có 476 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ được cấp giấy phép hoạt động, với số vốn đăng ký 10,03 tỷ đồng. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 1.429 hộ buôn bán nhỏ. Năm 2000, tổng doanh thu toàn ngành thương mại, dịch vụ đạt 150 tỷ đồng, tăng gấp 1,6 lần năm 1995.

Tháng 11-1998, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 06 - NQ/TW về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết khẳng định rõ hơn vai trò của kinh tế hộ và khuyến khích kinh tế hộ phát triển và chủ trương chuyển đổi, xây dựng các hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã được Quốc hội ban hành năm 1996. Thực hiện Nghị quyết số 6-NQ/BCT của Bộ Chính trị, huyện tổ chức đại hội xã viên các hợp tác xã, bàn phương án chuyển đổi hoạt động phù hợp với cơ chế mới. Đến năm 1998, toàn huyện tổ chức đại hội được 25/32 hợp tác xã, trong đó có 19 hợp tác xã nông nghiệp, 2 hợp tác xã tín dụng, 4 hợp tác xã tiểu - thủ công nghiệp. Đến năm 2000, Ủy ban nhân

dân huyện cấp được 42.000 giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân, đạt 85% kế hoạch. Tuy là loại hình kinh tế còn mới mẻ, nhưng trên địa bàn huyện có gần 20 trang trại trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ, trang trại nuôi tôm, bước đầu làm ăn có hiệu quả.

Chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn không chỉ tác động làm chuyển biến mạnh mẽ các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, mà còn là cơ sở đề nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, các thành phần kinh tế và của nhân dân được huy động xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Trong 5 năm 1996-2000, tổng vốn đầu tư trên địa bàn huyện đạt 89,144 tỷ đồng, tăng gấp 4 lần so với 5 năm trước đó. Trong đó, vốn thuộc ngân sách Nhà nước đạt 27,894 tỷ đồng, chiếm 31.3%, vốn tín dụng và vốn do nhân dân đóng góp đạt 61,25 tỷ đồng, chiếm 68,7%. Các nguồn vốn này tập trung đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá. Về giao thông, tổng chiều dài các tuyến đường được nâng cấp và làm mới trên 100 km, trong đó có 45 km đường rải nhựa, gồm các tuyến Sông Vệ - Nghĩa Hiệp, La Hà - Thu Xà, La Hà - Nghĩa Trung, Sông vệ - Cầu Ông Tổng. Nghĩa Kỳ - Nghĩa Lâm, Nghĩa Hà - Cổ Luỹ. Mở rộng và cấp phối đường Quán Láng - Cổ Luỹ, Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ, Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn. Làm các cầu bê tông, như cầu Xuân An (Nghĩa Hà), Cầu Đá (Nghĩa Hoà), cầu tràn Nghĩa Sơn. Về thủy lợi, nguồn vốn được tập trung xây dựng đập ngăn mặn Hiền Lương (Nghĩa Hà), đê bao Quan Thánh (Nghĩa Hoà), các tuyến kênh mương nội đồng, hệ thống thủy lợi Thạch Nham, nâng diện tích được tưới bằng các công trình thủy lợi trên 80%. Các trường, lớp học được nâng cấp, sửa chữa, làm mới với 450 phòng học, trong đó tăng hoá 7 trường trung học cơ sở, 10 trường tiểu học, 58 phòng học các trường trung học phổ thông và dạy nghề. Sự nghiệp y tế, tiếp tục được đầu tư nâng cấp, sửa chữa 3 phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã, thị trấn. Đến năm 2000, toàn bộ các xã, thị trấn trong huyện đều có trạm y tế. Huyện

hoàn thành việc phủ kín mạng lưới điện quốc gia đến tất cả các xã, thị trấn với 75 trạm biến áp, tổng công suất 9.500 KVA, nâng tỷ lệ hộ sử dụng điện lên 96%. Ngoài ra, từ năm 1996 đến năm 2000, huyện hoàn thành và đưa vào sử dụng Nhà Văn hoá trung tâm huyện, đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã Lâm - Sơn - Thọ, khu nuôi tôm công nghiệp Nghĩa Hoà, tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới điện thoại, xây dựng nhà bưu điện văn hoá xã, tỷ lệ số máy điện thoại đạt 1,23 máy/100 dân.

Nhờ tập trung nguồn vốn đầu tư lớn, hiệu quả cao, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1996-2000 bình quân hàng năm đạt 10,6%, trong đó nông nghiệp tăng 6,7%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tăng 20%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 3,8 triệu đồng/năm. Kinh tế phát triển, việc làm, đời sống người lao động ổn định tạo điều kiện cho thu ngân sách tăng dần qua các năm. Năm 2000, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 9 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với năm 1995⁴⁴.

Mặc dù kinh tế - xã hội của huyện trong 5 năm 1996 - 2000 có những bước phát triển vượt bậc, nhưng trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền các cấp không tránh khỏi những yếu kém, khuyết điểm làm hạn chế sự phát triển một số ngành và lĩnh vực. Trong nông nghiệp, việc định hướng, hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996, hầu như không thực hiện được. Công tác giao đất, quản lý ruộng đất, cấp quyền sử dụng đất... vừa chậm, vừa chưa bảo đảm quy định của pháp luật. Do yếu kém trong quản lý đất đai, nên nhiều nơi nhân dân tùy tiện lấn chiếm ruộng đất, làm nhà trái phép, đòi lại đất cũ, khai thác đất làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói không đúng quy định v.v... Việc quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, tuy phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, tâm lý tập quán canh tác của nhân dân, nhưng chỉ đạo, tổ chức các khâu

⁴⁴ Năm 1995, tổng thu ngân sách toàn huyện đạt 5,5 tỷ đồng.

dịch vụ đầu vào, đầu ra sản phẩm chưa đồng bộ, bị động. Quy mô và khối lượng sản phẩm các ngành sản xuất gạch, ngói, chế biến đường và sản phẩm sau đường giảm sút, do công nghệ lạc hậu, chi phí sản xuất cao, sản phẩm làm ra không đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Những yếu kém, bất cập trong chỉ đạo quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện được Đảng bộ rút kinh nghiệm, quyết tâm tiếp tục đổi mới, phát huy sức mạnh của toàn dân, khai thác mọi tiềm năng, động viên cao độ mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Cùng với tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện coi trọng phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, khoá XVI và phương hướng, nhiệm vụ 1996-2000 xác định: Nhân tố con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Do đó, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ huyện là quá trình cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp cụ thể hoá bằng các chương trình hành động, các biện pháp cụ thể để phát triển văn hóa - xã hội trên địa bàn huyện.

Tháng 12-1996, Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000. Hội nghị khẳng định: Cùng với giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển. Cụ thể hoá nghị quyết quan trọng này, Đảng bộ huyện tổ chức cho cán bộ, đảng viên, đội ngũ giáo viên, cán bộ khoa học - công nghệ học tập, quán triệt nội dung nghị quyết và xây dựng đề án phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học

- công nghệ trên địa bàn huyện. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ huyện Tư Nghĩa có bước phát triển mới. Quy mô giáo dục, đào tạo tăng ở tất cả các bậc học, ngành học. Chất lượng giáo dục, đào tạo được nâng lên một bước. Cơ sở vật chất, trường lớp học, thiết bị dạy học được tăng cường. Năm học 1999 - 2000, toàn huyện có 18 trường tiểu học, trong đó có 5 trường đạt chuẩn quốc gia, 13 trường trung học cơ sở, 4 trường phổ thông trung học, trong đó có trường trung học phổ thông Thu Xà mới được thành lập tháng 7-1996 và Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp hàng năm đạt loại khá của tỉnh. Huyện được công nhận phổ cập tiểu học, xoá mù chữ từ năm 1996 và đến năm 2000, huyện phổ cập trung học cơ sở ở 6 xã, thị trấn. Hầu hết các trường học đều có đảng viên, nhiều trường học có chi bộ Đảng. Trong 5 năm 1996-2000, có 92 cán bộ, giáo viên được kết nạp Đảng, nâng tổng số cán bộ, giáo viên là đảng viên lên 223 người, chiếm 14.5% tổng số cán bộ, giáo viên toàn ngành giáo dục huyện. Công tác tổ chức đoàn, hội, đội trong nhà trường được củng cố. Giáo dục kiến thức đã gắn kết với giáo dục đạo đức cho học sinh. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là trong việc huy động các nguồn lực của nhân dân xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, đa dạng hoá các loại hình giáo dục, từng bước hình thành phong trào xã hội học tập trong các tầng lớp dân cư. Do đạt được nhiều thành tích trong công tác giáo dục - đào tạo, nhiều trường học và đội ngũ cán bộ, giáo viên trong huyện được Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý, trong đó Trường Công nhân Cơ giới 2 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II, Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III, Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề được Bộ Giáo dục - Đào tạo tặng cờ đơn vị xuất sắc toàn quốc năm học 1998-1999.



Trường THPT số 1 Tư Nghĩa.



Trường THCS thị trấn La Hà, Tư Nghĩa.

Tuy vậy, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, công tác giáo dục, đào tạo của huyện vẫn còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Chất lượng giáo dục kiến thức, đạo đức, sức khỏe cho học sinh chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá cơ sở vật chất trường, lớp học xuống cấp, hư hỏng rất nhanh. Trang, thiết bị dạy học thiếu thốn, lạc hậu. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, giáo viên, rèn luyện đạo đức của học sinh ở một số nơi bị coi nhẹ. Một số trường chưa có đảng viên như Trường tiểu học Nghĩa Thọ và tiểu học Nam Hà. Hoặc đảng viên chiếm tỷ lệ thấp, chỉ 4,3% như Trường trung học phổ thông Thu Xà. Toàn huyện mới có 19 trường thành lập được chi bộ, 25 trường đảng viên phải sinh hoạt ghép với các chi bộ khác. Một số nơi xuất hiện tình trạng dạy thêm học thêm tràn lan.

Cùng với quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết về phát triển giáo dục, đào tạo. Đảng bộ huyện coi trọng việc chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện một số nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, mà trọng tâm là đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Sau 22 năm giải phóng, năm 1997 huyện hoàn thành bộ hồ sơ và bản đồ Nhà nước, cắm mốc địa giới, xác lập ranh giới hành chính giữa các xã trong huyện và giữa huyện Tư Nghĩa với các huyện lân cận. Đây là cơ sở pháp lý để thực hiện việc cấp quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nhân dân theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Đồng thời là căn cứ để huyện lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các tranh chấp đất đai có liên quan đến địa giới hành chính. Trên cơ sở khảo sát đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, huyện có đủ căn cứ khoa học để đưa vào sử dụng đại trà các giống lúa mới, bắp lai, mía, bông vải có năng suất cao, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và cải thiện đời sống nhân dân. Trong chăn nuôi, nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật được áp dụng để cải tạo đàn bò theo hướng sind hóa, nạc hơi đàn heo, nuôi vịt siêu trứng, siêu thịt, ngan Pháp... Các tiến bộ kỹ thuật cũng được đưa nhanh vào nuôi tôm nước lợ, nuôi trăn, ba ba, chim

cút... có hiệu quả kinh tế cao. Trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào việc đóng mới tàu đánh bắt xa bờ, trang bị máy tầm ngư, máy bộ đàm, lưới giã cào cao tốc, lưới vây cải tiến, giúp ngư dân đánh bắt dài ngày trên biển, hiệu suất đánh bắt hải sản cao hơn. Những năm 1996-2000, việc áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Nhiều nơi trong huyện xuất hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình và cộng đồng. Tuy vậy, việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh vẫn chỉ dừng lại ở mức nhỏ, lẻ, trước mắt, chưa mang tính cơ bản, lâu dài. Sản xuất và chế biến chưa gắn bó chặt chẽ với nhau. Nguồn nguyên liệu tại chỗ chưa được khai thác phục vụ công nghiệp chế biến. Các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư chưa đáp ứng nhu cầu chuyển giao công nghệ ngày càng cao của nhân dân.

Công tác y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình trong những năm 1996-2000 tiếp tục có những bước phát triển mới. Các xã, thị trấn trong huyện đều có trạm y tế, trong đó có 11 xã có bác sỹ. Trung tâm y tế huyện được tăng cường đội ngũ y, bác sỹ, điều dưỡng viên, nữ hộ sinh và kỹ thuật viên. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đạt kết quả tốt, nhất là chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống các bệnh lao, mù loà, trẻ em suy dinh dưỡng... Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình từng bước gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2000 tỷ lệ tăng dân số còn 1,6%, giảm 0,8% so với năm 1995. Tuy vậy, ngành y tế huyện chậm khắc phục những yếu kém về y đức của một số cán bộ, nhân viên y tế trong khám, chữa bệnh cho nhân dân. Hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở kém hiệu quả. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu trong việc thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) khẳng định: Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động

lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VIII, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5 (khoá VIII) tháng 7-1998 ra Nghị quyết: Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Nghị quyết Trung ương lần thứ 5, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập quán triệt nội dung nghị quyết, đề ra chương trình hành động gắn với việc thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội của huyện và cuộc vận động: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Ủy ban nhân dân huyện thành lập ban chỉ đạo cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá gồm 23 thành viên do đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban. Ngày 26-6-1998, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Công văn số 35- CV/HU: Về việc lãnh đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tổ chức triển khai thực hiện quy định tạm thời của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Chỉ hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 (khoá VIII), mà trọng tâm là phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, diện mạo đời sống tinh thần của nhân dân trong huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa, các thuần phong, mỹ tục được phục hồi. Đạo đức, lối sống mới được hình thành và phát triển. Tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, trong xây dựng cuộc sống từng bước thay thế tính ỷ lại, trông chờ, dựa dẫm- hậu quả của nền kinh tế bao cấp trước đây để lại. Nhiều cử nghĩa cao đẹp hướng về cội nguồn, đền ơn đáp nghĩa, trân trọng các giá trị truyền thống của quê hương, đất nước được khơi dậy và phát huy. Đến năm 2000, toàn huyện xây dựng 6 thôn, khối phố, 15 khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa, 10 ngàn hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Một số thôn, khối phố xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước thôn, khối phố. Trên địa bàn huyện có 19 di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng, trong đó có 2 di tích cấp quốc gia, 17 di tích cấp tỉnh. Nhiều lễ hội dân gian được khôi phục như: Hội đua thuyền, hội cầu mưa, hội ra quân

đánh bắt hải sản....Hệ thống loa truyền thanh, nhà văn hóa, thư viện, bưu điện văn hóa xã hoạt động ngày càng có hiệu quả, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân. Tuy đạt được một số kết quả bước đầu, nhưng các hoạt động văn hóa chỉ mới giải quyết được các nhiệm vụ trước mắt. Việc chỉ đạo gắn kết các hoạt động giữa kinh tế và văn hóa chưa được quan tâm. Các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong việc cưới, việc tang, lễ hội còn diễn biến phức tạp. Các di tích văn hóa, lịch sử bị xâm phạm, bị lấn chiếm đất đai chưa được xử lý kịp thời. Những tồn tại, khuyết điểm đó làm cho văn hóa chưa phát huy được vai trò là nền tảng tinh thần, là mục tiêu động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.



Đài tưởng niệm liệt sĩ Huyện Tư Nghĩa.

Những năm 1996 - 2000 là những năm đầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng đời sống văn hoá đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong huyện được cải thiện rõ rệt. Đó là cơ sở để Đảng bộ tiếp tục thực hiện ngày càng tốt hơn các chính sách xã hội. Đến năm 2000, huyện hoàn thành hồ sơ, thủ tục và được Nhà

nước công nhận 3.474 liệt sĩ, 1.620 thương binh, 862 người có công, 210 bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 57 mẹ còn sống được các tổ chức, cá nhân phụng dưỡng suốt đời. Huyện bố trí ngân sách để tìm kiếm, quy tập hài cốt, xây dựng, tu bổ các nghĩa trang, làm bia tưởng niệm, sửa chữa 3.952 bia, vỏ mộ liệt sĩ. Các xã, thị trấn đều có quỹ đền ơn đáp nghĩa. Huyện còn vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện đóng góp tiền, ngày công xây dựng, sửa chữa 159 nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách.

Công tác giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều nguồn vốn huy động để giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo được huy động từ ngân hàng người nghèo, vốn xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và nhất là vốn huy động trong các tầng lớp dân cư. Trong 5 năm 1996-2000 có 7.373 hộ nghèo trong huyện được vay vốn từ 68 dự án, với tổng số vốn 15,715 tỷ đồng. Nguồn vốn này giúp cho hàng chục ngàn người có việc làm hoặc thêm việc làm, tăng thu nhập. Nhiều hộ thoát khỏi đói, nghèo.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược được Đảng ta luôn luôn khẳng định trong quá trình phát triển đất nước. Những năm cuối thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hoà bình", kết hợp với gây bạo loạn, lật đổ nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhận thức sâu sắc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Đảng bộ huyện luôn luôn quan tâm chỉ đạo các xã, thị trấn, các lực lượng vũ trang huyện đề cao cảnh giác, tiếp tục xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Chỉ thị số 13/TV về đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, Chỉ thị tổng kết 5 năm phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tổng kết 5 năm (1993-1998) thực hiện Chỉ thị 58/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo xây dựng cơ sở xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong

tình hình mới. Cùng với công tác tổng kết thực tiễn, Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm đôn đốc việc tổ chức diễn tập thực nghiệm vận hành cơ chế theo phương án A - A2, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ, các chủ trương về cấm sản xuất, tàng trữ và đốt pháo nổ, về lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt... Cơ quan quân sự huyện thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng theo hướng tinh gọn, tăng cường chất lượng, hàng năm được huấn luyện, bảo đảm nội dung chương trình quy định. Huyện Tư Nghĩa là đơn vị dẫn đầu 7 huyện, thị xã đồng bằng có phong trào thi đua quyết thắng trong lực lượng dân quân tự vệ, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ đều hoàn thành chỉ tiêu trên giao. Các công trình quốc phòng trên địa bàn huyện được quản lý, củng cố và bảo vệ vững chắc, bảo đảm an toàn, bí mật.

Quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới có tác dụng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nhưng mặt khác làm cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, công an huyện và các xã, thị trấn bám sát cơ sở, phối hợp với mặt trận và các hội đoàn thể trực tiếp vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; tổ chức cho các hộ gia đình đăng ký 4 an toàn về an ninh trật tự, do Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) quy định. Hàng năm các thôn, khối phố tổ chức cho nhân dân bình xét, phân loại, cấp giấy chứng nhận an toàn về an ninh trật tự. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng lớn được đông đảo nhân dân tham gia, góp phần vào ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá ở các địa phương, đơn vị. Chỉ trong 2 năm (1996-1997) quần chúng phát hiện, chính quyền các cấp đưa ra cảnh cáo, kiểm điểm

trước dân 319 đối tượng vi phạm hình sự, vi phạm hành chính, 299 đối tượng trốn tránh thi hành Luật Nghĩa vụ quân sự, tổ chức vây bắt hàng chục tên trộm, cướp, gây rối trật tự công cộng, giao cho công an xử lý. Những kết quả đạt được trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những tình huống đột xuất, bất ngờ, các "điểm nóng" về an ninh trên địa bàn huyện.

Trong 5 năm (1996-2000), nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn huyện tiếp tục được củng cố, song vẫn còn tiềm ẩn các yếu tố chưa thật sự vững chắc. Nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về nhiệm vụ phòng chống "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trong một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế. Một số địa phương, cơ quan, đơn vị mất cảnh giác, hoang mang, lo lắng trước các thủ đoạn tuyên truyền của địch, lo sợ trong việc phát hiện và đấu tranh, tố giác tội phạm. Các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Nhiều vụ khiếu kiện tranh giành đất đai chậm được giải quyết, có nguy cơ biến thành các "điểm nóng". Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về nhận thức tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống làm giảm lòng tin của nhân dân.

Từ ngày 9 đến 18-6-1997, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 (khoá VIII) ra 2 nghị quyết: Về phát huy quyền dân chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 và chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo giải quyết một số nhiệm vụ trung tâm cấp bách, như: Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện và các xã, thị trấn, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức và nhất là triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường,

quy chế dân chủ trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước theo nội dung Chỉ thị số 30/CT-TW, ngày 18-2- 1998 của Bộ Chính trị. Để chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập ban chỉ đạo gồm 19 đồng chí do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm trưởng ban. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch số 186-KH/UB, ngày 16-12-1998 quy định cụ thể nội dung, cách thức tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cho từng loại hình địa phương, đơn vị. Huyện chọn xã Nghĩa Lâm và thị trấn La Hà làm điểm rút kinh nghiệm để triển khai ra diện rộng. Đến năm 1999, tất cả các xã, thị trấn trong huyện đều tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhiều địa phương gắn kết việc thực hiện quy chế dân chủ với xây dựng các quy ước, hương ước. Trong 75 thôn, khối phố thuộc 18 xã, thị trấn có 40 thôn, khối phố dự thảo quy ước, hương ước và được đưa ra dân thảo luận, bàn bạc. Trong đó, hương ước của 5 thôn, khối phố được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận là thôn 2 xã Nghĩa Lâm, thôn 4 xã Nghĩa Thắng, thôn Năng Tây xã Nghĩa Phương, thôn La Châu xã Nghĩa Trung, khối 1, khối 2, thị trấn La Hà. Thôn không phải là một cấp hành chính, nhưng quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, vị trí, vai trò của thôn ngày càng được khẳng định trong đời sống kinh tế - xã hội nông thôn. Chính vì vậy, thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 26-4-1999, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 86- QĐ/UB về việc ban hành quy chế tổ chức thôn, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức cho nhân dân các thôn, khối phố giới thiệu nhân sự và bầu trực tiếp trưởng thôn. Kết quả, tất cả các thôn, khối phố trong huyện đều có trưởng thôn, khối phố được nhân dân bầu ra một cách công khai, dân chủ. Từ khi quy chế dân chủ ở cơ sở được tổ chức thực hiện, nhân dân được chính quyền có trách nhiệm thông tin kịp thời và công khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân, Nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp các vấn đề có liên quan đến chủ trương và mức đóng góp tiền, ngày công lao động để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ở thôn, khối phố. Các công việc có liên quan

đến quản lý Nhà nước của chính quyền, nhân dân được tham gia ý kiến, giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Ngày 14-11-1999, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, cùng với cử tri trong tỉnh và cả nước, cử tri huyện Tư Nghĩa hăng hái tham gia cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp, nhiệm kỳ 1999-2004. Cuộc bầu cử thành công tốt đẹp, cử tri trong huyện bầu được 387 đại biểu vào Hội đồng nhân dân cấp xã, 34 đại biểu vào Hội đồng nhân dân cấp huyện. Đồng chí Đinh Mẫu được Hội đồng nhân dân huyện bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1999-2004. Đến 14-1-2002, Hội đồng nhân dân huyện bầu đồng chí Trần Văn Nhân làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, nhiệm kỳ 1999-2004 thay đồng chí Đinh Mẫu nhận công tác ở tỉnh. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn nhanh chóng được củng cố, kiện toàn hoạt động theo quy chế. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân ngày càng tốt hơn, nhất là trong việc tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, quyết định những chủ trương, chính sách lớn theo thẩm quyền được giao, giám sát kiểm tra việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Tháng 9-2000, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức đại hội thi đua yêu nước lần thứ 2.

Mặc dù, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, nhưng hiệu quả chưa cao. Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khoá VIII) chưa đạt yêu cầu đề ra. Một bộ phận cán bộ, công chức yếu về trình độ chuyên môn, sa sút về phẩm chất đạo đức và tinh thần phục vụ nhân dân. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở một số địa phương, đơn vị bị xem nhẹ, mang tính hình thức.

Công tác vận động quần chúng, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân tiếp tục được đổi mới. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B (khoá VI) về đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, nhiều phong trào quần chúng

được phát động và đạt được nhiều kết quả tốt. Tổ chức mặt trận và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở luôn được củng cố, kiện toàn. Nội dung, phương thức hoạt động có tiến bộ, từng bước phù hợp với sự đổi mới và phát triển của đất nước. Vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng được khẳng định là hết sức quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh. Các hội quần chúng, hội nghề nghiệp phát triển đa dạng với nhiều hình thức tập hợp đáp ứng nguyện vọng của quần chúng.

Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tham gia bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất, thắt chặt mối quan hệ, tình bạn chiến đấu. Đến năm 2000, Hội Cựu chiến binh huyện có 1.371 hội viên, chiếm 74% tổng số cựu chiến binh trong toàn huyện, sinh hoạt tại 75 chi hội và 40 phân hội cơ sở. Hoạt động của hội ngày càng có tác dụng thiết thực, phù hợp với nguyện vọng đông đảo hội viên và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Ở nhiều thôn, xã, thị trấn hội viên cựu chiến binh giữ vai trò nòng cốt trong việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, là chủ thể tích cực trong các cuộc vận động: Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai; quỹ đền ơn đáp nghĩa v.v.. Hầu hết các cấp hội đều chú trọng vận động hội viên giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo. Đến năm 2000, các hộ gia đình Hội Cựu chiến binh trong huyện không còn hộ đói, hộ nghèo chỉ còn 108 hộ, chiếm 7,8% tổng số hội viên trong toàn huyện.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tiếp tục đạt được nhiều tiến bộ trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp được phần lớn chị em phụ nữ vào tổ chức Hội. Đến năm 2000, Hội phụ nữ huyện có 21.670 hội viên, chiếm trên

72% tổng số phụ nữ trong toàn huyện. Nhờ lực lượng hội viên đông đảo và sự nhiệt tình, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ Hội cơ sở, các phong trào do Trung ương Hội và Tỉnh Hội phát động đều được các cấp Hội và hội viên tích cực thực hiện có hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao đời sống của hội viên, khẳng định vai trò quan trọng của người phụ nữ mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phong trào phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình và hoạt động tạo nguồn vốn đã tạo cơ hội cho nhiều phụ nữ phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, xây dựng gia đình ấm no - bình đẳng - tiến bộ - hạnh phúc. Với nhiều thành tích đạt được trong công tác, năm 2000 Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc.

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vấn đề giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển đất nước chiếm vị trí cực kỳ quan trọng. Để thực hiện được điều đó, Đảng ta phải tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, khắc phục các khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực, yếu kém. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện giành sự quan tâm sâu sắc, chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ làm chuyển biến cơ bản công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ban Tuyên giáo Huyện ủy tập trung tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng, từ khâu lựa chọn báo cáo viên, tập huấn nội dung nghị quyết, cung cấp tài liệu đến khâu tổ chức học tập, viết thu hoạch của cán bộ, đảng viên. Ban Tuyên giáo Huyện ủy tổ chức các buổi thông tin thời sự, chính sách, tăng cường công tác giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, sưu tầm, biên soạn, xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Tư Nghĩa 1930-1945. Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy giao cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 605/QĐ-UB, ngày 29-10-1996 thành lập Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện. Ban Tuyên giáo Huyện ủy và Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện tổ chức nhiều lớp bồi

dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên và hội viên các đoàn thể, trong đó, có 1.015 quần chúng học chương trình bồi dưỡng kết nạp Đảng, 231 cán bộ, đảng viên học chương trình cấp ủy mới và hàng ngàn lượt cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập các chuyên đề khác. Hệ thống truyền thanh, truyền hình được phủ sóng đến nhiều vùng trong huyện. Với phương châm hướng về cơ sở, bám sát thực tiễn, nhanh nhạy, kịp thời, công tác tư tưởng của Đảng bộ những năm 1996 - 2000 có nhiều tiến bộ, góp phần củng cố lòng tin, tạo sự thống nhất trong Đảng, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân.

Cùng với công tác chính trị, tư tưởng, công tác tổ chức từng bước được đổi mới. Các cấp ủy đảng tập trung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, làm cho tổ chức, cơ sở Đảng thực hiện được vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị tại địa phương, cơ sở. Thực hiện Chỉ thị số 54/CT-TW của Bộ Chính trị: "Về đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng", Ban Thường vụ Huyện ủy chọn Đảng bộ xã Nghĩa Thương và Trung tâm y tế huyện làm điểm chỉ đạo đại hội cấp cơ sở. Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ, sâu sát, phát huy được tinh thần dân chủ trong Đảng bộ, nên đến giữa năm 2000 Đảng bộ tổ chức thành công đại hội các chi, Đảng bộ cơ sở đúng thời gian quy định. Toàn Đảng bộ có 56 tổ chức cơ sở đảng trong đó có 18 Đảng bộ xã, thị trấn bầu được 282 cấp ủy viên, trong đó có 46,7% mới tham gia cấp ủy lần đầu. Trình độ học vấn, lý luận chính trị của các cấp ủy viên các chi, Đảng bộ khóa mới đều tăng hơn so với nhiệm kỳ trước. Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII): "Về chiến lược cán bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa", Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các ban tham mưu tiến hành rà soát lại đội ngũ cán bộ, nhận xét, đánh giá, xây dựng tiêu chuẩn và thực hiện các quy trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ được tiến hành đúng quy định của Tỉnh ủy, tạo được sự thống nhất cao trong Đảng bộ. Từ năm 1996 đến năm 2000, huyện cử 159 cán bộ,

đảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ dài hạn 340 cán bộ, đảng viên dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn.

Sau những năm công tác phát triển đảng viên gặp khó khăn, từ đầu nhiệm kỳ, nhiều quần chúng ưu tú trong các phong trào tại các địa phương, đơn vị được các tổ chức cơ sở Đảng phát hiện, bồi dưỡng và được kết nạp vào đảng. Trong 5 năm có 46/56 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được 343 đảng viên, đạt 114% chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra, nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ đến cuối năm 2000 lên 1.881 đồng chí. Qua phân tích chất lượng đảng viên hàng năm, tỷ lệ đảng viên đủ tư cách chiếm 97%.

Thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác kiểm tra trong tình hình mới, công tác kiểm tra của Đảng bộ huyện được đổi mới về nội dung và phương pháp công tác, được xác định là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, trách nhiệm đối với công tác kiểm tra và mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Điểm nổi bật trong công tác kiểm tra của Đảng bộ khoá XVII, nhiệm kỳ 1996- 2000 là Ban Thường vụ Huyện ủy chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra theo từng lĩnh vực, từng chuyên đề cụ thể, xây dựng quy chế phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra với các cơ quan nội chính để phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những lệch lạc, sai trái trong việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo cán bộ, đảng viên. Cấp ủy các cấp tăng cường bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra là những người có năng lực, có uy tín để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra 166 lượt tổ chức cơ sở đảng, 18 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, 15 trường hợp đảng viên có đơn tố cáo. Qua kiểm tra kết luận và kiến nghị xử lý kỷ luật 69 đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó khiển trách 25 đồng chí, cảnh cáo 34 đồng chí, cách chức 1

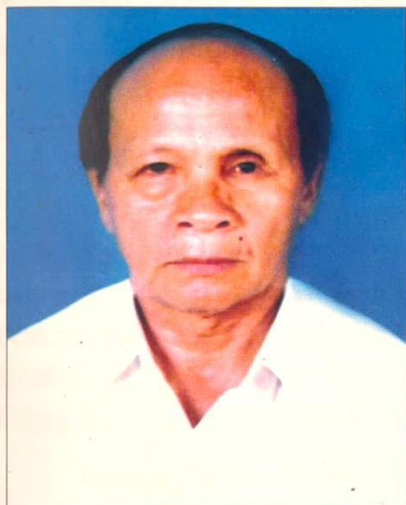
ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở. So với nhiệm kỳ trước, số lượng đảng viên bị kỷ luật tăng 16 đồng chí. Nội dung vi phạm kỷ luật chủ yếu là thiếu tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, tham nhũng, vi phạm chính sách kế hoạch hoá gia đình. Kiểm tra các tổ chức cơ sở Đảng, Ủy ban kiểm tra phát hiện, đề nghị chấn chỉnh nhiều chi, Đảng bộ chấp hành không nghiêm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Biểu hiện cụ thể là: sinh hoạt chi bộ Đảng không đầy đủ, không đúng định kỳ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình chưa nghiêm, thu chi đảng phí không đúng nguyên tắc... Việc giải quyết đơn tố cáo đảng viên được xử lý đúng người, đúng việc đối với những cán bộ, đảng viên sai phạm, minh oan cho một số đồng chí bị tố cáo sai sự thật, góp phần giúp cấp ủy lựa chọn, đánh giá, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhất là trong các kỳ đại hội Đảng, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VII), Thông báo số 40 TB/TW của Thường vụ Bộ Chính trị và Chỉ thị số 18 CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 05-KH/HU tổ chức rà soát tình hình chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Đến ngày 31-8-1998, bộ phận bảo vệ chính trị nội bộ rà soát được 1.786 đảng viên, phát hiện 385 đảng viên có vấn đề cần xem xét về chính trị, 40 quần chúng ngoài Đảng thuộc diện phải rà soát, phát hiện có 11 trường hợp phải xem xét về chính trị, khảo sát 167 cán bộ, đảng viên bị địch bắt tù đày trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có kết luận lý lịch chính trị từng đồng chí. Ngoài ra, bộ phận bảo vệ chính trị nội bộ còn thẩm định tiêu chuẩn chính trị để cấp ủy, chính quyền bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, xét kết nạp đảng viên...

Những năm 1996-2000, đất nước ta đứng trước những thời cơ và vận hội mới đan xen đồng thời với những thách thức, khó khăn. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, những âm mưu thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch, những khó khăn của tình hình kinh tế

- xã hội trong nước làm cho tư tưởng, tâm trạng cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhiều diễn biến phức tạp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện phai nhạt lý tưởng sa vào chủ nghĩa thực dụng, cơ hội, có lối sống xa hoa, chạy theo đồng tiền, thoái hơn, biến chất. Nhiều người lợi dụng chức quyền để trục lợi, tham nhũng. Mặt trái của cơ chế thị trường làm nảy sinh những thói xấu như tình đồng chí bị suy giảm, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, mất đoàn kết. Từ ngày 25-1 đến 2-2-1999, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII thảo luận và thông qua Nghị quyết: "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay". Nghị quyết đề ra một số nhiệm vụ cụ thể, như tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ, tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, tập trung chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong Đảng, củng cố tổ chức hệ thống chính trị... Để thực hiện cuộc vận động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 08 - KH/TU ngày 19-7-1999, yêu cầu các địa phương, đơn vị tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt, nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung và các bước tổ chức thực hiện cuộc vận động, kiểm điểm làm rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng trong từng chi, Đảng bộ và từng cán bộ, đảng viên. Từ đó, có kế hoạch đấu tranh, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Sau khi tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức kiểm điểm từng đồng chí trong Ban Thường vụ, lập đoàn công tác chỉ đạo điểm tại Đảng bộ xã Nghĩa Trung và chi bộ phòng Nông nghiệp huyện, chọn 6 đơn vị trọng điểm cần tập trung chỉ đạo là Đảng bộ xã Nghĩa An, Nghĩa Điền, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hoà,

Nghĩa Thuận và thị trấn Sông Vệ. Đến ngày 19-5-2000, tất cả 18 Đảng bộ xã, thị trấn, 37 chi bộ, Đảng bộ khối cơ quan tổ chức kiểm điểm xong. Đối với những vấn đề nổi cộm, bức xúc, Ban Thường vụ Huyện ủy gợi ý và thông báo nội dung cho từng tập thể và cá nhân kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và đề ra biện pháp khắc phục. Toàn Đảng bộ huyện có 29 tập thể và 184 cá nhân được Ban Thường vụ Huyện ủy gợi ý kiểm điểm. Qua kiểm điểm, phát hiện có 50 vụ, việc bức xúc, nổi cộm cần phải tập trung giải quyết ngay. Cũng qua kiểm điểm, toàn Đảng bộ có 19 đồng chí vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước phải bị xử lý kỷ luật, trong đó khiển trách 7 đồng chí, cảnh cáo 10 đồng chí, cách chức 2 đồng chí. Những cán bộ, đảng viên bị kỷ luật đợt này có cả các đồng chí là đảng ủy viên, phó bí thư đảng ủy xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, hiệu trưởng trường trung học cơ sở... Tuy mới bước đầu tổ chức thực hiện, nhưng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) làm cho các cấp ủy Đảng, cán bộ đảng viên nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của cuộc vận động. Việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình các cấp ủy Đảng từ Ban Thường vụ Huyện ủy đến các chi, Đảng bộ cơ sở thể hiện tinh thần thẳng thắn, nghiêm túc, chỉ rõ khuyết điểm của tập thể và cá nhân, đề ra biện pháp giải quyết khắc phục nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên. Một số cán bộ, đảng viên có sai phạm, bị dư luận quần chúng lên án được xem xét, kết luận, xử lý kịp thời. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng, chính quyền có chuyển biến tích cực hơn. Tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí bước đầu được ngăn chặn. Không khí dân chủ, cởi mở trong sinh hoạt Đảng, chất lượng hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân tăng lên. Kết quả của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng góp phần quyết định vào sự thành công của đại hội các chi, Đảng bộ cơ sở và đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2001-2005.



Đồng chí TRẦN ĐÌNH VẠN
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
(1996 - 2000)



Đồng chí NGUYỄN ĐỨC THUẬN
Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
(2000 - 2008)

Trong 5 năm 1996-2000, công tác xây dựng Đảng mà trọng tâm là thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đạt được nhiều kết quả, nhưng chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác tư tưởng chưa dự báo được những biến động phức tạp diễn ra trong Đảng bộ và nhân dân, tác dụng định hướng của công tác tư tưởng còn thấp. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa ngăn chặn được. Công tác tổ chức cán bộ của Đảng bộ còn nhiều mặt yếu kém, nhất là tinh thần đấu tranh tự phê bình, phê bình. Một số chi, Đảng bộ cơ sở diễn ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ, sinh hoạt chi bộ chưa thiết thực, quy hoạch cán bộ thiếu đồng bộ. Công tác kiểm tra thiếu thường xuyên, nên chậm phát hiện và xử lý các tổ chức Đảng và đảng viên vi phạm. Một số vụ việc "nổi cộm" để dây dưa kéo dài.

Những năm 1996-2000, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa vượt qua được một thời kỳ khó khăn, đầy biến cố phức tạp, khó lường, do tác động của tình hình trong nước và cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực và trên thế giới. Tuy khó khăn, nhưng lần đầu tiên nhiều chỉ tiêu phát triển kinh

tế - xã hội đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tăng nhanh và gấp nhiều lần so với 5 năm trước đó. Đặc biệt sau hơn 10 năm xây dựng, công trình thủy lợi Thạch Nham được khánh thành, đưa vào sử dụng góp phần thủy lợi hoá hầu hết diện tích gieo trồng trên địa bàn huyện, mở ra triển vọng to lớn cho nhân dân trong huyện tự giải quyết được lương thực, thực phẩm. Cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Các thành phần kinh tế phát triển mạnh góp phần giải phóng sức sản xuất, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư. Các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá có nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, tạo được thế và lực mới để Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa bước vào thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.



Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lần thứ XVIII.

CHƯƠNG VII

VƯỢT QUA THÁCH THỨC, NẮM VỮNG THỜI CƠ, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ (2001 - 2005)

1. Tư Nghĩa những năm đầu thế kỷ XXI

Những năm đầu thế kỷ XXI là những năm Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trọng tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Đối với Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là quá trình phấn đấu lâu dài, khó khăn. Sau những năm đổi mới, tuy đạt được một số thành tựu nhất định, hạ tầng kinh tế xã hội được tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể, nhưng Tư Nghĩa vẫn là một huyện nghèo, sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, sản xuất manh mún, phân tán, mang nặng yếu tố tự phát, rủi ro cao. Thiên tai liên tiếp xảy ra. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp không ổn định, giá cả bấp bênh, gây khó khăn cho đời sống nhân dân. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé, chủ yếu là các ngành nghề thủ công truyền thống, rất khó tìm được thị trường tiêu thụ ổn định. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng lĩnh vực văn hoá- xã hội còn nhiều bức xúc, trình độ học vấn, tay nghề của người lao động phần lớn chưa qua đào tạo, khó thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các loại hình dịch vụ, du lịch hầu như chưa hình thành, khả năng phát triển vẫn ở dạng tiềm năng. Trong khi đó, huyện Tư Nghĩa không nằm trong vùng quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ lớn của tỉnh và cả nước, có nhiều triển vọng phát triển mạnh mẽ như khu kinh tế Dung Quất (Bình Sơn), Khu công nghiệp Tịnh Phong (Sơn Tịnh), khu công nghiệp Quảng Phú (thị xã Quảng Ngãi), khu công nghiệp Phổ Phong (Đức Phổ)...

Từ ngày 12 đến ngày 14-12-2000, Đại hội đại biểu lần thứ XVIII Đảng bộ huyện Tư Nghĩa được tổ chức trọng thể tại hội trường Ủy ban nhân dân huyện. Tham dự Đại hội có 180 đại biểu thay mặt cho 1.884 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Võ Đức Huy, Bí thư Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo đại hội. Dự Đại hội còn có đại biểu các ban Đảng của Tỉnh ủy, các đồng chí lãnh đạo huyện qua các thời kỳ cách mạng, đại biểu các bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Với tinh thần: "Trí tuệ, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết", Đại hội thẳng thắn đánh giá những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII nhiệm kỳ 1996-2000 của Đảng bộ huyện. Đại hội khẳng định: Trong 5 năm 1996-2000, Đảng bộ và nhân dân trong huyện vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển sản xuất. Nền kinh tế có sự tăng trưởng khá, đạt được phần lớn chỉ tiêu cơ bản do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đề ra. Nội bộ các ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Các lĩnh vực văn hoá- xã hội chuyển biến toàn diện, chính trị ổn định. Phương thức lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền, mặt trận, các đoàn thể có sự đổi mới. Lòng tin của nhân dân được củng cố. Về hạn chế, yếu kém, Đại hội nhận định: Mặc dù tốc độ phát triển kinh tế của huyện có sự phát triển nhanh, nhưng chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, nhất là cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Các thành phần kinh tế phát triển chưa đồng bộ. Một số chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu, kế hoạch đề ra. Quy mô đầu tư phát triển tuy tăng nhanh, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, một số mặt phát triển chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế. Các loại tệ nạn xã hội gia tăng. Hệ thống chính trị ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở đánh giá các ưu, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm kỳ 1996- 2000, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát 5 năm 2001 - 2005 là: Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm nâng

cao giá trị sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tăng thu nhập bình quân đầu người lên 1,5 lần so với năm 2001. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho người lao động, xoá hết hộ đói, giảm hộ nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển văn hoá, giáo dục, y tế. Thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội. Tiếp tục cải cách hành chính, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Về các mục tiêu cụ thể đến năm 2005, đại hội đề ra chủ trương phấn đấu đạt:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng 8,8%. Trong đó, nông lâm nghiệp tăng 6,1%, ngư nghiệp tăng 11,4%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 7%, thương mại, dịch vụ tăng 11%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp 40%, ngư nghiệp 28%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 11%, thương mại, dịch vụ 21%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 5,7 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ tăng dân số 1,3 - 1,4%. Đến năm 2005, dân số ổn định ở mức 185.500 người. Giải quyết việc làm mỗi năm 2.500 đến 3.000 người.

- Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Giảm hộ nghèo còn 4% (theo chuẩn cũ). Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 15 - 20%.

- Tổng thu ngân sách 5 năm đạt 40 tỷ đồng, tổng chi 38 tỷ đồng.

- Xây dựng 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội đề ra 6 nhiệm vụ chủ yếu và tiếp tục thực hiện 6 chương trình kinh tế được đề ra từ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII. Về nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa, Đại hội khẳng định: Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác thế mạnh của từng vùng kinh tế theo quy hoạch

tổng thể. Trong đó, tăng cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao, gồm 1.800 ha đất màu và 1.100 ha đất trồng các loại rau, đậu. Ổn định 11.000 ha diện tích đất trồng lúa, đưa năng suất lúa lên 48 tạ/ha, sản lượng lương thực quy thóc 57.000 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 310 kg/năm. Diện tích mía từ 1.600 ha đến 1.700 ha, sản lượng 100.000 - 110.000 tấn... Phát triển nhanh đàn gia súc, gia cầm, đưa ngành chăn nuôi chiếm tỉ trọng 25% trong sản xuất nông nghiệp. Tổng đàn gia súc mỗi năm có 90.000 con, gia cầm 700.000 con. Phấn đấu Sind hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo, khuyến khích hộ gia đình nuôi bò, nuôi dê lấy sữa, phát triển đàn gia cầm theo hướng hàng hóa. Triển khai dự án nuôi tôm công nghiệp ở khu đông. Phấn đấu đến năm 2005 đạt 220 ha mặt nước nuôi tôm, năng suất từ 2,5 - 3,5 tấn/ha, sản lượng từ 550 - 770 tấn. Thực hiện tốt các dự án đầu tư đóng mới tàu đánh bắt xa bờ, đưa tổng công suất tàu thuyền lên 30.000 CV, sản lượng khai thác đạt 24.000 tấn, trong đó xuất khẩu 35 - 40%. Mỗi năm trồng mới 80 - 100 ha rừng tập trung, nâng độ che phủ của rừng lên 63% vào năm 2005. Phát triển kinh tế vườn, thực hiện nông, lâm kết hợp. Ưu tiên khuyến khích đầu tư công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm, ngư nghiệp sau thu hoạch. Tiến hành khảo sát, đánh giá đề ra kế hoạch phát triển kinh tế trang trại.

Về nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Đại hội đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển các ngành, nghề: Chế biến nông, lâm, thủy sản, thức ăn gia súc, xay xát lương thực, sản xuất chiếu cói, đồ mộc, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền để tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Quy hoạch các ngành, nghề khai thác đá chẻ, gạch ngói, xẻ gỗ, vừa bảo vệ được tài nguyên, môi trường, vừa kết hợp với cải tạo đất, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hoá.

Chú trọng mở rộng các hình thức hoạt động thương mại, dịch vụ, nâng cấp và xây dựng các chợ nông thôn, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển cơ sở vật chất các khu thương mại, dịch vụ; khuyến khích

sản xuất để xuất khẩu. Đầu tư bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử, văn hoá để thu hút khách du lịch. Phấn đấu đến năm 2005, tổng doanh số thương mại, dịch vụ đạt 105 tỷ đồng, trong đó xuất khẩu đạt kim ngạch 1,2 triệu USD.

Về xây dựng kết cấu hạ tầng, Đại hội đề ra nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh phong trào làm giao thông nông thôn, tiến tới bê tông hoá, nhựa hoá một số tuyến đường liên thôn, liên xã. Tiếp tục xây dựng và bảo vệ các dự án chống xói lở bờ nam sông Trà Khúc, bắc Sông Vệ, sông Cây Bứa, ven biển xã Nghĩa An. Đầu tư xây dựng một số cầu, cống mới trên các trục đường giao thông quan trọng, xây dựng đập ngăn mặn Hiền Lương và một số đập thủy lợi khác, chống úng ngập một số xã như Nghĩa Điền, Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Trung, Nghĩa Thắng, tiếp tục hoàn thiện hệ thống kênh mương thủy lợi nội đồng. Củng cố và mở rộng mạng lưới điện nông thôn; phấn đấu đến năm 2005, tất cả các hộ dân đều được sử dụng điện. Mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc, các xã đều có bưu điện văn hoá xã, có bình quân 2 máy điện thoại/100 người dân.

Về tài chính, tín dụng, Đại hội đề ra nhiệm vụ tổ chức tốt công tác thu, chi ngân sách trên địa bàn, đẩy mạnh việc huy động vốn tín dụng trong các tầng lớp dân cư phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Về phát triển văn hoá - xã hội, Đại hội đề ra nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá - xã hội. Huy động các nguồn lực đầu tư xây mới trường, lớp học, phấn đấu đến năm 2005 có 70% trường trung học cơ sở và 50% trường tiểu học được tăng hoá. Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, chống tái mù chữ, chú trọng ngành giáo dục mầm non, xây dựng trường trung học cơ sở bán trú tại trung tâm cụm xã Lâm - Sơn - Thọ, mở rộng quy mô đào tạo bán công, dân lập, xây dựng Quỹ khuyến học, khuyến tài, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Phấn đấu đến năm 2005 cứ 3 người dân có 1 người đi học, 30% trường tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục đầu tư nâng cấp các phòng khám khu vực, các trạm y tế xã đã xuống cấp. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng lại trung tâm y tế huyện và trạm xá xã,

trang bị các trang, thiết bị y tế. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường. Khuyến khích y học cổ truyền phát triển. Tiếp tục thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình, phấn đấu đến năm 2005, hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,3 - 1,4%. Tăng cường quản lý hoạt động y, được tư nhân, coi trọng giáo dục y đức, đẩy mạnh hoạt động y tế cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2005, tất cả các xã, thị trấn đều có bác sỹ. Các hoạt động văn hoá - thông tin được đẩy mạnh theo hướng tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các làng nghề, đào tạo tay nghề, tạo thêm việc làm cho người lao động.

Cùng với đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, nhiệm kỳ 1996-2000, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và 6 chương trình kinh tế - xã hội 5 năm 2001 – 2005. Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khoá VIII.

Với sự nhất trí cao, Đại hội bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005 gồm 33 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận được bầu làm Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Tiến Phước và Đinh Mão được bầu làm Phó Bí thư. Đến tháng 1-2002, đồng chí Đinh Mão được điều động nhận công tác ở tỉnh, đồng chí Trần Văn Nhân được bầu bổ sung làm Phó Bí thư.

Từ ngày 1 đến 2-3-2001, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI diễn ra tại Nhà Văn hoá Lao động tỉnh. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, thảo luận, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XV, nhiệm kỳ 1996 - 2000 của Đảng bộ tỉnh, quyết định và đề ra phương hướng,

mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng – an ninh, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2001-2005, với mục tiêu tổng quát là: “ Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa tỉnh ta trở thành tỉnh có công nghiệp và dịch vụ phát triển. Phát triển nông nghiệp toàn diện và vững chắc theo hướng sản xuất hàng hoá; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khôi phục các làng nghề truyền thống mà tỉnh có nhiều lợi thế về nguyên liệu, lao động, góp phần cùng với Trung ương hình thành khu kinh tế Dung Quất và hoàn thành Nhà máy lọc dầu số 1. Xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển. Chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động; cơ bản xoá hết hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo; nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương⁴⁵”.

Từ ngày 19 đến 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá tình hình đất nước trong thế kỷ XX, triển vọng trong thế kỷ XXI, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng và 15 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Với tinh thần: “Trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới”, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.⁴⁶

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, trong hoàn cảnh có nhiều thuận lợi cơ bản đan xen với những khó khăn, thách thức không nhỏ. Những thành tựu đạt được sau 15 năm đổi mới, nhất là 5 năm 1996 - 2000 tạo tiền đề vững chắc để Đảng

⁴⁵ Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVI, trang 56.

⁴⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 159.

bộ và nhân dân trong huyện tin tưởng vững bước tiến vào thế kỷ XXI. Tuy nhiên, nền kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn ở trình độ thấp, lực lượng sản xuất phát triển chậm, nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc, thị trường tiêu thụ hàng hóa thiếu ổn định, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Tuy tệ quan liêu, tham nhũng bị đẩy lùi một bước, nhưng vẫn chưa ngăn chặn được. Một số vụ tranh chấp đất đai, nhà cửa ở nông thôn và mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân chưa giảm.

Để phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn, hạn chế, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở tổ chức học tập, quán triệt, đề ra chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Cùng với quá trình tổ chức học tập, quán triệt, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, Đảng bộ huyện kiên quyết chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều chủ trương mới, sát đúng với tình hình thực tiễn của huyện và đạt được nhiều kết quả quan trọng.



Bến tàu thuyền xã Nghĩa An - Nghĩa Phú.

2. Tập trung thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, tạo bước đột phá phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực của đời sống xã hội

Tư Nghĩa là huyện có nhiều lợi thế phát triển nông nghiệp, tuyệt đại đa số nhân dân trong huyện sống bằng nghề nông, nguồn thu nhập chính để ổn định và cải thiện đời sống đều từ các nông sản truyền thống như lúa gạo, mía đường, bắp, mỳ, khai thác hải sản... Để nâng cao mức sống của nhân dân, Huyện ủy chủ trương trong nhiệm kỳ 2001 - 2005 phải tạo bước đột phá làm thay đổi diện mạo đời sống nông nghiệp, nông thôn huyện nhà. Cụ thể hơn chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp. nông thôn theo đường lối Đại hội IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, ngày 23-1 và ngày 29-1-2002 Huyện ủy ban hành 4 Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 04-NQ/HU về: "Phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2002-2005", Nghị quyết số 05-NQ/HU về: "Chuyển đổi sản xuất lúa 3 vụ sang 2 vụ/năm", Nghị quyết số 06-NQ/HU về: "Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng giai đoạn 2002-2005", Nghị quyết số 07-NQ/HU về: "Phát triển giao thông nông thôn, miền núi giai đoạn 2002-2005". Đây là những nghị quyết chuyên đề cụ thể hơn Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII nhằm tạo bước đột phá làm chuyển biến cơ bản cơ cấu kinh tế nông nghiệp và đời sống xã hội nông thôn trên địa bàn huyện. Từ việc đánh giá thực trạng tình hình phát triển thủy sản, chuyển sản xuất lúa 3 vụ sang 2 vụ/năm, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, giao thông nông thôn, miền núi những năm trước đây, Huyện ủy đề ra các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và các biện pháp cụ thể thực hiện các lĩnh vực trên trong những năm 2002 -2005. Về kinh tế thủy sản, nghị quyết đề ra mục tiêu phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân 12%, công suất tàu thuyền đạt 30.000 CV, trong đó công suất tàu thuyền đánh bắt xa bờ 10.000 CV, sản lượng đạt 24.000 tấn. Diện tích nuôi thả tôm sú 320 - 350 ha, sản lượng 420 tấn. Giá trị thủy sản đạt 347 tấn, trong đó xuất khẩu 10 triệu USD. Hoàn thành dự án nuôi tôm Nghĩa Hà - Nghĩa Hoà quy mô 75 - 120 ha, Gò Rớ quy mô 30 ha, hoàn thành trại sản xuất tôm giống quy mô 40 - 50 triệu

con. Về chuyển đổi sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm, nghị quyết đề ra mục tiêu đến năm 2005 cơ bản hoàn thành chuyển đổi 3.500 ha lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm. Về kiên cố hoá kênh mương thủy lợi, nghị quyết đề ra mục tiêu kiên cố hoá 55,39 km kênh các loại, chiếm 35% tổng chiều dài hệ thống kênh trên địa bàn huyện. Cơ bản nhựa hoá, cứng hóa 100% tuyến đường huyện, 25% tuyến đường xã và 15% tuyến đường thôn, khối phố.

Thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng các đề án triển khai thực hiện, cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, đưa chủ trương của Huyện ủy vào thực tiễn đời sống. Quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể về huy động vốn, nhân lực, khuyến khích hoàn thành các mục tiêu nghị quyết đề ra.

Nhờ ý Đảng hợp với lòng dân, sau 3 năm tổ chức thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đề ra trong nghị quyết đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Đến năm 2005, ngư dân trong huyện có 683 tàu thuyền, công suất 31.000 CV, sản lượng khai thác hải sản đạt 20.000 tấn. Đa số tàu thuyền của ngư dân đều di chuyển ngư trường, đánh bắt dài ngày trên biển, có thu nhập khá hơn so với trước. Tuy việc chuyển sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm những năm đầu gặp khó khăn, nhưng nhờ kiên trì vận động, đến năm 2005 toàn huyện chuyển được 3.500 ha sang sản xuất 2 vụ, đạt kế hoạch đề ra; năng suất bình quân đạt 60,27 tạ/ha, vượt 0,4%; sản lượng đạt 50.937 tấn, vượt gần 3.000 tấn, góp phần đưa sản lượng lương thực toàn huyện lên 57.325 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 313 kg/năm. Các chỉ tiêu về kiên cố hoá kênh mương thủy lợi nội đồng, phát triển giao thông nông thôn, miền núi, tuy chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch, nhưng góp phần cải thiện đáng kể hạ tầng kinh tế - kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống xã hội nông thôn trong huyện.

Đồng thời với việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề, từ năm 2001 đến 2005, huyện tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, chính sách của tỉnh và Trung ương về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tháng 3-2002, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5, khoá IX bàn và ra một số nghị quyết về các vấn đề hệ trọng, vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với sự phát triển của đất nước. Trong đó có các nghị quyết liên quan đến nông nghiệp, nông thôn như Nghị quyết về: Tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Nghị quyết về: Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 – 2010; Nghị quyết về: Đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã phường, thị trấn. Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy xây dựng chương trình hành động và chỉ đạo các huyện, thị ủy cụ thể hóa bằng việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, sát đúng với tình hình địa phương, đơn vị. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của các nghị quyết Trung ương 5, khoá IX, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở tổ chức quán triệt nội dung các nghị quyết và thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể nhằm làm chuyển biến quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa kinh tế nông nghiệp và đời sống ở nông thôn trong huyện. Cuối năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm (1998- 2002) chuyển đổi hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 1996. Hội nghị nhận định: Đến năm 2002, toàn huyện có 33 hợp tác xã, trong đó có 25 hợp tác xã nông nghiệp, 3 hợp tác xã phi nông nghiệp, 2 quỹ tín dụng nông nghiệp, 3 hợp tác xã dịch vụ cung cấp điện. Trong 25 hợp tác xã nông nghiệp, hầu hết các hợp tác xã chuyển từ trực tiếp tổ chức sản xuất sang kinh doanh các loại dịch vụ hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, như dịch vụ thủy lợi, điện, bảo vệ thực vật, khuyến nông, tiêm phòng gia súc, hỗ trợ vốn cho xã viên sản xuất và đầu tư tài chính... Tuy các hợp tác xã gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi, nhưng tổ chức hoạt động đều đúng quy định

của Luật Hợp tác xã, khẳng định được vai trò quan trọng của hợp tác xã trong nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Các hợp tác xã đáp ứng được 100% nhu cầu về điện. 95% nhu cầu về nước tưới từ các công trình thủy lợi cho hộ nông dân. Đa số các hợp tác xã thực hiện được công tác bảo vệ thực vật, tiêm phòng gia súc, phối hợp với các cơ quan chuyên môn chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho hộ nông dân. Nhiều hợp tác xã có quy mô, chất lượng kinh doanh dịch vụ, khả năng điều hành của đội ngũ cán bộ khá, như các hợp tác xã Bắc Phương (Nghĩa Phương), Kỳ Đông, Kỳ Bắc (Nghĩa Kỳ), Đông Hoà (Nghĩa Hoà), Tân An (Nghĩa Trung).

Nhờ sự chỉ đạo, thực hiện đồng thời các nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy và các chủ trương của Trung ương và của tỉnh, nên sản xuất nông nghiệp huyện Tư Nghĩa những năm 2001-2005 có sự phát triển toàn diện cả về trồng trọt và chăn nuôi. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch nhanh. Hiệu quả sản xuất nông nghiệp được nâng lên rõ rệt. Tổng sản lượng lương thực tăng dần qua các năm, nhất là từ khi chuyển sản xuất lúa từ 3 vụ sang 2 vụ/năm⁴⁷. Đến năm 2005, sản lượng lương thực đạt 57.325 tấn, vượt kế hoạch đề ra 325 tấn, tăng 5.325 tấn so với năm 2000. Bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 313 kg/năm. Diện tích trồng lúa giảm, diện tích trồng cây công nghiệp, rau màu, các cây lương thực có hiệu quả cao tăng lên. Năm 2005, diện tích trồng ngô đạt 1.150 ha, sản lượng 6.325 tấn. Diện tích trồng mì tăng mạnh, bình quân mỗi năm tăng 13%, sản lượng tăng 25,6%. Nhiều diện tích các loại cây trồng hiệu quả kinh tế thấp, nhân dân chuyển sang trồng, thâm canh các loại cây rau, đậu. Bình quân mỗi năm diện tích trồng rau, đậu tăng 4%, sản lượng tăng 8%. Các xã Nghĩa Hoà. Nghĩa Hà, Nghĩa Hiệp... hình thành nhiều mô hình trồng hoa, cây cảnh có thu nhập cao.

⁴⁷ Tổng sản lượng lương thực các năm 2001- 2005 như sau: Năm 2001 đạt 42.000 tấn, năm 2002 đạt 49.172 tấn, năm 2003 đạt 55.044 tấn, năm 2004 đạt 55.673 tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển nhanh, chiếm 50% giá trị sản xuất nông nghiệp. Bà con nông dân trong huyện chuyển 300 ha đất trồng cây lương thực, thực phẩm kém hiệu quả sang trồng có làm thức ăn nuôi bò lai Sind đạt hiệu quả kinh tế cao. Nhiều hộ gia đình giàu lên nhờ chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Trong sản xuất lâm nghiệp, các xã khu tây của huyện phát triển mạnh kinh tế vườn rừng, vườn đồi theo mô hình nông - lâm kết hợp. Trong 5 năm, nhân dân toàn huyện trồng được 310 ha rừng tập trung và 1,7 triệu cây phân tán, đưa độ che phủ của rừng lên 70%, vượt 7% chỉ tiêu nghị quyết.

Từ năm 2001 đến năm 2005, Đảng bộ huyện đẩy mạnh chỉ đạo phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Cụ thể hóa chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá IX về: Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 10 - NQ/HU, ngày 3-10-2003 về việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Tư Nghĩa giai đoạn 2002-2005 và định hướng đến năm 2010. Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện một số cơ chế, chính sách của tỉnh khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Do có sự đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách, chỉ trong một thời gian ngắn, đến năm 2005, toàn huyện có 1.830 doanh nghiệp và hợp tác xã sản xuất công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, trong đó có 30 doanh nghiệp và hợp tác xã, 1.800 hộ sản xuất, kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho 5.000 lao động có thu nhập ổn định. Được sự giúp đỡ của tỉnh, huyện tiến hành quy hoạch 4 cụm công nghiệp tập trung và 5 làng nghề, trong đó có cụm công nghiệp tập trung La Hà, với diện tích giai đoạn I: 25 ha, vốn đầu tư xây

dựng hạ tầng cụm công nghiệp 30 tỷ đồng. Bằng nhiều biện pháp thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển, nên các cơ sở sản xuất, kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện hoạt động có hiệu quả. Đến năm 2005, giá trị toàn ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 80 tỷ đồng, tăng 30 tỷ đồng so với năm 2001, đóng góp khoảng 60% tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện.

Đầu tư xây dựng cơ bản trong 5 năm 2001-2005 tiếp tục được tăng cường. Tổng vốn đầu tư trong 5 năm đạt 180 tỷ đồng, cao gấp 2 lần so với 5 năm trước đó, bình quân hàng năm tăng 20%, trong đó vốn thuộc ngân sách Nhà nước chiếm 78%.

Các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển mạnh, đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 2005, giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ đạt mức 155 tỷ đồng. Thị trấn La Hà, Sông Vệ, xã Nghĩa Kỳ xây dựng được chợ kiên cố, trở thành đầu mối cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các vùng trong huyện và một số địa bàn trong tỉnh. Nhiều điểm du lịch thu hút đông du khách như suối Nước nóng (Nghĩa Thuận), Suối Mơ (Nghĩa Kỳ), đầu mối Thạch Nham (Nghĩa Lâm), Cắm Ông Nghè (Nghĩa Phương), Núi Bàn Cờ (Nghĩa Phú), Chùa Ông (Nghĩa Hoà).

Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh làm cho hoạt động tài chính, tín dụng đạt hiệu quả cao. Năm 2005, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 19.892 triệu đồng, tổng chi ngân sách đạt 14.082 triệu đồng. Hoạt động của các ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng phục vụ người nghèo và các quỹ tín dụng nhân dân cơ bản đáp ứng được yêu cầu về vốn đầu tư phát triển. Dư nợ cho vay của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện năm 2005 đạt 85.858 triệu đồng, tăng gấp 2,1 lần so với 5 năm trước đó. Công tác xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều

kết quả tích cực, hộ nghèo giảm nhanh. Đến năm 2005, toàn huyện chỉ còn 2.584 hộ nghèo.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội trong 5 năm 2001-2005 có sự phát triển mạnh mẽ. Huyện ủy tiến hành tổng kết 5 năm (1997 - 2002) thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành, nhất là ngành giáo dục quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương thực hiện các biện pháp đồng bộ đẩy mạnh sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, tạo sự chuyển biến tích cực trên hai lĩnh vực quan trọng này. Trong 5 năm 2001-2005, các trường trong huyện được đầu tư xây mới 150 phòng học, với tổng kinh phí 33 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 45%, cơ bản xoá được tình trạng học ca ba. Các ngành học, bậc học phát triển khá đồng bộ, chất lượng dạy và học từng bước được nâng lên. Năm 2002, huyện Tư Nghĩa được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Đến năm 2005, huyện được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, toàn huyện có 21 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 46,5% tổng số trường trong toàn huyện, trở thành huyện dẫn đầu ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về số trường đạt chuẩn quốc gia. Tuyệt đại đa số cán bộ, giáo viên các trường trong huyện đạt chuẩn. Tỷ lệ đảng viên trong ngành giáo dục - đào tạo huyện đạt 18%, xoá được tình trạng các trường học không có đảng viên.

Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở tiếp tục được củng cố. Việc thực hiện chính sách xã hội hoá y tế đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, hiệu thuốc tư nhân được tạo điều kiện hoạt động. Vì vậy, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn với nhiều loại hình dịch vụ khám chữa bệnh khá đa dạng, phong phú. Năm 2004, trạm y tế xã Nghĩa Lâm được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế, trở thành xã đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi đạt được danh hiệu này. Trong 5 năm 2001-

2005, trên địa bàn huyện không xảy ra các bệnh dịch lớn. Huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, chương trình y tế có mục tiêu, chương trình tiêm chủng mở rộng ... Đến năm 2005, cơ bản huyện đạt và vượt mức các chỉ tiêu về y tế do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên chỉ còn 1,25%; cứ 1 vạn dân có 2,2 bác sỹ, 7,2 giường bệnh; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn 25%.

Hoạt động văn hoá, xây dựng đời sống văn hoá đạt được nhiều kết quả tích cực. Đầu năm 2004, Huyện ủy tổ chức hội nghị đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về: Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Việc thực hiện nghị quyết đạt được nhiều kết quả, gắn với phong trào: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở góp phần nâng cao một bước sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hóa, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mở rộng một bước dân chủ hoá xã hội, khẳng định tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân. Nhân tố văn hóa bước đầu tác động tích cực vào các mặt sản xuất, kinh doanh, quản lý xã hội, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2005, toàn huyện có 60% trong tổng số 37.000 hộ gia đình, 50% trong tổng số 92 thôn, khối phố và 90% trong tổng số 97 cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá. Trung tâm văn hoá, thể thao huyện được xây dựng và đưa vào hoạt động. Nhiều xã xây dựng được khu văn hoá, thể thao. Tuyệt đại đa số các xã, thị trấn có đài truyền thanh, bưu điện văn hoá xã, thư viện. Hai thôn văn hoá là thôn 2, xã Nghĩa Lâm và thôn Hòa Tân, xã Nghĩa Hoà xây dựng được tủ sách phục vụ nhân dân trong thôn. Kết quả của phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hoá góp phần quan trọng vào việc ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Văn hoá trở thành mục tiêu, động lực, là nguồn lực nội sinh của sự phát triển.



Trung tâm văn hóa Huyện Tư Nghĩa.

Năm năm 2001-2005, kinh tế - xã hội huyện Tư Nghĩa có những bước phát triển mạnh mẽ. Tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 10,3%, vượt 1,5% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Tuy vậy, trong chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ chưa lường hết được sự biến động của thị trường, nên một số mặt còn hạn chế. Việc xác định cơ cấu vật nuôi, cây trồng chưa sát với nhu cầu của thị trường, gây một số bất lợi cho sản xuất và đời sống nhân dân. Cây mía được xác định là cây chủ lực, có nhiều tiềm năng phát triển, nhưng giá cả thu mua thấp, công nghiệp chế biến chưa đáp ứng với phát triển vùng nguyên liệu, nên người trồng mía thất thu, diện tích, năng suất, sản lượng giảm dần qua các năm. Đến niên vụ 2004-2005 diện tích trồng mía chỉ còn 765 ha, năng suất chỉ đạt 56 tấn/ha, sản lượng đạt 42.840 tấn, thấp xa so với chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Các loại cây trồng khác đạt rất thấp như cây bông vải chỉ đạt 9,8% kế hoạch, cây dâu

tầm chỉ đạt 40% kế hoạch. Một số cây trồng khác như cây điều ghép, lạc tiên, ổi ruột đỏ Trung Quốc ... trồng được hàng trăm hecta, nhưng không có hiệu quả kinh tế. Chăn nuôi tuy phát triển mạnh, chiếm 30% giá trị sản xuất nông nghiệp, nhưng tổ chức các khâu dịch vụ như khuyến nông, thú y chưa có hiệu quả, dịch bệnh lở mồm, long móng, cúm gia cầm, dịch bệnh tôm ... lan tràn làm thiệt hại lớn về tài sản. Nhiều hộ chăn nuôi thua lỗ, lâm vào cảnh nợ nần. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, quy mô nhỏ bé, thiếu vững chắc, máy móc, công nghệ lạc hậu, một số ngành, nghề truyền thống bị mai một, chưa có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Việc quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề chưa đồng bộ, hiệu quả thấp, lãng phí đất đai, môi trường bị ô nhiễm. Thương mại, dịch vụ vẫn chỉ ở dạng tiềm năng, chưa khuyến khích được các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, khai thác. Việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế. Tuy các hợp tác xã có sự chuyển hướng hoạt động, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu của kinh tế hộ. Một số hợp tác xã tồn tại chỉ trên danh nghĩa. Sự phát triển của kinh tế cá thể, tư nhân còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục đăng ký thành lập, về tiếp cận với các nguồn vốn vay và các điều kiện hỗ trợ khác. Việc thực hiện 6 chương trình kinh tế đạt kết quả thấp. Sau nhiều năm tổ chức điều tra, quy hoạch, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nuôi tôm công nghiệp Nghĩa Hà - Nghĩa Hoà, quy mô 75 - 120 ha mặt nước không thực hiện được. Đến tháng 3-2005, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Thông báo kết luận số 167 TB/HU giao cho Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ thực hiện dự án. Nguyên nhân là khả năng huy động vốn trong nhân dân thực hiện dự án gặp khó khăn, đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã không hội đủ các điều kiện triển khai thực hiện dự án và nhân dân không đồng tình chủ trương chuyển đất trồng lúa sang nuôi tôm. Lĩnh vực văn hoá - xã hội, tuy có bước chuyển biến tích cực, nhưng chưa giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Chất lượng giáo

dục - đào tạo còn thấp, tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Việc huy động các nguồn lực của nhân dân đóng góp vào việc thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục đào tạo chưa phù hợp với khả năng thu nhập của nhiều người, trở thành gánh nặng tài chính của không ít hộ gia đình, nhất là hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách. Trang thiết bị, cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế, cơ sở khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhân dân. Y đức của một bộ phận y, bác sỹ, nhân viên y tế chưa có chuyển biến tốt, gây phiền hà cho bệnh nhân. Chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” chưa đồng bộ, nặng về hình thức. Một số gia đình, cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hoá, nhưng thiếu thực chất, tác dụng nêu gương về văn hoá chưa cao.

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới có những diễn biến mới, phức tạp hơn. Lợi dụng bọn khủng bố tấn công Trung tâm thương mại quốc tế (9-2001), nhà cầm quyền Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu và áp đặt chính sách cường quyền đối với nhiều nước trên thế giới, vu cáo một số nước, trong đó có Việt Nam vi phạm tự do dân chủ, nhân quyền. Ở trong nước, bọn phản động đội lốt tôn giáo nhen nhóm, tổ chức các vụ bạo loạn, lật đổ, gây mất ổn định chính trị ở một số nơi, nhất là địa bàn Tây Nguyên. Trước những biến động sâu sắc của cục diện thế giới mới, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 08 về: Chiến lược an ninh quốc gia, Chính phủ ra Nghị quyết 09 về: Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Đặc biệt là tháng 7-2003, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương, khoá IX ra Nghị quyết về: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Vào thời điểm này, trên địa bàn huyện Tư Nghĩa xảy ra những diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Một số người lén lút truyền tay các tài liệu tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng. Một số tổ chức tôn giáo trên địa bàn huyện có đơn đòi

lại cơ sở thờ tự cũ, xin xây dựng cơ sở thờ tự mới. Khi không được chính quyền chấp nhận lại huy động giáo dân ký đơn tập thể, tụ tập đông người gây sức ép. Một số hệ phái tôn giáo chưa được Nhà nước công nhận pháp nhân tôn giáo tự phát tuyên truyền phát triển đạo. Trên tuyến biển, tàu thuyền nước ngoài tổ chức vây bắt ngư dân, kéo tàu thuyền về nước sở tại phạt tiền, gây mất an ninh trên biển.

Quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương, chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong huyện đẩy mạnh công tác củng cố quốc phòng - an ninh, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Giữa tháng 9-2002, Huyện ủy tổ chức hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về chiến lược an ninh quốc gia. Ngày 10-10-2002, Huyện ủy ra Nghị quyết số 08-NQ/HU về xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nội dung nghị quyết, cấp ủy, chính quyền các cấp chủ động đề ra các chủ trương, biện pháp phòng ngừa và đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống đối của các loại đối tượng, xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra các "điểm nóng" về an ninh. Công tác củng cố quốc phòng - an ninh đã gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phòng thủ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang được duy trì thường xuyên. Việc xây dựng khu vực phòng thủ, tổ chức diễn tập các kế hoạch A - A4 đạt kết quả tốt. Chất lượng các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, dự bị động viên được nâng lên. Phát triển dân quân tự vệ đạt 1,65% dân số, tỷ lệ đảng viên, đoàn viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt yêu cầu đề ra. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm có chuyển biến tích cực. Các loại tội phạm giảm dần. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, công tác quốc phòng - an ninh những năm 2001-2005 vẫn còn một số mặt hạn chế, yếu kém. Sự lãnh đạo của cấp ủy xã, thị trấn chưa ngang tầm với nhiệm vụ an ninh tư tưởng - văn hoá, an ninh nông thôn có lúc, có nơi sơ hở, bị kẻ xấu lợi dụng gây hoang mang trong dư luận quần chúng. Tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa cao. Trật tự an ninh toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Những vụ việc bức xúc, nổi cộm xử lý chưa dứt điểm, để dây dưa kéo dài. Lực lượng công an xã còn bất cập cả về tổ chức và hoạt động, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác an ninh trong tình hình mới.

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, hệ thống chính trị các cấp tiếp tục được kiện toàn, đổi mới phương thức hoạt động phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngày 25-4-2004, cử tri huyện Tư Nghĩa hăng hái tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2004 - 2009 đảm bảo đúng luật, an toàn và tiết kiệm. Tỷ lệ cử tri đi bầu cử đạt 98,9%. Kết quả, cử tri đã bầu 39 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 474 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện, nhiệm kỳ 2004-2009, ngày 21-5- 2004 các đại biểu bầu đồng chí Trần Văn Nhân làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện⁴⁸. Sau bầu cử, Huyện ủy chỉ đạo củng cố, tăng cường hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện tốt chức năng xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đổi mới và nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân, các hoạt động tiếp dân, tiếp xúc cử tri ... Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về: Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã phường, thị trấn, Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng định kỳ, giải quyết các vụ việc có liên

⁴⁸ Sau này, đồng chí Trần Văn Nhân được điều động nhận công tác ở tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện họp ngày 25-10-2006 bầu đồng chí Phạm Cao Trận làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

quan đến tranh chấp đất đai, tín ngưỡng tôn giáo, khắc phục tình trạng quan liêu, mất dân chủ, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới, hướng về cơ sở vận động nhân dân đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, đến năm 2005, Mặt trận xây dựng được 166 khu dân cư tiên tiến, 86 khu dân cư đạt yêu cầu, không có khu dân cư yếu kém. Hưởng ứng chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận huyện phát động phong trào ủng hộ quỹ vì người nghèo. Nhiều cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp tiền, ngày công lao động làm nhà đại đoàn kết, góp phần xóa tình trạng nhà tranh tre, dột nát. Ngoài ra, Mặt trận còn thực hiện có hiệu quả các đợt quyên góp, tổ chức phân phối tiền, hàng hoá cứu trợ cho đồng bào bị thiên tai.

Năm 2002, thực hiện chủ trương của Trung ương, Liên đoàn Lao động huyện được thành lập lại. Ngày đầu tái lập, Liên đoàn chỉ có 3 tổ chức công đoàn và công đoàn ngành giáo dục huyện. Đến năm 2005, Liên đoàn Lao động huyện có 27 công đoàn cơ sở với 1.979 đoàn viên. Mặc dù, trong điều kiện kinh tế thị trường nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn còn nhiều khó khăn, lúng túng, nhưng bước đầu công đoàn đã tập hợp được đông đảo người lao động thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện, có nhiều hoạt động thiết thực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Thực hiện Chỉ thị số 28- CT/HU, ngày 27-10-2004 của Huyện ủy về việc thành lập công đoàn cấp xã, thị trấn, Liên đoàn Lao động huyện phối hợp với cấp ủy, chính quyền cơ sở tiến hành thành lập công đoàn các xã, thị trấn trong toàn huyện.

Thanh niên là lực lượng vô cùng quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từ năm 2001-2005, Huyện ủy đã quan tâm tập trung chỉ đạo củng cố tổ chức đoàn, hội, đội vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, đẩy mạnh phong trào “Thanh niên tình nguyện”, “Tuổi trẻ giữ nước”. Qua phong trào, nhiều đoàn viên, thanh

niên vươn lên đi đầu trong học tập, lao động, sẵn sàng chiến đấu. Trong 5 năm, Đoàn kết nạp được 4.860 đoàn viên, nâng tỷ lệ đoàn viên lên 11,2% trong tổng số thanh niên toàn huyện. Đoàn giới thiệu 352 đoàn viên ưu tú cho Đảng, được Đảng bộ kết nạp 182 đồng chí vào Đảng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tập trung thực hiện 6 chương trình công tác trọng tâm của Hội và 3 phong trào thi đua: Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước; phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc; phụ nữ Quảng Ngãi năng động, sáng tạo, trung hậu, đảm đang⁴⁹. Đến đầu năm 2003, các cấp hội phụ nữ trong huyện xây dựng được 288 tổ hùn vốn, giúp cho 260 hội viên có hoàn cảnh khó khăn mượn trên 65 triệu đồng, 88 chỉ vàng, 6.507 kg lúa. Hội còn xây dựng 47 dự án, với tổng số vốn 5,6 tỷ đồng giúp cho 4.101 chị vay, giải quyết việc làm cho 6.202 lao động. Đến năm 2005, các nguồn vốn vay của Hội trên 18 tỷ đồng cho 5.635 hội viên vay phát triển sản xuất. Nhờ nguồn vốn được vay, mượn nhiều hộ gia đình phụ nữ đã vượt qua khó khăn, thoát khỏi đói, nghèo, có hộ vượt lên khá giả.



Cơ quan Mặt trận và hội đoàn thể huyện Tư Nghĩa

⁴⁹ Sáu chương trình trọng tâm của Đại hội Phụ nữ huyện Tư Nghĩa, khóa VIII, nhiệm kỳ 2001 – 2006 đề ra là: chương trình giáo dục nâng cao nhận thức trình độ cho phụ nữ, chương trình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình, chương trình xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, chương trình thúc đẩy bình đẳng giới, chương trình xây dựng tổ chức Hội vững mạnh và chương trình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương

Hội Nông dân tiếp tục thực hiện phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng có hiệu quả kinh tế cao. Năm 2005, toàn huyện có 17.830 hộ nông dân được công nhận là hộ sản xuất, kinh doanh giỏi. Hội xây dựng được 9 mô hình tiêu biểu sản xuất, kinh doanh giỏi. Nhiều dự án do Hội Nông dân tổ chức có hiệu quả, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hàng ngàn hội viên.

Sau 15 năm thành lập, tổ chức Hội Cựu Chiến binh ngày càng được mở rộng đến các địa phương, cơ sở. Đến năm 2004, Hội Cựu Chiến binh huyện có 22 cơ sở hội, 89 chi hội, với tổng số hội viên 1.883 người, chiếm 95% tổng số cựu chiến binh trong toàn huyện. Tiếp tục phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", các cấp Hội Cựu Chiến binh tổ chức và vận động hội viên gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, nhất là phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác. Đồng thời, các cấp hội đẩy mạnh phong trào cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo, tương trợ, động viên nhau trong cuộc sống. Đến năm 2004, Hội triển khai thực hiện 16 dự án, với số tiền 1,267 tỷ đồng, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho 266 hội viên. Nhờ sự tương trợ, giúp nhau trong phát triển kinh tế gia đình, nhiều hộ gia đình cựu chiến binh thoát khỏi đói, nghèo. Năm 2004, toàn huyện chỉ còn 24 hộ gia đình hội viên cựu chiến binh thuộc diện hộ nghèo, chiếm 1,2% tổng số hội viên hội cựu chiến binh trong huyện.

Tuy đạt được nhiều kết quả, nhưng hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân những năm 2001-2005 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền, nhất là chính quyền cơ sở còn nhiều bất cập. Một số chức danh cán bộ xã được xác định là cán bộ, công chức, nhưng trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong công tác còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa

phương. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các phân, chi hội mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa được quan tâm đúng mức. Phương thức hoạt động bị hành chính hoá, làm cho hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân thiếu linh hoạt, sáng tạo. Những yếu kém trong tổ chức và hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân ít nhiều đã kìm hãm sự phát triển của phong trào cách mạng ở địa phương.

Những năm đầu thế kỷ XXI, quá trình toàn cầu hoá các quan hệ quốc tế diễn ra ngày càng sâu sắc, lôi kéo ngày càng nhiều các nước trên thế giới và trong khu vực tham gia. Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cho đất nước ta nhiều thời cơ và thuận lợi mới để đẩy nhanh nhịp độ phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức, khó khăn không nhỏ, đòi hỏi Đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng ta ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương của Trung ương, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng, từ năm 2001 đến năm 2005. Đảng bộ huyện Tư Nghĩa tiếp tục xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, quyết định sự thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương. Sau 5 năm thực hiện, công tác xây dựng Đảng bộ huyện đạt được những kết quả quan trọng, tạo nên nền tảng để Đảng bộ lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng ở địa phương.

Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá IX: “ Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới” và Kết luận số 94- KL/TW của Ban Bí thư về chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá, Đảng bộ huyện tạo được sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội về các quan điểm của Đảng đối với các vấn đề có liên quan đến đường lối phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu, hợp tác phát triển văn hóa với các nước trên thế giới, đề cao cảnh giác, chủ động làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch chống phá

cách mạng nước ta. Cùng với việc học tập quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, trong nhiệm kỳ Đảng bộ tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu 10 chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức hội thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Để nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng ra nghị quyết và tổ chức học tập, quán triệt, triển khai nghị quyết. Quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, Huyện ủy yêu cầu cấp ủy, chính quyền các địa phương, đơn vị phải cụ thể hoá bằng các chương trình, đề án cụ thể, có sự phân công người chịu trách nhiệm, thời gian hoàn thành vv.. Với những biện pháp chỉ đạo cụ thể, công tác tư tưởng của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2001-2005 có nhiều tiến bộ, gắn chặt với thực tiễn, góp phần giải quyết nhiều vấn đề bức xúc ở địa phương như giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ nhân dân về chính sách đất đai, giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng, chống truyền đạo trái phép...

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khoá VIII, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy tăng cường công tác tự phê bình, phê bình, đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và đạo đức, lối sống cán bộ, đảng viên. Đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, trước hết là đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, nâng cao tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên. Đến năm 2005, Đảng bộ huyện có 59 tổ chức cơ sở đảng và 168 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, với tổng số 2.199 đảng viên. Qua phân loại, năm 2004 có 89,8% tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, vượt 19,8% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra; 76,3% đảng viên hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 4-2005, Đảng bộ kết nạp mới 429 đảng viên. Trong công tác tổ chức, cán bộ, Huyện ủy chỉ đạo thực hiện có nề nếp, đúng quy trình việc đánh giá năng lực cán bộ hằng năm, đánh giá, nhận xét cán bộ được đề cử, giới thiệu ứng cử

các chức danh trong hệ thống chính trị, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các ban, phòng khối Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Hàng năm cấp ủy các cấp tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đội ngũ cán bộ làm cơ sở để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ vào các chức danh trong hệ thống chính trị. Trong 5 năm 2001-2005, huyện cử 4 đồng chí đi đào tạo đại học chuyên môn, 26 đồng chí đi đào tạo cử nhân, cao cấp chính trị, 30 đồng chí đi đào tạo trung cấp chính trị, 119 đồng chí học chương trình sơ cấp chính trị và hàng trăm lượt cán bộ, đảng viên học các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn. Thực hiện Quy định số 76 của Bộ Chính trị, cấp ủy, các phòng, ban, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện tốt việc giới thiệu đảng viên đang công tác về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú, góp phần nâng cao hiệu quả công tác, quản lý đảng viên và tạo mối quan hệ gắn bó giữa đảng viên đang công tác với cấp ủy nơi cư trú. Thực hiện Chỉ thị số 29 của Ban Bí thư, trong 2 năm 2004 - 2005, Đảng bộ hoàn thành công tác đổi thẻ đảng viên, đồng thời tiến hành tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83 - CT/TW, ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư về công tác phát triển đảng viên. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ tập trung thẩm tra, kết luận chính trị nhiều trường hợp, phục vụ kịp thời công tác tổ chức cán bộ và công tác phát triển đảng viên.

Cùng với công tác tư tưởng, công tác tổ chức, trong 5 năm 2001-2005, Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, đôn đốc thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tổ chức nhiều đợt kiểm tra, chủ yếu tập trung kiểm tra việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật Đảng. Từ năm 2001 đến năm 2015. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tiến hành 57 lượt kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng, 183 đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, 79 đảng viên có dấu hiệu vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng và

Nhà nước. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý kỷ luật nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm, trong đó khiển trách 24 đồng chí, cảnh cáo 10 đồng chí, cách chức 2 đồng chí, khai trừ 2 đồng chí. So với nhiệm kỳ trước, số lượng đảng viên bị các hình thức kỷ luật giảm đáng kể.

Tuy công tác xây dựng Đảng đại được nhiều kết quả góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhưng so với yêu cầu, nhiệm vụ vẫn còn một số khuyết điểm, yếu kém. Công tác tư tưởng chậm được đổi mới về hình thức và nội dung, nhất là trong công tác tổ chức học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Trong nội bộ Đảng vẫn còn tình trạng một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, nhưng vẫn chưa được đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng thiếu thường xuyên, có một số tổ chức cơ sở hoạt động yếu. Việc nhận xét, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự khách quan, chính xác, có nơi còn nể nang, xuôi chiều. Quy hoạch cán bộ thiếu vững chắc, cơ cấu chưa đồng bộ. Công tác kiểm tra thực hiện nguyên tắc sinh hoạt Đảng, thu chi tài chính, quy chế làm việc của cấp ủy cùng cấp thực hiện chưa có hiệu quả. Việc thi hành kỷ luật một số đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa nghiêm chưa đúng nguyên tắc và thiếu kịp thời.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị, sau khi hoàn thành đại hội các chi, Đảng bộ cơ sở, từ ngày 15-9 đến ngày 17-9-2005, tại hội trường Huyện ủy, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ XIX. Tham dự Đại hội có 219 đại biểu thay mặt cho 2199 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá những thành tựu đã đạt được, đồng thời chỉ rõ những tồn tại, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong 5 năm 2001-2005: góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Đại

hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX, nhiệm kỳ 2005-2010.

Đánh giá tình hình 5 năm 2001-2005, Đại hội nhất trí khẳng định: Trong 5 năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế có sự tăng trưởng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong giá trị sản xuất của nền kinh tế. Các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân phát triển mạnh. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư xây dựng phát triển đồng bộ làm thay đổi cơ bản đời sống các vùng nông thôn trong huyện. Hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bước đầu có sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh được củng cố. Chính quyền các cấp được kiện toàn, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới, có tác dụng thiết thực với đông đảo hội viên, đoàn viên, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Sự thống nhất trong Đảng bộ và sự đồng thuận trong nhân dân ngày càng tăng lên. Cùng với khẳng định những thành tựu, Đại hội nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế. Kinh tế tuy tốc độ tăng trưởng cao, nhưng chất lượng và hiệu quả thấp, chưa bền vững, Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Hiệu quả một số vật nuôi, cây trồng chưa cao. Hoạt động văn hóa - xã hội còn một số mặt bất cập, chưa thực chất. An ninh nông thôn còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một bộ phận cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, chỉ rõ những tồn tại, khuyết điểm của Đảng bộ trong quá trình chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII, phân tích những thuận lợi, khó khăn trong những năm

trước mắt, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2006-2010 với mục tiêu tổng quát: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và thương mại dịch vụ; phát triển cụm công nghiệp La Hà, tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, vững chắc theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tăng cường kết cấu Hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phấn đấu đưa huyện phát triển thuộc loại khá của tỉnh⁵⁰”*. Đại hội cũng đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu:

Về kinh tế, phấn đấu đến năm 2010, giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 12%, thu thập bình quân đầu người đạt 11 triệu đồng. Trong đó, nông - lâm - thủy sản tăng 8,1%, công nghiệp - xây dựng tăng 18%, thương mại - dịch vụ tăng 16%. Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế đến năm 2010: nông - lâm - thủy sản: 48%; công nghiệp - xây dựng: 30%; thương mại - dịch vụ 22%; sản lượng lương thực: 60.000 tấn; sản lượng mía cây: 70.000 tấn; độ che phủ của rừng: 25%; thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu hàng năm.

Về văn hóa - xã hội, giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,5‰, đến năm 2010 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1‰ và dân số trung bình 193.600 người: tạo việc làm mới và giải quyết việc làm hàng năm từ 3.000 - 3.200 lao động: giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 15% (chuẩn mới), chống tái nghèo, phổ cập trung học cơ sở đạt 100%, số xã, thị trấn, trường chuẩn quốc gia đạt 78% (trong đó: 100% trường trung học cơ sở, tiểu học; 50% trường trung học phổ thông

⁵⁰ Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa khóa XVIII tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2005 – 2010. Trang 22

và 38% trường mẫu giáo); 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ, 2,56 bác sỹ/1 vạn dân, 6,8 giường bệnh/1 vạn dân: giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 20%, 10 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. 100% hộ được xem truyền hình và nghe đài tiếng nói Việt Nam; 45% xã, thị trấn có nhà văn hóa. Đạt chuẩn gia đình văn hóa: 85% gia đình văn hóa, 70% thôn, khối phố văn hóa, 98% cơ quan văn hóa; xây dựng 4 xã đạt chuẩn văn hóa, xã Nghĩa Lâm là điểm văn hoá của tỉnh. Sử dụng máy điện thoại 8 máy/100 dân.

Về quốc phòng - an ninh: xây dựng 90% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh, trong đó 60 - 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hàng năm đạt từ 1,9 đến 2% dân số, tuyển quân hàng năm đạt 100%, bảo đảm số lượng và chất lượng, tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ từ 13 - 16%, đoàn viên từ 38-40%.

Về xây dựng Đảng: đến năm 2010, tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh 80-90%, kết nạp từ 550 - 600 đảng viên mới, hàng năm có 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát huy tác dụng tốt.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2005-2010 gồm 37 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận được bầu làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Tiến Phước và đồng chí Trần Văn Nhân được bầu làm Phó Bí thư⁵¹.

Đại hội Đảng bộ huyện Tư Nghĩa lần thứ XIX là đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới vì sự phát triển bền vững, thể hiện quyết tâm chính trị của Đảng bộ và nhân dân xây dựng huyện Tư Nghĩa trở thành huyện có kinh tế phát triển, văn hóa lành mạnh, quốc phòng - an ninh vững chắc, hoà nhịp cùng với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh vững bước trên con đường công nghiệp hoá - hiện đại hóa.

⁵¹ Đến ngày 22-3-2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định chuẩn y kết quả bầu bổ sung đồng chí Phạm Cao Trận làm Phó Bí thư. Ngày 27-5-2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định chuẩn y kết quả bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Tiến Phước làm Bí thư thay đồng chí Nguyễn Đức Thuận (nghỉ hưu), đồng chí Nguyễn Văn Nhở làm Phó Bí thư.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa đã lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị nắm bắt thời cơ, vượt qua thử thách, phát huy được các thế mạnh, các tiềm năng và các nguồn lực của huyện để tập trung phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Nhờ sự đoàn kết, năng động, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân trong huyện lần đầu tiên đã đưa tốc độ phát triển kinh tế đạt 2 con số (10,3%). Nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Xây dựng cơ bản được đầu tư phát triển mạnh, nên Tư Nghĩa là một trong những huyện có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, nông - lâm - thủy sản chiếm 59,6%, công nghiệp, xây dựng chiếm 21,4%, thương mại, dịch vụ chiếm 19%. Cơ cấu nông nghiệp chuyển đổi theo hướng đa canh, với nhiều loại vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ. Tư Nghĩa là huyện dẫn đầu tỉnh về số trường học đạt chuẩn quốc gia, là huyện đầu tiên có trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia..... An ninh - quốc phòng được củng cố, tăng cường vững chắc hơn. Đảng bộ trưởng thành trong quá trình lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng những thành tựu đạt được trong 5 năm 2001-2005 là hành trang quý báu, tạo nền tảng để Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa tiến bước vững chắc trên con đường xây dựng quê hương giàu mạnh, văn minh trong thế kỷ XXI.

KẾT LUẬN

Không phải ngẫu nhiên vùng đất nằm giữa hai con sông, sông Trà và sông Vệ được mang tên Tư Nghĩa. Có một thời rất dài trong lịch sử, tỉnh Quảng Ngãi từng được đặt tên Châu Tư, Châu Nghĩa, rồi phủ Tư Nghĩa. Cửa Cỗ Lũy - điểm cuối cùng trước khi dòng sông Trà đổ nước ra biển cả - cùng một thời là tên tỉnh Quảng Ngãi - Cỗ Lũy động⁵². Tư Nghĩa là Quảng Nghĩa (Quảng Ngãi) như là cơ duyên của vùng địa linh nhân kiệt, được bồi đắp, hội tụ bởi các dòng chảy văn hoá, từ văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Chăm Pa đến văn hoá Đại Việt - văn hoá Việt Nam. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương và con người Tư Nghĩa trong hàng nghìn năm lịch sử, từ năm 1975 đến năm 2005, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nỗ lực xây dựng quê hương và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Vừa mới thoát khỏi cuộc chiến tranh lâu dài và tàn khốc nhất trong lịch sử, Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa bắt tay ngay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống. Với sức mạnh tinh thần to lớn và nghị lực phi thường, lại được sự cổ vũ bởi niềm lạc quan của đại thắng mùa xuân năm 1975, chưa đầy một năm sau giải phóng, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân xóa sạch toàn bộ hệ thống chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ và các tổ chức, các đảng phái phản động do chúng lập nên, thiết lập và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân. Với tinh thần cách mạng triệt để, ý chí quyết tâm cao, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, sớm hoàn thành nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực nông nghiệp, công - thương nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, góp phần quan trọng vào việc đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ở các vùng nông

⁵² Vùng đất Quảng Ngãi ngày nay từng mang tên Cỗ lũy động từ năm 602 đến cuối thế kỷ XIV, Châu Tư, Châu Nghĩa dưới thời nhà Hồ (1402), Phủ Tư Nghĩa dưới thời nhà Lê (1471)

thôn trong huyện, khôi phục hệ thống giao thông, thủy lợi, khai hoang phục hóa, cải tạo đồng ruộng, phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, giải quyết các vấn đề xã hội.

Quá trình tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng là quá trình trưởng thành và phát triển không ngừng của Đảng bộ. Từ một huyện sau giải phóng (1975) có số lượng không nhiều về đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, ba mươi năm sau (2005), Đảng bộ đã có hơn hai nghìn đảng viên và hàng chục tổ chức cơ sở đảng trong toàn huyện, là lực lượng tiên phong, nòng cốt, quyết định mọi thắng lợi phong trào cách mạng ở địa phương. Nhờ phát huy tinh thần đoàn kết tốt trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc của Đảng, Đảng bộ đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng được nhiều cán bộ, đảng viên ưu tú, nắm giữ các cương vị quan trọng không chỉ cho phong trào cách mạng ở địa phương mà còn cho tỉnh và một số huyện bạn.

Tuy nhiên, do hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại, những tác động bất lợi của tình hình quốc tế và nhất là nhược điểm của mô hình và cơ chế quản lý cũ đã làm cho nước ta, tỉnh ta, trong đó có huyện Tư Nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Trước yêu cầu thực tiễn cuộc sống và thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, bắt đầu từ năm 1980, Đảng bộ tiến hành áp dụng chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp và các ngành nghề khác. Đây là bước đột phá, tháo gỡ thế bế tắc và khủng hoảng về quan hệ sản xuất ở nông thôn, thúc đẩy quá trình xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Từ cuối năm 1986 đến năm 2005, vận dụng sáng tạo đường lối, đổi mới của Đảng, Đảng bộ đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp cụ thể, tích cực để tổ chức lại sản xuất, từng bước thực hiện cơ chế quản lý mới. Nhờ đó, các ngành kinh tế

của huyện có sự chuyển biến phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hóa. Các tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, đất đai, nguồn lực con người được phát huy mạnh mẽ cho sự phát triển. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiến bộ rõ rệt, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tư Nghĩa là một trong những huyện dẫn đầu toàn tỉnh về một số lĩnh vực trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố vững chắc. Ổn định chính trị được giữ vững. Quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, giữ vững nguyên tắc đổi mới, chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đề cao cảnh giác làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.

Tuy tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đều có những bước tiến bộ, nhưng quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng vẫn còn nhiều khuyết điểm làm hạn chế sự phát triển của huyện. Trong lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ luôn quan tâm chỉ đạo việc quy hoạch, phân vùng kinh tế, chỉ rõ thế mạnh phát triển của từng vùng, xác định rõ các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm, các khâu đột phá... Nhưng trong chỉ đạo thực hiện, Đảng bộ chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tổng kết thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chương trình kinh tế - xã hội. Do đó, sự phát triển của huyện còn thiếu đồng bộ, chưa ổn định, bền vững, còn mang tính tự phát. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, việc quy hoạch các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, nhưng việc tổ chức thực hiện thiếu kiên quyết, huy động các nguồn lực gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng các cụm công nghiệp, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp, ảnh

hưởng không nhỏ đến sự phát triển của huyện nhà. Tư Nghĩa là huyện có nhiều tiềm năng, thế mạnh phát triển các ngành nghề thương mại, dịch vụ, du lịch, nhưng Đảng bộ chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lập quy hoạch, kế hoạch phát triển cụ thể, đề ra chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư khai thác, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự phát triển. Trong lãnh đạo phát triển văn hoá, tuy có nhiều tiến bộ, nhưng sự nghiệp phát triển văn hóa chưa tương xứng với sự tăng trưởng kinh tế, chưa thật gắn bó chặt chẽ với công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Mặc dù, Đảng bộ đã quan tâm, tập trung nhiều công sức, trí tuệ cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng suy thoái về nhận thức tư tưởng - chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa ngăn chặn được. Công tác cán bộ vẫn là khâu còn nhiều yếu kém, thiếu chiến lược đào tạo cán bộ, nên việc bố trí các chức danh chưa phù hợp, không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Công tác vận động quần chúng của Đảng bộ có lúc, có nơi chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của quần chúng, chưa khơi dậy và phát huy các phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

Từ thực tiễn 30 năm lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ huyện Tư Nghĩa rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là, nhận thức sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chủ động vận dụng sáng tạo vào tình hình thực tiễn cụ thể của địa phương nhằm phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội.

Đây là kinh nghiệm được Đảng bộ đặc biệt coi trọng trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy. Chỉ có trên cơ sở nhận thức sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng và tình

hình thức tiền của địa phương, cơ sở, Đảng bộ mới tạo được sự đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và hành động, đề ra các chương trình hành động, đề án cụ thể phù hợp với đặc điểm, vị thế, tiềm năng của huyện để phát triển kinh tế - xã hội. Tư Nghĩa là huyện có nhiều tiềm năng, lợi thế. Nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, lại ở giữa hai con sông lớn - sông Trà, sông Vệ, huyện Tư Nghĩa có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Vấn đề cơ bản và then chốt là trong từng thời kỳ phát triển, Đảng bộ phải tập trung trí tuệ, hiểu rõ đặc điểm, tình hình cụ thể của địa phương để đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, xác định đúng các khâu đột phá, các giải pháp khả thi, với tinh thần vừa kiên trì thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, vừa chủ động, năng động, sáng tạo, quyết tâm cao, tạo được sự đồng thuận trong phong trào cách mạng của quần chúng thì nhất định thắng lợi.

Thực tiễn luôn luôn là cơ sở của nhận thức chân lý. Trong 30 năm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Tư Nghĩa cho thấy, chỉ khi nào Đảng bộ nắm vững được tình hình thực tiễn của địa phương, chủ động vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, thì khi đó sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện đạt hiệu quả cao, tạo được dấu ấn trong lịch sử. Những dấu ấn đó là: Tổ chức thực hiện chủ trương đưa nông dân vào hợp tác xã những năm 1977- 1980, với những cách làm và bước đi thích hợp, tạo được sự thống nhất trong Đảng bộ và sự đồng thuận trong nhân dân; tổ chức vận động nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, khai hoang, làm thủy lợi, thâm canh, tăng vụ, đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, khoán hộ, thực hiện giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hóa; chuyển sản xuất nông nghiệp từ độc canh sang đa canh, từ thuần nông sang đa dạng hóa các ngành, nghề, từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa, coi trọng năng suất, chất

lượng, hiệu quả... Những dấu ấn đó chẳng những làm cho phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong huyện diễn ra liên tục, đạt hiệu quả thiết thực, mà còn làm cho Đảng bộ trưởng thành hơn trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, đóng góp một phần quan trọng vào việc tổng kết thực tiễn quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Hai là, quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt với phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Đây là những điều kiện, là trụ cột bảo đảm sự thắng lợi của công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo. Thực tiễn ngày càng chứng tỏ rằng: Kinh tế và văn hoá là hai yếu tố quyết định sự vận động và phát triển của xã hội. Kinh tế là nền tảng vật chất còn văn hoá là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của sự phát triển.

Quán triệt các quan điểm của Đảng, trong 30 năm, từ năm 1975 đến năm 2005, đi đôi với phát triển kinh tế, Đảng bộ đã dành sự quan tâm sâu sắc, tập trung đầu tư phát triển văn hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong các chủ trương, chính sách và kế hoạch phát triển, Đảng bộ luôn đặt con người vào vị trí trung tâm, coi nguồn lực con người là nhân tố quyết định sự phát triển. Chính vì vậy, cùng với sự phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, trong 30 năm qua, nhất là từ năm 1986, đời sống văn hoá, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong huyện ngày càng được nâng lên. Từ một huyện bị ảnh hưởng nặng nề bởi nền văn hoá nô dịch của chủ nghĩa thực dân mới, nhân dân Tư Nghĩa đã vươn lên xây dựng được một nền tảng văn

hoá, tinh thần tiến bộ, lành mạnh và đạt được nhiều thành tựu to lớn, trở thành một trong những huyện đi đầu trong sự nghiệp phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Xã văn hoá Nghĩa Lâm là điểm sáng trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong những năm đầu thế kỷ XXI của tỉnh. Tư Nghĩa cũng là huyện đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp nâng cao dân trí, góp phần cung cấp nhiều tài năng trên các lĩnh vực cho đất nước.

Những thành tựu và kinh nghiệm đạt được trong sự nghiệp phát triển văn hoá, tinh thần mấy chục năm qua của Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa càng có ý nghĩa trong bối cảnh đất nước ta đang trong quá trình mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu văn hoá với các nước trên thế giới. Thực tiễn của công cuộc đổi mới càng khẳng định sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Ba là, thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng

Thực tiễn phong trào cách mạng từ khi Đảng bộ huyện Tư Nghĩa ra đời cho đến nay đã khẳng định nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng là phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh trước hết là xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất nhận thức các quan điểm, đường lối của Đảng thể hiện trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, đoàn kết trong nội bộ Đảng, trong ban chấp hành, ban thường vụ cấp

ủy, đoàn kết trong các cơ quan của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Nhờ thực hành đoàn kết tốt, trong 30 năm qua, Đảng bộ luôn phát huy được trí tuệ của tập thể, tình thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của từng cán bộ, đảng viên đối với các nhiệm vụ được giao. Cùng với xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, kinh nghiệm thực tiễn cũng cho thấy xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh còn là mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng đi đôi với tăng cường kỷ luật, giữ vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, là đổi mới và nâng cao chất lượng ra nghị quyết, tổ chức học tập và đề ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng, là đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân. Chính nhờ thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của của các tổ chức đảng, nên cả trong những lúc khó khăn, những lúc phong trào cách mạng trong huyện đứng trước những bước ngoặt của lịch sử, Đảng bộ Tư Nghĩa vẫn kiên định, vững vàng, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, hoang mang, dao động, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ.

Bốn là, thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, bảo đảm quốc phòng - an ninh trong mọi tình huống.

Nhận thức sâu sắc quan điểm chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng, ngay sau ngày giải phóng, Đảng bộ Tư Nghĩa đã nhanh chóng thiết lập hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở, thực hiện đồng bộ các biện pháp trấn áp bọn phản động, từng bước khôi phục sản xuất, ổn định tình hình chính trị - xã hội, giữ vững và phát huy những thành quả cách mạng mới giành được. Để giải quyết hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo hướng mọi hoạt động của chính quyền vào nhiệm

vụ cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, không ngừng củng cố quốc phòng - an ninh, phát động và tổ chức các phong trào hành động cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những kết quả nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa trong phong trào hợp tác hóa, khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong 30 năm (1975-2005) không thể có được, nếu Đảng bộ không phát huy và tăng cường vai trò quản lý của hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở.

Ngày nay, Đảng bộ và nhân dân Tư Nghĩa đang tiến hành sự nghiệp đổi mới trong bối cảnh vừa có nhiều thuận lợi vừa có không ít khó khăn, thách thức. Nhiệm vụ xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền trong sạch, vững mạnh, bảo đảm quốc phòng - an ninh càng đặt ra hết sức cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ phải thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong bộ máy chính quyền các cấp. Đồng thời, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, đảm bảo tuyệt đối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để xảy ra bị động, đột xuất, bất ngờ.

Năm là, quá trình thực hiện đường lối của Đảng phải luôn coi trọng lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân trong tiến trình phát triển của lịch sử, Đảng bộ luôn luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, coi việc chăm lo lợi ích của nhân dân, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo của nhân dân là chìa khóa của mọi

thành công. Tuy mỗi thời kỳ lịch sử, sự nghiệp cách mạng có những nhiệm vụ khác nhau, nhưng tư tưởng xuyên suốt của Đảng bộ là trong các chủ trương, kế hoạch, trong tổ chức, điều hành giải quyết các vấn đề cụ thể đều phải coi trọng lợi ích của nhân dân, ý Đảng hợp với lòng dân, khi lòng dân chưa thuận, thì Đảng bộ phải kiên trì vận động, thuyết phục để dân hiểu, dân tin, dân làm và nhất là dân được hưởng lợi trực tiếp từ những thành quả do dân làm ra.

Thể hiện rõ nhất quan điểm: Quá trình thực hiện đường lối của Đảng phải luôn coi trọng lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân là quá trình Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện các chủ trương khoán sản phẩm trong nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh

Cùng với quan tâm chăm lo đảm bảo lợi ích của nhân dân về kinh tế, quá trình tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, Đảng bộ tập trung giải quyết các lợi ích khác không kém phần quan trọng như phát triển văn hoá, tinh thần, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của quê hương Tư Nghĩa anh hùng. Trên cơ sở giải quyết hài hoà các mối quan hệ về lợi ích, phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo của nhân dân, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ngày càng được khẳng định là nhân tố quyết định sự thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương.

Tất cả những thành tựu và kinh nghiệm tích lũy được trong 30 năm (1975 - 2005) là cơ sở hết sức quan trọng, tiếp tục cổ vũ Đảng bộ và nhân dân huyện Tư Nghĩa vững bước tiến lên trên con đường đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hóa trong thế kỷ XXI./.



Các đồng chí nguyên lãnh đạo huyện và các đồng chí trong Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện 1975 - 2005



Hội thảo lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1975 - 2005.

DANH SÁCH**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA TỪ NĂM 1975 ĐẾN 2005**

**Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa
(Tháng 12-1974 đến tháng 1-1976)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Tiến	Bí thư
2	Mai Tuyền	Phó Bí thư
3	Vũ Hành	Phó Bí thư
4	Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Thiện Thực	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Tấn Vịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đỗ Văn Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Võ Văn Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Trần Kim Quy	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Lê Soát	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hồ Đức Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trịnh Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Trần Đức Hoàng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trần Đức Đệ	Ủy viên Ban Chấp hành

16	Phạm Thi	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên dự khuyết
19	Phan Kế Toàn	Ủy viên dự khuyết
20	Trần Ngọc Liên	Ủy viên dự khuyết
21	Ngô Ngọc Trung	Ủy viên dự khuyết

**Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa
(lâm thời) (tháng 1-1976 đến tháng 10-1976)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Trọng Nguyễn	Bí thư
2	Mai Lương	Phó Bí thư
3	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Bí thư
4	Mai Tuyển	Phó Bí thư
5	Lê Nam Hà	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Lê Ngẫu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Vĩ Đại	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đỗ Văn Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Lê Thú	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Phan Xuân Ba	Ủy viên Ban Thường vụ

11	Võ Văn Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Trần Kim Quy	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Phan Thanh Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hồ Đức Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lê Đình Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Văn Bường	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Nguyễn Liễu	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Trần Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Huỳnh Lùng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Mai Hải Yến	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Trần Thị Hồng Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên Ban Chấp hành

**Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa,
Khoá XI (1976 – 1979)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Trọng Nguyễn	Bí thư
2	Mai Lương*	Ủy viên Ban Thường vụ
3	Mai Tuyển*	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Mai Hải Yến	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Lê Ngẫu	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đỗ Văn Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Bường	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Võ Văn Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lê Đình Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Thị Chỉ	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Phan Thanh Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Lê Nam Hà	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Lê Trung Kỳ	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Liễu	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Ngọc Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Trần Ngọc*	Ủy viên Ban Chấp hành

18	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Trương Quang Phận	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Hồ Đức Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Lê Thú	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Trần Đình Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Võ Hữu Thọ	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trương Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Hồng Thái*	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Lê Vân	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trương Thị Thanh Phương*	Ủy viên dự khuyết
29	Trần Phúc Thanh*	Ủy viên dự khuyết

* Ngày 2-4-1977, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa bầu đồng chí Mai Lương làm Bí thư, đồng chí Mai Tuyển làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Ngọc vào Ban Thường vụ Thị Ủy, chuyển đồng chí Trương Thị Thanh Phương và đồng chí Trần Phúc Thanh ủy viên dự khuyết lên ủy viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa, khoá XI.

* Nguyễn Hồng Thái (Thanh tra)

**Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Nghĩa,
Khoá XII (1979 – 1981)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Võ Trọng Nguyễn	Bí thư
2	Lê Đoán*	Phó Bí thư
3	Nguyễn Hồng Dưỡng*	Phó Bí thư
4	Lê Văn	Phó Bí thư
3	Mai Tuyền	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Mai Hải Yến	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Hồng Thái	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đỗ Văn Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đặng Hoàng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Trần Thanh Mộc*	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Kim Quy	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Võ Văn Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trần Ngọc	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Hữu Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Ngọ	Ủy viên Ban Chấp hành

16	Phạm Văn Long	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Vũ Thiên Long	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Phan Công Chánh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Vũ Hành	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thị Minh Huệ	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Trương Quang Phận	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Trần Phúc Thanh	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Ngọc Sạn	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Thị Liên (Nhon)	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trần Ngọc Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Phạm Cao Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Phan Thanh Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trần Đình Lợi	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Liễu	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Lê Văn Khá	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Võ Thị Hương (Ba)	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Lê Trung Kỳ	Ủy viên dự khuyết
34	Bùi Quang Minh	Ủy viên dự khuyết

* Đầu năm 1980, đồng chí Võ Trọng Nguyễn nhận công tác mới ở tỉnh, đồng chí Lê Đoán được bầu làm Bí thư. Cuối năm 1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ định đồng chí Trương Thanh Hải, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Bí thư Thị uỷ, các đồng chí Lê Đoán, Nguyễn Hồng Dưỡng và Lê Văn làm Phó Bí thư Thị uỷ, chỉ định đồng chí Trần Thanh Mộc vào Ban Thường vụ Thị uỷ.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa (lâm thời) (1982)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Tấn Khế	Bí thư
2	Nguyễn Hồng Dưỡng*	Phó Bí thư
3	Nguyễn Hữu Tiến	Phó Bí thư
4	Trần Thanh Mộc	Uỷ viên Thường vụ trực Đảng
5	Trần Ngọc	Uỷ viên Ban Thường vụ
6	Vũ Hành	Uỷ viên Ban Thường vụ
7	Võ Văn Bộ	Uỷ viên Ban Thường vụ
8	Vũ Thiên Long	Uỷ viên Ban Chấp hành
9	Lê Văn Khá	Uỷ viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Thị Minh Huệ	Uỷ viên Ban Chấp hành
11	Phạm Cao Minh	Uỷ viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Liễu	Uỷ viên Ban Chấp hành
13	Trần Đình Lợi	Uỷ viên Ban Chấp hành

* Trong thời gian đầu tái lập huyện, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ định đồng chí Nguyễn Hồng Dưỡng làm Bí thư Huyện uỷ.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, Khoá XIII (1983 – 1986)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Tấn Khế	Bí thư
2	Nguyễn Hồng Dưỡng*	Phó Bí thư
3	Trần Ngọc	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Võ Văn Bộ	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Mai Đưng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Phạm Phẩm	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Thiện Thực	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Đức Tâm	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Vũ Thiên Long	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Thanh Long	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Liễu*	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Trọng Khiêm	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Lựu	Ủy viên Ban Chấp hành

17	Vũ Đức Hạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Lê Tôn Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Bùi Thanh Hoàng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Văn Đôn	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Thị Minh Huệ	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Lê Văn Diêu*	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Phan Ngọc Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trần Bá Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Trần Đình Thảo	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Trần Ngọc Báu	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Cao Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Lê Văn Khá	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Đức Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Vũ Hành	Ủy viên dự khuyết
32	Nguyễn Tấn Linh	Ủy viên dự khuyết

* Đến tháng 4-1983, đồng chí Nguyễn Tấn Khế được tỉnh điều động công tác tại đoàn chuyên gia giúp Campuchia, đồng chí Nguyễn Hồng Dưỡng được chỉ định làm Quyền Bí thư, đến ngày 29-10-1983, được bầu làm Bí thư. Ngày 27-10-1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định 3 đồng chí Lê Văn Diêu, Nguyễn Liễu và Nguyễn Đức Tâm vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, Khoá XIV (1986 – 1989)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Ngọc Trân	Bí thư
2	Vũ Thiên Long	Phó Bí thư trực Đảng
3	Nguyễn Thanh Tân	Phó Bí thư
4	Vũ Hành	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Nguyễn Thị Minh Huệ	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Văn Đôn	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Lê Văn Diêu	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Nguyễn Thiện Thực	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Tiến Phước	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Ngọc Thoảng	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lê Tôn Lai	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Đình Vạn	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Đoàn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành

18	Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Liễu	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Thành Long	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Phan Ngọc Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Trần Bá Liên	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Phạm Thị Thanh Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đinh Mẫu	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Đinh Văn Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Bùi Thị Thanh Mai	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Tấn Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trần Văn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Phạm Văn Kiên	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Văn Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Ngô Đức Thạch	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Trần Viết Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Huỳnh Văn Tráng	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Hà Thị Tình	Ủy viên dự khuyết
35	Tạ Ngọc Hoanh	Ủy viên dự khuyết
36	Nguyễn Phỉ Đàn	Ủy viên dự khuyết

37	Nguyễn Tấn Bốn	Ủy viên dự khuyết
38	Võ Xuân Hai	Ủy viên dự khuyết

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa, Khoá XV (1989 – 1990)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hoàng Ngọc Trân	Bí thư
2	Vũ Thiên Long*	Phó Bí thư
3	Nguyễn Thanh Tân*	Phó Bí thư
3	Vũ Hành*	Phó Bí thư
4	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Tiến Phước	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Lê Văn Diêu	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Vũ Bá Vương	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Nguyễn Thị Minh Huệ	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Văn Đôn	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Văn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Phỉ Đàn	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Trần Văn Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành

15	Trần Tấn	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Phan Ngọc Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Tấn Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Đinh Mẫu	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Ngọc Thoảng	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Đoàn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Võ Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Trần Đình Vạn	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Huỳnh Văn Tráng	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Đinh Văn Thịnh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Trần Viết Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Tạ Ngọc Hoanh	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Tấn Bốn	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Bùi Tá Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Đức Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Hồ Thanh Tùng	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Nguyễn Đình Thạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành

34	Hà Thị Tình	Ủy viên dự khuyết
35	Phạm Thị Hoa	Ủy viên dự khuyết

* Ngày 16-8-1989, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện họp bầu đồng chí Nguyễn Thanh Tân làm Bí thư thay đồng chí Hoàng Ngọc Trân nhận công tác ở tỉnh; bầu các đồng chí Vũ Thiên Long và Vũ Hành làm Phó Bí thư.

**Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa,
Khoá XVI (1991 – 1995)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tân	Bí thư
2	Vũ Thiên Long	Phó Bí thư trực Đảng
3	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Tiến Phước	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Đôn	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trần Đình Vạn	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đinh Mẫu	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Vũ Bá Vương	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Việt Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Huỳnh Văn Tráng	Ủy viên Ban Chấp hành

13	Bùi Tá Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Võ Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Trương Văn Nam	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Trần Một	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Trương Quang Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Trần Văn Nhân	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Đoàn Văn Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Tấn Hoàng	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Ngọc Thoảng	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Vũ Hành	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Đức Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Phạm Ngọc Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Phạm Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Nguyễn Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Phỉ Đàn	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trần Văn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Văn Chương	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Nguyễn Đình Thạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Tấn Bốn	Ủy viên Ban Chấp hành

32	Đặng Hoàn	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Đỗ Hồng Phước	Ủy viên Ban Chấp hành

**Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa,
Khoa XVII (1996 – 2000)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tân	Bí thư
2	Trần Đình Vạn*	Phó Bí thư
3	Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Đình Mẫu	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Tiến Phước	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Huỳnh Văn Tráng*	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đoàn Văn Phúc*	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trần Việt Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Long Thiên	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Trần Văn Nhân*	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Phạm Cao Trận*	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Bùi Tá Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Võ Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành

15	Trần Một	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Nguyễn Ngọc Thoảng	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Lê Thành Đoàn	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Phạm Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Nguyễn Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Nguyễn Phỉ Đàn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Trần Văn Luân	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Nguyễn Văn Chương	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Đình Thạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Tấn Bốn	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Đặng Hoàn	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Hồ Thị Phụ	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Hồ Sỹ Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Hoàng Thị Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Lê Đình Phước	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Xuân Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Võ Văn Hoạch	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Bùi Quyết	Ủy viên Ban Chấp hành

34	Nguyễn Tấn Hoàng	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Nguyễn Quốc Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành

Từ tháng 3-1996 đến 1-1997, đồng chí Huỳnh Văn Tráng được phân công làm Ủy viên Ban Thường vụ, trực Đảng.

Ngày 27-5-1996, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu bổ sung các đồng chí Đoàn Văn Phúc, Phạm Cao Trận, Trần Văn Nhân vào Ban Thường vụ; bầu đồng chí Trần Đình Vạn làm Bí thư.

**Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa,
Khoá XVIII (2000 – 2005)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Thuận	Bí thư
2	Nguyễn Tiến Phước	Phó Bí thư trực Đảng
3	Đình Mẫu*	Phó Bí thư
4	Trần Văn Nhân*	Phó Bí thư
5	Phạm Cao Trận	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Bùi Tá Luân	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Huỳnh Văn Tráng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đoàn Văn Phúc	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Trương Thị Thanh Phương	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Long Thiên	Ủy viên Ban Thường vụ

11	Trần Việt Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Võ Đức Nguyên*	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Lê Đình Khánh*	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Võ Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Đình Phước	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Hồ Sỹ Phong	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Phạm Đức Quang	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Hồ Thị Phụ	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Huỳnh Ngọc Soạn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Đức Phụng	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Hoàng Thị Quý	Ủy viên Ban Chấp hành
23	Nguyễn Tấn Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Nguyễn Đình Thạnh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Võ Văn Hoạch	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Trần Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Đỗ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Trương Khắc Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Nguyễn Xuân Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành

30	Lê Thành Đoàn	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Trần Một	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Võ Tấn Thường	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Nguyễn Văn Nhỏ*	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Nguyễn Đức Văn	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Trần Trường Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành

* Đến tháng 1-2002, đồng chí Đinh Mẫu được điều động nhận công tác ở tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Trần Văn Nhân làm Phó Bí thư.

* Tháng 11-2002, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Nhỏ vào Ban Thường vụ.

* Ngày 19-3- 2024, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu bổ sung đồng chí Võ Đức Nguyễn vào Ban Chấp hành; tháng 3-2005 bầu vào Ban Thường vụ Huyện uỷ.

* Ngày 1-1- 2024, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Lê Đình Khánh vào Ban Chấp hành; năm 2005 bầu vào Ban Thường vụ Huyện uỷ.

**Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tư Nghĩa,
Khoa XIX (2005 – 2010)**

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Thuận	Bí thư
2	Nguyễn Tiến Phước*	Phó Bí thư
3	Trần Văn Nhân	Phó Bí thư

4	Phạm Cao Trận	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Huỳnh Văn Tráng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Bùi Tá Luân	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Nguyễn Văn Nhỏ*	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Lê Đình Khánh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Võ Đức Nguyên	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Nguyễn Đức Văn	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đặng Thị Lệ Thu	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Võ Văn Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Trần Một	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Hồ Sỹ Phong*	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên Ban Chấp hành
16	Lê Đình Phước	Ủy viên Ban Chấp hành
17	Nguyễn Xuân Tâm	Ủy viên Ban Chấp hành
18	Võ Văn Hoạch	Ủy viên Ban Chấp hành
19	Trần Thanh Sơn	Ủy viên Ban Chấp hành
20	Huỳnh Ngọc Soạn	Ủy viên Ban Chấp hành
21	Nguyễn Tấn Hưng	Ủy viên Ban Chấp hành
22	Phạm Đức Quang	Ủy viên Ban Chấp hành

23	Trần Trường Vũ	Ủy viên Ban Chấp hành
24	Đỗ Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
25	Trương Khắc Minh	Ủy viên Ban Chấp hành
26	Phạm Thị Nhàn	Ủy viên Ban Chấp hành
27	Nguyễn Thị Phương Lan	Ủy viên Ban Chấp hành
28	Phạm Văn Kiên	Ủy viên Ban Chấp hành
29	Trần Tấn	Ủy viên Ban Chấp hành
30	Võ Văn Tiết	Ủy viên Ban Chấp hành
31	Nguyễn Tấn Bốn	Ủy viên Ban Chấp hành
32	Lê Trung Thành*	Ủy viên Ban Chấp hành
33	Phạm Thị Thanh Thư	Ủy viên Ban Chấp hành
34	Cao Can	Ủy viên Ban Chấp hành
35	Trần Đức Thanh*	Ủy viên Ban Chấp hành
36	Tô Văn Hùng	
37	Đặng Văn Tuyền	
38	Nguyễn Đình Thanh*	
39	Nguyễn Trúc*	
40	Phạm Viết Trí*	

Ngày 22-3-2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định chuẩn y kết quả bầu bổ sung đồng chí Phạm Cao Trận làm Phó Bí thư.

Ngày 27-5-2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định chuẩn y kết quả bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Tiến Phước làm Bí thư thay đồng chí Nguyễn Đức Thuận (nghỉ hưu), đồng chí Nguyễn Văn Nhỏ làm Phó Bí thư.

Ngày 4-11-2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định bổ sung các đồng chí Nguyễn Đình Thanh, Nguyễn Trúc, Phạm Viết Trí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Ngày 24-11-2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định bổ sung các đồng chí Trần Đức Thanh, Lê Trung Thành vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Ngày 11-8-2009, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định bổ sung đồng chí Hồ Sỹ Phong vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA 1975 -2005

(Theo Quyết định số 520- QĐ/HU, ngày 7-3-2007 và 1205 – QĐ/HU, ngày 12-9-2008 Của Ban Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa)

.....

1. Nguyễn Đức Thuận – Bí thư Huyện ủy – Trưởng Ban.
2. Nguyễn Tiến Phước – Bí thư Huyện ủy – Trưởng Ban⁵³.
3. Nguyễn Văn Nhở - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy – Phó Ban trực.
4. Phạm Cao Trận – Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện – thành viên.
5. Bùi Tá Luân – UVTV, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy – thành viên
6. Nguyễn Đức Văn - UVTV, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy – thành viên
7. Đặng Thị Lệ Thu – UVTV, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch UBMTTQVN huyện – thành viên
8. Võ Đức Nguyên – UVTV, Trưởng Công an huyện – thành viên.
9. Lê Đình Khánh – UVTV, Chỉ huy trưởng cơ quan Quân sự huyện – thành viên
10. Huỳnh Văn Tráng – UVTV, Phó Chủ tịch UBND huyện – thành viên
11. Trần Thế Sơn – HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy – thành viên
12. Trần Đức Thanh – HUV, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy – thành viên
13. Hồ Sỹ Phong – HUV, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy – thành viên

⁵³ Đồng chí Nguyễn Tiến Phước làm Trưởng Ban thay đồng chí Nguyễn Đức Thuận theo Quyết định số 1205-QĐ/HU, ngày 12-9-2008 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	3
PHẦN THỨ NHẤT ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1985)	7
CHƯƠNG I KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (4-1975-12-1975)	8
CHƯƠNG II BƯỚC ĐẦU CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TÍCH CỰC GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1981).....	28
CHƯƠNG III ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH (1982-1985)	73
PHẦN THỨ HAI ĐẢNG BỘ HUYỆN TƯ NGHĨA LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1986-2005)	111
CHƯƠNG IV TẬP TRUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ LỚN TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986-1990).....	113
CHƯƠNG V LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, KHỦNG HOẢNG, TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1991-1995).....	143
CHƯƠNG VI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)....	175
CHƯƠNG VII VƯỢT QUA THÁCH THỨC, NẮM VỮNG THỜI CƠ, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ (2001 - 2005)	206